

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
NGÀNH: SƯ PHẠM LỊCH SỬ**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Thừa Thiên Huế, tháng 8 năm 2023

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỤC LỤC	2
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	5
PHẦN I. KHÁI QUÁT	7
1. Đặt vấn đề.....	7
2. Tổng quan chung	11
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	25
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	25
Mở đầu.....	25
Tiêu chí 1.1.....	25
Tiêu chí 1.2.....	36
Tiêu chí 1.3.....	45
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	49
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	50
Mở đầu.....	50
Tiêu chí 2.1.....	51
Tiêu chí 2.2.....	56
Tiêu chí 2.3.....	59
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	62
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	63
Mở đầu.....	63
Tiêu chí 3.1.....	63
Tiêu chí 3.2.....	66
Tiêu chí 3.3.	69
Kết luận về Tiêu chuẩn 3.....	71
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	72
Mở đầu.....	72
Tiêu chí 4.1.....	73
Tiêu chí 4.2.....	76
Tiêu chí 4.3.....	79
Kết luận về Tiêu chuẩn 4.....	82

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	83
Mở đầu.....	83
Tiêu chí 5.1.....	83
Tiêu chí 5.2.....	86
Tiêu chí 5.3.....	90
Tiêu chí 5.4.....	93
Tiêu chí 5.5.....	95
Kết luận về Tiêu chuẩn 5.....	96
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	97
Mở đầu.....	97
Tiêu chí 6.1.....	97
Tiêu chí 6.2.....	100
Tiêu chí 6.3.....	104
Tiêu chí 6.4.....	106
Tiêu chí 6.5.....	108
Tiêu chí 6.6.....	110
Tiêu chí 6.7.....	112
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....	115
Mở đầu.....	115
Tiêu chí 7.1.....	115
Tiêu chí 7.2.....	117
Tiêu chí 7.3.....	119
Tiêu chí 7.4.....	121
Tiêu chí 7.5.....	123
Kết luận về Tiêu chuẩn 7.....	125
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	125
Mở đầu.....	125
Tiêu chí 8.1.....	126
Tiêu chí 8.2.....	132
Tiêu chí 8.3.....	136
Tiêu chí 8.4.....	141
Tiêu chí 8.5.....	148

Kết luận về Tiêu chuẩn 8.....	150
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	151
Mở đầu.....	151
Tiêu chí 9.1.....	152
Tiêu chí 9.2.....	155
Tiêu chí 9.3.....	158
Tiêu chí 9.4.....	160
Tiêu chí 9.5.	168
Kết luận về Tiêu chuẩn 9.....	171
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	172
Mở đầu.....	172
Tiêu chí 10.1.....	172
Tiêu chí 10.2.....	176
Tiêu chí 10.3.....	179
Tiêu chí 10.4.....	183
Tiêu chí 10.5.	187
Tiêu chí 10.6.....	193
Kết luận về Tiêu chuẩn 10.....	196
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....	197
Mở đầu.....	197
Tiêu chí 11.1.....	197
Tiêu chí 11.2.....	202
Tiêu chí 11.3.....	205
Tiêu chí 11.4.....	210
Tiêu chí 11.5.....	214
Kết luận về Tiêu chuẩn 11.....	218
PHẦN III. KẾT LUẬN	220
1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử.....	220
2. Những điểm tồn tại của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử.....	224
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử.....	227
4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử.....	229
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT	230
PHẦN IV. PHỤ LỤC	233

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ ĐẦY ĐỦ
1.	BCN	Ban Chủ nhiệm
2.	BDTX	Bồi dưỡng thường xuyên
3.	CB	Cán bộ
4.	CBQL	Cán bộ quản lý
5.	CBGV	Cán bộ giảng viên
6.	CBVC	Cán bộ viên chức
7.	CDR	Chuẩn đầu ra
8.	CTDH	Chương trình dạy học
9.	CTĐT	Chương trình đào tạo
10.	CNTT	Công nghệ thông tin
11.	CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
12.	CVHT	Cố vấn học tập
13.	CTSV	Công tác sinh viên
14.	CSVC	Cơ sở vật chất
15.	CSGD	Cơ sở giáo dục
16.	ĐHH	Đại học Huế
17.	ĐHSP	Đại học Sư phạm
18.	ĐTĐH&CTSV	Đào tạo Đại học và Công tác sinh viên
19.	ĐT-KHCN	Đào tạo - Khoa học công nghệ
20.	GV	Giảng viên
21.	GVC	Giảng viên chính
22.	GVCC	Giảng viên cao cấp
23.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
24.	GDPT	Giáo dục phổ thông
25.	GVPT	Giáo viên phổ thông
26.	HP	Học phần
27.	KH&TC	Kế hoạch và Tài chính
28.	KT&BĐCLGD	Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục

29.	KH&CN	Khoa học và công nghệ
30.	KHCN&HTQT	Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế
31.	LL&PPDHBMLS	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử
32.	MC	Minh chứng
33.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
34.	NCS	Nghiên cứu sinh
35.	NCV	Nghiên cứu viên
36.	NH	Người học
37.	NXB	Nhà xuất bản
38.	NV	Nhân viên
39.	PGS.TS	Phó giáo sư, Tiến sĩ
40.	QLGD	Quản lý giáo dục
41.	SV	Sinh viên
42.	SVTN	SV tốt nghiệp
43.	TS	Tiến sĩ
44.	TC&HC	Tổ chức và Hành chính
45.	TLGD	Tâm lý giáo dục
46.	THCS	Trung học cơ sở
47.	THPT	Trung học phổ thông

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo Tự đánh giá

Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP), Đại học Huế (ĐHH) được thành lập năm 1957. Qua chặng đường 65 năm hình thành và phát triển, Trường đã trở thành địa chỉ tin cậy của hàng chục ngàn thế hệ sinh viên (SV), một trong những trung tâm đào tạo giáo viên có uy tín trên cả nước. Trường có sứ mạng “đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ (CB) khoa học và quản lý giáo dục (QLGD) có trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ, tư vấn giáo dục, phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và hội nhập quốc tế”.

Khoa Lịch sử là đơn vị trực thuộc Trường ĐHSP, ĐHH, một trong những thành viên tham gia vào công tác đào tạo chung của Nhà trường, góp phần cụ thể hoá sứ mạng của Nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) của cả nước. Chương trình đào tạo (CTĐT) của Khoa Lịch sử hướng đến mục tiêu đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử có kiến thức sâu rộng về khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, có năng lực sư phạm, năng lực nghiên cứu đáp ứng được yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp, tham gia vào sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo hiện nay ở nước ta; đồng thời có thể tiếp tục học lên bậc cao hơn và tự học để nâng cao trình độ và năng lực làm việc.

Với yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT, cùng với xu thế toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước, hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao cho xã hội nói chung cũng như để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Khoa nói riêng thì việc đánh giá lại CTĐT một cách toàn diện theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT và hướng đến hội nhập quốc tế là vô cùng cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Khoa Lịch sử xem đây là cơ hội để đơn vị rà soát, kiểm tra, đánh giá lại một cách toàn diện, khách quan CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, cung cấp cách nhìn tổng quan trong việc so sánh với các CTĐT trong cùng lĩnh vực của các đơn vị khác trong cả nước cũng như các nước trong khu vực và quốc tế. Từ đó, giúp đơn vị có những điều chỉnh, thay đổi nhằm hướng tới ngày càng nâng cao chất lượng hoạt

động đào tạo của đơn vị, đáp ứng nhu cầu của người học (NH) cũng như xu thế phát triển của xã hội.

Cấu trúc của báo cáo Tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử bao gồm 04 phần:

- Phần I. Khái quát: mô tả tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT và các tiêu chí được đánh giá theo các tiêu chuẩn cụ thể, tổng quan chung về cơ sở giáo dục (CSGD) và đơn vị đào tạo là Khoa Lịch sử;

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là:

1. *Mô tả hiện trạng* - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng (MC) cụ thể;

2. *Nêu những điểm mạnh của CTĐT;*

3. *Những tồn tại;*

4. *Kế hoạch cải tiến chất lượng;*

5. *Tự đánh giá.*

- Phần III. Kết luận: những điểm mạnh, cần phát huy của đơn vị đào tạo được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn; tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ Phần IV. Phụ lục: bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác, danh mục MC.

Bên cạnh việc phác thảo một bức tranh tổng thể về Trường ĐHSP, ĐHH và Khoa Lịch sử trong phần Khái quát; nội dung chính của Báo cáo Tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành là phần tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của NH; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên (CBGV), nghiên cứu viên (NCV) và đội ngũ nhân viên (NV); tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 giúp có những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và

NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của cả chương trình.

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, MC đi kèm. Mã thông tin và MC (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm (.) và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**; trong đó:

H: viết tắt “Hộp MC” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 1, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 1, tiêu chí 10 viết 10)

ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ: H1.1.1.1: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.3.2.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.2. Mục đích, phạm vi, quy trình, phương pháp, công cụ đánh giá

Tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Khoa Lịch sử trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với tôn chỉ, sứ mạng của Khoa và Nhà trường. Bên cạnh đó, tự đánh giá còn là cơ sở cho công tác đánh giá ngoài của các cơ quan chức năng.

1.2.1. Mục đích tự đánh giá: Việc đánh giá CTĐT nhằm mục đích giúp Khoa Lịch sử tự xem xét, đối chiếu, đánh giá lại CTĐT dựa trên các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT đã ban hành để báo cáo về thực trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nguồn nhân lực, CSVC, hoạt động NCKH cũng như các vấn đề khác có liên quan. Từ đó, sẽ tiến hành điều chỉnh đối với các vấn đề còn tồn tại nhằm đạt được tiêu chuẩn chất lượng trong hoạt động đào tạo của đơn vị.

1.2.2. Phạm vi tự đánh giá: Đánh giá tổng thể các hoạt động của Khoa theo *Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học* của Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

1.2.3. *Quy trình tự đánh giá*: được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và MC;

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và MC thu được;

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Quá trình viết báo cáo tự đánh giá được thực hiện từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022. Phần tự đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí lại trình bày theo các nội dung chính: 1. *Mô tả hiện trạng*; 2. *Điểm mạnh*; 3. *Điểm tồn tại*; 4. *Kế hoạch hành động*; 5. *Tự đánh giá*.

Sau khi có quyết định thành lập *Hội đồng tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử*, Nhà trường đã ban hành *Kế hoạch tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử*; thành lập các nhóm chuyên trách phụ trách những tiêu chuẩn khác nhau. Cụ thể:

- Nhóm 1 do Tiến sĩ (TS) Trần Thị Hải Lê làm nhóm trưởng, phụ trách tiêu chuẩn 1 và tiêu chuẩn 10.

- Nhóm 2 do Phó Giáo sư, Tiến sĩ (PGS.TS) Bùi Thị Thảo làm nhóm trưởng, phụ trách tiêu chuẩn 2 và tiêu chuẩn 3.

- Nhóm 3 do TS Nguyễn Đức Cường làm nhóm trưởng, phụ trách tiêu chuẩn 4 và tiêu chuẩn 8.

- Nhóm 4 do PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu làm nhóm trưởng, phụ trách tiêu chuẩn 5 và tiêu chuẩn 11.

- Nhóm 5 do PGS.TS. Đặng Văn Chương làm nhóm trưởng, phụ trách tiêu chuẩn 6 và tiêu chuẩn 7.

- Nhóm 6 do PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 9.

- Nhóm 7 do PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ làm nhóm trưởng phụ trách Phần

mở đầu, kết luận, phụ lục 6a, kết nối (biên tập phần báo cáo, phần MC).

- Nhóm 8 do PGS.TS. Lê Thành Nam làm nhóm trưởng, phụ trách Phụ lục 7.

Để hướng dẫn và hỗ trợ công tác thẩm định, đánh giá CTĐT, Nhà trường đã tổ chức tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Sau khi tham gia tập huấn, Khoa Lịch sử đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, tiến hành họp CB toàn Khoa để phổ biến kế hoạch và phân công nhiệm vụ rõ ràng theo những nhóm công việc chính như: *Thu thập thông tin từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên (GV), chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập MC; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ MC...* Các CB chia thành các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ sở giao việc của nhóm trưởng. Khoa giao cho một CB phụ trách chính công tác kiểm định làm đầu mối xử lý thông tin và giúp Ban Chủ nhiệm (BCN) Khoa cập nhật báo cáo. Quá trình viết báo cáo có sự tham gia của tất cả các thành viên trong Khoa và sự hỗ trợ từ nhiều thành viên ở các Phòng, Ban chức năng của Nhà trường.

1.2.4. Phương pháp đánh giá: Dựa vào từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành (Thông tư 04/2016). Đối với mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, Khoa Lịch sử đã tiến hành xem xét theo các bước sau đây:

- Một là, mô tả để làm rõ thực trạng CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử của Khoa Lịch sử theo từng tiêu chí; chỉ ra điểm mạnh, tồn tại để từ đó đi đến những nhận định, đánh giá cuối cùng;

- Hai là, xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại, phát huy điểm mạnh, hoạch định rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp thực hiện;

- Ba là, tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí và tiêu chuẩn.

1.2.5. Công cụ đánh giá: được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016.

2. Tổng quan chung

2.1. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Trường ĐHSPT, ĐHH thành lập năm 1957, tiền thân là Chi nhánh Trường Cao đẳng Sư phạm Sài Gòn. Sau ngày thống nhất đất nước, theo Quyết định số 426/TTg

ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ, Trường ĐHSP Huế chính thức trực thuộc Bộ GD&ĐT. Từ năm 1994, theo Nghị định số 30/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ, Trường ĐHSP trở thành trường thành viên thuộc ĐHH. Tên gọi đầy đủ của Trường là “Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế”.

Trải qua chặng đường 65 năm hiện thực hóa các giá trị từ *Nhân bản - Dân tộc - Khai phóng* đến *Nhân văn - Khai phóng - Hội nhập*, Nhà trường đã có sự phát triển toàn diện với nhiều thành tựu nổi bật như phát triển đội ngũ có trình độ cao; mở rộng quy mô, loại hình và chất lượng đào tạo; hợp tác vùng và hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng, NCKH và công bố quốc tế ngày càng được đẩy mạnh; tiên phong chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý và đào tạo hướng đến xây dựng đại học thông minh; CB, GV tham gia nhiều hơn vào việc hoạch định chính sách cho Ngành Giáo dục, khu vực miền Trung - Tây Nguyên và các địa phương...

Hiện nay, Trường ĐHSP, ĐHH là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho các CSGD đại học, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho giáo viên trung học; cơ sở NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục trong công cuộc CNH, HĐH các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và cả nước. Trường đã đào tạo hàng vạn giáo viên các cấp, hàng ngàn thạc sĩ và TS. Trường được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng I, II, III; Huân chương Độc lập hạng I, II và nhiều phần thưởng cao quý khác. Trong tổng thể ấy, hệ giá trị được tạo dựng bởi bao thế hệ thầy và trò của Trường ĐHSP, ĐHH đã lan tỏa ngày càng rộng khắp trong xã hội để đưa thương hiệu của Nhà trường bay xa không chỉ trong nước mà còn vươn tầm thế giới. Với những kết quả đó, Trường ĐHSP, ĐHH đang tiến những bước vững chắc trên con đường xây dựng trở thành trường ĐHSP trọng điểm quốc gia, đóng góp quan trọng đối với sự lớn mạnh của ĐHH trên hành trình phát triển thành Đại học Quốc gia.

Sứ mệnh: Sứ mệnh của Trường là “đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, CB khoa học và QLGD có trình độ đại học, sau đại học; NCKH và chuyển giao công nghệ, tư vấn giáo dục, phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và hội nhập quốc tế”.

Tầm nhìn: Nhà trường xác định: “Đến năm 2030, Trường ĐHSP, ĐHH trở thành trường ĐHSP nghiên cứu và ứng dụng hàng đầu trong hệ thống cơ sở đào tạo GV cả nước, hoàn chỉnh ngành và bậc học, hoạt động theo tiêu chuẩn chất lượng quốc gia và quốc tế, đảm bảo cho NH có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng trong xã hội phát triển”.

Giá trị cốt lõi: Nhân văn - Khai phóng - Hội nhập, trong đó:

Nhân văn: Đào tạo những trí thức trẻ mang trong mình sự hòa quyện giữa những giá trị của nhân loại với tâm hồn và bản lĩnh của người Việt Nam.

Khai phóng: Cung cấp một tri thức rộng mở làm nền tảng công cụ cho những tư duy phản biện, lập luận phân tích và trình bày sáng tỏ; qua đó, chuẩn bị cho NH sẵn sàng đối mặt với những vấn đề đa chiều, thách thức khôn lường trong cuộc sống, tạo nên những đổi mới, đột phá trong tương lai.

Hội nhập: Trang bị cho NH những kiến thức và kỹ năng để có thể thích ứng và cùng chung sống trong một thế giới đa dạng về văn hóa và ngôn ngữ.

Mục tiêu giáo dục và trách nhiệm xã hội:

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSP, ĐHH là đào tạo đội ngũ giáo viên, CBQL giáo dục, CB khoa học và công nghệ (KH&CN) chất lượng cao, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, yêu nghề, năng động, sáng tạo; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có năng lực nghiên cứu, phát triển ứng dụng KH&CN, đặc biệt là KH&CN giáo dục, phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng môi trường sư phạm mẫu mực, chuyên nghiệp, trách nhiệm và thân thiện, hướng tới NH, lấy tiêu chuẩn chất lượng quốc gia và quốc tế làm nền tảng phát triển, đảm bảo cho NH có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng trong môi trường xã hội phát triển.

- Thực hiện phương châm kết hợp đào tạo với NCKH, lý thuyết gắn với thực hành: Tạo điều kiện cho NH thực hành, thực tập và NCKH nhằm phát triển kỹ năng nghề nghiệp, tư duy khoa học, năng lực sáng tạo, hỗ trợ NH khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt là trong giáo dục.

- Phát triển thể chất và tinh thần của NH: Tạo điều kiện cho NH rèn luyện sức khỏe, tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, sinh hoạt cộng đồng và hoạt động thiện nguyện, phát triển kỹ năng sống.

- Gắn kết với xã hội qua việc phát hiện và đề xuất giải pháp giải quyết những vấn đề về giáo dục; triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ góp phần phát triển giáo dục, đào tạo của khu vực và cả nước.

Mục tiêu chiến lược của Trường:

- Mục tiêu chung

Mục tiêu đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 là: Xây dựng Nhà trường trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu và khoa học ứng dụng, hoàn chỉnh ngành và bậc học, cơ sở đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, CB khoa học và QLGD, NCKH, chuyển giao công nghệ và tư vấn giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD&ĐT trong điều kiện hội nhập.

- Mục tiêu cụ thể:

Đổi mới quản trị đại học, tái cấu trúc và hoàn thiện hệ thống quản lý các cấp, sắp xếp lại các đơn vị trong Trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học.

Phát triển đội ngũ: Nâng cao năng lực chất lượng đội ngũ, nhất là đội ngũ GV, đáp ứng chuẩn GV ĐHSP trong điều kiện đổi mới và hội nhập; Tổ chức các chương trình bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) cho GV toàn trường đáp ứng yêu cầu chuẩn GV sư phạm mới để nâng cao năng lực cho giáo viên phổ thông (GVPT) và CBQL CSGD phổ thông. Đẩy mạnh hoạt động bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ tiếng Anh cho GV để thực hiện CTĐT GVPT các ngành học bằng tiếng Anh.

Phát triển CTĐT: Chuẩn hóa chương trình và hoạt động đào tạo đại học, sau đại học: Mở mới 10 CTĐT đáp ứng yêu cầu về giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2018; xây dựng 01 chương trình bồi dưỡng GV QLGD theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên sư phạm; xây dựng và thực hiện từ 03 đến 05 chuyên đề đào tạo, bồi dưỡng GVPT, CBQL CSGD phổ thông khu vực duyên hải miền Trung; xây dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ SV là người dân tộc thiểu số, SV gặp khó khăn trong học tập, SV nước ngoài.

Bồi dưỡng đội ngũ GVPT và CBQL CSGD phổ thông: Nâng cao chất lượng bồi dưỡng GVPT và CBQL CSGD phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT trong điều kiện hội nhập; tổ chức BDTX cho GVPT và CBQL CSGD phổ thông của 10 tỉnh khu vực duyên hải miền Trung và các địa phương khác theo nhu cầu, đáp ứng mục tiêu đổi mới của Chương trình GDPT năm 2018.

NCKH: Hình thành từ 03 đến 05 nhóm nghiên cứu chuyên sâu, trong đó có 03 nhóm nghiên cứu về lĩnh vực khoa học giáo dục; tăng số bài báo và công trình NCKH giáo dục từ 03 đến 05 sản phẩm/năm; đảm bảo có từ 30 đến 35 GV có công bố quốc gia và quốc tế; có từ 60 đến 80 bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành, kỹ yếu

hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế trong giai đoạn 2018-2022.

Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục: Rà soát và điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn phù hợp với yêu cầu đổi mới; nâng cao năng lực, đảm bảo chất lượng cho đội ngũ CBQL; bồi dưỡng nâng cao năng lực cho GV đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp giáo viên sư phạm; bổ sung GV có trình độ cao về khoa học giáo dục; đảm bảo 100% CTĐT được tự đánh giá và 03 chương trình được đánh giá ngoài và được công nhận đạt theo tiêu chuẩn kiểm định của Bộ GD&ĐT; tăng cường CSVC đáp ứng yêu cầu dạy và học...

Hợp tác quốc tế: Tăng cường hợp tác quốc tế với các cơ sở đào tạo nước ngoài về đào tạo, NCKH: Trao đổi từ 150 - 200 lượt GV và SV. Tổ chức từ 05 -10 đoàn GV đi tham quan, học tập ở các trường đại học nước ngoài. Thực hiện các ký kết về đào tạo, nghiên cứu với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

Tăng cường công tác NH và công tác khởi nghiệp: Nâng cao chất lượng công tác cố vấn học tập (CVHT), tổ chức các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên hàng năm; tổ chức hoạt động trải nghiệm và hoạt động cộng đồng cho NH; tổ chức hội nghị tham vấn việc làm, ngày hội việc làm hàng năm cho SV.

Xây dựng môi trường giáo dục đảm bảo chất lượng; nâng cao sự hài lòng của NH và người sử dụng lao động.

Chiến lược phát triển Trường ĐHSP, ĐHH giai đoạn 2018-2022:

Lĩnh vực 1: Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng

Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, được phổ biến trong cộng đồng Nhà trường, được thực hiện, giám sát một cách hiệu quả.

Hoàn thiện các chính sách, cơ chế, quy định về hệ thống quản lý; đảm bảo cơ chế giám sát và theo dõi được thực hiện để hỗ trợ thực hiện và quản lý kế hoạch chiến lược một cách có hiệu quả.

Phấn đấu đến năm 2022, Trường ĐHSP, ĐHH trở thành một trong bốn trường ĐHSP hàng đầu về đào tạo GV và NCKH sư phạm ứng dụng, đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình GDPT khu vực duyên hải miền Trung và cả nước.

Đảm bảo cơ chế đảm bảo chất lượng được thực hiện để nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục ở Việt Nam.

Lĩnh vực 2: Chương trình đào tạo

Xây dựng, thực hiện và giám sát chất lượng CTĐT và bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu các bên liên quan về Chương trình GDPT năm 2018 và các quy định của quốc gia (có tham khảo các xu hướng quốc tế trong phát triển CTĐT), sử dụng kết quả nghiên

cứu hỗ trợ phát triển CTĐT, bồi dưỡng GVPT và CBQL CSGD phổ thông. Chú trọng vào các lĩnh vực giáo dục các giá trị tích cực và lòng yêu nước, giảng dạy kỹ năng sáng tạo, kỹ năng tự học và học liên môn.

Kết quả dạy học được nâng cao thể hiện qua thành tích của SV và sự hài lòng của nhà tuyển dụng, SV tốt nghiệp thể hiện qua khảo sát. Tích cực tham gia vào các hoạt động phổ biến kiến thức về phát triển chương trình ở tầm quốc gia và quốc tế.

Lĩnh vực 3: Nghiên cứu, phát triển và đổi mới

Các chính sách nghiên cứu của Nhà trường đảm bảo làm nổi bật các lĩnh vực ưu tiên phát triển, chú trọng điều phối các hoạt động nghiên cứu trong Nhà trường (tập trung vào nghiên cứu sư phạm ứng dụng) đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu của các bên liên quan và thường xuyên được đánh giá; xác định lại chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị để đưa ra chính sách hỗ trợ và giúp kết nối các nhóm nghiên cứu để thực hiện các hoạt động nghiên cứu và đổi mới. Theo dõi, đánh giá và phổ biến các kết quả nghiên cứu trên phạm vi quốc gia. Chú trọng vào lĩnh vực giáo dục các giá trị tích cực và lòng yêu nước, nghiên cứu ứng dụng về giảng dạy kỹ năng sáng tạo, kỹ năng tự học và học liên môn cho NH tại Trường ĐHSP, ĐHH và tại các trường phổ thông.

Lĩnh vực 4: Hoạt động đối ngoại

Kế hoạch hợp tác được xây dựng, thực hiện hàng năm và được định kỳ kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả. Hợp tác chặt chẽ với các địa phương khu vực duyên hải miền Trung và cả nước trong đào tạo và bồi dưỡng, ký kết hợp tác với các Sở GD&ĐT về kế hoạch và triển khai công tác đào tạo và bồi dưỡng GVPT và CBQL CSGD phổ thông. Tăng cường hợp tác với các trường đại học trong khu vực ASEAN và các trường đại học khác ở Việt Nam về lĩnh vực đào tạo, NCKH, trao đổi SV và GV. Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đóng góp cho sự phát triển của các trường đại học. Hợp tác với các trường đại học ở Việt Nam, chia sẻ kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng GVPT và CBQL CSGD phổ thông. Đẩy mạnh công tác truyền thông của Nhà trường bằng việc xây dựng kế hoạch truyền thông hàng năm và định kỳ đánh giá.

Lĩnh vực 5: Môi trường giáo dục và các nguồn lực

Quy hoạch và cải tạo cảnh quan, môi trường phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

Nâng cấp thư viện, thư viện điện tử đáp ứng yêu cầu đào tạo trực tuyến, cải tạo hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, xây dựng trung tâm sản xuất học liệu, đảm bảo

cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng thực hiện hiệu quả.

Phát triển hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) đáp ứng yêu cầu đào tạo và bồi dưỡng trực tuyến.

Rà soát, đánh giá hiệu quả các nguồn thu từ hoạt động hợp tác quốc tế.

Bổ trí 03 phòng làm việc dành cho hoạt động nghiên cứu giáo dục các giá trị tích cực và lòng yêu nước, giảng dạy nâng cao khả năng sáng tạo, khả năng tự học và học liên môn; bổ sung các thiết bị liên quan đến hoạt động nghiên cứu này.

Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các chính sách tuyển dụng và sử dụng đội ngũ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục của Trường.

Lĩnh vực 6: Hỗ trợ dạy học

Rà soát, đánh giá lại hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho GV mới; có cơ chế để xác định GV chủ chốt tham gia phát triển và thực hiện chương trình BDTX dưới sự hỗ trợ của Ban Quản lý Chương trình ETEP.

Rà soát, đánh giá lại hiệu quả của các kế hoạch nâng cao năng lực nghề nghiệp của GV để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và BDTX. Đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực ngoại ngữ (GV tham gia giảng dạy các CTĐT bằng tiếng Anh), năng lực sư phạm và năng lực CNTT.

Thiết lập cơ chế hiệu quả để khen thưởng CB, GV dựa trên yêu cầu chuẩn nghề nghiệp của Bộ GD&ĐT.

Lĩnh vực 7: Hỗ trợ học tập

Phối hợp với ĐHH nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh cử nhân sư phạm, đảm bảo tính minh bạch thông qua thu thập phản hồi từ NH; nâng cao chất lượng của các dịch vụ tư vấn và các dịch vụ hỗ trợ khác cho NH dựa trên phản hồi và đánh giá thường xuyên; xây dựng hệ thống đánh giá kết quả học tập của NH dựa trên các CDR của môn học; khuyến khích NH tham gia các hoạt động ngoại khóa và nâng cao chất lượng các hoạt động này dựa trên các phản hồi của NH. Các học phần (HP) và dự án học tập hỗ trợ cộng đồng được xây dựng để nâng cao tinh thần yêu nước và các giá trị tích cực, tính sáng tạo và khả năng tự học của NH.

Về tổ chức: hiện tại Trường có 12 Khoa, 07 Phòng chức năng; 04 Trung tâm; 02 Viện Nghiên cứu và Trường Trung học phổ thông (THPT) Thuận Hóa.

Về nhân lực: Tính đến tháng 12/2021, Trường có 360 viên chức, người lao động, trong đó có 221 GV (với 3 giáo sư, 41 phó giáo sư, 94 TS, 79 thạc sĩ, 4 cử nhân). Ti

lệ GV có trình độ TS trên 62%, tỉ lệ GV có trình độ sau đại học trên 98%.

Về đào tạo: Các CTĐT của Nhà trường rất đa dạng với 29 CTĐT Cử nhân, 31 CTĐT Thạc sĩ khoa học, 12 CTĐT TS. Hiện nay, Trường đang liên kết đào tạo trình độ đại học hệ vừa học vừa làm các loại hình: liên thông, đào tạo bằng đại học thứ hai, vừa làm vừa học (tại chức cũ) với 15 đơn vị. Về đào tạo sau đại học, Trường đã phối hợp đào tạo Thạc sĩ với Trường Đại học An Giang, Trường Đại học Cửu Long, Trường Đại học Buôn Ma Thuật giai đoạn 2018 - 2023. Trường đang tiếp tục hoàn thành đề án phối hợp đào tạo trình độ Thạc sĩ với các địa phương khác.

Về CSVC: Trường có hệ thống giảng đường, phòng học, phòng làm việc khang trang với 3 nhà học 3 tầng, 1 nhà cao học 4 tầng, 1 nhà khách 2 tầng, 1 nhà làm việc các khoa 4 tầng, 1 nhà thực hành đa năng 4 tầng, 31 phòng thí nghiệm khoa học.

Trường có hệ thống phòng học và phòng thực hành đảm bảo thực hiện các nội dung trong CTĐT của Nhà trường.

Bảng 1. Số lượng phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ HP
1.	Hội trường	5	1.273	Bàn, ghế	4.100	Các HP môn chung
2.	Phòng học	95	8.437	Bàn, ghế	2.850	Các HP
3.	Phòng máy tính	13	823	Máy tính	520	Tin học

Về thư viện:

- Tổng diện tích thư viện: 2.706 m², trong đó diện tích phòng đọc 800 m²
- Số chỗ ngồi: 216 ; số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 94
- Phần mềm quản lý thư viện: Vebrary
- Thư viện điện tử: Thư viện có hệ thống Tài liệu điện tử bao gồm:
 - + ProQuest: Trên 160 lĩnh vực gồm các bài báo, tạp chí, luận văn, luận án, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học về công nghệ, kinh tế, xã hội, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch...
 - + Tài liệu số: 1.200.000 nhan đề sách, giáo trình, bài giảng, luận văn, luận án, đề tài... (tailieuso.vn)

+ Tài liệu nội sinh: hơn 600 nhan đề sách, giáo trình, bài giảng, luận văn, luận án, đề tài của GV, SV, học viên trường...

Ngoài tài liệu bản in, Trung tâm Thư viện và Tri thức số còn có 2 gói tài liệu điện tử gồm sách giáo trình và tham khảo, bài giảng, giáo án điện tử, luận văn, luận án.

- Mạng CNTT: Hạ tầng mạng nội bộ ở Trường ĐHSPT, ĐHH được thiết kế theo 3 mức (Core, Distribution, Access), phân thành 2 bộ phận: mạng hữu tuyến và mạng vô tuyến; đường truyền kết nối Internet đảm bảo; hệ thống các máy chủ phục vụ quản lý, đào tạo đầy đủ. Trường có hệ thống hỗ trợ, đào tạo trực tuyến gồm: hệ thống dạy học trực tuyến (SPH-E), phần mềm quản lý kho tài nguyên riêng của GV.

Hiện tại, hàng năm, Trường tạo điều kiện cho GV thực hiện việc biên soạn giáo trình. Thư viện đã bổ sung gần 1.000 tên sách giáo trình và tham khảo với hơn 3.000 bản.

Về NCKH: Với đội ngũ các nhà khoa học hùng hậu, kế thừa và phát huy, khai thác mọi thế mạnh, nguồn lực và tiềm năng, Trường ĐHSPT, ĐHH đã không ngừng trưởng thành và lớn mạnh, trở thành cơ sở NCKH và chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục.

Đối với giải thưởng NCKH, năm 2022, trường có 11 công trình của GV đạt giải Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ XII với 02 giải Nhất, 01 giải Nhì, 03 giải Ba và 05 giải Khuyến khích; 01 công trình của SV đạt giải Nhất Giải thưởng Khoa học và Công nghệ dành cho SV trong các CSGD đại học năm 2022 cấp ĐHH; 01 công trình của SV đạt giải Khuyến khích Giải thưởng SV NCKH Eureka.

Năm 2022, số bài báo quốc tế của GV Nhà trường thuộc top đầu trong các trường ĐHSPT toàn quốc với 135 bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế WOS, Scopus và tạp chí quốc tế có phản biện; SV có 01 bài báo khoa học đăng Tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục SCIE, 06 bài báo khoa học đăng Tạp chí trong nước thuộc danh mục của Hội đồng giáo sư Nhà nước.

2.2. Giới thiệu về Khoa Lịch sử

Cách đây 65 năm, Viện ĐHH được thành lập (ngày 01/3/1957). Ngày 21/8/1958, Chính quyền Việt Nam Cộng hòa ra Sắc lệnh số 426-GD cải tổ Chi nhánh Trường Cao đẳng Sư phạm Sài Gòn tại Viện ĐHH thành Trường ĐHSPT Huế.

Từ năm học 1958-1959, Trường bắt đầu tuyển sinh chuyên ngành Sử - Địa, khóa đầu tiên có 5 SV trúng tuyển. Từ đó cho đến năm 1975, SV được tuyển vào học hệ 4

năm hoặc 2 năm đều được đào tạo hai môn Lịch sử và Địa lý.

Trong những năm tháng trước ngày đất nước thống nhất (1975), ngay từ khi mới thành lập, tuy số lượng GV và SV không nhiều, nhưng việc học tập và nghiên cứu của Thầy và Trò Ban Sử - Địa đã nhanh chóng đi vào nề nếp. Trong bối cảnh sục sôi của phong trào đô thị miền Nam những năm chống Mỹ, cứu nước, song hành với việc học tập, NCKH, Thầy và Trò Ban Sử - Địa đã cùng SV các ban khác của Trường ĐHSP Huế tích cực tham gia cuộc đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình và thống nhất Tổ quốc. Nhiều thế hệ SV nối tiếp nhau, từ khóa đầu tiên (1958) đến ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng (1975) đã có mặt trong hàng ngũ những người yêu nước - cách mạng, góp phần làm nên truyền thống đấu tranh vẻ vang của Trường ĐHSP Huế, được ghi nhận trong các công trình nghiên cứu của các nhà sử học trong nước và quốc tế.

Sau ngày thống nhất đất nước, tuy đời sống còn nhiều khó khăn, tài liệu dạy học, nghiên cứu thiếu thốn, song Thầy và Trò Ban Sử - Địa đã tích cực học tập, nghiên cứu và tham gia các hoạt động xã hội, góp phần ổn định trường, lớp. Một số SV tốt nghiệp xuất sắc được giữ lại CB giảng dạy ở Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Huế.

Sau gần 20 năm phát triển, năm 1977, để phù hợp với CTĐT trong cả nước, lãnh đạo Trường ĐHSP Huế tách Ban Sử - Địa để thành lập hai Khoa: Khoa Lịch sử và Khoa Địa lý.

Năm học 1977-1978 bắt đầu tuyển sinh chuyên ngành Lịch sử khóa đầu tiên với sứ mạng đào tạo giáo viên có trình độ cử nhân giáo dục lịch sử cho các trường THPT. Đến nay, Khoa Lịch sử đã có được một đội ngũ CBGV có trình độ chuyên môn cao với 07 PGS.TS, 05 TS, 01 nghiên cứu sinh (NCS), đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và nghiên cứu theo hướng chất lượng cao. Nhiều GV của Khoa đã trở thành các nhà khoa học có uy tín trong nước và quốc tế. Nhiều CB của Khoa đã nỗ lực phấn đấu, được Trường ĐHSP và ĐHH tín nhiệm, giữ các chức vụ quan trọng trong tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể. Nhiều Thầy giáo, Cô giáo không có điều kiện trực tiếp công tác tại Khoa, vẫn luôn chuyên tâm về học thuật, luôn dành cho Khoa Lịch sử những tình cảm nồng ấm, góp phần thúc đẩy Khoa Lịch sử không ngừng phát triển.

Với sự nỗ lực không ngừng của các thế hệ GV và SV, chỉ tính từ năm 1977 đến nay, Khoa đã đào tạo trên 4.500 cử nhân Sư phạm Lịch sử hệ chính quy cho các Sở GD&ĐT ở miền Trung, Tây Nguyên và cả nước. Nhiều SV, học viên của Khoa

trên bước đường phấn đấu của sự nghiệp trồng người đã được công nhận là giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua các cấp, nhà giáo ưu tú. Nhiều cựu SV nhận được học vị Thạc sĩ, TS, chức danh Phó giáo sư, được xã hội tín nhiệm cử giữ những chức vụ quan trọng trên các lĩnh vực chính trị - xã hội, giáo dục - văn hóa.

Từ năm 1996, Khoa Lịch sử có bước phát triển mới, là một trong ít khoa đầu tiên của Trường mở mã ngành đào tạo Sau Đại học. Đến năm 2003, Khoa đã có 03 chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử (LL&PPDHBMLS), Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam và đã đào tạo được gần 500 thạc sĩ. Từ năm 2006, Khoa mở mã ngành đào tạo TS chuyên ngành Lịch sử Việt Nam. Đến nay, Khoa có 26 NCS theo học, trong đó có 20 NCS đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Đây là dấu ấn thành công nhất trong công tác đào tạo của Khoa những năm gần đây.

Song song với hoạt động đào tạo, hoạt động NCKH của GV và SV Khoa Lịch sử luôn được đẩy mạnh và đạt những kết quả đáng trân trọng. Từ những năm 1979-1980, nhiều hội nghị khoa học đã được tổ chức. Nhờ sự phấn đấu không ngừng, đến nay GV của Khoa đã có trên 390 sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình được xuất bản, trên 50 công trình lịch sử địa phương được hoàn thành, hơn 170 đề tài các cấp, trong đó có 02 đề tài cấp Nhà nước, 45 đề tài cấp Bộ đã được nghiệm thu; đã có trên 1.300 bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí khoa học ở trung ương và địa phương, trên các thông báo khoa học, trong đó có trên 10 bài báo khoa học công bố trên những tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục Scopus. Một số luận TS được xuất bản thành sách. Nhiều GV đã tham gia các hội thảo quốc tế tại Hoa Kỳ, Nga, Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc, Philippines, Indonesia,... được xã hội ghi nhận là những chuyên gia nghiên cứu trên các lĩnh vực của khoa học Lịch sử và giáo dục Lịch sử.

Về quan hệ đối ngoại, Khoa Lịch sử đã có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học và cơ quan nghiên cứu từ trung ương đến địa phương như Khoa Lịch sử của Trường ĐHSP Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Quy Nhơn, Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Khoa học Huế, Trường Đại học Ngoại ngữ Huế, Bảo tàng Hồ Chí Minh tại Thừa Thiên Huế, Bảo tàng Lịch sử và Cách mạng tỉnh Thừa Thiên Huế; các tạp chí: Nghiên cứu Lịch sử, Lịch sử Quân sự, Nghiên

cứu Đông Nam Á, Nghiên cứu Đông Bắc Á, Nghiên cứu châu Âu, Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, Châu Mỹ ngày nay, Nghiên cứu Tôn giáo,...

Bên cạnh công tác dạy và học, GV và SV Khoa Lịch sử luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, văn nghệ, thể thao, các cuộc thi tìm hiểu để nâng cao nhận thức về lịch sử và đời sống chính trị, xã hội, năng lực sư phạm và nhiều lần đạt giải nhất về thi đấu bóng đá, bóng chuyền do Nhà trường tổ chức.

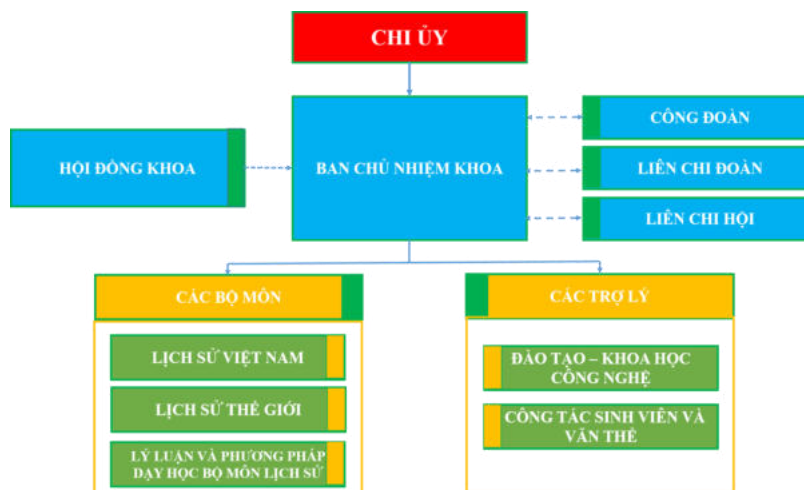
Trong những năm qua, công tác phát triển Đảng là nhiệm vụ được Chi bộ Khoa Lịch sử đặc biệt quan tâm. Nhiều GV và SV được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ Đảng, Công đoàn bộ phận và Liên Chi đoàn của Khoa nhiều năm liền được công nhận là những tổ chức vững mạnh.

Trong chặng đường 65 năm hình thành và phát triển, GV và SV Khoa Lịch sử đã đạt được những thành tựu đáng trân trọng, vinh dự được Bộ GD&ĐT tặng Cờ Thi đua năm 2020, 07 bằng khen vào các năm 2001, 2002, 2005, 2006, 2008, 2014 và 2021. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam tặng bằng khen vào năm 2005 và 2017. Nhiều GV trong Khoa đã được tặng Huy chương “*Vì sự nghiệp giáo dục*”, Huân chương Lao động hạng Ba, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học - Công nghệ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Công đoàn Giáo dục Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên và Thừa Thiên Huế với 3 huân chương, 52 bằng khen các cấp. Nhiều GV được công nhận là Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đại biểu Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Thừa Thiên Huế, 01 CB được tặng “*Huy chương vì sự nghiệp phát triển phụ nữ Việt Nam*”, 01 giảng viên được tặng huy chương “*Vì thế hệ trẻ*”, 04 GV được tặng Huy chương Lao động sáng tạo khoa học công nghệ của Bộ Khoa học - Công nghệ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, 02 giảng viên được tặng huy huy hiệu “*Tuổi trẻ sáng tạo*”. Đặc biệt, Khoa có 04 GV vinh dự được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú. Nhiều GV nỗ lực phấn đấu, đạt được nhiều giải thưởng về khoa học công nghệ.

Khoa Lịch sử đã trải qua chặng đường 65 năm xây dựng và trưởng thành gắn liền với tiến trình phát triển của đất nước. Đây cũng chính là hành trình kết nối các thế hệ vì sự phồn vinh của quê hương, đất nước, vì sự phát triển của nền Sử học Việt Nam và vì sự nghiệp giáo dục lịch sử cho thế hệ trẻ. Những thành quả của GV và SV Khoa

Lịch sử trong 65 năm qua là nền tảng để các thế hệ sau này tiếp tục vững bước trên con đường mà các thế hệ Thầy và Trò Khoa Lịch sử đã lựa chọn nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội, tiếp tục tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP, ĐHH.

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức của Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP, ĐHH



Bảng 2. Danh sách CB lãnh đạo chủ chốt của Khoa Lịch sử có thực hiện CTĐT

Cơ cấu tổ chức, chức vụ	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh
CHI ỦY			
Bí thư	Nguyễn Tất Thắng	1977	PGS.TS, GVCC
Phó Bí thư	Trần Thị Hải Lê	1984	TS, GVC
Chi ủy viên	Bùi Thị Thảo	1979	PGS.TS, GVCC
BAN CHỦ NHIỆM KHOA			
Trưởng Khoa	Nguyễn Thành Nhân	1970	PGS.TS, GVCC
CÔNG ĐOÀN			
Chủ tịch Công đoàn bộ phận	Hoàng Chí Hiếu	1979	PGS.TS, GVCC
Ủy viên	Trần Thị Hải Lê	1984	TS, GVC
	Trần Thị Quế Châu	1981	TS, GVC
BỘ MÔN TRỰC THUỘC			
Trưởng Bộ môn Lịch sử Việt Nam	Nguyễn Tất Thắng	1977	PGS.TS, GVCC
Trưởng Bộ môn Lịch sử Thế giới	Bùi Thị Thảo	1979	PGS.TS, GVCC
Trưởng Bộ môn LL&PPDHBMLS	Nguyễn Đức Cương	1968	TS, GVC

Bảng 3. Thông tin cơ bản về CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử

- Tên CTĐT:	Chương trình giáo dục Đại học ngành Sư phạm Lịch sử
- Chức danh tốt nghiệp:	Cử nhân
- Hình thức đào tạo:	Chính quy
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:	132 tín chỉ
- Thời gian đào tạo trung bình:	4 năm (8 học kỳ)
- Lần được kiểm định gần nhất:	Chưa
- Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
- Tên Khoa quản lý:	Khoa Lịch sử
- Tên trường:	Trường ĐHSP, ĐHH

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Khoa Lịch sử, tiền thân là Ban Sử - Địa thuộc Trường ĐHSP Huế được thành lập năm 1957. Trải qua 65 năm đào tạo, CTĐT của Khoa đã được xây dựng, phát triển và ngày càng cập nhật, hoàn thiện hơn. CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử (Hệ chính quy) được xây dựng vào các năm 2015, 2018, 2021; được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và phát triển hàng năm, đặc biệt là vào các đợt rà soát định kỳ năm 2019, 2020. Quá trình xây dựng CTĐT được Khoa Lịch sử thực hiện trên cơ sở các văn bản pháp lý do Bộ GD&ĐT ban hành, quy định và hướng dẫn của ĐHH, Trường ĐHSP, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường ĐHSP và Khoa Lịch sử. Chương trình đã thể hiện được các CĐR dành cho SV tốt nghiệp (SVTN) và bao trùm được các CĐR liên quan đến phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chung, năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp của chuyên ngành. Các mục tiêu và CĐR phản ánh rõ ràng sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSP, ĐHH.

CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của NH và xã hội, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm là: Sau khi tốt nghiệp, SV có thể: làm giáo viên dạy môn Lịch sử, Lịch sử - Địa lý tại các trường THPT, trung học cơ sở (THCS); nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, LL&PPDHBMLS tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; làm chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội hoặc khoa học giáo dục; làm việc tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức có liên quan đến lịch sử, văn hóa thông tin, xã hội, giáo dục, chính trị, quân sự, du lịch.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Viện ĐHH được thành lập vào ngày 01/3/1957. Trong năm học 1957-1958, Chi nhánh Trường Cao đẳng Sư phạm Sài Gòn được đặt tại Viện ĐHH. Ngày 21/8/1958, Chính quyền Việt Nam Cộng hòa ra Sắc lệnh số 426-GD cải tổ Chi nhánh Trường Cao đẳng Sư phạm Sài Gòn tại Viện ĐHH thành Trường ĐHSP Huế. Từ năm học 1958 -

1959, Trường bắt đầu tuyển sinh ngành Sử - Địa, khóa đầu tiên có 5 SV trúng tuyển. Năm 1977, lãnh đạo Trường ĐHSPT Huế tách Ban Sử - Địa để thành lập hai Khoa: Khoa Lịch sử và Khoa Địa lý. Ngày 17/3/1997, Giám đốc ĐHH ra Quyết định số 22/QĐ-ĐHH về việc Ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, tổ chức và quản lý của Trường ĐHSPT, trong đó có Khoa đào tạo giáo viên Lịch sử. Đến nay, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSPT trực thuộc ĐHH đã trở thành một cơ sở đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử đạt chất lượng cao của cả nước [H1.1.1.1].

CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử được xây dựng, ban hành mới qua các năm 2015, 2018, 2021 [H1.1.1.2] [H1.1.1.3] [H1.1.1.4]. Trong quá trình thực hiện, chương trình được điều chỉnh hàng năm theo quy định nhằm đáp ứng các yêu cầu pháp lý và yêu cầu thực tiễn đào tạo giáo viên môn Lịch sử [H1.1.1.5] [H1.1.1.6] [H1.1.1.7] [H1.1.1.8] [H1.1.1.9] [H1.1.1.10].

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của các văn bản pháp lý quy định về xây dựng CTĐT, chặt chẽ về quy trình, đảm bảo mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của trình độ đại học, phản ánh được kỳ vọng của cơ sở đào tạo về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của NH sau khi tốt nghiệp [H1.1.1.5] [H1.1.1.6]. Mục tiêu chung của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 quy định: *“Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử có phẩm chất chính trị, nhân cách và sức khỏe tốt, có kiến thức và năng lực chuyên môn vững chắc về khoa học lịch sử theo hướng tích hợp liên ngành, liên thông lên trình độ cao hơn; có khả năng dạy học và hoạt động giáo dục ở THPT, cao đẳng và đại học; có khả năng NCKH lịch sử và khoa học giáo dục, cũng như ứng dụng các thành tựu nghiên cứu vào thực tế nghề nghiệp và đời sống xã hội, đáp ứng được yêu cầu đổi mới GDPT; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ và tin học đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế.”* [H1.1.1.11].

Mục tiêu cụ thể của CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 được thể hiện trên ba phương diện: yêu cầu về kiến thức, yêu cầu về kỹ năng, yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi CTĐT GV theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực NH, cụ thể như sau:

*** Yêu cầu về kiến thức:**

01. Trang bị cho SV những kiến thức chung về lý luận chính trị, tâm lý, giáo dục học, ngoại ngữ, CNTT và truyền thông.

O2. Trang bị cho SV hệ thống kiến thức cơ bản, nâng cao, toàn diện về lịch sử dân tộc, lịch sử khu vực và lịch sử thế giới; nhận thức có tính hệ thống về sự kết nối giữa lịch sử dân tộc, khu vực và lịch sử thế giới.

*** Yêu cầu về kỹ năng:**

O3. *Rèn luyện kỹ năng của chuyên môn:* Kỹ năng của môn Lịch sử như nhận diện và phân tích tư liệu lịch sử; tái hiện và trình bày lịch sử; các kỹ năng tư duy (phân tích, giải thích, so sánh, đánh giá...), kỹ năng vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn trên cơ sở kết nối quá khứ với hiện tại.

Rèn luyện kỹ năng sư phạm

O4. Kỹ năng dạy học: kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học, phát triển chương trình và tài liệu sách giáo khoa; kỹ năng vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn Lịch sử; kỹ năng dạy học tích hợp, phối hợp, dạy học phân hóa môn Lịch sử THPT...

O5. Kỹ năng giáo dục: kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục qua dạy học môn học Lịch sử; kỹ năng xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh ngoài giờ lên lớp; xử lý các tình huống giáo dục; tư vấn, tham vấn giáo dục; năng lực hỗ trợ học sinh tự đánh giá; kỹ năng xây dựng các mối quan hệ trong nhà trường và xã hội; xây dựng, thực hiện môi trường giáo dục dân chủ...

O6. Hình thành cho SV kỹ năng kiểm tra đánh giá môn Lịch sử, các hoạt động giáo dục...

O7. *Phát triển kỹ năng định hướng phát triển cá nhân*

- Kỹ năng tự lực, tự học, hợp tác, giao tiếp; năng lực thích ứng với môi trường.
- Kỹ năng NCKH để có thể nâng cao trình độ học vấn lên bậc Thạc sĩ hoặc cao hơn.
- Kỹ năng công tác xã hội, phát triển cộng đồng nghề.
- Năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội.
- Năng lực CNTT và truyền thông.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Khả năng tự làm việc với sách tham khảo bằng ngôn ngữ bản địa và phân nào bằng ngoại ngữ.

*** Yêu cầu về thái độ:**

O8. Giúp SV nhận thức quy luật khách quan về quá trình phát triển của lịch sử dân tộc cũng như lịch sử thế giới, nâng cao ý thức tự hào dân tộc, lòng yêu nước, tôn

trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới, xây dựng nền tảng cơ bản để trở thành một công dân tốt, có cách ứng xử tốt đối với các vấn đề của toàn cầu.

O9. Khởi dậy ở SV ước muốn khám phá thế giới xung quanh, giúp SV hiểu được tầm quan trọng của kiến thức, kỹ năng và năng lực lịch sử. Từ đó bồi dưỡng cho SV lòng yêu quê hương, đất nước, biết giữ gìn nguồn tài nguyên thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường phục vụ cho phát triển bền vững.

O10. Sống tự chủ, trách nhiệm, nhân ái; làm việc theo hiến pháp, pháp luật [H1.1.1.11].

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 phù hợp với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của giáo dục đại học được quy định tại Điều 5, Luật Giáo dục Đại học năm 2012, cụ thể là:

Mục tiêu chung của giáo dục đại học là:

“a) Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;

b) Đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng KH&CN tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

Mục tiêu cụ thể của giáo dục đại học là:

“Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo” [H1.1.1.12].

Bảng 1.1. Mối tương quan giữa mục tiêu chung của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử phiên bản năm 2021 với mục tiêu giáo dục đại học tại Điều 5, Luật Giáo dục đại học năm 2012

	Mục tiêu chung của giáo dục đại học	Mục tiêu cụ thể giáo dục đại học			
	Đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có	Có kiến thức chuyên môn toàn	Có kỹ năng thực hành cơ bản	Có khả năng làm việc	

<p>Mục tiêu chung của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử, Trường ĐHSP, ĐHH</p>	<p>kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng KH&CN tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân</p>	<p>điện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội</p>		<p>độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo</p>
<p>Có phẩm chất chính trị, nhân cách và sức khỏe tốt;</p>	<p>x</p>			
<p>Có kiến thức và năng lực chuyên môn vững chắc về khoa học lịch sử theo hướng tích hợp liên ngành, liên thông lên trình độ cao hơn;</p>	<p>x</p>	<p>x</p>		
<p>Có khả năng dạy học và hoạt động giáo dục ở THPT, cao đẳng và đại học; có khả năng NCKH lịch sử và khoa học giáo dục, cũng như ứng dụng các thành tựu nghiên cứu vào thực tế nghề nghiệp và</p>	<p>x</p>	<p>x</p>	<p>x</p>	<p>x</p>

đòi sống xã hội, đáp ứng được yêu cầu đổi mới GDPT				
Tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ và tin học đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế.			X	X

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử được xác định phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSP, ĐHH, nằm trong Định hướng chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2018-2022, tầm nhìn đến năm 2030. Các tuyên bố về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu giáo dục và trách nhiệm xã hội của Trường được thể hiện trong Quyết định số 3413/QĐ-ĐHSP ngày 31/12/2019, trong đó Sứ mạng của Trường ĐHSP là: *“Trường ĐHSP, ĐHH có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, CB khoa học và QLGD có trình độ đại học, sau đại học theo chuẩn quốc gia và quốc tế; NCKH và chuyển giao công nghệ, tư vấn giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục khu vực duyên hải miền Trung và cả nước; phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế”*. Tầm nhìn của Nhà trường đến năm 2030 được xác định như sau: *“Đến năm 2030, Trường ĐHSP, ĐHH trở thành một trong ba trường sư phạm trọng điểm quốc gia, tiên phong trong đào tạo giáo viên, NCKH sư phạm ứng dụng và chuyển giao sản phẩm nghiên cứu đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục ở khu vực duyên hải miền Trung và cả nước; hoàn chỉnh ngành học và bậc học; hoạt động theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia và quốc tế; đảm bảo cho NH có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng trong xã hội phát triển”* [H1.1.1.13].

Mục tiêu CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được điều chỉnh, đổi mới qua hai lần xây dựng chương trình ở các năm 2018 và 2021; đồng thời tiến hành rà soát theo định kỳ hàng năm [H1.1.1.14] [H1.1.1.15] [H1.1.1.16] nhằm đáp ứng yêu cầu về Chương trình GDPT năm 2018, cũng như đòi hỏi chung của thị trường lao động trong bối cảnh toàn cầu hoá và Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ. Quy trình rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo cử nhân của ngành Sư phạm Lịch sử được Nhà trường và Khoa thực hiện theo đúng quy định trong các văn bản pháp lý hiện hành như: Thông tư 07/2015TT-BGDĐT ban hành ngày 16/4/2015 [H1.1.1.5], Thông

tư 17/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 22/6/2021 [H1.1.1.7], Chương trình môn Lịch sử GDPT 2018 [H1.1.1.8][H1.1.1.9] văn bản hướng dẫn của ĐHH và Trường ĐHSP [H1.1.1.17] [H1.1.1.18] [H1.1.1.19] [H1.1.1.20]. Công tác đánh giá, cập nhật, điều chỉnh mục tiêu CTĐT vào các năm 2018, 2021 được thực hiện trên cơ sở khảo sát nhu cầu thị trường lao động, khảo sát các bên liên quan và đối sánh, tham khảo các CTĐT của các cơ sở đào tạo có uy tín [H1.1.1.21] [H1.1.1.22]. Sau khi tiểu ban rà soát và cập nhật mục tiêu và CDR hoàn thành việc đánh giá và đưa ra dự thảo, Khoa và các phòng chức năng đã tiến hành lấy ý kiến đóng góp của SV, GV, cựu SV, GVPT, nhà tuyển dụng và chuyên gia [H1.1.1.23] [H1.1.1.24]. Mục tiêu của CTĐT ngành Lịch sử năm 2021 là kết quả của việc tiếp thu ý kiến đóng góp từ các bên liên quan, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động. Việc thực hiện lấy ý kiến được thực hiện đa dạng như: điều tra khảo sát online đối với SVTN, cựu NH, GVPT hoặc tổ chức hội thảo, tổ chức các buổi trao đổi, thông qua các hội nghị triển khai và tổng kết kiến tập, thực tập sư phạm...

**Bảng 1.2. So sánh mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể CTĐT
ngành Sư phạm Lịch sử phiên bản 2015, phiên bản 2018
và phiên bản 2021 [H1.1.1.25] [H1.1.1.26] [H1.1.1.11]**

MỤC TIÊU CHUNG CỦA CTĐT NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ		
PHIÊN BẢN NĂM 2015	PHIÊN BẢN NĂM 2018	PHIÊN BẢN NĂM 2021
Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục, có khả năng dạy học và hoạt động giáo dục ở THPT, cao đẳng và đại học; có khả năng NCKH lịch sử và khoa học giáo dục cũng như ứng dụng các thành tựu nghiên cứu vào thực tế nghề nghiệp và đời sống xã hội, đáp ứng được yêu cầu đổi mới GDPT.	Đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử có kiến thức sâu rộng về khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, có năng lực sư phạm, năng lực nghiên cứu đáp ứng được yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp, tham gia vào sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo hiện nay ở nước ta; đồng thời có thể tiếp tục học lên bậc cao hơn và tự học để nâng cao trình độ và năng lực làm việc.	Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử có phẩm chất chính trị, nhân cách và sức khỏe tốt, có kiến thức và năng lực chuyên môn vững chắc về khoa học lịch sử theo hướng tích hợp liên ngành, liên thông lên trình độ cao hơn; có khả năng dạy học và hoạt động giáo dục ở THPT, cao đẳng và đại học; có khả năng NCKH lịch sử và khoa học giáo dục, cũng như ứng dụng các thành tựu nghiên cứu vào thực tế nghề nghiệp và đời sống xã hội, đáp ứng được yêu cầu đổi mới GDPT; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ và tin học đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế.
<p>Đánh giá, so sánh:</p> <p>- Mục tiêu chung của CTĐT phiên bản năm 2015 được diễn đạt rõ ràng, thể hiện tường minh những mục tiêu chung về phẩm chất, kiến thức, khả năng ứng dụng của</p>		

CTĐT trong nghề nghiệp và đời sống xã hội.

- Mục tiêu chung của CTĐT phiên bản năm 2018 được trình bày ngắn gọn hơn mục tiêu chung của CTĐT phiên bản năm 2015. Tuy nhiên, mục tiêu chung của CTĐT phiên bản năm 2018 chú trọng mục tiêu kiến thức chuyên môn hơn, nhấn mạnh chuẩn nghề nghiệp và năng lực tự đào tạo để đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục.

- Mục tiêu chung của CTĐT phiên bản năm 2021 hướng đến mô hình đào tạo tích hợp liên ngành và liên thông lên trình độ cao hơn. Ngoài kiến thức chuyên môn và phẩm chất sư phạm cần đạt, mục tiêu chung của CTĐT phiên bản năm 2021 chú trọng năng lực ngoại ngữ và tin học để đáp ứng với yêu cầu nghề nghiệp của công dân thời kỳ hội nhập quốc tế. So với mục tiêu chung của CTĐT phiên bản năm 2015 và 2018, mục tiêu chung của CTĐT phiên bản năm 2021 đã phản ánh đầy đủ, cập nhật hơn những mục tiêu ngành, nghề để đáp ứng ngày càng tốt hơn Chương trình GDPT năm 2018.

MỤC TIÊU CỤ THỂ CTĐT NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ

PHIÊN BẢN NĂM 2015	PHIÊN BẢN NĂM 2018	PHIÊN BẢN NĂM 2021
Gồm có 12 tiêu chí cụ thể:	Gồm có 14 tiêu chí cụ thể:	Gồm có 10 tiêu chí cụ thể:
<i>a. Yêu cầu về kiến thức:</i> 04 tiêu chí	<i>a. Yêu cầu về kiến thức:</i> 03 tiêu chí	<i>a. Yêu cầu về kiến thức:</i> 02 tiêu chí
<i>b. Yêu cầu về kỹ năng:</i> 04 tiêu chí	<i>b. Yêu cầu về kỹ năng:</i> 08 tiêu chí	<i>b. Yêu cầu về kỹ năng:</i> 05 tiêu chí
<i>c. Yêu cầu về phẩm chất đạo đức:</i> 04 tiêu chí	<i>c. Yêu cầu về phẩm chất đạo đức:</i> 03 tiêu chí	<i>c. Yêu cầu về phẩm chất đạo đức:</i> 03 tiêu chí
	- Kỹ năng cứng: 04 tiêu chí	
	- Kỹ năng mềm: 04 tiêu chí	

Đánh giá, so sánh:

- Mục tiêu cụ thể của CTĐT năm 2015 chưa được mã hoá và chưa được mô tả theo thang đo Bloom 6 bậc.

- Mục tiêu cụ thể của CTĐT phiên bản năm 2018 đã được mã hoá bằng các chữ cái MT và số thứ tự của mục tiêu (ví dụ MT1, MT2...), đồng thời được diễn đạt theo

thang đo Bloom 6 bậc.

- Mục tiêu cụ thể của CTĐT phiên bản năm 2021 được mã hoá bằng chữ cái O và số thứ tự của mục tiêu (ví dụ O1, O2...), đồng thời được diễn đạt theo thang đo Bloom 6 bậc.
- Ngoài ra, số lượng các tiêu chí cụ thể có sự thay đổi qua CTĐT các phiên bản: Năm 2015 có 12 tiêu chí, năm 2018 là 14 tiêu chí, năm 2021 có 10 tiêu chí. Theo đó, số lượng các tiêu chí trong mục tiêu cụ thể của CTĐT phiên bản năm 2021 ít hơn của phiên bản CTĐT năm 2018 là 04 tiêu chí do: Mục tiêu “Yêu cầu về kỹ năng” trong CTĐT năm 2021 được nhóm thành 3 nhóm tiêu chí (*Rèn luyện kỹ năng của chuyên môn; Rèn luyện kỹ năng sư phạm; Phát triển kỹ năng định hướng phát triển cá nhân*) chứ không liệt kê riêng rẽ trong hai nhóm “Kỹ năng cứng” và “Kỹ năng mềm” như ở CTĐT phiên bản 2018.
- Tuy số lượng tiêu chí trong mục tiêu cụ thể của CTĐT các phiên bản năm 2015, 2018 và 2021 có khác nhau, nhưng đều thể hiện những yêu cầu cần hướng đến trong mục tiêu chung của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử trên các phương diện: yêu cầu về kiến thức, yêu cầu về kỹ năng và yêu cầu về phẩm chất đạo đức. Mục tiêu cụ thể của các CTĐT được ban hành sau như CTĐT 2018, nhất là của CTĐT 2021 ngày càng được cập nhật hơn, đáp ứng tốt hơn với mục tiêu đào tạo giáo viên đảm nhận Chương trình GDPT môn Lịch sử 2018, đáp ứng chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2018-2022 tầm nhìn đến năm 2030 cũng như yêu cầu thực tế của xã hội.

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành sư phạm Lịch sử đã được cụ thể hóa thành CTDH, kế hoạch đào tạo, được cập nhật và phát triển hàng năm theo hướng ngày càng hiện đại hóa, quốc tế hóa nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và tình hình thực tiễn đào tạo GV môn Lịch sử [H1.1.1.27] [H1.1.1.28] [H1.1.1.29] [H1.1.1.17] [H1.1.1.30] [H1.1.1.31] [H1.1.1.24] [H1.1.1.32] [H1.1.1.7] [H1.1.1.16] [H1.1.1.33] [H1.1.1.34] [H1.1.1.35] [H1.1.1.36] [H1.1.1.37] [H1.1.1.38].

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử đã được công bố công khai, rộng rãi và được cập nhật trên các website của ĐHH; Trường ĐHSP, Khoa Lịch sử; các kênh thông tin khác như fanpage của Trường ĐHSP, Khoa Lịch sử; các trang thông tin liên quan đến tuyển sinh của Trường và của các đơn vị liên kết với Nhà trường [H1.1.1.39] [H1.1.1.40] [H1.1.1.41] [H1.1.1.42]. Mục tiêu của CTĐT cũng đồng thời được in trong Sổ tay SV, thể hiện trong các video, tờ rơi, pano về quảng bá, tư vấn tuyển sinh, giới thiệu về ngành Sư phạm Lịch sử [H1.1.1.43] [H1.1.1.44] [H1.1.1.45] [H1.1.1.46]

[H1.1.1.47]. Bằng phương thức đó, NH, thí sinh đã nắm bắt kịp thời các mục tiêu của ngành học, làm cơ sở cho việc chọn ngành học, xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân. Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử cũng được phổ biến rộng rãi trong các hoạt động quan trọng của Khoa như Hội nghị CB, viên chức Khoa Lịch sử hàng năm, các cuộc họp của Hội đồng Khoa.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử đã được xác định rõ ràng về hướng đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội về đội ngũ giáo viên, đáp ứng sự đổi mới dạy học môn Lịch sử theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực, nhằm thực hiện thành công công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam.

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học được đề cập trong Luật Giáo dục đại học 2012; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường ĐHSP, ĐHH, được thể hiện rõ trong CĐR, kế hoạch đào tạo của chương trình và mục tiêu, CĐR của từng HP.

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được rà soát theo định kỳ, cập nhật và bổ sung hàng năm, ngày càng hoàn thiện và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của thị trường lao động.

Quy trình đánh giá, cập nhật mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được thực hiện theo đúng yêu cầu, quy trình và quy định trong các văn bản pháp lý hiện hành, trên cơ sở ý kiến đóng góp của các chuyên gia, SV, cựu SV, GVPT, GV, nhà sử dụng lao động...

3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật mục tiêu CTĐT lên các phương tiện truyền thông còn chưa thực sự kịp thời.

Trong quá trình xây dựng, cập nhật mục tiêu CTĐT, việc khảo sát các bên liên quan chưa tiến hành trên quy mô rộng lớn, mới dừng lại ở việc điều tra, xin ý kiến góp ý ở một số địa phương gần với địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đẩy mạnh việc cập nhật mục tiêu CTĐT lên các phương tiện truyền thông đại chúng và các website của Trường, Khoa. - Tiếp tục thực hiện việc điều tra rộng rãi hơn các bên liên quan để điều chỉnh mục tiêu CTĐT, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động, đặc biệt khi Chương trình GDPT năm 2018 được triển khai đầy đủ ở các cấp học. 	Phòng Đào tạo Đại học và công tác sinh viên (ĐTĐH&CTSV). Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục (KT&BDCLGD). Khoa Lịch sử.	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện đúng quy định quy trình về rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT để phù hợp hơn với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và Khoa, đáp ứng yêu cầu của xã hội. 	Phòng ĐTĐH&CTSV. Phòng KT&BDCLGD. Khoa Lịch sử.	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 1.2. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được xác định rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết theo quy định cho bậc đại học

tương ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam. CĐR được mô tả chi tiết, phản ánh mục tiêu của CTĐT, tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐHSP, ĐHH và Khoa Lịch sử. CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được ban hành vào năm 2015 [H1.1.2.1], được đánh giá, cập nhật, điều chỉnh vào các năm 2018 [H1.1.2.2], 2021 [H1.1.2.3]. Quy trình về xây dựng, ban hành, cập nhật, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy trình của Trường ĐHSP, ĐHH về xây dựng, công bố CĐR [H1.1.2.4] [H1.1.2.5] [H1.1.2.6] [H1.1.2.7] [H1.1.2.8] [H1.1.2.9].

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử năm 2015 được xây dựng theo các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H1.1.2.1]. Năm 2018, CĐR của CTĐT được cập nhật theo hướng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H1.1.2.2]. Năm 2021, CĐR của CTĐT tiếp tục được cập nhật, điều chỉnh theo hướng tiếp cận phát triển phẩm chất và năng lực cho NH, nhằm đáp ứng tốt hơn những yêu cầu của Chương trình GDPT năm 2018 đối với công tác đào tạo giáo viên môn Lịch sử THPT. Ngoài năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 nhấn mạnh đến các năng lực quan trọng của công dân trong thế kỷ XXI như: Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực tư duy phản biện; Năng lực ứng dụng CNTT và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp; Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác [H1.1.2.10] [H1.1.2.8] [H1.1.2.9] [H1.1.2.3].

Bảng 1.3. So sánh CĐR CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử của các năm 2015, 2018, 2021 [H1.1.2.11]

CHUẨN ĐẦU RA		
PHIÊN BẢN NĂM 2015	PHIÊN BẢN NĂM 2018	PHIÊN BẢN NĂM 2021
1. Ngoài CĐR của Trường, ngành Sư phạm Lịch sử có 09 chuẩn về các phương diện liên quan đến phẩm chất, năng lực giáo dục, năng lực dạy học, năng lực giao	1. Có 15 chuẩn , thực hiện theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Được chia thành 3 nhóm: + Chuẩn kiến thức: 08 chuẩn (04 chuẩn kiến thức chung và 03 chuẩn kiến	1. Có 16 chuẩn , theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực NH. Được chia thành 4 nhóm: + PLO1: Phẩm chất nghề nghiệp, có 02 chuẩn (PLO1.1 - PLO1.2)

<p>tiếp, năng lực đánh giá trong giáo dục, năng lực hoạt động xã hội, năng lực phát triển nghề nghiệp, năng lực ngoại ngữ và tin học.</p>	<p>thức chuyên môn) + Chuẩn kỹ năng: 04 chuẩn (02 chuẩn kỹ năng chung và 02 chuẩn kỹ năng chuyên môn) + Chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm: 04 chuẩn</p>	<p>+ PLO2. Năng lực chung, có 06 chuẩn (PLO2.1 – PLO2.6) + PLO3. Năng lực chuyên môn, có 04 chuẩn (PLO3.1 – PLO3.4) + PLO4. Năng lực nghề nghiệp, có 04 chuẩn (PLO4.1 – PLO4.4)</p>
<p>2. Cơ hội việc làm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy học tại các trường phổ thông (THCS, THPT). - Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. - Làm việc tại các trung tâm và viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội. - Làm việc tại các CSGD, văn hoá thông tin, hoạt động báo chí, du lịch... - Làm việc tại các cơ quan dân chính đảng, quân sự, công an, đối ngoại. 	<p>2. Vị trí việc làm của NH sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm công tác giảng dạy lịch sử tại các trường đại học, cao đẳng, phổ thông trung học... - Làm công tác nghiên cứu ở tổ chức, cơ quan QLGD, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, đặc biệt về lĩnh vực Sử học, LL&PPDHBMLS; - Làm công tác quản lý tư liệu lịch sử, quản lý bảo tàng, di tích lịch sử... - Làm công tác lịch sử, văn hoá ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội; - Làm những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc khối Khoa học xã hội và nhân văn. 	<p>2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp</p> <p>Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm giáo viên dạy môn Lịch sử, Lịch sử - Địa lý tại các trường THPT, THCS. - Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, LL&PPDHBMLS tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. - Có thể làm chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội hoặc khoa học giáo dục. - Làm việc tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ

		<p>chức có liên quan đến lịch sử, văn hóa thông tin, xã hội, giáo dục, chính trị, quân sự, du lịch...</p>
	<p>3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp</p> <p>Tiếp tục học và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ, TS chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, LL&PPDHBMLS và một số chuyên ngành liên quan đến lịch sử như: Việt Nam học, Đông Phương học, Quan hệ Quốc tế, Chính trị học.</p>	<p>3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Có khả năng tự đánh giá, tự rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục; phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội. - Có khả năng tiếp tục học tập để đạt thêm chương trình Cử nhân Khoa học Lịch sử, chương trình Cử nhân Sư phạm Lịch sử - Địa lý, Cử nhân Sư phạm Địa lý, Cử nhân Lịch sử - Du lịch và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ và TS thuộc các chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, LL&PPDHBMLS.

Phân tích, so sánh:*** CĐR của CTĐT năm 2015:**

- CĐR được xây dựng theo hướng tiếp cận kiến thức, kỹ năng, thái độ.
- Các chuẩn chưa được mô tả rõ ràng, chưa được trình bày một cách hệ thống (còn trùng lặp), chưa được mã hoá.
- Việc mô tả các chuẩn chưa được diễn đạt theo thang đo Bloom, chưa sử dụng các động từ có thể đo lường, đánh giá được. Các chuẩn được diễn đạt bằng các động từ chung chung, không đo lường, đánh giá được như “nắm được”, “có” ...
- CĐR của CTĐT chưa được thể hiện/phản chiếu vào CĐR của từng HP.
- Ngoài ra, CĐR của CTĐT phiên bản năm 2015 không nhấn mạnh về “Khả năng học tập, nâng cao trình độ khi ra trường” như ở CĐR phiên bản năm 2018 và 2021 (do mục này đã được thiết kế bao gồm trong *Mục tiêu cụ thể* nằm trong CĐR chung của CTĐT).

*** CĐR của CTĐT phiên bản năm 2018:**

- CĐR được xây dựng theo hướng tiếp cận kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.
- Các chuẩn đã được mã hoá bằng chữ cái "C" và đánh số thứ tự từ "C1" đến "C15".
- Việc mô tả các chuẩn được diễn đạt dựa trên thang đo Bloom 6 bậc theo quy định của Khung trình độ Quốc gia Việt Nam và sử dụng các động từ cụ thể, có thể đo lường, đánh giá được.
- CĐR của CTĐT đã được phản chiếu vào CĐR của từng HP.

*** CĐR của CTĐT phiên bản năm 2021:**

- Các chuẩn đã được mã hoá bằng các chữ cái "PLO" và đánh số thứ tự đi kèm (ví dụ PLO1, PLO2...).
- Việc mô tả các chuẩn được diễn đạt dựa trên thang đo Bloom 6 bậc theo quy định của Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.
- CĐR của CTĐT đã được phản chiếu vào CĐR của từng HP.
- CĐR của CTĐT 2021 nhiều hơn 01 chuẩn so với CĐR của CTĐT phiên bản 2018 và nhiều hơn 07 chuẩn so với của CTĐT phiên bản 2015, đồng thời phản ánh định hướng đào tạo theo hướng tiếp cận phát triển phẩm chất và năng lực NH; chú trọng việc phát triển các phẩm chất và năng lực của công dân trong thế kỷ XXI

như: Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực tư duy phản biện; Năng lực ứng dụng CNTT trong hoạt động nghề nghiệp; Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử phiên bản năm 2021 được thể hiện thông qua 4 yếu tố cốt lõi mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp, đó là: Phẩm chất nghề nghiệp, Năng lực chung, Năng lực chuyên môn, Năng lực nghề nghiệp. Trong đó:

- Chuẩn phẩm chất nghề nghiệp có 2 tiêu chí là: Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân; Đạo đức và phong cách nhà giáo.

- Chuẩn năng lực chung có 6 tiêu chí: Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực tư duy phản biện; Năng lực ứng dụng CNTT và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp; Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

- Chuẩn năng lực chuyên môn có 4 tiêu chí, bao gồm: Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành; Năng lực phát triển chương trình môn học; Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành; Năng lực NCKH giáo dục chuyên ngành.

- Chuẩn năng lực nghề nghiệp có 4 tiêu chí: Năng lực dạy học và giáo dục; Năng lực định hướng sự phát triển NH; Năng lực phát triển nghề nghiệp; Năng lực hoạt động xã hội [H1.1.2.3].

Với cách thiết kế CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử như trên, người dạy dễ dàng xác định mục tiêu và CĐR cho các HP, khả năng học tập, nâng cao trình độ và cơ hội, triển vọng việc làm sau khi tốt nghiệp của SV, cụ thể:

- Làm giáo viên dạy môn Lịch sử, Lịch sử - Địa lý tại các trường THPT, THCS.
- Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, LL&PPDHBMLS tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.
- Có thể làm chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội hoặc Khoa học giáo dục.
- Làm việc tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức có liên quan đến lịch sử, văn hóa thông tin, xã hội, giáo dục, chính trị, quân sự, du lịch...

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, cụ thể như sau:

Trong CTĐT của ngành Sư phạm Lịch sử 2021, CĐR đã thể hiện cụ thể, rõ ràng thành các khối kiến thức, trong đó:

- Khối kiến thức chung với 26 TC hướng đến cung cấp cho NH những kiến thức chung liên quan đến hiểu biết về Chủ nghĩa Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, những kiến thức và kỹ năng liên quan đến ngoại ngữ không chuyên, tin học, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh.

- Khối kiến thức cơ sở khối ngành được thiết kế với thời lượng 10 TC bao gồm các kiến thức cơ sở của ngành Lịch sử và Địa lý.

- Khối kiến thức chuyên môn ngành có 66 TC, trong đó: chuyên sâu bắt buộc (51 TC), chuyên đề tự chọn bắt buộc (10 TC) và khoá luận/ HP thay thế khoá luận (5 TC) là kiến thức thông sử, chuyên đề chuyên sâu, hoặc các chuyên đề liên thông thạc sĩ Lịch sử, HP thay thế khoá luận tốt nghiệp. Ngoài ra, ở Khối kiến thức chuyên môn ngành còn có các HP chuyên sâu tự chọn không bắt buộc (10 TC) nhằm cung cấp cho NH các kiến thức liên quan đến lịch sử - địa lý, lịch sử - du lịch, liên thông thạc sĩ lịch sử.

- Khối kiến thức nghiệp vụ ngành 21 TC gồm kiến thức tâm lý học nghề nghiệp, giáo dục học, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, phát triển CTDH bộ môn, đánh giá kết quả giáo dục của học sinh, LL&PPDHBMLS, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

- Cuối cùng là khối kiến thức thực hành nghề nghiệp có 9TC là những HP thực hành dạy học tại trường sư phạm, thực tập sư phạm tại trường phổ thông [H1.1.2.9] [H1.1.2.12].

Với các khối kiến thức trên đây, CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử xác định rõ ràng các phẩm chất và năng lực mà SV phải đạt được sau khi tốt nghiệp, bao gồm phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân, đạo đức và tác phong nhà giáo; các năng lực chung và năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp như: năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy phản biện, năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành; năng lực phát triển chương trình môn học; năng lực dạy học và giáo dục, năng lực định hướng phát triển NH, năng lực hoạt động xã hội... [H1.1.2.13] [H1.1.2.14].

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử đã được thể hiện cụ thể thông qua mục tiêu và CĐR của từng HP, trong đó xác định những kiến thức, kỹ năng, phẩm chất mà SV cần đạt được để đáp ứng yêu cầu của CĐR của chuyên ngành đào tạo. Điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ của CĐR với chương trình học tập mà NH đã chọn lựa và

theo đuổi. Đây cũng chính là căn cứ quan trọng để triển khai việc đo lường và đánh giá tính khả thi của CĐR của ngành học. Việc đo lường, đánh giá khả năng đạt được các chuẩn của NH diễn ra dễ dàng thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đã được thiết kế khoa học trong đề cương chi tiết các HP [H1.1.2.12] [H1.1.2.13] [H1.1.2.14] [H1.1.2.15].

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động và các bên liên quan thông qua các hình thức lấy kiến như điều tra khảo sát, xin ý kiến tại Hội nghị. Kết quả tổng hợp sau khảo sát cho thấy đa số NH, cựu NH, nhà tuyển dụng và các bên liên quan đều hài lòng với CĐR của CTĐT [H1.1.2.16].

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được xây dựng trên cơ sở tham khảo và đối sánh với CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử của một số trường đại học có uy tín trong đào tạo ngành Lịch sử trong cả nước [H1.1.2.17] [H1.1.2.18].

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử sau khi xây dựng, cập nhật đã được thẩm định, nghiệm thu theo đúng quy trình, thông qua tại cuộc họp Bộ môn, Hội đồng Khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường ĐHSP, ĐHH [H1.1.2.19] [H1.1.2.20] [H1.1.2.21].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử đã thể hiện được các yêu cầu căn bản về các phẩm chất và năng lực cần đạt đối với NH sau khi tốt nghiệp. CĐR của CTĐT đã phản ánh đầy đủ mục tiêu CTĐT, phù hợp và bao quát được yêu cầu Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, các yêu cầu, quy định trong hệ thống văn bản pháp lý hiện hành.

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được xây dựng theo hướng đào tạo phát triển phẩm chất và năng lực, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo, năng lực tự học của NH, qua đó SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, cũng như bồi dưỡng các phẩm chất, đạo đức nhà giáo.

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử cũng được thiết kế tạo thuận lợi cho NH trong tiếp cận các thông tin hỗ trợ học tập từ GV, CVHT, hệ thống hỗ trợ để NH chủ động và dễ dàng trong việc thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu học tập của mình.

3. Điểm tồn tại

Khoa mới chỉ thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường theo định kỳ, mà chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học. Trong những năm gần đây, nhiều SV do không đạt điều kiện về CĐR

ngoại ngữ nên không ra trường đúng hạn.

CĐR của CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử chưa thể hiện rõ sự hội nhập quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	<p>- Đánh giá, rà soát lại CĐR của từng HP và của toàn bộ CTĐT theo hướng cập nhật, hiện đại, tiếp cận quốc tế nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu về đào tạo giáo viên môn Lịch sử trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT Việt Nam.</p> <p>- Phối hợp với Phòng ĐTDH&CTSV để hỗ trợ hiệu quả hơn, giúp SV có thể đạt được CĐR về ngoại ngữ và ra trường đúng hạn.</p>	<p>- Phòng ĐTDH&CTSV</p> <p>- Khoa Lịch sử</p>	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	<p>Tiếp tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu, CĐR của CTĐT theo hướng phát triển năng lực NH, tạo điều kiện cho NH phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, cũng như bồi dưỡng các phẩm chất, đạo đức nhà giáo, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.</p>	<p>- Phòng ĐTDH&CTSV</p> <p>- Khoa Lịch sử</p>	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử đã mô tả rõ ràng những năng lực và phẩm chất mà NH cần đạt được sau quá trình đào tạo, được thể hiện cụ thể hơn trong mục tiêu và CDR của từng HP trong CTĐT. Từ các chuẩn đã nêu, CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử có đủ khả năng đáp ứng được kỳ vọng của NH, xã hội và các bên liên quan. Điều này đã được thể hiện trong quy trình và quá trình triển khai thực hiện việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh theo định kỳ. Trước khi xây dựng và điều chỉnh CTĐT vào các năm 2015, 2018, 2021, Trường và Khoa đều tiến hành khảo sát các bên liên quan, bao gồm: nhà tuyển dụng, các chuyên gia, cựu SV, giáo viên thuộc các cơ sở đào tạo và SV đang theo học ngành Sư phạm Lịch sử tại Khoa [H1.1.3.1] [H1.1.3.2] [H1.1.3.3] [H1.1.3.4] [H1.1.3.5] [H1.1.3.6]. Việc lấy ý các bên liên quan được thực hiện bằng nhiều hình thức như trả lời phiếu khảo sát, tổ chức Hội thảo lấy ý kiến các chuyên gia, đội ngũ GVPT, nhà tuyển dụng... [H1.1.3.2] [H1.1.3.1]. Trên cơ sở của kết quả khảo sát, Khoa tiến hành các bước phân tích, rà soát và điều chỉnh các CDR của CTĐT. Việc xây dựng và điều chỉnh CDR đối với CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được Khoa thực hiện theo đúng quy định trong các văn bản pháp lý hiện hành cũng như quy trình do Trường ĐHSP, ĐHH ban hành [H1.1.3.7] [H1.1.3.8] [H1.1.3.9] [H1.1.3.10] [H1.1.3.11] [H1.1.3.13] [H1.1.3.14].

CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được xây dựng trên cơ sở sự tham khảo các CTĐT uy tín ở Việt Nam như CTĐT của Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội 2, Trường ĐHSP Đà Nẵng, Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh [H1.1.3.15] [H1.1.3.16]. Sau khi tham khảo các CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử ở các cơ sở đào tạo khác, Khoa đã tiến hành tổ chức Hội nghị lấy ý kiến từ đội ngũ GV trong Khoa và các chuyên gia giáo dục trong Trường. Thông qua các buổi thảo luận, góp ý này, Khoa đã tiếp thu ý kiến hợp lý làm cơ sở cho quá trình xây dựng cũng như rà soát, điều chỉnh các CDR trong CTĐT [H1.1.3.14]. Cụ thể, trên cơ sở những căn cứ, đóng góp ý kiến phản hồi của các bên liên quan, CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 được điều chỉnh với 4 tiêu chí và 16 chỉ báo, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H1.1.3.17]. CDR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp SV định hướng tốt

hơn về trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình. Bên cạnh đó, Khoa Lịch sử cũng tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT định kỳ hàng năm giúp CDR của CTĐT và CDR của từng HP ngày càng hợp lý, khoa học hơn [H1.1.3.18] [H1.1.3.19] [H1.1.3.20] [H1.1.3.21] [H1.1.3.22].

Ngoài ra, từng học kỳ, Nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến SV về việc giảng dạy và các khâu liên quan đến hỗ trợ học tập theo mẫu của Trường do Phòng KT&BDCLGD chủ trì. Qua kết quả khảo sát, lấy ý kiến các năm cho thấy, phần lớn SV đều hài lòng với CTĐT, về nội dung và phương pháp giảng dạy của GV [H1.1.3.23] [H1.1.3.24] [H1.1.3.25]. Kết quả học tập của SV cơ bản đều từ loại khá trở lên [H1.1.3.26]. Căn cứ từ phản hồi của SV về các nội dung liên quan như hệ thống các HP, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra, đánh giá..., Khoa đã điều chỉnh hàng năm và định kỳ nhằm tăng sự tương thích giữa CTĐT với CDR, đáp ứng mong đợi của NH và yêu cầu của xã hội [H1.1.3.14] [H1.1.3.27] [H1.1.3.28] [H1.1.3.29] [H1.1.3.30].

CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử cũng được công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan thông qua nhiều kênh thông tin và hoạt động quan trọng của Khoa và Nhà trường. Cụ thể, CDR và CTĐT được cập nhật trên website của Nhà trường; website, fanpage của Khoa Lịch sử, trên một số phương tiện truyền thông khác [H1.1.3.31] [H1.1.3.32] [H1.1.3.33] [H1.1.3.34] [H1.1.3.35] [H1.1.3.36] [H1.1.3.37]. CDR của CTĐT cũng được ghi trong Sổ tay SV, công bố trong các hoạt động quan trọng của Nhà trường và Khoa như: Gặp mặt SV hàng năm, Chương trình tư vấn tuyển sinh hàng năm, Hội nghị công tác SV của Nhà trường, được các GV thường xuyên giới thiệu khi bắt đầu HP, được quán triệt bởi hệ thống CVHT và Trợ lý Đào tạo - Khoa học công nghệ (ĐT-KHCN), Trợ lý CTSV - Văn thể... [H1.1.3.38] [H1.1.3.37] [H1.1.3.39] [H1.1.3.40] [H1.1.3.41] [H1.1.3.39] [H1.1.3.36] [H1.1.3.34] [H1.1.3.31] [H1.1.3.35]. Các hoạt động công bố về CDR của CTĐT này một mặt nhằm phục vụ cho công tác quảng bá, tuyển sinh, tư vấn cho học sinh trong lựa chọn ngành học phù hợp; mặt khác, làm căn cứ để NH, cơ quan tuyển dụng và các bên liên quan khác có thể so sánh, đối chiếu chất lượng đào tạo của Khoa Lịch sử với các cơ sở đào tạo khác.

Với CDR được thiết kế và điều chỉnh kịp thời theo đúng định kỳ, CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm

đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam. Các CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm được thể hiện theo hướng tiếp cận phẩm chất và năng lực, phản ánh tính đặc thù trong mục tiêu đào tạo chung của Trường ĐHSP, ĐHH, từ đó đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT năm 2018 cũng như các yêu cầu đặt ra của thị trường lao động [H1.1.3.42] [H1.1.3.29] [H1.1.3.43] [H1.1.3.44] [H1.1.3.30]. Bằng việc nhấn mạnh vào các phẩm đạo đức nghề nghiệp và các năng lực chung như: năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi, năng lực tư duy phản biện, năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác; các năng lực chuyên môn như: năng lực đặc thù khoa học chuyên ngành, năng lực phát triển chương trình môn học, năng lực NCKH chuyên ngành, năng lực dạy học và giáo dục..., CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử đã đáp ứng được mong đợi của các bên liên quan, được các chuyên gia và nhà tuyển dụng đánh giá cao. Căn cứ vào kết quả khảo sát việc làm hàng năm cho thấy, SVTN ngành Sư phạm Lịch sử không chỉ lao động trong lĩnh vực sư phạm, mà còn được tuyển dụng và đáp ứng tốt các vị trí việc làm như chuyên viên trong các đơn vị hành chính nhà nước, các tổ chức Đảng, Đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội khác [H1.1.3.45] [H1.1.3.46] [H1.1.3.47] [H1.1.3.48].

Trải qua quá trình xây dựng, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung, CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử ngày càng được hoàn thiện hơn. CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử năm 2015 được trình bày chưa theo quy chuẩn đo lường của thang đo Bloom 6 bậc, mô tả còn chung chung, chưa cho thấy được NH sau khi tốt nghiệp cần phải hình thành được những phẩm chất, năng lực cụ thể nào [H1.1.3.49] [H1.1.3.50]. Sau quá trình rà soát, chỉnh sửa năm 2018, CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử đã được chỉnh sửa theo quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, cụ thể là mô tả trên 03 phương diện: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H1.1.3.51]. Việc trình bày đã được chỉnh sửa theo đúng thang đo Bloom, tạo thuận lợi cho việc đo lường kết quả đào tạo. Nội dung của CĐR cũng đã hướng nhiều đến việc hình thành cho NH các kỹ năng quan trọng, cần thiết. CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử tiếp tục được điều chỉnh, cập nhật theo hướng đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các bên liên quan, cũng như Chương trình GDPT năm 2018. Sự cập nhật và phát triển CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử phiên bản 2021 tại Trường ĐHSP, ĐHH đã thể hiện được phương thức đào tạo theo hướng tiếp cận

phẩm chất, năng lực của NH, trong đó tập trung vào việc giúp NH đạt được 02 chuẩn về phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, 06 chuẩn về năng lực chung, 04 năng lực chuyên môn, 04 năng lực nghề nghiệp [H1.1.3.52].

2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử, Trường ĐHSPT, ĐHH đã được xây dựng khoa học, đúng quy trình, tuân thủ nghiêm các quy định pháp lý hiện hành, có sự tham vấn ý kiến của các bên liên quan theo định kỳ và hàng năm.

CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử đã được rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo định kỳ trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan và công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất cùng với CTĐT.

CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được công bố rộng rãi trong SV, GV và các nhà tuyển dụng trên nhiều kênh thông tin khác nhau, tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

3. Điểm tồn tại

- Việc khảo sát lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, các bên liên quan chưa được triển khai rộng rãi, phạm vi lấy ý kiến mới dừng lại ở một số đơn vị gần với địa bàn Thừa Thiên Huế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Mở rộng địa bàn lấy ý kiến các nhà tuyển dụng, tăng cường lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng ngoài lĩnh vực giáo dục để điều chỉnh CDR và CTĐT nhằm đáp ứng được các vị trí công tác trong các cơ quan Đảng, Đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội khác.	-Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử, Tổ tư vấn tuyển sinh, Trung tâm Khởi nghiệp và truyền thông của Trường	- Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy	- Hàng năm cập nhật các văn bản pháp lý quy định	-Phòng ĐTDH&CTSV,	- Từ năm học 2022 - 2023

	điểm mạnh	<p>về nội dung, quy trình liên quan đến cập nhật, rà soát, xây dựng CDR để chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử.</p> <p>- Tiếp cận với CDR của các CTĐT quốc tế có sự gần gũi với CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử để làm cơ sở tham khảo, điều chỉnh CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử ngày càng hội nhập hơn.</p>	<p>Khoa Lịch sử, Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế (KH-CN&HTQT)</p>	
--	-----------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử đã được xác định rõ ràng, phù hợp với Tầm nhìn và Sứ mạng của Trường ĐHSP, ĐHH, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu của CTĐT đã được cụ thể hóa thành CTDH, kế hoạch đào tạo từng năm học, được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông và toàn thể CBGV trong Khoa.

CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Các CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử đã được thiết kế theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của NH, đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo giáo viên trong bối cảnh mới. CDR của CTĐT phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự học của NH, giúp NH hình thành được các phẩm chất nghề nghiệp và năng lực quan trọng của người giáo viên Lịch sử sau khi hoàn thành CTĐT.

CDR của CTĐT được xây dựng trên cơ sở kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan như NH, chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu SV, GVPT. Theo định kỳ, CDR được rà soát, điều chỉnh, cập nhật nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của xã hội. CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử cũng được công bố rộng rãi trên các kênh truyền thông

khác nhau như website của Trường, Khoa; fanpage của Khoa, được ghi trong Sổ tay SV của từng năm học nhằm cung cấp thông tin cụ thể, minh bạch giúp cho SV dễ dàng xác định mục tiêu và con đường học tập của mình.

Hạn chế trong CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử là công tác rà soát mới chỉ được thực hiện theo định kỳ, mà chưa chủ động tiến hành theo từng năm học. Trong các năm gần đây, nhiều SV do không đạt điều kiện về CĐR ngoại ngữ, nên không ra trường đúng hạn. Việc khảo sát lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, các bên liên quan có năm (2015) chưa được triển khai rộng rãi, phạm vi lấy ý kiến mới dừng lại ở một số đơn vị gần với địa bàn Thừa Thiên Huế. CĐR của CTĐT chưa thể hiện rõ tính hội nhập quốc tế.

Căn cứ vào những phân tích nêu trên, số lượng tiêu chí đạt yêu cầu là 3/3.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Trong chu kỳ đánh giá 2018-2022, CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử (hệ Chính quy) của Khoa Lịch sử, trường ĐHSPT, ĐHH được xây dựng mới vào các năm 2018, 2021; được rà soát, điều chỉnh và phát triển định kỳ trong các năm 2019, 2020, 2022. Theo đó, bản mô tả CTĐT hiện nay của ngành Sư phạm Lịch sử được ban hành năm 2021, được thiết kế theo định hướng xây dựng phẩm chất năng lực NH và theo mô hình đào tạo liên thông. Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định, hướng dẫn chung của ĐHH và của trường ĐHSPT về xây dựng CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử cung cấp đầy đủ các thông tin về CTĐT, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng HP cụ thể, bản mô tả tổng hợp các HP, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương HP cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học; kiểm tra/đánh giá HP. CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử hiện nay có khối lượng kiến thức toàn khoá là 132 tín chỉ (không kể khối kiến thức Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và các HP tự chọn không bắt buộc). Đến nay, CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử được tiếp tục rà soát, điều chỉnh vào tháng 7/2022 và xây dựng CTDH phù hợp nhất với CTĐT nhằm thích ứng với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường và của Khoa Lịch sử về đào tạo giáo viên THPT đảm nhận Chương trình GDPT năm 2018; phù hợp với CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử, gắn với nhu cầu của NH, nhu cầu xã hội. CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được công bố công

khai, dễ tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 của trường ĐHSP, ĐHH được xây dựng dựa trên cơ sở kế thừa, phát triển các CTĐT các năm 2015, 2018 [H2.2.1.1] [H2.2.1.2] và tuân thủ Quyết định số 622/QĐ-ĐHSP của Hiệu trưởng Trường ĐHSP, ĐHH ban hành ngày 29/04/2020 về việc xây dựng CTĐT đại học theo định hướng xây dựng phẩm chất năng lực NH[H2.2.1.3]; Quyết định số 1576/QĐ-ĐHSP ngày 31/07/2020 về việc ban hành mô hình đào tạo, mục tiêu, chuẩn CTĐT, CĐR và khối lượng kiến thức tối thiểu các CTĐT trình độ đại học khối ngành đào tạo giáo viên trường ĐHSP, ĐHH [H2.2.1.4]. Theo đó, bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 của Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP, ĐHH được xây dựng dựa trên cơ sở Quyết định số 1713/QĐ-ĐTĐH ngày 03/08/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP, ĐHH về việc ban hành CTĐT trình độ đại học năm 2021 [H2.2.1.5] và các quyết định liên quan đến thiết kế mới CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử theo hướng tích hợp liên ngành và liên thông lên trình độ cao hơn như: Quyết định về việc ban hành mô hình đào tạo, mục tiêu, chuẩn CTĐT, CĐR và khối lượng kiến thức tối thiểu các CTĐT trình độ đại học khối ngành đào tạo giáo viên Trường ĐHSP, ĐHH [H2.2.1.6], Quyết định ban hành mục tiêu và CĐR các ngành đào tạo của Nhà trường, bao gồm ngành Sư phạm Lịch sử [H2.2.1.7]. Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 được xây dựng mới nhằm đáp ứng với mô hình đào tạo tích hợp liên ngành (liên thông ngang) và liên thông lên bậc học cao hơn (liên thông dọc), đáp ứng mục tiêu chiến lược, nhiệm vụ và giải pháp chiến lược của Nhà trường giai đoạn 2018 - 2022 và tầm nhìn đến năm 2030, cũng như yêu cầu thực tế của xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được thường xuyên rà soát, cập nhật theo hướng tuân thủ các cơ sở pháp lý như Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 18/03/2021 về Quy chế đào tạo trình độ đại học [H2.2.1.8] và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, ban hành ngày 22/6/2021 về Chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học [H2.2.1.9], đồng thời để đáp ứng ngày càng tốt hơn mục tiêu và nội dung giáo dục được xây dựng theo CĐR của CTĐT năm 2020, hướng mạnh mẽ đến mục tiêu đào tạo GVPT đảm nhận chương trình GDPT môn Lịch sử được Bộ GD&ĐT ban hành ngày 25/12/2018

[H2.2.1.10] [H2.2.1.11], đáp ứng mục tiêu đào tạo của Nhà trường và nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ đại học ở các tỉnh, địa phương trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH của đất nước.

Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử có đủ các nội dung

Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 là bản mô tả CTĐT mới nhất [H2.2.1.12] [H2.2.1.1] [H2.2.1.2] [H2.2.1.13], có đầy đủ các nội dung theo quy định tại các văn bản pháp lý quy định về xây dựng CTĐT gần nhất của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT như: Thông tư số 07/2015 TT-BGDĐT ban hành ngày 16/04/2015 Quy định về Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, TS [H2.2.1.14], Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ban hành ngày 14/03/2016 Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học [H2.2.1.15], Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 về quy chế đào tạo trình độ đại học [H2.2.1.8], Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học [H2.2.1.9]. Theo đó, bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 đã nêu ra đầy đủ và cụ thể các thông tin về CTĐT, bao gồm: Tên cơ sở giáo dục (CSGD): Trường ĐHSP, ĐHH; tên văn bằng tốt nghiệp bằng Tiếng Việt: Cử nhân Sư phạm Lịch sử; tên văn bằng tốt nghiệp bằng Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in History Teacher Education; tên chương trình: Cử nhân Sư phạm Lịch sử; thời gian đào tạo: 4 năm; mục tiêu đào tạo: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể; CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH của CTĐT; ma trận CĐR của các HP phù hợp với CĐR của CTĐT và thể hiện sự đóng góp của mỗi HP vào việc đạt được CĐR của CTĐT [H2.2.1.16]. Bản mô tả CTĐT thể hiện rõ khung CTĐT có mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt của mỗi HP. Trong đó, nội dung mô tả tóm tắt các HP có tên HP, mã HP, số tín chỉ, tính chất HP và nội dung cơ bản của HP. Bản mô tả CTĐT cung cấp kế hoạch đào tạo và các điều kiện căn bản về tài liệu học tập, đội ngũ GV và CSVC để thực hiện chương trình. So với bản mô tả CTĐT gần nhất trước đó (bản mô tả CTĐT năm 2018), bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử hiện hành được cải tiến ở nhiều phương diện [H2.2.1.12]: mô hình đào tạo đa mục tiêu ngành; mục tiêu đào tạo được xây dựng theo CĐR; cấu trúc CTĐT linh hoạt; mẫu đề cương chi tiết của HP thể hiện rõ đóng góp của HP đối với CTĐT. Mặt khác, CTĐT có

khối lượng kiến thức toàn khoá là 132 tín chỉ (không kể khối kiến thức Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và các HP tự chọn không bắt buộc), ít hơn CTĐT năm 2018 là 3 TC, được thiết kế thành 5 mô-đun kiến thức (thay vì 4 Khối kiến thức như ở CTĐT phiên bản năm 2018), gồm:

- **Mô-đun kiến thức chung: 26 TC**
- **Mô-đun kiến thức cơ sở khối ngành: 10 TC**
- **Mô-đun chuyên môn ngành: 66 TC, gồm:**
 - + **Chuyên sâu bắt buộc: 51 TC**
 - + **Chuyên sâu tự chọn bắt buộc: 15 TC:**
 - . Nhóm các chuyên đề: 10 TC
 - . Khoá luận tốt nghiệp/các HP thay thế khoá luận: 5 TC
 - + **Chuyên sâu tự chọn không bắt buộc:**
 - . Nhóm các HP LS- ĐL: 10 TC
 - . Nhóm các HP LS- DL: 10 TC
 - . Nhóm các HP liên thông lên thạc sĩ : 10 TC
- **Mô-đun nghiệp vụ ngành: 21 TC**
 - + Nghiệp vụ bắt buộc: 21 TC
 - + Tự chọn không bắt buộc: 0 TC
- **Mô-đun thực hành nghề nghiệp: 9 TC.**

Khối lượng kiến thức, thời gian đào tạo và cấu trúc của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử hiện hành được thiết kế mềm dẻo, không chỉ nhấn mạnh về kiến thức chuyên môn mà còn tăng cường chú trọng kiến thức nghiệp vụ ngành và thực hành nghề nghiệp, giúp trang bị cho NH kiến thức thực tiễn tốt hơn. NH cũng có thể chủ động hơn trong việc thực hiện kế hoạch học tập của mình, NH có thể học vượt, học song ngành hoặc học lên CTĐT thạc sĩ Lịch sử với thời gian rút ngắn còn 1,5 năm nếu chọn học thêm các HP tự chọn không bắt buộc.

Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan.

Từ năm 2018 đến năm 2022, nhằm đáp ứng yêu cầu cập nhật mục tiêu và nội dung đào tạo đáp ứng tình hình thực tiễn và theo hướng hiện đại, các bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử trong chu kỳ đánh giá được thường xuyên rà soát, điều chỉnh và cập nhật một số vấn đề mới liên quan đến mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình,

phương pháp dạy và học vào các năm 2019, 2020, 2022. Trong đó, hai lần cập nhật lớn là vào các năm 2018 và 2021 [H2.2.1.17] [H2.2.1.18] [H2.2.1.19] [H2.2.1.20] [H2.2.1.21] [H2.2.1.22] [H2.2.1.23].

Nội dung và tiến trình rà soát, cập nhật các bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử trong các năm 2019, 2020, 2022 được tiến hành theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H2.2.1.15] [H2.2.1.14] [H2.2.1.8] [H2.2.1.9] [H2.2.1.24], đúng quy định của Nhà trường [H2.2.1.19] [H2.2.1.25] [H2.2.1.26]. Trên cơ sở kết quả phân tích ý kiến phản hồi về CTĐT của các bên liên quan [H2.2.1.27] [H2.2.1.28] [H2.2.1.29] [H2.2.1.30], kết quả cuộc họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Lịch sử (hiện nay là Hội đồng Khoa) [H2.2.1.17] [H2.2.1.31], tờ trình điều chỉnh CTĐT của Khoa [H2.2.1.22] [H2.2.1.23] [H2.2.1.20] [H2.2.1.32] và dựa trên quyết định điều chỉnh CTĐT đại học chính quy do Hiệu trưởng Trường ĐHSP, ĐHH ban hành [H2.2.1.33] [H2.2.1.34] [H2.2.1.35] [H2.2.1.36], bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được ban hành và áp dụng cập nhật trong các năm học tương ứng. Mỗi lần rà soát, điều chỉnh, bản mô tả cập nhật CTĐT được công bố công khai trên website của Nhà trường [H2.2.1.37], của Khoa Lịch sử [H2.2.1.38] [H2.2.1.39] [H2.2.1.40].

2. Điểm mạnh

- Các thông tin trong bản mô tả CTĐT năm 2021 của ngành Sư phạm Lịch sử là đầy đủ và rõ ràng, cung cấp thông tin hữu ích, giúp NH và học sinh có nguyện vọng học tại trường hiểu về CTĐT của ngành mình chọn và theo học.

- Bản mô tả CTĐT được rà soát, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên. Khối lượng kiến thức chuyên ngành và ngành được thiết kế phù hợp, đáp ứng yêu cầu của xã hội, cập nhật kịp thời những thay đổi trong chương trình GDPT năm 2018 của Bộ GD&ĐT.

- Cấu trúc bản mô tả của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử là rõ ràng, tuân thủ theo quy định chung khung CTĐT của ĐHH và của trường ĐHSP, ĐHH.

3. Điểm tồn tại

- Việc cập nhật Bản mô tả CTĐT còn chậm do còn tùy thuộc vào các kết quả phân tích, thẩm định ý kiến khảo sát định kỳ về CTĐT của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	<p>- Khoa Lịch sử sẽ chủ động hơn trong việc tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại CTĐT, đồng thời tăng cường phối hợp với Phòng KT & BĐCLGD trong việc triển khai lấy kiến phản hồi của các bên liên quan để CTĐT đáp ứng tốt nhất mục tiêu của Nhà trường và của ngành đào tạo.</p> <p>- Tiến hành lấy ý kiến khảo sát định kỳ của GV và SV vào đầu và cuối năm học, kết hợp điều tra rộng rãi hơn các bên liên quan để điều chỉnh CTĐT, đáp ứng tốt hơn Chương trình GDPT năm 2018 và yêu cầu của xã hội.</p>	<p>- Khoa Lịch sử - Phòng KT& BĐCLGD - Phòng ĐTDH& CTSV</p>	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	<p>- Tiếp tục thực hiện đúng quy định quy trình về rà soát, điều chỉnh CTĐT để phù hợp hơn với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và Khoa, đáp ứng yêu cầu của xã hội.</p> <p>- Thường xuyên cập</p>	<p>- Phòng ĐTDH& CTSV. - Phòng KT& BĐCLGD. - Khoa Lịch sử.</p>	Từ năm học 2022 - 2023

		nhật những nội dung điều chỉnh để CTĐT đáp ứng kịp thời yêu cầu, mục tiêu đào tạo của Nhà trường và phù hợp với tình hình thực tiễn.		
--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các HP đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương HP được coi là “bản cam kết” giữa GV và SV về kiến thức, kỹ năng mà SV cần phải lĩnh hội, về những phương pháp học tập mà SV cần phải thực hiện; là cơ sở để SV lập kế hoạch chủ động học tập, nghiên cứu và tham gia hoạt động kiểm tra - đánh giá; là căn cứ để Nhà trường kiểm tra hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập, nghiên cứu của SV. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, Khoa Lịch sử đã tổ chức xây dựng đề cương các HP theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản do Trường ĐHSP, ĐHH ban hành [H2.2.2.1] [H2.2.2.2] [H2.2.2.3] [H2.2.2.4] [H2.2.2.5] [H2.2.2.6]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa ở mục tiêu và được thể hiện ở các CĐR của từng HP [H2.2.2.7] [H2.2.2.8] [H2.2.2.9] [H2.2.2.10] [H2.2.2.11] [H2.2.2.12] [H2.2.2.13].

Tất cả đề cương các môn học trong CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử đều có đầy đủ các thông tin bắt buộc, cụ thể như sau:

- + Tên đơn vị: Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP
- + Tên gọi HP, mã HP.
- + Số tín chỉ
- + Ngôn ngữ giảng dạy
- + Đơn vị phụ trách (Bộ môn thuộc khoa)
- + Mục tiêu môn học
- + CĐR của môn học
- + Mức đóng góp của HP cho CĐR của CTĐT
- + Nội dung tóm tắt của HP
- + Các yêu cầu của môn học và nhiệm vụ của SV
- + Cấu trúc môn học

- + Phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học
- + Phương thức kiểm tra - đánh giá
- + Thông tin GV giảng dạy
- + Học liệu (Tài liệu học tập và tài liệu tham khảo)

Về kiểm tra - đánh giá, thực hiện theo chính sách kiểm tra đánh giá của Bộ GD&ĐT bao gồm: chuyên cần, kiểm tra định kỳ, làm việc nhóm, seminar, dự án và kiểm tra cuối HP [H2.2.2.14] [H2.2.2.15] [H2.2.2.16] [H2.2.2.17].

Đề cương HP đều được GV cung cấp cho SV ngay khi bắt đầu giảng dạy HP. Ngoài ra, mọi SV đều có thể tiếp cận đề cương HP của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử trên website của Nhà trường [H2.2.2.18].

Trong chu kỳ đánh giá 2018-2022, CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử (hệ Chính quy) của Trường ĐHSP, ĐHH được xây dựng mới vào các năm 2018, 2021; được rà soát, điều chỉnh và phát triển định kỳ trong các năm 2019, 2020, 2022 [H2.2.2.19] [H2.2.2.20] [H2.2.2.21] [H2.2.2.22] [H2.2.2.23] [H2.2.2.24]. Theo đó, 100% đề cương các HP trong CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh và cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường. Do đó, qua các đợt rà soát, điều chỉnh, đề cương HP của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử ngày càng cập nhật đầy đủ, cụ thể hơn. Ở phiên bản CTĐT 2015, mẫu đề cương chi tiết HP còn đơn giản, chưa có CDR của HP, chưa thể hiện được mối quan hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT với CDR của từng HP. Vì vậy, chưa thể đo lường một cách chính xác, khoa học mức độ đạt về các CDR của CTĐT [H2.2.2.19] [H2.2.2.7] [H2.2.2.11].

Năm 2018, sau khi có công văn rà soát và điều chỉnh CTĐT [H2.2.2.20] và quyết định ban hành CTĐT 2018 [H2.2.2.4] mẫu đề cương chi tiết HP được điều chỉnh và bổ sung, cụ thể:

- Thông tin GV đã cụ thể, đầy đủ, rõ ràng hơn;
- Đã bổ sung CDR của HP;
- Thể hiện được mối quan hệ giữa mục tiêu, CDR của CTĐT và CDR của HP;
- Đã xây dựng bảng ma trận về hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm;
- Bảng nội dung chi tiết HP đã thể hiện được mối tương quan giữa các chương, mục với CDR của HP.

- Phương pháp giảng dạy và học tập đã được thể hiện trong từng chương của HP [H2.2.2.25] [H2.2.2.12] [H2.2.2.19].

Năm 2021, sau khi thực hiện công văn rà soát và điều chỉnh của trường ĐHSP, ĐHH [H2.2.2.26] [H2.2.2.6] đề cương chi tiết HP đã có sự thay đổi lại theo hướng kế thừa những ưu điểm của mẫu đề cương chi tiết năm 2018, đồng thời có sự điều chỉnh để thể hiện rõ hơn các yêu cầu của mô hình đào tạo đa mục tiêu ngành của CTĐT phiên bản năm 2021, cụ thể:

- Bảng mô tả mục tiêu của HP đã thể hiện khoa học, cụ thể hơn, làm rõ được mối tương quan giữa CDR của CTĐT với mục tiêu của HP và trình độ năng lực ở từng mục tiêu;

- CDR của HP đã thể hiện rõ hơn, cho thấy được mối tương quan giữa mục tiêu của HP, CDR của HP, CDR của CTĐT;

- Việc mô tả CDR của HP đã thực hiện theo đúng yêu cầu của thang đo Bloom 6 bậc;

- Bảng ma trận về tương quan giữa CDR của HP với CDR của CTĐT đã được thể hiện cụ thể, chi tiết hơn, theo thang đo Bloom 6 bậc;

- Bảng hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm đã được điều chỉnh, thể hiện rõ hơn hình thức đánh giá, nội dung đánh giá, phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá cũng như mối tương quan giữa các hình thức đánh giá với CDR của HP [H2.2.2.27] [H2.2.2.10] [H2.2.2.13].

Các đề cương HP đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương HP trong các CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử của Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội 2, Đại học Thái Nguyên, Trường ĐHSP Đà Nẵng, Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh [H2.2.2.28] [H2.2.2.27].

2. Điểm mạnh

Đề cương các HP của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHSP, ĐHH. Các đề cương HP được rà soát và cập nhật thường xuyên. Mọi thông tin liên quan đến HP, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, GV giảng dạy... của từng HP đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa.

3. Điểm tồn tại

Một số đề cương HP chưa kịp thời cập nhật về giáo trình và tài liệu tham khảo mới để giúp SV tiếp cận nhanh chóng những kiến thức hiện đại liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phối hợp với các phòng ban và Trung tâm Thư viện và Tri thức số cập nhật về giáo trình và tài liệu tham khảo mới để giúp SV tiếp cận nhanh chóng những kiến thức hiện đại liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.	-Phòng ĐTDH&CTSV - Trung tâm Thư viện và Tri thức số - Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tiến hành cập nhật và biên soạn mới đề cương các HP sau khi điều chỉnh khung, cập nhật các giáo trình và tài liệu tham khảo mới nhằm giúp SV tiếp cận với các nguồn thông tin mới, đảm bảo tính chính xác, thiết thực trong quá trình học tập và NCKH.	Phòng ĐTDH&CTSV - Trung tâm Thư viện và Tri thức số - Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Sau khi được ban hành theo quyết định của Nhà trường [H2.2.3.1] [H2.2.3.2], bản mô tả CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử [H2.2.3.3] và đề cương các HP được in trong Danh mục các CTĐT của Trường ĐHS, ĐHH [H2.2.3.4], được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: tại thư mục Đào tạo/ Đào tạo Đại học/CTĐT trên website của Khoa Lịch sử [H2.2.3.5], của Trường ĐHS,

ĐHH [H2.2.3.4] và được in trong Sổ tay SV để phát đến tay từng SV [H2.2.3.6] [H2.2.3.7] [H2.2.3.8]. Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử và đề cương các HP là cơ sở để đội ngũ CBGV nghiên cứu, so sánh giữa CTĐT đang thực hiện với CTĐT mới nhằm đảm bảo đạt CDR của CTĐT [H2.2.3.9] [H2.2.3.10].

Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử được các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. SV, học viên được cung cấp Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP vào đầu khóa học thông qua công tác giới thiệu của CVHT [H2.2.3.11]. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường đều tổ chức Tuần sinh hoạt công dân cho tân SV với nhiều hoạt động lồng ghép, trong đó có kế hoạch để giới thiệu, hướng dẫn cho NH tiếp cận, sử dụng bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các HP [H2.2.3.11] [H2.2.3.12]. NH còn được nghe CVHT trực tiếp tư vấn, hướng dẫn, giải đáp các thắc mắc liên quan đến CTĐT và đề cương chi tiết các HP ở mỗi học kỳ. Ngoài ra, NH cũng được GV đảm nhận HP cung cấp thông tin một lần nữa về đề cương chi tiết môn học ngay ở tiết đầu tiên. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP cũng được cung cấp cho nhà tuyển dụng lao động, các đối tượng cựu SV thông qua các phương tiện truyền thông như trang website của Khoa Lịch sử [H2.2.3.13] [H2.2.3.14] [H2.2.3.15] [H2.2.3.16] [H2.2.3.17] và của Nhà trường [H2.2.3.4].

Có thể nói, với nhiều cách thức, phương tiện khác nhau được sử dụng để chuyển tải, giới thiệu, phổ biến, các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, cựu NH đều có thể tiếp cận Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP thuộc chuyên ngành Sư phạm Lịch sử một cách dễ dàng và thuận tiện [H2.2.3.4] [H2.2.3.8] [H2.2.3.18] [H2.2.3.19] [H2.2.3.20] [H2.2.3.21].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được công bố công khai, rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau nên các đối tượng có nhu cầu tham khảo như GV, NH, nhà tuyển dụng, học sinh THPT... đều dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

- Khoa Lịch sử chưa chủ động trong công tác quảng bá trực tiếp các thông tin về Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết HP kết hợp với tổ chức giới thiệu các hoạt động trải nghiệm, hoạt động thực tế, thực tập và việc rèn luyện các kỹ năng mềm cho NH đến cơ quan tuyển dụng. Đây là hạn chế khiến nhà tuyển dụng chưa biết đầy đủ về sản phẩm đào tạo của Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP, ĐHH.

- Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT và đề cương các HP chưa rộng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	<p>- Tăng cường hơn nữa công tác quảng bá trực tiếp các thông tin về Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết HP kết hợp với tổ chức giới thiệu các hoạt động trải nghiệm, hoạt động thực tế, thực tập và việc rèn luyện các kỹ năng mềm cho NH để các tổ chức nghề nghiệp, nhà tuyển dụng hiểu biết đầy đủ về sản phẩm đào tạo của Khoa Lịch sử, Trường ĐHSPT, ĐHH.</p> <p>- Phối hợp chặt chẽ với Nhà trường trong việc cải thiện phạm vi, đối tượng thu thập ý kiến phản hồi về Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết HP để có đánh giá đa dạng, đa chiều, cập nhật hơn nữa.</p>	<p>- Khoa Lịch sử</p> <p>- Phòng KT & BĐCLGD</p> <p>- Phòng ĐTĐH& CTSV.</p>	<p>Từ năm học 2022</p> <p>- 2023</p>
2	Phát huy điểm mạnh	<p>- Xây dựng nội dung, thiết kế hình thức sinh động trong việc quảng bá, chuyển tải thông tin đầy đủ về CTĐT đến nhiều đối tượng quan tâm.</p> <p>- Thường xuyên cập nhật những nội dung điều chỉnh để CTĐT đáp ứng kịp thời yêu cầu, mục tiêu đào tạo của Nhà trường phù hợp với tình hình thực tiễn.</p>	<p>- Phòng ĐTĐH& CTSV.</p> <p>- Phòng KT & BĐCLGD.</p> <p>- Khoa Lịch sử.</p>	<p>Từ năm học 2022</p> <p>- 2023</p>

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử và đề cương các HP trong CTĐT của Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP, ĐHH đã cung cấp đầy đủ, rõ ràng và tường minh các thông tin căn bản, cần thiết về CTĐT và cấu trúc chương trình. Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử và đề cương các HP được thường xuyên rà soát, điều chỉnh, cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan, nhất là các xu hướng đào tạo, phương pháp dạy - học và kết quả nghiên cứu mới. Quá trình bổ sung, điều chỉnh CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử của Khoa Lịch sử được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các văn bản pháp lý hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, đúng theo quy trình, quy định chung của ĐHH và của Trường ĐHSP, đồng thời dựa trên nguồn thông tin đóng góp, xây dựng của Hội đồng Khoa; phản hồi, đánh giá về CTĐT của cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng và các nhà chuyên môn. Ma trận hiển thị kết quả chương trình CDR được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các đề cương HP của chương trình. Đề cương của các HP được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHSP, ĐHH. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến HP, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của HP đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử và đề cương các HP được công bố công khai, rộng rãi, bằng nhiều hình thức, dễ dàng tiếp cận đối với SV, học sinh có nguyện vọng học tại trường, nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức nghề nghiệp, cơ quan quản lý có thẩm quyền kiểm định CTĐT và những người quan tâm.

Bên cạnh điểm mạnh, bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử vẫn còn một số tồn tại: do đặc thù chuyên môn, một số đề cương HP chưa kịp thời cập nhật đầy đủ về nội dung có tính thời sự, giáo trình và tài liệu tham khảo mới để giúp SV tiếp cận nhanh chóng những kiến thức hiện đại liên quan đến lĩnh vực chuyên môn trên thế giới; việc cập nhật bản mô tả CTĐT còn thụ động do tùy thuộc vào việc phân tích ý kiến khảo sát định kỳ của các bên liên quan và phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng.

Căn cứ vào những phân tích nêu trên, số lượng tiêu chí đạt yêu cầu của Tiêu chuẩn 2 là 3/3.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTDH ngành Sư phạm Lịch sử có cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Bộ GD&ĐT, ĐHH và Trường ĐHSP với các yêu cầu chặt chẽ về mục tiêu, CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực, cơ hội việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ đào tạo của cử nhân Sư phạm Lịch sử. CTDH đáp ứng linh hoạt yêu cầu đào tạo nguồn giáo viên Lịch sử về phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe, nắm vững các tri thức về khoa học Lịch sử theo hướng tích hợp liên ngành, liên thông lên trình độ cao hơn; có khả năng dạy học và hoạt động giáo dục ở THPT, cao đẳng và đại học; có khả năng NCKH lịch sử và khoa học giáo dục, cũng như ứng dụng các thành tựu nghiên cứu vào thực tế nghề nghiệp và đời sống xã hội, đáp ứng được yêu cầu đổi mới GDPT; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. CTDH được thiết kế dựa trên cơ sở CDR với sự tham gia của các GV, CB nghiên cứu, CBQL và nhà tuyển dụng; đảm bảo tính hệ thống, có cấu trúc hợp lý, logic; cân đối giữa lý thuyết, thực hành và tự học, tự nghiên cứu. Nội dung CTDH được cập nhật và tích hợp. Phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá SV được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt các CDR chung của cả CTDH và các CDR của từng HP. Chủ đề và nội dung các HP được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTDH của ngành Sư phạm Lịch sử liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp và cập nhật ở từng HP cụ thể và ở CTĐT tổng thể.

Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CDR

1. Mô tả hiện trạng

CTDH cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử được xây dựng trên cơ sở chương trình chuẩn của Bộ GD&ĐT [H3.3.1.1] và tuân theo yêu cầu trong CDR của ĐHH và Trường ĐHSP về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân [H3.3.1.2] [H3.3.1.3]; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Khoa, thể hiện trong nội dung của các HP, các khối kiến thức và trong toàn bộ CTĐT [H3.3.1.4] [H3.3.1.5] [H3.3.1.6], góp phần thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu giáo dục và trách nhiệm xã hội của Trường ĐHSP, ĐHH [H3.3.1.7].

CTDH của Khoa Lịch sử thể hiện mục tiêu trong kết quả của từng môn học, từng khối kiến thức, đảm bảo các môn học có sự bổ sung, hỗ trợ nhau và liên kết chặt chẽ

với nhau trong quá trình học tập, nghiên cứu chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm [H3.3.1.8] [H3.3.1.9] [H3.3.1.10].

CĐR của CTDH ngành Sư phạm Lịch sử bao gồm các yêu cầu về phẩm chất và năng lực, vị trí việc làm sau tốt nghiệp và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp [H3.3.1.8] [H3.3.1.3] [H3.3.1.11]. Trong đó, CĐR về phẩm chất và năng lực của CTDH được quy định chặt chẽ trong các môn học. CĐR về phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân, đạo đức và phong cách nhà giáo được quy định trong các môn học Lý luận chính trị, khối ngành và chuyên ngành; CĐR về năng lực dạy học và giáo dục được quy định trong các HP nghiệp vụ, lý luận và phương pháp dạy học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và thực hành dạy học [H3.3.1.8] [H3.3.1.12].

CTDH đã đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, thể hiện ở tỉ lệ cân đối giữa các môn lý thuyết và thực hành; tỉ lệ giữa số giờ lý thuyết và thực hành; mỗi HP có 2-4 tín chỉ [H3.3.1.13]; SV tốt nghiệp phải tích lũy được 132 tín chỉ từ khóa đào tạo 2021 [H3.3.1.8] [H3.3.1.10] và 135 tín chỉ trong những năm trước đó (2015 và 2018) [H3.3.1.14] [H3.3.1.15] [H3.3.1.16] [H3.3.1.17] [H3.3.1.18] [H3.3.1.19]. Việc giảm 03 tín chỉ của CTDH năm 2021 so với CTDH năm 2015 và 2018 xuất phát từ yêu cầu điều chỉnh CTĐT của Nhà trường phù hợp với xu hướng đổi mới giáo dục đại học Việt Nam và giáo dục quốc tế, đảm bảo đúng quy định về số tín chỉ trong xây dựng chương trình [H3.3.1.20] [H3.3.1.21] [H3.3.1.22]. Trong đó, CTDH có 122 tín chỉ bắt buộc và 10 tín chỉ tự chọn (15 TC đối với SV thực hiện các HP thay thế khóa luận tốt nghiệp), có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất, có chứng chỉ Ngoại ngữ trình độ B1 theo khung châu Âu (bắt đầu từ khóa tuyển sinh 2013) [H3.3.1.23].

Trên cơ sở khảo sát ý kiến của các bên liên quan và thực tiễn đào tạo [H3.3.1.24] [H3.3.1.25] [H3.3.1.26], Khoa Lịch sử căn cứ hướng dẫn của Nhà trường [H3.3.1.27] [H3.3.1.11] [H3.3.1.21] [H3.3.1.28] [H3.3.1.24] [H3.3.1.29] để điều chỉnh CTDH phù hợp. CTDH xác định phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của NH được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết của các HP [H3.3.1.30]. Đối với GV, trong quá trình dạy học sử dụng các phương pháp như: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, dự án, nêu và giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống. Đối với SV, sử dụng các hình thức: làm bài tập, seminar, thực hành, làm việc theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu. Hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện bằng nhiều hình thức: điểm chuyên cần và thái độ học tập

(trọng số 10%); đánh giá giữa kỳ: bài tập cá nhân, hoạt động theo nhóm, seminar, kiểm tra đánh giá từng kỳ (trọng số 40%) [H3.3.1.9], [H3.3.1.8]; kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp hay phối hợp các hình thức (trọng số 60%) [H3.3.1.31] [H3.3.1.32].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức khảo sát ý kiến NH và nhà tuyển dụng về CTĐT. Những góp ý của các bên liên quan về chất lượng đào tạo đều được Nhà trường và Khoa nghiên cứu bổ sung trong những lần điều chỉnh sau đó [H3.3.1.24] [H3.3.1.26] [H3.3.1.33].

2. Điểm mạnh

Dựa trên CTĐT, bản mô tả CTĐT và các đề cương HP được phê duyệt và ban hành, Khoa Lịch sử đã thiết kế CTDH với các HP có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT.

CTDH cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chung, năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, đáp ứng được yêu cầu về vị trí việc làm cũng như khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp. Các tổ hợp về phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, phương pháp kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của NH được thể hiện trong tất cả các HP thuộc CTDH đã thể hiện tính phù hợp và hỗ trợ lẫn nhau nhằm đạt được CĐR của CTDH.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức các hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi của các bên liên quan như: cựu SV, nhà tuyển dụng về chất lượng CTDH các HP chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục, nên việc thiết kế CTDH cho ngành Sư phạm Lịch sử chưa phản ánh hết được mục tiêu của CTDH theo CĐR của từng HP.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Chủ động lập/đề xuất và triển khai kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, thường xuyên tổ chức	Phòng ĐTDH&CTSV, Phòng KT&BĐCLGD, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023

		các hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng CTDH.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh CDR của CTĐT, phát huy thế mạnh của mỗi HP trong đáp ứng yêu cầu CDR của CTDH.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của HP trong việc đạt được CDR là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành Sư phạm Lịch sử được biên soạn trên cơ sở quy định chuẩn của CTĐT của Bộ GD&ĐT [H3.3.2.1] và CTĐT của Trường ĐHSPT, ĐHH [H3.3.2.2] [H3.3.2.3]. Việc biên soạn CTDH và đề cương chi tiết của từng HP tuân theo văn bản hướng dẫn của Nhà trường [H3.3.2.4] [H3.3.2.5] [H3.3.2.3].

Các HP được sắp xếp hợp lý, có hệ thống trong toàn bộ khóa học nhằm đáp ứng CDR [H3.3.2.6] [H3.3.2.7] [H3.3.2.8] [H3.3.2.9] [H3.3.2.6] [H3.3.2.10]. Nội dung, kế hoạch giảng dạy của các HP đã được cụ thể hóa qua đề cương chi tiết và kế hoạch đào tạo [H3.3.2.11] [H3.3.2.3].

100% HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và có đóng góp vào CDR của CTĐT về phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chung, năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp [H3.3.2.12] [H3.3.2.13] [H3.3.2.14] [H3.3.2.15] [H3.3.2.16] [H3.3.2.17] [H3.3.2.5] [H3.3.2.11] [H3.3.2.3] [H3.3.2.18] [H3.3.2.19] [H3.3.2.20] [H3.3.2.21] [H3.3.2.22] [H3.3.2.23]. CTDH ngành Lịch sử năm 2021 được thiết kế thành 05 khối kiến thức: 1. Khối kiến thức chung (26 tín chỉ) trang bị cho NH những kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, lý luận chính trị, tin học, phương pháp NCKH, tâm lý học, ngoại ngữ và giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh; 2. Khối kiến thức cơ sở khối ngành (10 tín chỉ) trang bị những kiến thức cơ sở cho chuyên ngành; 3.

Khối kiến thức chuyên môn ngành (66 tín chỉ) trang bị chuyên sâu cho NH về chuyên ngành Sư phạm Lịch sử; 4. Khối kiến thức nghiệp vụ ngành (21 tín chỉ) trang bị những kiến thức kỹ năng nghề nghiệp; 5. Thực hành nghề nghiệp (09 tín chỉ) nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng thực hành nghiệp vụ sư phạm cho NH tại trường phổ thông [H3.3.2.22] [H3.3.2.23].

Các HP trong CTDH ngành Lịch sử đều có đóng góp cho CĐR của CTĐT [H3.3.2.3]. Trong đó, các HP Lý luận chính trị thuộc Khối kiến thức chung và các HP thuộc khối chuyên môn ngành có đóng góp mức cao (mức 3) đối với CĐR về phẩm chất nghề nghiệp và năng lực chuyên môn. Các HP Ngoại ngữ, Tin học có đóng góp cao vào năng lực ứng dụng CNTT và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp. Các HP nghiệp vụ ngành như: Rèn luyện nghiệp vụ, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Phát triển CTDH bộ môn, Lý luận và Phương pháp dạy học, Thực hành dạy học và Thực tập sư phạm có mức đóng góp cao về năng lực nghề nghiệp. Sự phối hợp của tất cả các HP trong CTDH sẽ giúp SV phát triển các năng lực chung như: Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực tư duy phản biện; Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác của CĐR [H3.3.2.11] [H3.3.2.3].

Không chỉ tương thích về nội dung, 100% HP trong CTDH đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau hiệu quả để đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT. Trên cơ sở phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá được quy định chung trong CTDH, GV giảng dạy đã cụ thể hóa thành các phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của từng HP trong đề cương chi tiết HP. Các phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá của từng HP thể hiện trong đề cương chi tiết được toàn thể GV của bộ môn thảo luận, thống nhất và cùng thực hiện [H3.3.2.11] [H3.3.2.3] [H3.3.2.24] [H3.3.2.25] [H3.3.2.26]. Từ năm 2021, Nhà trường bổ sung thêm hình thức thi trực tuyến cho phù hợp với bối cảnh đại dịch Covid 19 [H3.3.2.27]. Vì vậy, quy định về kiểm tra, đánh giá được cải tiến với các hình thức, phương pháp và nội dung đa dạng, đảm bảo sát với nội dung kiến thức trong HP và yêu cầu của CĐR [H3.3.2.28] [H3.3.2.29].

Nội dung các HP trong đề cương chi tiết HP đã thể hiện được CĐR của CTDH [H3.3.2.30] [H3.3.2.31]. Trong quá trình xây dựng và rà soát nội dung các HP

trong CTĐT, Khoa Lịch sử đã lấy ý kiến phản hồi của GV và NH [H3.3.2.32]. Kết quả khảo sát cho thấy các bên liên quan đánh giá CTĐT của Khoa Lịch sử đã đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động [H3.3.2.33] [H3.3.2.34] [H3.3.2.35].

2. Điểm mạnh

Tất cả các HP trong CTDH ngành Sư phạm Lịch sử được cấu trúc hợp lý với tiến trình học tập của NH và có sự tương thích về nội dung theo yêu cầu CĐR. Phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá ở tất cả HP đều phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung CTDH được định kỳ lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan và điều chỉnh kịp thời, phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Các HP thuộc khối kiến thức chung, HP thuộc khối kiến thức nhóm ngành, chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho SV lựa chọn đăng ký môn học do không bị ràng buộc quá nhiều bởi các HP tiên quyết, đáp ứng được yêu cầu của CĐR. Nội dung của các HP kiến thức cơ sở khối ngành và các HP chuyên môn ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. Đặc biệt, các HP đều đảm bảo SV rèn luyện các kỹ năng cần thiết để có thể nghiên cứu, thực hành và làm việc trong lĩnh vực liên quan.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp, hình thức dạy học; phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá của một số HP cần được thể hiện chi tiết, đa dạng hơn nhằm hỗ trợ SV tốt nhất trong việc đạt được CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, chỉnh sửa phương pháp, hình thức dạy và học, quy định phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá trong đề cương chi tiết các HP.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy thế mạnh của mỗi HP trong việc đáp ứng yêu cầu CĐR của CTĐT	Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 gồm 132 tín chỉ, được thiết kế thành 05 khối kiến thức, gồm: khối kiến thức chung; kiến thức cơ sở khối ngành; kiến thức chuyên môn ngành; kiến thức nghiệp vụ ngành; Thực hành nghề nghiệp [H3.3.3.1]. Trên cơ sở đó, Khoa Lịch sử đã xây dựng HP thuộc khối kiến thức sâu chuyên ngành trực tiếp liên quan đến chức năng, nhiệm vụ đào tạo của Khoa, đáp ứng được yêu cầu của CDR ngành Sư phạm Lịch sử. Trên cơ sở đó, Khoa Lịch sử đã xây dựng HP thuộc khối kiến thức chuyên sâu ngành, trực tiếp liên quan đến chức năng, nhiệm vụ đào tạo của Khoa, đáp ứng được yêu cầu CDR của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử.

100% HP trong CTDH được bố trí hợp lý, sắp xếp trình tự logic, đảm bảo cho SV có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả, liền mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành từ năm thứ 1 đến năm thứ 4. Cụ thể là: các HP được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu. SV có thời gian hợp lý để học tập trên giảng đường và thời gian thực tập thực tế, thực tập tổng hợp, nghiên cứu [H3.3.3.2] [H3.3.3.3] [H3.3.3.4] [H3.3.3.1] [H3.3.3.5] [H3.3.3.6] [H3.3.3.7] [H3.3.3.8] [H3.3.3.9] [H3.3.3.10] [H3.3.3.11] [H3.3.3.12].

Ngoài ra, tất cả HP trong CTDH ngành Sư phạm Lịch sử được bố trí hợp lý về HP điều kiện tiên quyết, thời lượng mỗi HP và thời điểm thực hiện. Trình tự các HP được sắp xếp hợp lý theo từng học kỳ đều nêu rõ trong đề cương chi tiết của từng HP [H3.3.3.2] [H3.3.3.3] [H3.3.3.4] [H3.3.3.1] [H3.3.3.6] [H3.3.3.5] [H3.3.3.13] [H3.3.3.11] [H3.3.3.12] [H3.3.3.14]. Việc sắp xếp thời khoá biểu và phân công CB giảng dạy của Khoa được thực hiện khoa học, đáp ứng chặt chẽ CTDH [H3.3.3.15] [H3.3.3.5] [H3.3.3.3] [H3.3.3.6] [H3.3.3.13] [H3.3.3.11].

CTDH ngành Sư phạm Lịch sử đã được tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật vào các năm, đặc biệt vào năm 2021 nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và sự thay đổi của Chương trình GDPT năm 2018 [H3.3.3.16] [H3.3.3.17] [H3.3.3.18] [H3.3.3.19]. Trong các lần rà soát và cập nhật CTDH, Khoa đều lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan [H3.3.3.20] [H3.3.3.21] [H3.3.3.22] [H3.3.3.19] [H3.3.3.23]. CTDH năm 2018 có 135 tín chỉ, cấu trúc thành 04 khối kiến thức gồm: Khối kiến thức chung (21 TC), Khối kiến thức đào

tạo và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (34 TC), Khối kiến thức chuyên ngành (75 TC), Khoá luận hoặc các HP thay thế (5 TC). Đến năm 2019, trong lần rà soát theo định kỳ, một số HP trong CTDH đã được điều chỉnh như: Thay thế HP “*Thương mại Việt Nam thời trung đại*” bằng HP: “*Kinh tế Việt Nam thời trung đại*”; Thay thế HP “*Lịch sử đô thị Đông Nam Á*” bằng HP “*Lịch sử văn minh Đông Nam Á*”; Bổ sung các HP sau vào chương trình Giáo dục Đại học theo hệ thống tín chỉ Khối Sư phạm, ngành Lịch sử năm 2015: “*Hồ Chí Minh trong tiến trình lịch sử*”, “*Sự lựa chọn con đường cứu nước giải phóng dân tộc của Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX*” nhằm cập nhật với một số chủ đề, chuyên đề trong Chương trình môn Lịch sử THPT năm 2018 [H3.3.3.24] [H3.3.3.4].

Sau một thời gian thực hiện, để tiếp tục phù hợp với sự đổi mới của Chương trình GDPT tổng thể, Chương trình môn Lịch sử THPT năm 2018 và quy định của ĐHH, Trường ĐHSP [H3.3.3.25] [H3.3.3.26] [H3.3.3.27], CTDH ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 được thiết kế còn 132 tín chỉ, cấu trúc thành 5 khối kiến thức: Khối kiến thức chung (26 TC); Khối kiến thức cơ sở khối ngành (10 TC); Khối kiến thức chuyên môn ngành (66 TC); Khối kiến thức nghiệp vụ ngành (21 TC); Thực hành nghề nghiệp (9 TC). HP “Hoạt động trải nghiệm sáng tạo” được đổi tên thành “Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp” cho phù hợp với tên hoạt động giáo dục trong Chương trình GDPT năm 2018; Bổ sung một số HP: Lịch sử, văn hoá Đông Nam Á, Làng xã Việt Nam, Giáo dục địa phương, Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong lịch sử, Hoa Kỳ từ năm 1945 đến nay, Kỹ thuật dạy học lịch sử... [H3.3.3.15] [H3.3.3.26] [H3.3.3.28].

Trong các lần rà soát, điều chỉnh CTDH ngành Sư phạm Lịch sử, Khoa có tham khảo, đối sánh với các CTDH ngành Sư phạm Lịch sử tiên tiến trong nước như: Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐHSP Hà Nội 2, ĐHSP Đà Nẵng [H3.3.3.29] [H3.3.3.30].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành Sư phạm Lịch sử được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng đổi mới, phát triển ngành Sư phạm Lịch sử và yêu cầu của thực tiễn cuộc sống. CTDH được thường xuyên định kỳ rà soát, bổ sung, cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHH và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Chưa tham khảo, đối sánh được nhiều CTDH của một số CTĐT cùng ngành của nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Có kế hoạch cụ thể về tham khảo CTDH của một số CTĐT cùng ngành của nước ngoài để cập nhật xu thế phát triển của giáo dục thế giới	Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Triển khai rà soát và điều chỉnh CTDH, đảm bảo tính cập nhật về cấu trúc, trình tự logic, nội dung của CTDH phải hợp lý, liền mạch	- Phòng ĐTDH&CTSV - Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành Sư phạm Lịch sử của Khoa Lịch sử được thiết kế với các HP có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Để đảm bảo cho NH được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp, Khoa Lịch sử chú trọng đến tính logic và tính tích hợp của các HP trong CTDH. Các HP cơ sở, các HP thuộc khối kiến thức nhóm ngành, ngành được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện cho SV trong việc lựa chọn đăng ký HP do không bị ràng buộc quá nhiều bởi các HP tiên quyết. Nội dung của các HP cơ sở và HP chuyên ngành phù hợp, có sự bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng đổi mới, phát triển ngành Sư phạm Lịch sử và yêu cầu của thực tiễn cuộc sống. CTDH thể hiện được năng lực của SVTN. Các CBGV của

Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi HP, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả theo CDR. Phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá ở tất cả HP đều phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR. Bên cạnh đó, CTDH được định kỳ lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan và được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung giúp CTDH ngày càng có cấu trúc, trình tự logic hợp lý; nội dung cập nhật và có tính tích hợp, đáp ứng yêu cầu GDPT và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, do đặc thù của khoa học xã hội, một số HP trong CTDH nặng lý thuyết, ít thực hành. CTDH ngành Sư phạm Lịch sử cũng chưa tham khảo, đối sánh được với nhiều CTDH của một số CTĐT cùng ngành của nước ngoài.

Căn cứ vào các phân tích nêu trên số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu là 3/3.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng vai trò vô cùng quan trọng, là một trong những yếu tố quyết định thành quả đầu ra của CTĐT. Tổ chức và triển khai các hoạt động dạy học bao gồm: tổ chức và triển khai các phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra, đánh giá; xây dựng và tiến hành các hoạt động trong việc ứng dụng các phương pháp tích cực, phù hợp với CTĐT của ngành. Trường và Khoa đã chú trọng và xác định việc phát triển CTĐT, phương pháp tiếp cận dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm đạt được các yêu cầu của CDR. Đây là những khâu quan trọng quyết định đến chất lượng các CTĐT của từng ngành trong sự nghiệp phát triển chung của Trường ĐHSP, ĐHH trong những năm tiếp theo. Phát triển CTĐT được thực hiện dựa trên những định hướng chung của Đảng, Nhà nước và Bộ GD&ĐT nhằm tăng cường tính chủ động sáng tạo, phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu và khả năng làm việc theo nhóm của NH trong trường đại học. Khoa Lịch sử chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tập trung vào chất lượng đầu ra của quá trình dạy học như đã được công bố rõ ràng và rộng rãi trong mục tiêu đào tạo và CDR về năng lực và phẩm chất của CTĐT. Trên cơ sở đó, các HP trong CTĐT được phân bổ một cách hợp lý với các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát huy tính chủ động và sáng tạo của NH. Các hoạt động dạy học đều phải cùng hướng đến CDR, đồng thời thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng tự học và cơ hội học tập suốt đời của NH.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSP, ĐHH được tuyên bố rõ ràng vào năm 2015. Đến năm 2018, Nhà trường ra Quyết định ban hành sứ mạng, tầm nhìn, Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2018-2022, xác định: “*Trường ĐHSP, ĐHH có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, CB khoa học và QLGD có trình độ đại học, sau đại học theo chuẩn quốc gia; NCKH và chuyển giao công nghệ, tư vấn giáo dục, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục khu vực duyên hải miền Trung và cả nước; phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế*”, với tầm nhìn là: “*Đến năm 2030, Trường ĐHSP Huế trở thành một trong bốn trường ĐHSP hàng đầu về đào tạo giáo viên và NCKH sư phạm ứng dụng đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục ở khu vực duyên hải miền Trung và cả nước; hoàn chỉnh ngành và bậc học; hoạt động theo tiêu chuẩn chất lượng quốc gia và khu vực, đảm bảo cho NH có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng trong xã hội phát triển*” và giá trị cốt lõi là “*Nhân văn - Khai phóng - Hội nhập*” [H4.4.1.1].

Sau một thời gian thực hiện, để phù hợp với sự phát triển giáo dục trong điều kiện mới, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 3143/QĐ-ĐHSP ngày 31/12/2019 về việc công bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu giáo dục và trách nhiệm xã hội của Trường ĐHSP, ĐHH và được công khai website của Trường [H4.4.1.2] [H4.4.1.3]. Giá trị cốt lõi của Trường ĐHSP, ĐHH Huế có nội dung: “*Nhân văn - Khai phóng - Hội nhập*”. Trong đó, giáo dục “*Nhân văn*” có nghĩa là: Đạo đức là cái gốc của mọi vấn đề, không có gì quan trọng hơn tính nhân văn trong môi trường giáo dục. Trường ĐHSP, ĐHH coi trọng việc đào tạo ra những thế hệ SV, học viên vừa có kiến thức chuyên sâu, vừa phải có khát vọng vươn lên và cống hiến, có trách nhiệm trước cộng đồng, có tình yêu thương con người sâu sắc để trở thành những con người vừa có trình độ học vấn cao, vừa có văn hóa và nhân cách đạo đức tốt, xứng đáng với phẩm chất nhà giáo. Triết lý “*Khai phóng*” hướng tới xây dựng cho NH một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp NH lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định. Triết lý “*Hội nhập*” là khả năng học tập và làm việc linh hoạt, thích ứng của NH trong môi trường quốc tế thể hiện ở chất lượng các CTĐT được các tổ chức kiểm định quốc tế,

các trường đại học cùng khối ngành trong khu vực công nhận.

Bên cạnh đó, mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSP, ĐHH là: *“Đào tạo đội ngũ giáo viên, CBQL giáo dục, CB KH&CN chất lượng cao, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, yêu nghề, năng động, sáng tạo; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có năng lực nghiên cứu, phát triển ứng dụng KH&CN, đặc biệt là KH&CN giáo dục, phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và hội nhập quốc tế; Xây dựng môi trường sư phạm mẫu mực, chuyên nghiệp, trách nhiệm và thân thiện, hướng tới NH, lấy tiêu chuẩn chất lượng quốc gia và quốc tế làm nền tảng phát triển, đảm bảo cho NH có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng trong môi trường xã hội phát triển; Thực hiện phương châm kết hợp đào tạo và nghiên cứu, lý thuyết gắn với thực hành: Tạo điều kiện cho NH thực hành, thực tập và NCKH nhằm phát triển kỹ năng nghề nghiệp, tư duy khoa học, năng lực sáng tạo, hỗ trợ NH khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt là trong giáo dục; Phát triển thể chất và tinh thần cho NH: Tạo điều kiện cho NH rèn luyện sức khỏe, tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, sinh hoạt cộng đồng và hoạt động thiện nguyện, phát triển kỹ năng sống; Gắn kết với xã hội qua việc phát hiện và đề xuất giải pháp giải quyết những vấn đề về giáo dục, triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ góp phần phát triển giáo dục, đào tạo của khu vực và cả nước”* [H4.4.1.2] [H4.4.1.3].

Mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi được công bố công khai trên website, fanpage và youtube của Trường [H4.4.1.3] [H4.4.1.4] [H4.4.1.5]. Bên cạnh đó, mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi của Trường còn được thể hiện trên các poster, bảng treo đặt ở giảng đường và các vị trí khác nhau trong khuôn viên trường, phòng học để GV, NH và các bên liên quan có thể tiếp cận một cách thuận lợi, dễ dàng, hiểu và thực hiện. Đối với CBGV trong Nhà trường, mục tiêu giáo dục được phổ biến thông qua văn bản gửi cho tất cả các đơn vị trong Nhà trường, bằng văn bản chính thức qua website truyền thông, qua hội nghị cán bộ viên chức (CBVC) hàng năm hay qua các buổi làm việc của lãnh đạo Nhà trường với lãnh đạo các CSGD qua các đợt tổng kết thực tập sư phạm, tư vấn tuyển sinh, góp ý của các Sở GD&ĐT [H4.4.1.6] [H4.4.1.7] [H4.4.1.8] [H4.4.1.9]. Đối với SV, ngay khi nhập học, mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến trong đợt học chính trị đầu năm và được nhắc lại trong các đợt sinh hoạt chính trị tiếp theo, được cấp Sổ tay SV [H4.4.1.10] [H4.4.1.11] [H4.4.1.12] [H4.4.1.13] [H4.4.1.14] [H4.4.1.15]. Trong Ngày đón tân SV, mục tiêu giáo dục của Nhà trường cũng được

phổ biến rộng rãi tới toàn thể SV năm thứ nhất. Mục tiêu giáo dục được Nhà trường cụ thể hoá trong mục tiêu hoạt động từng năm học [H4.4.1.16] [H4.4.1.17]. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được quán triệt trong quá trình xây dựng chương trình giáo dục đại học của Khoa Lịch sử [H4.4.1.18] [H4.4.1.19] [H4.4.1.20] [H4.4.1.21].

Trên cơ sở mục tiêu giáo dục của Trường, mục tiêu giáo dục đại học được quy định trong Luật giáo dục và mục tiêu đào tạo quy định trong khung chương trình của Bộ GD&ĐT, Khoa Lịch sử đã xác định các mục tiêu cụ thể và CDR về phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng của SV [H4.4.1.22] [H4.4.1.23] [H4.4.1.18] [H4.4.1.19] [H4.4.1.20]. Mục tiêu của Chương trình đào tạo cử nhân ngành sư phạm Lịch sử là đào tạo cử nhân sư phạm ngành Lịch sử có phẩm chất cơ bản của nhà giáo trong nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam: thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu NH, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của nhà giáo; có năng lực giảng dạy tốt môn Lịch sử ở các trường THPT, có thể trở thành GV ở các trường đại học, cao đẳng, làm nghiên cứu ở các tổ chức, cơ quan QLGD, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, đặc biệt trong lĩnh vực Sử học, Lý luận và Phương pháp dạy học Lịch sử; Làm công tác quản lý tư liệu lịch sử, công tác bảo tàng, quản lý di tích lịch sử; Làm công tác lịch sử văn hóa của các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể xã hội...; Giảng dạy tại các trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, làm CB trong các cơ quan thuộc lĩnh vực chính trị - xã hội; biết vận dụng lý luận vào thực tiễn và kỹ năng sư phạm để hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, CNH, HĐH ở nước ta hiện nay. Để thực hiện mục tiêu giáo dục của CTĐT, các đề cương HP trong CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử đều nêu rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá để đạt được CDR và đáp ứng yêu cầu xã hội [H4.4.1.20]. Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành sư phạm Lịch sử được công bố công khai trên website, fanpage, poster tuyển sinh của Khoa [H4.4.1.24] [H4.4.1.25] [H4.4.1.26].

2. Điểm mạnh

- Mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử phù hợp với mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Trường ĐHSP, ĐHH.

- Mục tiêu đào tạo của Khoa Lịch sử được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan và được thực hiện bởi CBVC, GV và SV của Khoa hằng năm.

3. Điểm tồn tại

- Mặc dù được phổ biến rộng rãi trên website cũng như các hình thức quảng bá khác nhưng một số nhà tuyển dụng cũng như cựu SV chưa thực sự hiểu biết sâu sắc về giá trị cốt lõi của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Đầu tư nhiều hơn và nâng cao nội dung hình thức website của Khoa. - Tham gia công tác thăm dò cùng Nhà trường để thu nhận thông tin phản hồi nhiều hơn nữa từ các nhà tuyển dụng, SV và cựu SV.	- Khoa Lịch sử - Phòng ĐTDH&CTSV	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Lồng ghép công tác tuyên truyền về mục tiêu đào tạo qua các cuộc họp, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt tổ chuyên môn; gặp gỡ SV,...	- Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học của mỗi HP được thiết kế đa dạng và phù hợp, giúp NH đạt được CDR của HP, từ đó đạt được CDR của CTĐT Lịch sử [H4.4.2.1] [H4.4.2.2] [H4.4.2.3] [H4.4.2.4] [H4.4.2.5] [H4.4.2.6]. 100% các HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và có đóng góp vào CDR của CTĐT về phẩm chất nghề

nghiệp, năng lực chung, năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp [H4.4.2.1] [H4.4.2.2] [H4.4.2.3] [H4.4.2.4] [H4.4.2.5] [H4.4.2.6].

Dạy học giải thuyết vấn đề, dạy học hợp tác, dạy học khám phá..., cùng với các hình thức dạy học đa dạng như: Seminar, thảo luận nhóm, trải nghiệm... đã được áp dụng trong hoạt động dạy và học các HP lý thuyết và thực hành giúp NH phát triển được các năng lực đã được đề ra trong CDR. Các hoạt động thực tế lịch sử, thực tập sư phạm giúp SV có cơ hội được trải nghiệm thực tế, SV vận dụng được kiến thức chuyên môn để có thể đảm nhận công việc trong các CSGD và hiểu được biết vai trò và trách nhiệm nghề nghiệp [H4.4.2.1] [H4.4.2.2] [H4.4.2.3] [H4.4.2.4] [H4.4.2.5] [H4.4.2.6].

Khối kiến thức nghiệp vụ ngành (21 tín chỉ) trang bị những kiến thức kỹ năng nghề nghiệp; Khối kiến thức Thực hành nghề nghiệp (09 tín chỉ) trang bị kiến thức và kỹ năng thực hành nghiệp vụ sư phạm cho NH tại trường phổ thông, thực hiện phương châm dạy học “Học đi đôi với hành” [H4.4.2.3] [H4.4.2.7]. Các HP nghiệp vụ ngành cụ thể như: Rèn luyện nghiệp vụ, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Phát triển CTDH bộ môn, Lý luận và Phương pháp dạy học, Thực hành dạy học và Thực tập sư phạm có mức đóng góp cao về năng lực nghề nghiệp. Sự phối hợp của tất cả các HP trong CTDH sẽ giúp SV phát triển các năng lực chung như: Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực tư duy phản biện; Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác của CDR [H4.4.2.1] [H4.4.2.2] [H4.4.2.3] [H4.4.2.4] [H4.4.2.5] [H4.4.2.6].

Khoa luôn chú trọng đảm bảo tính hệ thống và có cấu trúc hợp lý; cân đối giữa lý thuyết, thực hành và tự học, tự nghiên cứu. Thời lượng giờ tự học của mỗi HP được xác định theo quy định chung và được ghi rõ trong đề cương mỗi HP [H4.4.2.4] [H4.4.2.5] [H4.4.2.6]. SV có thể thực hiện giờ tự học, bài tập cá nhân hay bài tập nhóm ở thư viện hoặc ở nhà. Hoạt động seminar hoặc thảo luận nhóm được thực hiện trên lớp dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV hoặc theo nhóm ở giảng đường dưới sự tổ chức của nhóm trưởng được phân công với các nội dung do GV định hướng thể hiện trong đề cương HP, hoặc trong quá trình dạy học [H4.4.2.4] [H4.4.2.5] [H4.4.2.6]. Các hoạt động này ngoài việc góp phần giúp SV đạt được các CDR về kiến thức còn phát triển cho SV kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, hình thành trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết. SV của ngành Sư phạm Lịch sử sau khi đạt được những điều kiện theo quy định của Quy chế đào tạo sẽ được đi thực tập tốt nghiệp tại CSGD phổ thông... [H4.4.2.8] [H4.4.2.9] [H4.4.2.10] [H4.4.2.11] [H4.4.2.12] [H4.4.2.13] [H4.4.2.14] [H4.4.2.15] [H4.4.2.16] [H4.4.2.17] [H4.4.2.18] [H4.4.2.19] [H4.4.2.20] [H4.4.2.21] [H4.4.2.16] [H4.4.2.22] [H4.4.2.23] [H4.4.2.24] [H4.4.2.25] [H4.4.2.26] [H4.4.2.27].

Khoa và các bộ môn thuộc Khoa thường xuyên tổ chức kiểm tra và dự giờ, bảo đảm các GV chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu về giảng dạy và giúp GV kịp thời điều chỉnh các hoạt động giảng dạy phù hợp với trình độ của NH nhằm đạt được CĐR [H4.4.2.28].

Hàng năm, Trường tiến hành công tác khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV vào cuối mỗi học kỳ của năm học. Kết quả khảo sát được Trường tổng hợp, báo cáo theo từng kỳ/năm học và được gửi tới các bên liên quan làm căn cứ để đánh giá chất lượng và điều chỉnh hoạt động dạy học. GV và NH đều hài lòng với tổ hợp công nghệ dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT. Cuối học kỳ, Phòng KT&BDCLGD báo cáo tổng hợp dữ liệu kết quả lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV [H4.4.2.29] [H4.4.2.30].

Để SV có thể tiếp cận với các hoạt động nghiên cứu, Khoa thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học các cấp [H4.4.2.31] [H4.4.2.32] [H4.4.2.33] [H4.4.2.34] [H4.4.2.35], sinh hoạt chuyên môn giữa các tổ bộ môn với sự tham gia đông đủ, nhiệt tình của các GV, NCS, học viên cao học và SV của Khoa, GV làm công tác cố vấn cho SV/ nhóm SV tham gia các đề tài khoa học SV [H4.4.2.36] [H4.4.2.37] [H4.4.2.38] [H4.4.2.39] [H4.4.2.40]. Hàng năm, Trường tổ chức Hội nghị khoa học SV, thu hút đông đảo SV trong Nhà trường tham gia, đồng thời kịp thời khen thưởng cho SV có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH [H4.4.2.41] [H4.4.2.42] [H4.4.2.35]. Đồng thời trong các hội thảo này, các GV cũng đưa ra các vấn đề về đổi mới phương pháp giảng dạy với mong muốn giới thiệu những phương pháp và những mô hình mới hiệu quả trong công tác giảng dạy. Bên cạnh đó, dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo Nhà trường, hàng năm, Khoa Lịch sử thường xuyên tổ chức buổi nói chuyện đối thoại SV [H4.4.2.43], các lớp học với sự tham gia giảng dạy từ các chuyên gia từ các trường đại học trong nước để SV có thể tiếp cận với các hướng nghiên cứu mới trên thế giới và có thể định hướng các con đường tương lai của các em [H4.4.2.44] [H4.4.2.45] [H4.4.2.46] [H4.4.2.47].

2. Điểm mạnh

CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử của Khoa đảm bảo tính hệ thống và có cấu trúc hợp lý; cân đối giữa lý thuyết, thực hành và tự học, tự nghiên cứu; Khoa thường xuyên tổ chức các hội thảo, các buổi nói chuyện và các lớp học để SV có thể tiếp cận với các hoạt động NCKH; Hoạt động dạy và học được thiết kế đa dạng, phong phú, có tham khảo các phương pháp của các trường tiên tiến trên thế giới thông qua việc tham gia hội thảo, tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học.

3. Điểm tồn tại

Việc cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng CSVC, các thiết bị cho các hoạt động chuyên đề và nghiên cứu chuyên sâu còn thiếu; chưa thường xuyên

đánh giá chất lượng chuyên môn công tác giảng dạy của GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng đề nghị Nhà trường trang bị thêm một số thiết bị cần thiết phục vụ cho việc giảng dạy và NCKH. - Đưa nội dung tổ chức hội thảo chuyên môn vào nhiệm vụ năm học hàng năm. - Nâng cao chất lượng dự giờ, đánh giá, trút kinh nghiệm trong các tổ chuyên môn. 	<ul style="list-style-type: none"> - BCN Khoa Lịch sử - Các Trưởng Bộ môn. 	Từ năm học 2023 - 2024
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thiết kế hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, phù hợp để giúp NH chủ động lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Đảm bảo kế hoạch seminar của các tổ bộ môn để SV có thể tiếp cận với các hoạt động NCKH được tổ chức hàng năm. - Ghi nhận, động viên và có hình thức khen thưởng đối với các GV, chuyên viên có sáng kiến, kinh nghiệm tốt trong việc nâng cao chất lượng dạy - học và lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> - BCN Khoa Lịch sử - Trưởng các Bộ môn. - Liên Chi đoàn, Liên Chi hội. 	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình xây dựng CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, Khoa luôn chú ý đến việc xây dựng đề cương chi tiết của các HP. Tất cả đề cương chi tiết các HP đều được mô tả chi tiết từ việc lập ma trận CDR đến

việc mô tả cụ thể các phương pháp dạy học cho từng chương bao gồm cả phương pháp dạy học cho các hoạt động trên lớp, bài tập, thảo luận đến hoạt động tự học. Xác định cụ thể phương pháp và hình thức dạy học cho cả hoạt động học tập lý thuyết, thực hành, tự học. Qua đó rèn luyện cho SV kỹ năng tư duy, kỹ năng hành động và kỹ năng tự học [H4.4.3.1] [H4.4.3.2] [H4.4.3.3] [H4.4.3.4] [H4.4.3.5] [H4.4.3.6].

Tất cả đề cương chi tiết HP nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học của SV, thể hiện rõ ràng qua các nội dung học tập cũng như các tiêu chí đánh giá [H4.4.3.7] CTĐT đã được thiết kế tăng cường hoạt động thảo luận, tự học và tự nghiên cứu thông qua làm việc cá nhân và hợp tác nhóm để phát triển năng lực cho SV. Tăng cường cho SV tham gia các hoạt động khoa học như làm bài tập lớn, tiểu luận và làm khóa luận tốt nghiệp đối với SV năm cuối [H4.4.3.8] [H4.4.3.9] [H4.4.3.10] [H4.4.3.11] [H4.4.3.12] [H4.4.3.13] [H4.4.3.14] [H4.4.3.15]. Ở những HP khác nhau, kể cả HP lý thuyết, lý thuyết kết hợp thực hành, HP thực hành, SV được làm bài tập lớn hay bài seminar thay thế điểm quá trình, làm tiểu luận thay thế điểm thi HP theo quy định [H4.4.3.1] [H4.4.3.2] [H4.4.3.3] [H4.4.3.16]. Những hoạt động này đã giúp SV có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để học lên các bậc cao hơn và tự học suốt đời.

Nhà trường, Khoa xây dựng và tích hợp trang học trực tuyến E-learning với trang thông tin điện tử của Trường, sử dụng các công cụ CNTT trong truyền đạt kiến thức và hỗ trợ NH: dạy học trực tuyến, tương tác online [H4.4.3.17] [H4.4.3.18] [H4.4.3.19]. Bên cạnh đó, SV được khuyến khích sử dụng tài liệu học tập tại Thư viện Trường và phòng Tư liệu của Khoa với nhiều loại sách, tài liệu tham khảo, tạp chí trong và ngoài nước [H4.4.3.20] [H4.4.3.21] [H4.4.3.22] [H4.4.3.23]. Trang thông tin thư viện và trang thư viện số Trường ĐHSP Huế cung cấp thông tin, hướng dẫn hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động tra cứu và sử dụng tài liệu [H4.4.3.23] [H4.4.3.24] [H4.4.3.25] [H4.4.3.26] [H4.4.3.27] [H4.4.3.28] [H4.4.3.29].

Trong những năm gần đây, Trường ĐHSP có các chính sách hỗ trợ để thúc đẩy NCKH của SV [H4.4.3.30] [H4.4.3.31] [H4.4.3.32]. Kết quả NCKH của sinh đáng được trân trọng [H4.4.3.12] [H4.4.3.33] [H4.4.3.34] [H4.4.3.35] [H4.4.3.36] [H4.4.3.37] [H4.4.3.38].

Các hoạt động dạy và học trên đã góp phần phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, giúp SV chủ động học tập suốt đời, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong nghề nghiệp, sáng tạo trong cuộc sống, giúp họ tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề

nghiệp và cuộc sống của mình.

2. Điểm mạnh

Cấu trúc các HP trong CTDH của ngành Sư phạm Lịch sử và tỉ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn, thuyết trình trong từng HP được thiết kế phù hợp, giúp NH rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, thu nhận, xử lý và truyền đạt thông tin. Việc GV sử dụng đa dạng các phương pháp trong hoạt động giảng dạy và đánh giá giúp cho NH có cơ hội phát huy năng lực nổi trội của mỗi cá nhân, tạo môi trường học tập, nghiên cứu tích cực và sinh động. Các hoạt động dạy và học của Khoa Lịch sử cũng chú trọng phát triển các kỹ năng cần thiết, đồng thời chú trọng nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

3. Điểm tồn tại

Một số SV còn hạn chế về các kỹ năng mềm và chưa chủ động trong việc tự học và tự nghiên cứu. Mặc dù Khoa đã cố gắng tạo điều kiện thuận lợi để SV có thể tham gia các đề tài NCKH của GV, chuyển giao công nghệ, song số lượng NH tham gia vào các đề tài này còn khá hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu và quán triệt yêu cầu của Chương trình GDPT năm 2018 để xác định, bổ sung hệ thống năng lực, kỹ năng trong quá trình giảng dạy các HP, đặc biệt là kỹ năng tự học và học tập suốt đời. - Mời các diễn giả trao đổi với SV về các chủ đề liên quan đến kỹ năng mềm và năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn. 	<ul style="list-style-type: none"> - BCN Khoa, các Trưởng Bộ môn. - GV của Khoa. - Liên Chi đoàn 	Từ năm học 2023 - 2024
2	Phát huy	- Tăng cường và khuyến	- BCN Khoa.	Từ năm học 2022 -

	điểm mạnh	khích SV NCKH qua các hình thức bài tập lớn, tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp để nâng cao năng lực thực hành NCKH cho SV. - GV tăng cường cố vấn các nhóm nghiên cứu mạnh của SV.	- Trợ lý Đào tạo - Khoa học công nghệ (ĐT-KHCN) - GV của Khoa	2023
--	-----------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------	------

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Thông qua quá trình tự đánh giá theo ba tiêu chí của Tiêu chuẩn 4, có thể thấy phương pháp tiếp cận trong dạy và học CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử giai đoạn 2018-2022 của Khoa Lịch sử là đúng đắn, phù hợp với mục tiêu giáo dục, được tuyên bố công khai, rõ ràng và phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan.

Điểm nổi bật nhất là Trường và Khoa đã xây dựng được lộ trình phù hợp và thực hiện CTDH theo học chế tín chỉ, một phương thức đào tạo linh hoạt, mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi, đồng thời cũng nâng cao tính chủ động cho NH. Các HP bắt buộc và tự chọn được tăng cường cùng các yêu cầu tự học được thiết kế phù hợp để NH từng bước đạt được CDR.

Hoạt động dạy và học đã tập trung vào phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của NH. Các hoạt động dạy và học được thiết kế đa dạng giúp NH đạt CDR và có khả năng học tập suốt đời. Bên cạnh đó, với một đội ngũ CBGV có trình độ chuyên môn cao, sử dụng thành thạo, hiệu quả các hình thức và các phương pháp giảng dạy, kỹ thuật dạy học, Khoa Lịch sử đã tạo ra một môi trường học tập cởi mở và thân thiện, tôn trọng và hỗ trợ NH. Đây là những điểm mạnh mà Khoa sẽ tiếp tục phát huy.

Tuy nhiên, vẫn còn những điểm hạn chế mà Trường và Khoa sẽ cố gắng khắc phục trong những năm tới. Một số NH còn thiếu các kỹ năng mềm và chưa chủ động trong việc tự học và tự nghiên cứu. Để hỗ trợ NH tự học, bồi dưỡng kỹ năng NCKH, ngoài việc thiết kế các nội dung cho SV tự nghiên cứu để làm các loại bài tập, Khoa và GV cần tạo môi trường thuận lợi để SV có thể tham gia các đề tài NCKH độc lập, các dự án chuyển giao công nghệ, đồng thời hỗ trợ NH công bố các kết quả nghiên cứu

dưới dạng các bài báo khoa học trên kỷ yếu hội thảo khoa học, trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín.

Căn cứ vào những phân tích nêu trên, số lượng tiêu chí của Tiêu chuẩn 4 đạt yêu cầu là 3/3.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của NH là hoạt động rất quan trọng trong đào tạo SV sư phạm nói chung và SV ngành Lịch sử nói riêng. Đây là hoạt động thường xuyên, được thực hiện một cách nghiêm túc và khoa học nhằm thu thập, phân tích và giải thích thông tin một cách hệ thống, qua đó xác định mức độ đạt đến mục tiêu mà CĐR của CTĐT đã quy định. Điều này là cơ sở để NH điều chỉnh phương pháp và kế hoạch học tập của mình. Bên cạnh đó, hoạt động này còn là căn cứ để GV điều chỉnh hoạt động dạy và các cấp quản lý đưa ra những quyết sách đúng đắn nhằm khắc phục những hạn chế và phát huy những ưu điểm, tạo động lực để thực hiện tốt mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về việc đánh giá kết quả học tập đã được thể hiện rõ ràng thông qua “Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, “Quyết định ban hành Quy định về tổ chức thi kết thúc HP”, “Quy định về tổ chức thi kết thúc HP”, “Quy định về công tác học vụ” của Trường ĐHSP, ĐHH. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với CĐR của CTĐT và được phổ biến đến NH ngay từ đầu khóa học và trong đề cương chi tiết của từng HP cụ thể [H5.5.1.1] [H5.5.1.2] [H5.5.1.3] [H5.5.1.4] [H5.5.1.5] [H5.5.1.6] [H5.5.1.7] [H5.5.1.8] [H5.5.1.9] [H5.5.1.10] [H5.5.1.11] [H5.5.1.12]. CĐR được quy định ở mục 3 của CTĐT đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử với các yêu cầu về phẩm chất nghề nghiệp và các nhóm năng lực chung, nhóm năng lực chuyên môn và nhóm năng lực nghiệp vụ. Bảng mô tả CTĐT cũng xây dựng ma trận quan hệ mục tiêu cụ thể và CĐR của CTĐT; ma trận đóng góp của các khối kiến thức đối với CĐR của CTĐT và ma trận đóng góp của các HP đối với CĐR của CTĐT. Đề cương của mỗi HP cũng xây dựng ma trận của từng khối kiến thức với CĐR của CTĐT. CTĐT cũng quy định cách thức đánh giá từ thang đánh giá, hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm làm cơ sở cho

hoạt động đánh giá nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT [H5.5.1.1] [H5.5.1.2] [H5.5.1.3] [H5.5.1.4] [H5.5.1.5] [H5.5.1.6] [H5.5.1.7] [H5.5.1.8] [H5.5.1.9] [H5.5.1.10] [H5.5.1.11] [H5.5.1.12].

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH bao gồm: kiểm tra đánh giá khi tuyển sinh; kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá khóa luận tốt nghiệp/ thi tốt nghiệp [H5.5.1.1] [H5.5.1.4] [H5.5.1.6].

Sau khi nhập học, SV ngành Lịch sử được Trường ĐHSP phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHH tiến hành kiểm tra, trình độ ngoại ngữ đầu vào theo khung tham chiếu châu Âu [H5.5.1.13]. Kết quả kiểm tra trình độ ngoại ngữ đầu vào sẽ là cơ sở để NH định hướng, lập kế hoạch học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ cho mình và là căn cứ để nhà trường phân lớp theo trình độ và tổ chức đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho SV nhằm đáp ứng yêu cầu đã được nêu ra trong CĐR [H5.5.1.1] [H5.5.1.5] [H5.5.1.6]. Trong đề cương mỗi một môn học của CTĐT đều xác định rõ chuẩn kiến thức và kỹ năng, thái độ mà NH phải đạt được theo mục tiêu cụ thể của môn học. Dựa trên cơ sở đó, NH có thể chủ động xây dựng kế hoạch học tập cho mình và người dạy thiết kế hoạt động kiểm tra, đánh giá NH theo các thang bậc nhận thức và phù hợp với đặc thù tri thức, nội dung chương trình môn học [H5.5.1.1] [H5.5.1.14] [H5.5.1.15] [H5.5.1.16] [H5.5.1.17] [H5.5.1.18] [H5.5.1.19]. Phương pháp đánh giá NH trong quá trình học tập được sử dụng đa dạng, linh hoạt nhằm đảm bảo đánh giá toàn diện NH một cách khách quan, công bằng và phát huy tính tự giác của NH: bài tập cá nhân, bài kiểm tra cá nhân, bài tập nhóm, bài tập lớn với đánh giá giữa kỳ; tiểu luận, thi kết thúc môn học bằng các hình thức viết (trắc nghiệm khách quan, trắc nghiệm tự luận), thi vấn đáp đối với đánh giá cuối kỳ [H5.5.1.1]. Hình thức kiểm tra đánh giá đều được GV đăng kí, BCN khoa Lịch sử phê duyệt và được thông báo đến NH trong quá trình học tập môn học. Trưởng Bộ môn và BCN Khoa xem xét và phê duyệt từng đề thi cụ thể trước khi GV phụ trách nộp đề cho Phòng KT&BĐCLGD [H5.5.1.4] [H5.5.1.5] [H5.5.1.20] [H5.5.1.21] [H5.5.1.22] [H5.5.1.23].

Riêng các HP kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm, SV được đánh giá thông qua giáo viên hướng dẫn kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm ở trường THPT dựa trên những tiêu chí đánh giá mà Nhà trường đã quy định [H5.5.1.1] [H5.5.1.24]. SV thực hiện khóa luận tốt nghiệp cần phải đạt được những điều kiện

theo quy định của Nhà trường [H5.5.1.1]. Đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo và được Hội đồng Khoa Lịch sử thông qua trước khi đề xuất Nhà trường kiểm tra các điều kiện và ra quyết định [H5.5.1.1] [H5.5.1.25] [H5.5.1.26] [H5.5.1.27] [H5.5.1.28]. Nhà trường đã có quy định cụ thể về nội dung và hình thức trình bày của khóa luận tốt nghiệp và được Khoa cụ thể hóa cho phù hợp với thực tế chuyên môn của ngành đào tạo bằng Quy định riêng [H5.5.1.1] [H5.5.1.29]. Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp được thành lập theo quyết định của Nhà trường và thực hiện chấm khóa luận tốt nghiệp theo những tiêu chí cụ thể đã được quy định [H5.5.1.1] [H5.5.1.30] [H5.5.1.25] [H5.5.1.26] [H5.5.1.27]. Đối với những SV không thực hiện khóa luận tốt nghiệp, CTĐT cho phép thực hiện các HP thay thế khóa luận tốt nghiệp. Việc đánh giá HP thay thế khóa luận tốt nghiệp được thực hiện như các HP bắt buộc khác trong CTĐT gồm đánh giá điểm quá trình có trọng số 40% và đánh giá kết thúc HP thông qua kỳ thi kết thúc HP có trọng số 60% [H5.5.1.1] [H5.5.1.6] [H5.5.1.20] [H5.5.1.21] [H5.5.1.31] [H5.5.1.14].

Trong học kỳ II năm học 2019-2020, năm học 2020-2021 và học kỳ I năm học 2021-2022, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên có những giai đoạn SV chuyển học tập, kiểm tra, thi học kỳ từ trực tiếp sang online. Thực hiện sự chỉ đạo của Nhà trường, Khoa Lịch sử đã thiết kế các hoạt động đánh giá NH phù hợp đảm bảo CĐR của CTĐT [H5.5.1.2] [H5.5.1.20] [H5.5.1.21].

2. Điểm mạnh

- Hoạt động đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện khoa học, bám sát yêu cầu về CĐR của CTĐT, phù hợp với đặc điểm của từng HP, tâm sinh lý của NH và điều kiện trang thiết bị của nhà trường.

- Quá trình kiểm tra đánh giá, từ ra đề, duyệt đề, tổ chức thi và chấm bài đều được thực nghiệm túc, đúng quy trình, bảo mật, hiệu quả.

- Có sự kết hợp chặt chẽ giữa khoa chuyên ngành, Nhà trường và trường THPT trong đánh giá kết quả thực tập của SV.

- Nhà trường đã sử dụng phần mềm phân tích thống kê kết quả học tập của NH cho từng HP và phản hồi những khiếu nại về kết quả học tập nhanh chóng.

3. Điểm tồn tại

- Vẫn còn những khó khăn trong việc đánh giá CĐR về thái độ đối với NH.

- Một số HP chưa xây dựng được hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan đảm

bảo các yếu tố khoa học để có thể đo lường chính xác kết quả học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan. - Từng bước xây dựng hệ thống các tiêu chí nhằm đánh giá chính xác thái độ của NH trong từng HP. - Từng bước nghiên cứu nhằm điều chỉnh phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá linh hoạt hơn trong điều kiện học tập online. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường ĐHSP, ĐHH - Khoa Lịch sử - Phòng ĐT&CTSV, Phòng KT&BĐCLGD - Các GV 	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện nghiêm túc những quy định về kiểm tra đánh giá NH của các cấp quản lý. - Tăng cường ứng dụng CNTT trong đánh giá NH - Kề hợp chặt chẽ giữa khoa và các đơn vị, phòng ban trong nhà trường trong việc nâng cao chất lượng kiểm tra đánh giá 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường ĐHSP, ĐHH - Khoa Lịch sử - Phòng ĐT&CTSV, Phòng KT&BĐCLGD và các đơn vị trong Trường - Các GV 	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở Quy chế đào tạo đại học, Quy định về công tác học vụ của Trường ĐHSP, ĐHH và hệ thống các văn bản hướng dẫn cụ thể về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH, Khoa Lịch sử phổ biến đến SV và tiến hành đánh giá kết quả học tập

của NH. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số đến cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đều rõ ràng và được thông báo công khai tới NH. NH có thể dễ dàng tiếp cận với các văn bản liên quan đến quy định về đánh giá kết quả học tập thông qua Sổ tay SV [H5.5.2.1] [H5.5.2.2] và website của nhà trường về công tác đào tạo [H5.5.2.3], và các quy định về công tác học vụ [H5.5.2.4].

Về thời gian, các bài kiểm tra được thực hiện trong quá trình học tập HP. Bài thi kết thúc HP được thực hiện theo kế hoạch thi chung của Nhà trường sau khi kết thúc HP. Trường quy định số lần kiểm tra tối thiểu của một HP là 02 (hai) lần và không hạn chế số lần tối đa. Điểm bài tập lớn thay thế cho tất cả các bài kiểm tra. Thời gian của mỗi bài kiểm tra do GV quy định trong Đề cương chi tiết HP (Syllabus) được Trưởng Khoa duyệt và nộp cho Trường thông qua Phòng ĐTĐH&CTSV. GV chịu trách nhiệm công bố Đề cương chi tiết HP cho SV khi bắt đầu giảng dạy HP. *Trọng số điểm* được quy định đối với môn học lý thuyết: điểm quá trình: 40% và điểm thi HP 60%. Trong đó, điểm quá trình là trung bình cộng của hai loại điểm thành phần tính theo hệ số: điểm chuyên cần và thái độ học tập (hệ số 1), điểm trung bình cộng tất cả các bài kiểm tra giữa HP hoặc điểm bài tập lớn (hệ số 2). Đối với môn vừa có lý thuyết vừa có thực hành: Điểm tổng hợp HP (điểm HP) bao gồm điểm đánh giá quá trình (điểm quá trình) chiếm trọng số 50% và điểm thi kết thúc HP chiếm trọng số 50%. Đối với môn học thực hành, SV phải tham dự đầy đủ các bài thực hành quy định trong Đề cương chi tiết HP. Điểm HP thực hành là điểm trung bình cộng của tất cả các bài thực hành. Đối với loại HP thực hành không đánh giá điểm quá trình và không tổ chức thi kết thúc HP. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến việc kiểm tra, đánh giá HP được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Trường [H5.5.2.5] [H5.5.2.6] [H5.5.2.7] [H5.5.2.8] [H5.5.2.9]. Điểm chuyên cần và các bài kiểm tra giữa kỳ, điểm các bài thực hành được công bố công khai đến SV trước khi kết thúc HP và được cập nhật trên cổng thông tin của Nhà trường. Phòng KT&BĐCLGD công khai quy định về phúc khảo dành cho SV [H5.5.2.4] [H5.5.2.5] [H5.5.2.6] [H5.5.2.7] [H5.5.2.8] [H5.5.2.9]. Các hình thức để đánh giá kết quả học tập của NH như: điểm chuyên cần; điểm kiểm tra; điểm bài tập lớn, điểm thực hành; điểm tiểu luận, điểm khóa luận tốt nghiệp, điểm kiến tập và thực tập sư phạm...được Nhà trường quy định cụ thể và thông báo trên website của Trường [H5.5.2.3] [H5.5.2.4]

[H5.5.2.10].

Để được thực hiện khóa luận tốt nghiệp, SV phải đạt tín chỉ tích lũy tối thiểu 75% khối lượng kiến thức và điểm trung bình chung tích lũy phải đạt từ 2,80 trở lên; đã thực hiện ít nhất 1 tiểu luận có kết quả đạt từ 8,0 trở lên; đã tích lũy 1 HP chuyên môn có từ 2 tín chỉ trở lên liên quan đến chuyên ngành mà SV đăng kí đề tài Khóa luận và đạt kết quả từ 8,5 trở lên; số HP còn nợ hoặc học nỡ lại trong các học kỳ trước đó không quá 02 và không vượt quá tổng số 5 tín chỉ; mỗi Khoa xét duyệt số lượng SV được làm khóa luận ngành học và không vượt quá 50% tổng số SV của khóa học thuộc ngành xét [H5.5.2.4]. Khoa Lịch sử công khai thông tin về đề tài khóa luận tốt nghiệp, GV hướng dẫn, danh sách hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp. Điểm khóa luận tốt nghiệp được công bố ngay khi Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp thống nhất ý kiến.

Việc chuyển đổi từ hình thức đánh giá trực tiếp sang trực tuyến đối với NH do sự tác động của dịch Covid-19 cũng đã được Nhà trường và Khoa Lịch sử thông báo sớm và rộng rãi đến SV thông qua nhiều kênh khác nhau như: qua tài khoản Elearning của SV thông qua hệ thống Elearning của Nhà trường [H5.5.2.11]; website [H5.5.2.3] [H5.5.2.12]; fanpage [H5.5.2.13] [H5.5.2.14] và hệ thống kiểm tra đánh giá của Trường và của Khoa [H5.5.2.15] [H5.5.2.16] [H5.5.2.17].

Để đánh giá một cách khách quan, chính xác và khoa học hơn CĐR của CTĐT, Nhà trường đã ban hành Quyết định về khảo sát ý kiến các bên liên quan tại trường ĐHSP, ĐHH. Trong đó, Nhà trường đã quy định rõ các lĩnh vực hoạt động liên qua đến CĐR được khảo sát tại Trường gồm: chất lượng giảng dạy của GV; chất lượng hỗ trợ của Nhà trường; chất lượng khóa học, NH; chương trình liên kết đào tạo; hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế; CBVC về môi trường làm việc; chất lượng phục vụ của trung tâm thư viện; cựu SV, học viên cao học; việc làm của SV sau khi tốt nghiệp; các bên liên quan đến CĐR; nhà tuyển dụng lao động và cả CSVC phục vụ đào tạo đảm bảo CĐR [H5.5.2.18].

Trong khảo sát các bên liên quan về CTĐT, CĐR, Nhà trường thực hiện đối với GV; CBQL trong và ngoài trường; các nhà khoa học, đại diện các đơn vị tuyển dụng lao động liên quan và người tốt nghiệp về CTĐT VÀ CĐR [H5.5.2.18].

Khảo sát nhà tuyển dụng lao động được thực hiện với các Sở GD&ĐT, các trường phổ thông, tiểu học, mầm non, các doanh nghiệp có sử dụng lao động là cựu SV của Nhà trường về mức độ đáp ứng nhu cầu công việc của cựu NH, đào tạo sau

tuyển dụng và xu hướng tuyển dụng của các đơn vị tuyển dụng. Quá trình khảo sát CĐR được thực hiện khoa học. Số liệu được xử lý bằng phần mềm chuyên dụng và kết quả được sử dụng để xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát được Ban Giám hiệu phê duyệt để gửi đến các bên liên quan [H5.5.2.19] [H5.5.2.20] [H5.5.2.21] [H5.5.2.22] [H5.5.2.23] [H5.5.2.24]. Kết quả khảo sát trở thành căn cứ để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo của Nhà trường [H5.5.2.25] [H5.5.2.26] [H5.5.2.27].

2. Điểm mạnh

- Tất cả các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai đến NH thông qua sổ tay SV, trên cổng thông tin của Nhà trường và trong đề cương chi tiết của từng HP.

- GV Khoa Lịch sử thực hiện nghiêm túc các quy định trên trong đánh giá kết quả học tập của NH.

- Tất cả những ý kiến phản hồi của NH về công tác đánh giá kết quả học tập đều được tiếp thu và giải đáp thông qua CVHT, các trợ lý của Khoa, Phòng ĐTDH&CTSV, Phòng KT&BĐCLGD.

3. Điểm tồn tại

- Việc tự tìm hiểu các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH trong từng HP còn chưa thật sự phổ biến. Một số GV vẫn còn hạn chế trong việc sử dụng các phần mềm chống đạo văn khi chấm bài TL, Khóa luận tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị, tập huấn và đưa vào sử dụng các phần mềm chống đạo văn trong kiểm tra đánh giá. - Tiếp tục huy động các lực lượng trong việc tuyên truyền phổ biến các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường ĐHSP, ĐHH - Khoa Lịch sử - Phòng ĐTDH&CTSV, Phòng KT&BĐCLGD và các đơn vị trong 	Từ năm học 2022-2023

		tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan).	trường - Các GV	
2	Phát huy điểm mạnh	- Đa dạng hóa các kênh thông tin nhằm phổ biến; nâng cao hiểu biết về các quy định đánh giá kết quả học tập của NH đến từng SV. Nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng website, fanpage của Nhà trường và của Khoa nhằm tăng cường hiểu biết về đánh giá kết quả học tập của NH. Khoa Lịch sử tổ chức tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm phát hiện đạo văn cho tất cả các GV của khoa.	Khoa Lịch sử, Bộ môn và GV	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

GV Khoa Lịch sử thực hiện thuận thực, hiệu quả và đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH. Hình thức kiểm tra được sử dụng đa dạng: kiểm tra vấn đáp, kiểm tra viết, kiểm tra thông qua các hoạt động khác như: bài tập lớn, tiểu luận, bài tập nhóm [H5.5.3.1] [H5.5.3.2] [H5.5.3.3] [H5.5.3.4] [H5.5.3.5] [H5.5.3.6] [H5.5.3.7]. Đề thi được ra theo nhiều dạng: trắc nghiệm khách quan (trắc nghiệm đúng – sai; trắc nghiệm ghép đôi, trắc nghiệm điền khuyết; trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn); trắc nghiệm tự luận (câu hỏi đóng, câu hỏi mở); đề thi theo hình thức hỗn hợp gồm cả trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận... Tất cả các đề thi đều được Bộ môn và BCN Khoa duyệt trước khi nộp cho Phòng KT&BDCLGD để tổ chức thi [H5.5.3.1] [H5.5.3.3] [H5.5.3.4] [H5.5.3.5] [H5.5.3.6] [H5.5.3.7]. Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, SV thi kết thúc học kỳ theo hình thức vấn đáp trực tuyến. Đề thi vấn đáp và danh sách CB chấm thi phải được phê duyệt của BCN Khoa trước khi nộp cho Phòng KT&BDCLGD. Nhà trường cũng có văn bản điều chỉnh và bổ sung quy định tổ chức thi kết thúc HP, trong đó bổ sung các hướng dẫn về thi trực tuyến từ lịch thi, tổ

chức thi, coi thi, quy trình và quy định ra đề thi; tổ chức chấm thi; lưu trữ; thông báo điểm; phúc khảo kết quả bài thi HP và trách nhiệm của các bên liên quan nhằm đảm bảo chất lượng của kỳ thi kết thúc HP trực tuyến [H5.5.3.8] [H5.5.3.3].

Các tiêu chí kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH phân định rõ ràng và được thông báo trong quy định học vụ của Nhà trường. Đề thi của mỗi HP đảm bảo độ khó, độ phân biệt, độ tin cậy, độ giá trị, và công bằng. Mỗi đề thi đều được thiết kế dựa vào ma trận đề căn cứ vào mục tiêu của từng môn học đã được nêu ra trong đề cương chi tiết. Mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với điểm số chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể [H5.5.3.1] [H5.5.3.3][H5.5.3.4] [H5.5.3.5] [H5.5.3.6] [H5.5.3.7]. Quá trình tổ chức thi và chấm thi tập trung. Bài thi được cắt phách và niêm phong trước khi chấm và mỗi bài thi đều được chấm độc lập bởi hai GV để đảm bảo tính khách quan. Kết quả học tập của NH trong từng HP được đăng tải trên cổng thông tin của Nhà trường. NH có thể theo dõi quá trình học tập của mình thông qua tài khoản học tập cá nhân đã được Nhà trường cấp.

Đối với bài tập lớn, tiểu luận và khóa luận tốt nghiệp, Khoa Lịch sử thực hiện theo quy định của Trường ĐHSP, ĐHH về việc làm bài tập lớn, tiểu luận và khóa luận tốt nghiệp. Trong đó nêu rõ điều kiện để SV được làm bài tập lớn, tiểu luận và khóa luận tốt nghiệp; điều kiện để GV được phép hướng dẫn bài tập lớn, tiểu luận và khóa luận tốt nghiệp; quy trình đánh giá bài tập lớn, tiểu luận và khóa luận tốt nghiệp [H5.5.3.2].

Đối với việc thực hiện chấm khóa luận tốt nghiệp, Nhà trường quy định mỗi một khóa luận tốt nghiệp được chấm bởi 3 GV: GV chấm 1 là GV hướng dẫn; GV chấm 2 là trưởng tiểu ban chấm và GV thứ ba do Khoa cử. Trong trường hợp trưởng tiểu ban là GV hướng dẫn thì khoa cử thêm một GV khác trong Bộ môn tham gia chấm. Danh sách GV chấm khóa luận được khoa đề xuất với Nhà trường và Nhà trường xem xét ra quyết định thành lập hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp. Điểm khóa luận tốt nghiệp là điểm trung bình của ba GV chấm theo thang điểm 10 và làm tròn đến 1 chữ số thập phân. Nhà trường quy định cụ thể nội dung và trọng số điểm trong phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp [H5.5.3.9] với các tiêu chí về hình thức (tối đa 3.0 điểm) và các tiêu chí về nội dung (tối đa 7.0 điểm). Kết quả chấm khóa luận được Phòng ĐTDH&CTSV công bố chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc chấm [H5.5.3.2].

2. Điểm mạnh

- Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đa dạng nhằm đánh giá chính xác kết quả học tập của NH và bám sát CĐR đã được xây dựng.

- Quy trình kiểm tra đánh giá được quy định chặt chẽ, khoa học đảm bảo độ tin cậy cao và tính công bằng. Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo nhanh chóng, kịp thời đến NH.

3. Điểm tồn tại

Ở một số HP, Khoa Lịch sử chưa xây dựng được hệ thống ngân hàng câu hỏi ôn tập và ngân hàng đề thi (cả trắc nghiệm và tự luận) trên cơ sở CĐR để chủ động trong hoạt động kiểm tra đánh giá. Năng lực sử dụng các phần mềm thiết kế đề thi trắc nghiệm khách quan của một số GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từng bước xây dựng ngân hàng câu hỏi và ngân hàng đề thi cho tất cả các HP trên cơ sở CĐR. Tiếp tục cùng với Nhà trường và các tổ chức giáo dục tổ chức tập huấn nâng cao năng lực kiểm tra đánh giá cho GV. Từng bước sử dụng thiết bị hiện đại để chấm bài thi trắc nghiệm khách quan nhằm đảm bảo tính công bằng trong hoạt động kiểm tra đánh giá.	- Trường ĐHSP; Khoa Lịch sử - Phòng ĐTDH&CTSV, Phòng KT&BDCLGD - Các GV	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy	- Tăng cường ứng dụng CNTT trong	- Trường ĐHSP Huế - Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023

điểm mạnh	đánh giá NH - Kế hợp chặt chẽ giữa khoa và các đơn vị, phòng ban trong Nhà trường trong việc nâng cao chất lượng kiểm tra đánh giá	-Phòng ĐTĐH&CTSV, Phòng KT&BDCLGD, Trung tâm CNTT & Chuyên đổi số - Các GV
--------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSP, ĐHH có đầy đủ các văn bản quy định về phản hồi kết quả đánh giá của NH [H5.5.4.1] [H5.5.4.2] [H5.5.4.3] [H5.5.4.4] [H5.5.4.5] [H5.5.4.6] [H5.5.4.7] và các văn bản này được công bố công khai trên hệ thống website của nhà trường. Trên cơ sở quy định học vụ của Trường ĐHSP, ĐHH, Khoa Lịch sử chỉ đạo và phối hợp với các GV, với Phòng ĐTĐH&CTSV, Phòng KT&BDCLGD phản hồi kịp thời kết quả đánh giá quá trình học tập đến NH thông qua tài khoản trực tuyến của NH trong “Hệ thống hỗ trợ CB-GV-SV” [H5.5.4.8] [H5.5.4.9] [H5.5.4.10] [H5.5.4.11]. Đây là cơ sở để NH điều chỉnh phương pháp và kế hoạch học tập phù hợp. Với các bài kiểm tra thường xuyên và điểm đánh giá chuyên cần, GV phụ trách giảng dạy phải thông báo cho SV trước khi kết thúc môn học và nhập điểm lên trang dữ liệu của Nhà trường [H5.5.4.1] [H5.5.4.2] [H5.5.4.3] [H5.5.4.4] [H5.5.4.5] [H5.5.4.6] [H5.5.4.7] [H5.5.4.12] [H5.5.4.13]. Trong quá trình giảng dạy, GV phải trao đổi trực tiếp với SV về kết quả đánh giá, những ưu điểm và hạn chế của từng SV trong quá trình học tập. Bên cạnh đó, SV có thể sử dụng tài khoản đã được cấp đăng nhập vào “Hệ thống hỗ trợ CB – GV - SV” để theo dõi kết quả học tập. Kết quả học tập của NH được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo đúng tiến trình học tập. Trong thời gian 7 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, SV có thể nộp đơn xin phúc khảo bài thi. Trong thời gian không quá 7 ngày kể từ ngày nhận đơn, Phòng KT&BDCLGD sẽ tổ chức kiểm tra và điều chỉnh nếu có sai sót trong quá trình ráp phách, nhập điểm [H5.5.4.12]. Thời gian tổ chức chấm lại và điều chỉnh điểm cho SV trên hệ thống nếu có thay đổi không quá 7 ngày kể từ ngày kiểm tra phách [H5.5.4.7] [H5.5.4.3] [H5.5.4.1] [H5.5.4.2] [H5.5.4.4]. Hiện nay, tất cả những khiếu nại về kết quả thi của

SV đều được thực hiện trực tuyến [H5.5.4.10] nhằm tạo điều kiện thuận lợi rút ngắn thủ tục và thời gian giải quyết vướng mắc cho NH [H5.5.4.12].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong việc phản hồi kết quả đánh giá đến NH nhằm mục đích cải thiện kết quả học tập.

- SV có thể tiếp cận với kết quả đánh giá và đề xuất ý kiến phản hồi, khiếu nại trực tuyến và thông qua nhiều kênh thông tin nhiều đầu mối khác nhau: qua GV giảng dạy; qua CVHT, trợ lý đào tạo; Phòng ĐTDH&CTSV, Phòng KT&BDCLGD.

- Thời gian giải quyết các khiếu nại về đánh giá kết quả học tập của SV ngày càng được rút ngắn (chậm nhất 7 ngày sau khi nhận được khiếu nại) giúp SV ổn định tâm lý và chủ động trong các kế hoạch học tập của mình.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm. Điều này ảnh hưởng đến quyết định đăng ký môn học và quá trình xét duyệt học bổng cho SV. GV giảng dạy vẫn còn chậm trễ trong việc công bố đáp án của đề thi sau khi thi xong cho SV tham khảo, đối chiếu với bài thi của mình.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa Lịch sử sẽ nhắc nhở, đôn đốc GV và phối hợp chặt chẽ với Phòng KT&BDCLGD, Phòng ĐTDH&CTSV để đẩy nhanh tiến độ chấm bài và công bố điểm thi. Tiến tới triển khai việc công bố đáp án sau khi tổ chức thi và tiếp nhận thông tin phản hồi từ NH trên website của Khoa.	- Trường ĐHSP, ĐHH - Khoa Lịch sử - Phòng KT&BDCLGD, Phòng ĐTDH&CTSV, - Trung tâm CNTT & Chuyển đổi số Các GV	Từ năm học 2022 – 2023
2	Phát	- Phát huy sự chủ động	- Trường ĐHSP, ĐHH	Từ năm học

huy điểm mạnh	của đội ngũ GV, đặc biệt là trợ lý đào tạo và đội ngũ CVHT trong việc phản hồi kết quả đánh giá NH. - Nâng cao hơn nữa chất lượng hệ thống hỗ trợ kiểm tra đánh giá của Nhà trường	-Khoa Lịch sử - Phòng KT&BDCLGD, Phòng ĐTDH&CTSV, -Trung tâm CNTT & Chuyển đổi số	2022 - 2023
---------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------	-------------

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

NH được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khoá học/học kỳ/ HP thông qua việc ban hành các quy định học vụ, quy định tổ chức kỳ thi kết thúc HP, quy chế đào tạo,... [H5.5.5.1] [H5.5.5.2] [H5.5.5.3] [H5.5.5.4] [H5.5.5.5] [H5.5.5.6] [H5.5.5.7] [H5.5.5.8] [H5.5.5.9]. Các quy định này được định kỳ cập nhật và công bố thông qua trang web, thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, thông qua sổ tay SV, thông qua CVHT... [H5.5.5.1] [H5.5.5.2] [H5.5.5.3].

Hàng năm, việc khiếu nại kết quả học tập được thực hiện công khai, kịp thời và thoả đáng. Đối với kết quả đánh giá điểm quá trình, GV công bố kết quả tại lớp khi kết thúc HP để SV biết và có thể thực hiện khiếu nại trực tiếp với GV. Đối với điểm thi kết thúc HP, SV có thể khiếu nại điểm thi sau khi nhà trường công bố điểm trên hệ thống và thực hiện quy trình phúc khảo bài thi như trong quy định tổ chức thi, kết quả sau phúc khảo được công bố đến SV chậm nhất 7 ngày sau khi có kết quả chấm phúc khảo bài thi [H5.5.5.4] [H5.5.5.8] [H5.5.5.9].

2. Điểm mạnh

- Việc khiếu nại kết quả học tập là nguyện vọng chính đáng của NH. Vì vậy, Khoa Lịch sử nói riêng và Trường ĐHSP, ĐHH luôn tạo điều kiện để NH thực hiện nguyện vọng trên khi có nhu cầu.

- NH được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình qua cổng thông tin của Nhà trường. Cổng thông tin của Nhà trường giúp SV gửi các yêu cầu về khiếu nại học tập nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và rút ngắn các công đoạn hành chính. Bên cạnh đó, SV có thể khiếu nại kết quả học tập thông qua nhiều kênh

khác nhau như: CVHT, trợ lý ĐT-NCKH, Phòng ĐTĐH&CTSV, Phòng KT&BĐCLGD. Những cá nhân và tập thể trên có trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết các khiếu nại kết quả học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

Việc giải quyết khiếu nại kết quả học tập ở một số HP, đặc biệt là các HP do GV thỉnh giảng ngoài trường đảm nhận còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa Lịch sử sẽ phối hợp với Phòng KT&BĐCLGD hoàn thiện quy trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại trực tuyến nhằm đảm bảo giải quyết khoa học, nhanh chóng, hiệu quả các khiếu nại từ SV. - Tiếp tục hoàn thiện quy trình khiếu nại và giải quyết các khiếu nại về kết quả học tập trực tuyến đảm bảo công bằng và nhanh chóng thuận tiện cho NH. 	Trường ĐHSP, ĐHH, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	- Phát huy sự chủ động của đội ngũ GV, đặc biệt là trợ lý ĐT-NCKH, đội ngũ CVHT trong việc tiếp cận hỗ trợ NH với quy trình khiếu nại kết quả học tập	Khoa Lịch sử, Trưởng Bộ môn và GV	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của NH ở Khoa Lịch sử những năm vừa qua luôn tuân thủ nghiêm túc các hướng dẫn cụ thể của Trường và ĐHH. Công tác đánh giá luôn đảm bảo tính chuyên nghiệp, trung thực, khách quan, khoa học trên cơ sở CĐR đã quy định. Những quy định về đánh giá kết quả học tập của NH được thông

báo công khai tới NH qua nhiều kênh khác nhau. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ tin cậy và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi nhanh chóng, kịp thời tới NH trên website của Nhà trường. Đồng thời, Khoa Lịch sử và Trường ĐHSP, ĐHH luôn tạo điều kiện để NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập. Trong những năm tới, cùng với Nhà trường, Khoa Lịch sử sẽ nỗ lực khắc phục những hạn chế, vướng mắc; không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ GV, hoàn thiện quy trình và đầu tư trang thiết bị phục vụ để hoạt động đánh giá kết quả học tập của NH tại Khoa ngày càng chính xác, khoa học hơn..

Căn cứ vào những phân tích nêu trên số lượng tiêu chí đạt yêu cầu là 5/5.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trong giai đoạn hiện nay, đội ngũ GV của Khoa Lịch sử được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm CBGV được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Các tiêu chí lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để tuyển dụng, bổ nhiệm được xác định và phổ biến công khai. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ, việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV được thực hiện nghiêm túc, chính xác, tạo động lực cho việc hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Tính đến tháng 12/2022, Trường có hơn 350 viên chức, người lao động, trong đó có 39 giáo sư, phó giáo sư, 104 TS, 126 thạc sĩ). Tỷ lệ GV có trình độ TS trên 50%, tỷ lệ GV có trình độ sau đại học trên 96%. Khoa Lịch sử có 13 GV cơ hữu, trong đó có 07 PGS.TS, 05 TS và 01 NCS (07 giảng viên cao cấp (GVCC) và 06 giảng viên chính chính (GVC)). Độ tuổi trung bình của GV trong Khoa là 45 [H6.6.1.1] [H6.6.1.2]. Trong năm 2022, Khoa có 01 thạc sĩ có quyết định công nhận NCS tại Trường ĐHSP, ĐHH [H6.6.1.3]. Kế hoạch tuyển dụng CBVC của Khoa thực hiện theo quy định của

Nhà trường. Theo đó, hàng năm trên cơ sở tình hình đội ngũ của mình, Khoa đã lập quy hoạch CB theo từng giai đoạn và trình Ban Giám hiệu duyệt. Dựa trên kế hoạch đó, vào đầu năm học, Khoa đề nghị số lượng CBVC cần tuyển gửi cho Trường. Căn cứ chỉ tiêu biên chế, Trường phân chỉ tiêu tuyển dụng làm cơ sở cho Khoa xét chọn những người có đủ tiêu chuẩn, hướng dẫn làm hồ sơ trình Hội đồng tuyển dụng Trường xét tuyển. Từ năm 2020, quy trình tuyển dụng trên thay đổi dựa trên Đề án vị trí việc làm do ĐHH phê duyệt [H6.6.1.4].

Căn cứ vào quyết định phê duyệt vị trí việc làm của Giám đốc ĐHH, căn cứ vào đề nghị của Trường ban thẩm định quy chế tổ chức và hoạt động, Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2016-2018 và giai đoạn 2019-2021 của Trường ĐHSP, ĐHH được phê duyệt bao gồm các vị trí gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành; vị trí gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp; vị trí gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ, Nhà trường và Khoa có kế hoạch hỗ trợ, phát triển đội ngũ theo Đề án vị trí việc làm đã được duyệt [H6.6.1.4].

Các tiêu chí để tuyển dụng được quy định một cách rõ ràng và công bố rộng rãi trên website của Trường, các phương tiện thông tin đại chúng và văn bản gửi về Khoa. Đối với ngạch GV, ưu tiên tuyển dụng TS, thạc sĩ giỏi, SV xuất sắc. Nội dung thi tuyển theo đúng quy định, rõ ràng, minh bạch [H6.6.1.5] [H6.6.1.6] [H6.6.1.7] [H6.6.1.8] [H6.6.1.9] [H6.6.1.10] [H6.6.1.11] [H6.6.1.12]. Kết quả thi tuyển công bố công khai và thông qua Hội đồng tuyển dụng. Sau khi thông báo kết quả thi tuyển của Hội đồng tuyển dụng, nếu không có ý kiến phản ánh của CB và SV, Trường tiến hành ký hợp đồng với những người trúng tuyển [H6.6.1.13] [H6.6.1.14].

Trong giai đoạn 2017-2022, Khoa đã có kế hoạch tuyển dụng 01 GV chuyên ngành LL&PPDHBMLS, 01 GV chuyên ngành Lịch sử Việt Nam [H6.6.1.15].

Chiến lược phát triển đội ngũ đặc biệt là bồi dưỡng, đào tạo CB trẻ nhằm đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng được Trường và Khoa quan tâm và tạo điều kiện; trong đó đã quy định rõ những yêu cầu về việc học tập nâng cao trình độ; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học; tham dự các hội nghị, hội thảo ở trong nước và nước ngoài; chế độ khen thưởng CBGV hoàn thành chương trình NCS trước thời hạn, đạt học vị TS trước 30 (Khoa có 01 GV), được bổ nhiệm chức danh PGS trước 40 tuổi (Khoa có 03 GV) [H6.6.1.16] [H6.6.1.17] [H6.6.1.18] [H6.6.1.19] [H6.6.1.20] [H6.6.1.21] [H6.6.1.22] [H6.6.1.23]

[H6.6.1.24]. Năm 2018, Khoa có 04 GV đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp GVC, 04 GV đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp GVCC, 04 GV được bổ nhiệm chức danh PGS, có 02 GV nhận học vị TS, năm 2019 có 01 GV nhận học vị TS; năm 2020 có 05 GV đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp GVC; năm 2021 có 01 GV nhận học vị TS. Hiện nay, Khoa có 02 GV đạt chứng chỉ IELTS 5.0 và 5.5; 01 GV có chứng chỉ TOEFL ITP 2008, 510 point, 01 GV có chứng chỉ C1 QTS, 01 GV có chứng chỉ B2 QTS, 05 GV có trình độ Cử nhân Tiếng Anh văn bằng 2 [H6.6.1.25] [H6.6.1.26] [H6.6.1.27] [H6.6.1.28] [H6.6.1.29].

Căn cứ các văn bản: Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 và Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CB, công chức và Luật viên chức; Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014; Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 quy định thôi việc và nghỉ hưu đối với công chức [H6.6.1.5] [H6.6.1.6] [H6.6.1.30] [H6.6.1.31], Nhà trường quy định và hướng dẫn quy trình về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức, viên chức. Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ hưu đều được thông báo trước cho Lãnh đạo Khoa và GV liên quan. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành. Đối với CBGV hết tuổi lao động (trước năm 2020: nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi; nam đủ 60 tuổi 6 tháng, nữ đủ 55 tuổi 8 tháng tính đến năm 2022) có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm trở lên sẽ được nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng. CBGV khi có nguyện vọng chấm dứt hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động phải làm Đơn xin nghỉ việc, có ý kiến của Trưởng đơn vị; Phòng Tổ chức và Hành chính (TC&HC) tiếp nhận hồ sơ xin nghỉ việc của CBGV trình Hiệu trưởng giải quyết theo quy định. Từ năm 2017 đến năm 2022, Khoa có 01 GV chấm dứt hợp đồng và 07 GV nghỉ hưu theo quy định [H6.6.1.32]. Khoa đã có phương án bồi dưỡng CB trẻ, tuyển dụng thêm GV nhằm phục vụ hiệu quả công tác đào tạo [H6.6.1.15].

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ GV đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng do Khoa và Nhà trường đề ra.

Việc quan tâm phát triển đội ngũ GV của Nhà trường và Khoa trong thời gian qua đã đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy, NCKH và quản lý cũng như các hoạt động

chuyên môn khác.

Khoa có đội ngũ GV cơ hữu mạnh về năng lực và sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Việc phát triển đội ngũ GV của Khoa trong thời gian qua chưa có tính kế thừa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phát triển đội ngũ GV, đặc biệt là tuyển dụng thêm GV thuộc chuyên ngành LL&PPDHBMLS; Lịch sử Việt Nam.	Khoa Lịch sử và Phòng TC&HC	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	GV tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật những nội dung mới về Lịch sử thế giới, Việt Nam, Phương pháp dạy học Lịch sử ở trong và ngoài nước.	Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ GV/NH của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Tính đến tháng 12/2022, Khoa có 13 GV cơ hữu (07 GVCC và 06 GVC). Độ tuổi bình quân của CB cơ hữu Khoa là 45 tuổi; GV nam chiếm tỷ lệ 61%, GV nữ chiếm tỷ lệ 39%; số GV đạt trình độ TS là 12; số GV đạt chức danh PGS là 07 [H6.6.2.1] [H6.6.2.2]. Ngoài ra, Khoa còn có sự hợp tác giảng dạy với các GV kiêm nhiệm, thỉnh giảng là các nhà khoa học, GV có uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong ĐHH và cả nước [H6.6.2.3].

Tỷ lệ này cũng đảm bảo cân đối theo kế hoạch phát triển đội ngũ GV của Khoa, kế hoạch phát triển chuyên môn nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa của Trường và

ĐHH trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV.

**Bảng 6.1. Thống kê FTE (quy đổi thời gian làm việc toàn phần) của GV và SV
CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử**

Năm học	Tổng số FTE GV	Tổng số FTE SV	Tỉ lệ FTE SV/GV	Tỉ lệ FTE GV/SV
2017-2018	19	321	16.89	0.0592
2018 - 2019	19	204	10.74	0.0931
2019 - 2020	16	113	7.06	0.1416
2020 - 2021	15	67	4.47	0.2239
2021 - 2022	14	56	4.00	0.2500
2022 - 2023	13	73	5.61	0.1781

Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được. Để thực hiện việc quy đổi chính xác, khách quan và công bằng, Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết về việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo chuẩn. Văn bản bao gồm hướng dẫn quy đổi thời gian thực hiện một số nhiệm vụ giảng dạy đại học, sau đại học ra giờ chuẩn, quy đổi ra giờ chuẩn đối với hoạt động NCKH [H6.6.2.4] [H6.6.2.5] [H6.6.2.6] [H6.6.2.7] [H6.6.2.8] [H6.6.2.9]. Cuối mỗi năm học, GV tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học; thống kê kết quả công việc giảng dạy, NCKH, các hoạt động khác trên website cơ sở dữ liệu của Trường và kết quả NCKH trên website cơ sở dữ liệu của ĐHH [H6.6.2.10] [H6.6.2.11]. Bên cạnh đó, Phòng KHCN&HTQT; Phòng TC&HC cũng thực hiện việc thống kê các hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm của đội ngũ GV, NCV trong Nhà trường [H6.6.2.12] [H6.6.2.13].

Bảng 6.2. Thống kê tương quan giờ giảng, nhiệm vụ khác và NCKH của đội ngũ GV Khoa Lịch sử giai đoạn 2018-2023

Stt	Họ và tên	Số giờ giảng - NCKH thực tế/năm học					Nhiệm vụ khác được phân công/kiêm nhiệm	Số đề tài NCKH/bài báo KH/ấn phẩm KH		
		2018- 2019	2019 -2020	2020- 2021	2021 - 2022	2022-2023		Đề tài NCKH	Bài báo KH	Ấn phẩm KH/ Sách/ Giáo trình
1	Nguyễn Thành Nhân	66.2-0	232.6-0	106.8-2070	244.2-5285		CBQL	2	20	2
2	Nguyễn Tuấn Bình	190.4-355	89.5-525	163.1-9771	256.2-12217		CVHT	4	37	1
3	Trần Thị Quế Châu	149.6-312.5	272.7-250	179.1-2610	263.8-5838		CVHT	4	14	2
4	Đặng Văn Chương	184.1-237.5	396-659.5	261.5-4915	437.7-3760			5	10	5
5	Nguyễn Đức Cường	279.8-0	367.7-30	461.4-883	484.6-1307		CBQL	0	3	0
6	Lê Thị Quý Đức	74.4-694	40.8-899.5	177.7-8448.2	164.6-9533		CVHT	7	16	2
7	Hoàng Chí Hiếu	269.6-770	145.1-522.5	179.6-3805	426.6-3760		CVHT	2	19	8
8	Trương Công Huỳnh Kỳ	448.7-245	233.7-280	274.4-4158	518.8-5193			3	12	4
9	Trần Thị Hải Lê	163.2-128	101.5-295	210.9-3418	215-2551		CVHT	4	18	3
10	Lê Thành Nam	269-390.5	313.5-466.5	451.6-2271	233.3-3226		TLĐT,KHCN	1	13	5
11	Nguyễn Tất Thắng	306.7-405	183.5-180	152.3-2090	334.6-3803		CBQL	1	17	9
12	Lê Thị Hoài Thanh	213.4-95.5	202-195	222-1091	195.7-1000		CVHT	4	8	2
13	Bùi Thị Thảo	243.7-223	372.8-321.8	346.9-3875.8	236.2-3956		CBQL-CVHT	2	9	3

Dựa vào bảng trên có thể thấy, hoạt động giảng dạy và NCKH của đội ngũ GV Khoa Lịch sử về cơ bản đáp ứng được định mức giờ chuẩn giảng dạy và vượt xa định mức giờ NCKH theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHSP, ĐHH.

Việc đánh giá, giám sát khối lượng công việc của GV cần có những mốc chuẩn để tham chiếu. Do đó, Trường đã ban hành văn bản quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV, NCV. Theo quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường từ năm 2020, định mức giờ chuẩn của GV là: 270 giờ giảng dạy, 600 giờ NCKH và 350 giờ phục vụ cộng đồng (trước năm 2020: 270 giờ giảng dạy, 100 giờ NCKH và 70 giờ phục vụ cộng đồng); định mức giờ chuẩn của GVC là: 270 giờ giảng dạy, 720 giờ NCKH và 230 giờ phục vụ cộng đồng (trước năm 2020: 270 giờ giảng dạy, 120 giờ NCKH và 50 giờ phục vụ cộng đồng); định mức giờ chuẩn của GVCC là: 270 giờ giảng dạy, 840 giờ NCKH và 110 giờ phục vụ cộng đồng (trước năm 2020: 270 giờ giảng dạy, 140 giờ NCKH và 30 giờ phục vụ cộng đồng) [H6.6.2.14] [H6.6.2.15].

Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân GV tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, Bộ môn đánh giá, BCN Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H6.6.2.16] [H6.6.2.17] [H6.6.2.18] [H6.6.2.19] [H6.6.2.20] [H6.6.2.21] [H6.6.2.22] [H6.6.2.23].

2. Điểm mạnh

Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu và thỉnh giảng (về số lượng và chất lượng) để giảng dạy cho SV ngành Sư phạm Lịch sử. Đội ngũ GV của Khoa đạt trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm nhiều năm trong nghề.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, chuyên ngành LL&PPDHBMLS và chuyên ngành Lịch sử Việt Nam đang thiếu hụt đội ngũ GV kế cận để tham gia giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tuyển thêm GV theo Đề án vị trí việc làm.	Khoa Lịch sử và Phòng TC&HC	Từ năm học 2023-2024

2	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao trình độ chuyên môn về Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới; LL&PPDHBMLS trên thế giới và ở Việt Nam.	Khoa Lịch sử: Trường Bộ môn và GV	Từ năm học 2023-2024
---	--------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------	----------------------

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở Luật viên chức năm 2010; Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CB, công chức và Luật viên chức; quy định tuyển dụng của ĐHH quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển; kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV, Nhà trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ [H6.6.3.1] [H6.6.3.2] [H6.6.3.3] [H6.6.3.4] [H6.6.3.5] [H6.6.3.6]. Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng Thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng TS đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT Thạc sĩ, TS; 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng phổ biến công khai và được lưu tại các địa chỉ: website của Trường, kho hồ sơ lưu trữ, hệ thống quản lý văn bản của Nhà trường.

Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thi giảng và trả lời phỏng vấn trực tiếp của Hội đồng tuyển dụng. Sau khi trúng tuyển, các GV đều phải thực hiện biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng của Bộ môn và giảng thử tại Bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 12 tháng thử việc, GV mới được tuyển dụng được hướng dẫn bởi 1 GV do Nhà trường và Lãnh đạo Khoa phân công [H6.6.3.7] [H6.6.3.8] [H6.6.3.9] [H6.6.3.10].

Trường và Khoa có các văn bản quy định cụ thể về các tiêu chí bổ nhiệm đối với đội ngũ GV, NCV. Các chức danh CB lãnh đạo trường phòng, trưởng khoa, phó trưởng phòng, phó trưởng khoa, giám đốc, phó giám đốc, trưởng bộ môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm. Các quy định được ban hành cụ thể và công khai trong văn bản hướng dẫn quy trình bổ nhiệm viên chức quản lý trong ĐHH [H6.6.3.11] [H6.6.3.12].

Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GVC, GVCC, phó giáo sư, giáo sư) [H6.6.3.13] [H6.6.3.14] [H6.6.3.15]. Quy trình bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo trong Trường được tiến hành theo đúng quy trình và các văn bản chỉ đạo của Nhà nước, ĐHH [H6.6.3.16] [H6.6.3.17] [H6.6.3.18] [H6.6.3.19]. Các tiêu chí đánh giá năng lực của GV, NCV được thảo luận, thống nhất, cụ thể hóa trong Bản mô tả vị trí việc làm. Các văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá năng lực của GV và NCV được thông báo công khai trên website Trường và văn bản gửi về Khoa [H6.6.3.20] [H6.6.3.21].

Các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV, việc bổ nhiệm, điều chuyển CB nhận được sự quan tâm, đồng thuận của tất cả GV, CB trong Khoa. Thông tin tuyển dụng được đăng tải trên website của Trường, các trang báo có uy tín trên cả nước [H6.6.3.22] [H6.6.3.23].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng chính xác, khách quan. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai.

Phân công công việc phù hợp với đội ngũ CBGV hiện có của Khoa.

3. Điểm tồn tại

Thiếu GV chuyên ngành LL&PPDHBMLS và chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tuyển GV chuyên ngành LL&PPDH BMLS và chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.	Khoa Lịch sử và Phòng TC&HC	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao trình độ đào tạo, ngoại ngữ và các nghiệp vụ chuyên môn cần thiết khác.	Khoa Lịch sử: Trưởng Bộ môn và GV	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Dựa trên Luật Giáo dục Đại học, Quy định của ĐHH, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV [H6.6.4.1] [H6.6.4.2] [H6.6.4.3] [H6.6.4.4] [H6.6.4.5] [H6.6.4.6] [H6.6.4.7] [H6.6.4.8] [H6.6.4.5] [H6.6.4.9] [H6.6.4.10].

Định mức giờ chuẩn của GV và NCV được quy định như sau: Định mức nghĩa vụ của GV được tính theo hệ số lương của loại viên chức. Tổng giờ chuẩn của GV được xác định trên 3 loại nhiệm vụ: giảng dạy, NCKH, học tập bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác [H6.6.4.5] [H6.6.4.9].

Bảng 6.3. Định mức các hoạt động cho từng đối tượng GV Trường ĐHSP, ĐHH

TT	Nội dung	Định mức		
		GV	GVC	GVCC
1	Giảng dạy	270 giờ chuẩn =810 giờ hành chính	270 giờ chuẩn =810 giờ hành chính	270 giờ chuẩn =810 giờ hành chính
2	NCKH	600 giờ hành chính	720 giờ hành chính	840 giờ hành chính
3	Học tập và nhiệm vụ khác	350 giờ hành chính	230 giờ hành chính	110 giờ hành chính
	Tổng cộng	1760 giờ hành chính	1760 giờ hành chính	1760 giờ hành chính

Các ứng viên được tuyển làm GV của Trường ĐHSP, ĐHH đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và nghiệp vụ sư phạm. Sau khi trúng tuyển, họ đều được tham gia vào các khóa học bồi dưỡng về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức [H6.6.4.11] [H6.6.4.12] [H6.6.4.13] [H6.6.4.14].

Trường đã có văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, NCV. Cụ thể, hằng năm Trường đều gửi văn bản hướng dẫn tổng kết năm học, đánh giá năng lực của GV để bình xét thi đua về Khoa [H6.6.4.15] [H6.6.4.16] [H6.6.4.17] [H6.6.4.18] [H6.6.4.19]. Quy trình đánh giá thực hiện như sau: GV tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới căn cứ theo chức danh, nhiệm vụ được giao. Sau đó, Bộ môn và lãnh đạo Khoa đánh giá; cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại

thi đua hàng năm [H6.6.4.20] [H6.6.4.21] [H6.6.4.22]. Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của CBGV và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Khoa, từ đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp [H6.6.4.23] [H6.6.4.24] [H6.6.4.25] [H6.6.4.14] [H6.6.4.26] [H6.6.4.27].

Các văn bản cụ thể về năng lực của GV, NCV được thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai. Trường gửi công văn yêu cầu các đơn vị góp ý các quy định về năng lực của đội ngũ GV, NCV. Các đơn vị thu thập ý kiến và gửi văn bản góp ý về Phòng TC&HC tổng hợp. Trên cơ sở họp hội đồng trường, văn bản góp ý của các đơn vị, Hiệu trưởng ban hành văn bản quy định năng lực của GV, NCV. Văn bản được thông báo công khai qua website, văn bản cứng gửi về các đơn vị [H6.6.4.5] [H6.6.4.7] [H6.6.4.28].

Như vậy, năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển CB phù hợp.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV của Khoa đáp ứng tốt yêu cầu về giảng dạy, NCKH.

Năng lực của đội ngũ GV được đánh giá dựa trên các tiêu chí rõ ràng, cụ thể, đa dạng với nhiều hình thức và thành tích của từng CBGV.

3. Điểm tồn tại

Kỹ năng ứng dụng CNTT của đội ngũ GV còn chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tạo điều kiện cho CBGV học tập, nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.	Khoa Lịch sử, Phòng TC&HC, Phòng Kế hoạch và Tài chính (KH&TC)	Từ năm học 2022-2023

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về giảng dạy và NCKH.	Khoa Lịch sử: Trưởng Bộ môn và GV	Từ năm học 2022-2023
---	--------------------	-----------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------	----------------------

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược phát triển đội ngũ được xác định rõ trong Chiến lược phát triển Trường ĐHSP, ĐHH giai đoạn 2018-2022 và Tầm nhìn 2030 [H6.6.5.1] [H6.6.5.2] [H6.6.5.3] [H6.6.5.4] [H6.6.5.5]. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của CBGV thông qua báo cáo đánh giá hằng năm, Khoa đã xây dựng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí CBGV theo từng năm học và theo giai đoạn [H6.6.5.6] [H6.6.5.7] [H6.6.5.8].

Trường và Khoa quy định mọi CBGV đều có quyền được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn ở trong nước và ngoài nước. Theo đó, CB trẻ được yêu cầu sau 2 đến 3 năm kể từ khi được tuyển dụng phải hoàn thành xong chương trình cao học, tiếp đó, sau 3 đến 5 năm phấn đấu có bằng TS; khuyến khích CBGV hoàn thành chương trình NCS trước thời hạn, bảo vệ luận án TS trước 30 tuổi, đạt chức danh phó giáo sư trước 40 tuổi. Để tạo điều kiện cho CBGV học tập, bồi dưỡng theo kế hoạch, thuận tiện trong công tác quản lý và phân công nhiệm vụ, Trường đã thực hiện quy hoạch chức danh chuyên môn đối với GV đến năm 2025 [H6.6.5.8].

Hàng năm, Trường cấp kinh phí cho 25% CBGV các đơn vị được đi giao lưu khoa học trong nước với mức hỗ trợ bình quân hàng năm cho mỗi CB là 2.500.000 đồng và được phân bổ cho từng Khoa [H6.6.5.9] [H6.6.5.10] [H6.6.5.6]. Nhà trường và BCN Khoa công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài tạo điều kiện để CBGV trẻ tham gia dự tuyển [H6.6.5.11].

Trường có chế độ hỗ trợ 100% kinh phí cho CBGV đi học tập nâng cao trình độ (NCS) trong nước bao gồm tiền học phí, lệ phí thi đầu vào, tiền tàu xe đi/về mỗi năm 2 lần, tiền lưu trú cho CBGV đi học ngoài tỉnh. CBGV đi học tập, bồi dưỡng ngắn hạn trong tỉnh, hỗ trợ bảo vệ luận án TS 10.000.000 đồng/luận án. CBGV học tập ở nước

ngoài để nhận bằng Thạc sĩ, TS được hỗ trợ tiền tàu xe trong nước 1 lần khi đi, 1 lần khi về và 1 lần đi làm thủ tục theo chế độ công tác phí trong 5 ngày [H6.6.5.9] [H6.6.5.10].

Bảng 6.4. Bảng thống kê kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ Khoa Lịch sử giai đoạn 2017-2021

Đơn vị tính: đồng

Thời gian	2017	2018	2019	2020	2021
Số tiền	76.777.400	85.439.200	28.663.200	45.663.200	3.163.200

Để nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ GV, Trường khuyến khích GV đi học các lớp bằng 2 tiếng Anh và thi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, các khóa học ngắn hạn về tiếng Anh học thuật [H6.6.5.12].

Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV được triển khai thực hiện đúng hoặc vượt kế hoạch.

2. Điểm mạnh

Khoa và Nhà trường tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV.

Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT Thạc sĩ, TS, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo...)

3. Điểm tồn tại

Hình thức hỗ trợ một số khóa đào tạo chưa sát với tình hình thực tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tạo điều kiện hơn về kinh phí đi lại đối với GV tham gia các khóa đào tạo ngoài tỉnh.	Khoa Lịch sử, Phòng TC&HC, Phòng KH&TC	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục các chính sách khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ.	Khoa Lịch sử, Phòng TC&HC, Phòng KH&TC	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa đã xây dựng quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV trong công tác giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Với từng chức danh công việc, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng GV. Trường đã ban hành văn bản quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV, NCV. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, sau đó Bộ môn, lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, xét xếp loại thi đua theo quy chế thi đua khen thưởng [H6.6.6.1] [H6.6.6.2] [H6.6.6.3] [H6.6.6.4] [H6.6.6.5] [H6.6.6.6] [H6.6.6.7] [H6.6.6.8] [H6.6.6.9][H6.6.6.10] [H6.6.6.11] [H6.6.6.12] [H6.6.6.13] [H6.6.6.14].

Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng, Gương mặt trẻ tiêu biểu... [H6.6.6.14] [H6.6.6.15]. Cụ thể tiêu chí để đăng ký Chiến sĩ thi đua cơ sở đối với GV bao gồm: Đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; Được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học; Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc giải pháp công tác hoặc áp dụng quy trình mới để cải cách thủ tục hành chính, tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác của cơ quan và đơn vị, được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở công nhận hoặc chủ trì đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên đã được đánh giá, nghiệm thu [H6.6.6.7] [H6.6.6.8] [H6.6.6.9] [H6.6.6.10] [H6.6.6.11].

Mỗi năm học trong giai đoạn 2017-2022, đội ngũ GV Khoa Lịch sử đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở trung bình 02 GV, đảm bảo tỉ lệ 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến của đơn vị theo quy định. Số GV còn lại đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Không có GV không hoàn thành nhiệm vụ.

Ngoài danh hiệu thi đua khen thưởng thì những GV, NCV có kết quả hoạt động tốt, đáp ứng các tiêu chuẩn của Nhà trường về nâng lương trước thời hạn đối với

CBVC sẽ được xét nâng bậc lương trước thời hạn [H6.6.6.16] [H6.6.6.17] [H6.6.6.18] [H6.6.6.19] [H6.6.6.20] [H6.6.6.21].

Việc triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc và đánh giá kết quả công việc hoàn toàn công khai, minh bạch. Điều này được thể hiện trong các cuộc họp khoa cuối năm, kết quả đánh giá được thảo luận và đưa vào nội dung báo cáo tổng kết năm học của Khoa [H6.6.6.22].

Mỗi năm học, tất cả GV của Khoa đều có kế hoạch cụ thể, trong đó thể hiện rõ khối lượng công việc để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát. Trên cơ sở các kế hoạch cá nhân, Khoa xây dựng kế hoạch năm học với mục tiêu, khối lượng công việc, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết [H6.6.6.23]. Đối với những GV là đảng viên đều có nhận xét của nơi cư trú/cộng đồng để Chi bộ có căn cứ đánh giá Đảng viên cuối năm.

Trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc, tất cả GV, NCV đều được tham gia góp ý. Cụ thể, Trường gửi công văn đề nghị các đơn vị góp ý để xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc. Khoa tiến hành lấy ý kiến của GV và gửi bản tổng hợp ý kiến cho Phòng TC&HC. Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, Hội đồng trường thảo luận. Sau đó, Hiệu trưởng ra quyết định về các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV [H6.6.6.7] [H6.6.6.8] [H6.6.6.9] [H6.6.6.10] [H6.6.6.11].

Việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai minh bạch, rõ ràng nên hầu hết các GV, NCV đều hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp thẩm quyền.

Mỗi năm, Nhà trường đều lấy kết quả tổng hợp ý kiến phản hồi của GV, NCV về việc đánh giá nhằm kiểm tra lại kết quả đánh giá và mức độ hài lòng của GV, NCV về đánh giá, phân loại mỗi năm.

2. Điểm mạnh

Triển khai hiệu quả hoạt động quản trị, công nhận và khen thưởng kết quả công việc của từng GV, góp phần nâng cao chất lượng công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV trong Khoa.

Phần lớn GV Khoa Lịch sử đều vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc (NCKH, giảng dạy, các hoạt động khác).

3. Điểm tồn tại

Sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản (NXB) có uy tín giữa các GV còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	GV cần tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, NXB có uy tín.	Khoa Lịch sử: Trưởng Bộ môn, GV	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo vượt định mức giờ dạy và NCKH.	Khoa Lịch sử, Phòng TC&HC, Phòng KH&TC	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN, tổ chức cho CBVC trong toàn Trường đăng ký đề tài NCKH, các kế hoạch đều được trình các cấp chủ quản phê duyệt kinh phí hoạt động [H6.6.7.1] [H6.6.7.2] [H6.6.7.3] [H6.6.7.4] [H6.6.7.5] [H6.6.7.6], được thực hiện theo kế hoạch tổ chức hoạt động nghiên cứu của Khoa, Trường [H6.6.7.7].

Hoạt động KH&CN của Khoa tuân thủ đầy đủ theo Quy định về quản lý đề tài KH&CN tại các đơn vị trực thuộc (ban hành theo Quyết định số 1519/QĐ-ĐHH ngày 29/12/2017 của Giám đốc ĐHH quy định về quản lý đề tài KH&CN cấp ĐHH) [H6.6.7.8] [H6.6.7.9] [H6.6.7.10] [H6.6.7.11].

Các loại hình, số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập rõ ràng và thông báo công khai. Trong bản kế hoạch hằng năm, GV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV NCKH) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định. Kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV [H6.6.7.12] [H6.6.7.13] [H6.6.7.14] [H6.6.7.15] [H6.6.7.2] [H6.6.7.16] [H6.6.7.17] [H6.6.7.18].

Bảng 6.5. Thống kê ấn phẩm NCKH của GV Khoa Lịch sử giai đoạn 2017-2022

Stt	Họ và tên	Số đề tài NCKH/bài báo KH/ Ấn phẩm KH/Sách/Giáo trình			
		Đề tài NCKH	Bài báo KH	Ấn phẩm KH/Sách/Giáo trình	Ghi chú
1	Nguyễn Thành Nhân	2	20	2	
2	Nguyễn Tuấn Bình	4	37	1	
3	Trần Thị Quế Châu	4	14	2	
4	Đặng Văn Chương	5	10	5	
5	Nguyễn Đức Cương	0	3	0	
6	Lê Thị Quý Đức	7	16	2	
7	Hoàng Chí Hiếu	2	19	8	
8	Trương Công Huỳnh Kỳ	3	12	4	
9	Trần Thị Hải Lê	4	18	3	
10	Lê Thành Nam	1	13	5	
11	Nguyễn Tất Thắng	1	17	9	
12	Lê Thị Hoài Thanh	4	8	2	
13	Bùi Thị Thảo	2	9	3	

Chất lượng các công trình nghiên cứu của đội ngũ CBGV trong Khoa Lịch sử luôn được giám sát bởi Hội đồng Khoa. Các bài báo khoa học của GV trong Khoa được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng. Số đề tài, đề án đã đăng ký hầu hết đều thực hiện nghiêm túc, được nghiệm thu đúng kế hoạch; nhiều đề tài, bài báo khoa học của GV trong Khoa đạt giải thưởng Quỹ Khuyến khích tài năng của Trường ĐHSP, của ĐHH, các giải thưởng về KH&CN cấp Tỉnh, cấp Bộ [H6.6.7.19] [H6.6.7.18].

Kết quả đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được định kỳ rà soát, đối sánh, điều chỉnh nhằm cải tiến chất lượng. Nội dung hoạt động KH&CN của Khoa chú trọng nghiên cứu những vấn đề về Lịch sử địa phương, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Khoa học giáo dục phục vụ việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá và phương tiện dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện ở các cấp học, bậc học [H6.6.7.5] [H6.6.7.6].

2. Điểm mạnh

GV rất tích cực tham gia hoạt động NCKH, chất lượng nghiên cứu ngày càng được nâng cao rõ rệt.

Các bài báo của đội ngũ GV trong Khoa được đăng tải trong các tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế (trong đó có các tạp chí có chỉ số ISSN, tạp chí quốc tế uy tín, có phản biện, tạp chí thuộc danh mục Scopus), có chất lượng cao.

3. Điểm tồn tại

Số giờ NCKH giữa các GV, GV giữa các tổ chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thành lập các nhóm nghiên cứu để cùng thực hiện các đề tài và công bố công trình.	Khoa Lịch sử: Trưởng Bộ môn, Trợ lý ĐT-KHCN	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao chất lượng và số lượng các công bố khoa học, đặc biệt trên tạp chí quốc tế.	Khoa Lịch sử: Trưởng Bộ môn, Trợ lý ĐT-KHCN	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ GV của Khoa có trình độ chuyên môn cao, có năng lực ngoại ngữ, do vậy, công tác giảng dạy và NCKH của Khoa đã đạt được những thành tích xuất sắc.

Trong giảng dạy, đội ngũ GV của Khoa hoàn thành vượt mức số giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao. Trong NCKH, đội ngũ GV của Khoa là chủ trì đề tài và tham gia nhiều loại hình nghiên cứu, hoàn thành vượt mức cao số giờ NCKH theo quy định, nhiều GV được khen thưởng về thành tích chuyên môn, NCKH.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển đại học nghiên cứu của Nhà trường.

Căn cứ vào các phân tích nêu trên, số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu là 7/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ, Khoa Lịch sử luôn quan tâm xây dựng một đội ngũ NV có tinh thần phục vụ cao, sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc tuyển dụng, đề bạt CB được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và thành tích hoạt động. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của đội ngũ NV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của NV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm được quy định cho đội ngũ NV.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ chiến lược phát triển nhà trường, hàng năm Trường, Khoa Lịch sử có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) để tiến hành xây dựng đề án tuyển dụng và quy hoạch CB chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.7.1.1] [H7.7.1.2] [H7.7.1.3] [H7.7.1.4]. Tính đến tháng

12/2021, Trường có 360 viên chức, người lao động, trong đó có 221 GV (với 03 GS, 41 PGS, 94 TS, 79 ThS, 04 cử nhân). Tỷ lệ GV có trình độ TS trên 62%, tỷ lệ GV có trình độ sau đại học trên 98% [H7.7.1.5] [H7.7.1.6] [H7.7.1.7] [H7.7.1.8] [H7.7.1.9] [H7.7.1.10] [H7.7.1.11].

Trường và Khoa Lịch sử có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [H7.7.1.12]. Trường và Khoa cũng đã xây dựng Đề án vị trí việc làm để làm căn cứ xác định tiêu chuẩn về trình độ, năng lực của từng vị trí công tác, từ đó thực hiện kế hoạch tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng đúng yêu cầu [H7.7.1.3] [H7.7.1.13] [H7.7.1.2] [H7.7.1.14] [H7.7.1.15] [H7.7.1.16]. Thông tin về tuyển dụng đội ngũ NV Khoa Lịch sử được công khai trên website của nhà trường [H7.7.1.11]. Sau khi có kết quả tuyển dụng, Phòng TC&HC có trách nhiệm niêm yết và công bố công khai trên website của trường và có văn bản gửi về các Khoa [H7.7.1.5] [H7.7.1.17] [H7.7.1.5] [H7.7.1.2].

Trường và Khoa có đủ số lượng CB kỹ thuật viên, NV làm việc tại thư viện, NV phục vụ, đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng cho hoạt động đào tạo và NCKH cũng như nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.7.1.3] [H7.7.1.1] [H7.7.1.2] [H7.7.1.18]. Kể từ khi thành lập Khoa năm 1957, Khoa Lịch sử luôn có một CB văn phòng chuyên trách có nhiệm vụ giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa như quản lý các văn bản hành chính, hỗ trợ cho đội ngũ GV, SV [H7.7.1.19] [H7.7.1.18] [H7.7.1.20] có nhiệm vụ quản lý CTSV; đánh giá điểm rèn luyện, giải đáp thắc mắc của NH; xét học bổng, cảnh cáo học vụ [H7.7.1.21] [H7.7.1.22] [H7.7.1.23] [H7.7.1.7] [H7.7.1.1] [H7.7.1.5] [H7.7.1.24] [H7.7.1.25] [H7.7.1.26] [H7.7.1.18] [H7.7.1.27] [H7.7.1.28] [H7.7.1.27] [H7.7.1.28] [H7.7.1.29]. Ngoài ra, Khoa còn xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm các công việc như: trợ lý ĐT - NCKH [H7.7.1.20] [H7.7.1.30]. Từ năm học 2018-2019, theo quyết định của Nhà trường, Khoa chỉ còn 02 trợ lý, trong đó CB thư ký văn phòng Khoa kiêm nhiệm trợ lý CTSV, trợ lý văn thể và trợ lý ĐT-KHCN do 01 GV kiêm nhiệm [H7.7.1.18] [H7.7.1.31] [H7.7.1.2]. Đặc biệt, nhằm giúp đỡ hỗ trợ SV trong quá trình học tập, Khoa đã đề xuất đội ngũ GV kiêm nhiệm làm công tác CVHT để Nhà trường ra quyết định [H7.7.1.32] [H7.7.1.33] [H7.7.1.34] [H7.7.1.35] [H7.7.1.33] [H7.7.1.34] [H7.7.1.36]. Đội ngũ NV của Trường và Khoa được đào tạo

cơ bản, đúng chuyên môn và được bố trí làm việc phòng khoa để hỗ trợ và phục vụ cho công tác giảng dạy và NCKH cho các GV, SV của Nhà trường [H7.7.1.37] [H7.7.1.13] [H7.7.1.2].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CB văn phòng, CB phòng tư liệu đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ CB hỗ trợ SV của Khoa chủ yếu là CB kiêm nhiệm, công việc nhiều và chưa được đào tạo bài bản nên còn lúng túng trong việc giải quyết một số tình huống.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Kiến nghị với nhà trường tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng như: Kỹ năng cố vấn cho SV, nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ văn phòng cho CB Khoa đảm nhận các công việc hỗ trợ SV	Khoa Lịch sử, Phòng TC&HC và phòng ĐTDH&CTSV	Bắt đầu thực hiện từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ NV phục vụ	Khoa Lịch sử, Phòng TC&HC	Bắt đầu thực hiện từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV giữa các phòng ban, trung tâm, khoa trực thuộc trường theo nhu cầu [H7.7.2.1] [H7.7.2.2]. NV của Trường gồm CB, NV kỹ thuật cơ hữu, hợp đồng lao động; NV vệ sinh môi trường, NV bảo vệ và các NV khác làm việc theo chế độ hợp đồng lao động. Trên cơ sở Luật viên chức và Quy định tuyển dụng viên chức trong ĐHH, Khoa Lịch sử đã thực hiện

các quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển NV một cách nghiêm túc, công khai [H7.7.2.3] [H7.7.2.4] [H7.7.2.5] [H7.7.2.6]. Cụ thể, tiêu chuẩn của NV được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường như sau: 1. Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2. Có bằng tốt nghiệp cao đẳng (đối với cán sự), trung học chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật nghề; 3. Đủ sức khỏe theo yêu cầu vị trí việc làm; 4. Lý lịch bản thân rõ ràng [H7.7.2.7] [H7.7.2.8] [H7.7.2.9] [H7.7.2.10] [H7.7.2.11].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan [H7.7.2.12]. Căn cứ trên chỉ tiêu về đội ngũ CB hỗ trợ của ĐHH, của Trường và căn cứ trên đề nghị tuyển dụng của Khoa, Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa và Nhà trường [H7.7.2.1] [H7.7.2.2]. Các chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV được phổ biến công khai đến đội ngũ CB Khoa trong buổi sinh hoạt đầu tuần, trên trang Web Trường, trên các phương tiện truyền thông đại chúng và thông báo văn bản về Khoa [H7.7.2.13] [H7.7.2.14] [H7.7.2.15] [H7.7.2.16] [H7.7.2.9] [H7.7.2.6] [H7.7.2.17] [H7.7.2.18] [H7.7.2.4] [H7.7.2.19].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được phổ biến tới toàn thể CBGV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường [H7.7.2.19] [H7.7.2.13] [H7.7.2.4] [H7.7.2.5] [H7.7.2.9]. Trường và Khoa Lịch sử luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm ngạch chuyên viên (chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp, chuyên gia) [H7.7.2.19] [H7.7.2.13] [H7.7.2.2] [H7.7.2.18] [H7.7.2.1].

2. Điểm mạnh

Tuyển được đội ngũ NV đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Đội ngũ NV nghiêm túc chấp hành các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế Văn hóa công sở của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hơn các hình thức thông báo tuyển dụng để các ứng viên có thể tiếp cận được nhiều hơn như thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình.	Khoa Lịch sử, Phòng TC&HC	Bắt đầu thực hiện từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo quy trình tuyển dụng GV đạt yêu cầu	Khoa Lịch sử, Phòng TC&HC	Bắt đầu thực hiện từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSPT, Khoa Lịch sử có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV (trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ) [H7.7.3.1] [H7.7.3.2] [H7.7.3.3] [H7.7.3.4] [H7.7.3.5] [H7.7.3.6] [H7.7.3.7]. Khoa luôn đề cao vai trò của đội ngũ NV hỗ trợ, hiện tại, bên cạnh đội ngũ hỗ trợ đông đảo từ Nhà trường, Khoa Lịch sử có 01 CB văn thư [H7.7.3.8] [H7.7.3.9]. Ngoài ra, Khoa còn xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm các công việc như: Trợ lý NCKH, trợ lý đào tạo đại học, trợ lý văn thể, trợ lý CTSV. Từ năm học 2018-2019, CB văn thư kiêm nhiệm trợ lý văn thể và trợ lý CTSV, một GV kiêm nhiệm trợ lý đào tạo và NCKH [H7.7.3.10] [H7.7.3.11] [H7.7.3.12] [H7.7.3.13] [H7.7.3.14].

Thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan (tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, NH đánh giá) [H7.7.3.15] [H7.7.3.3] [H7.7.3.2] [H7.7.3.4]. Năng lực của đội ngũ NV của Trường và Khoa được xác định và được đánh giá, phân loại hằng năm nhằm làm rõ ưu, khuyết điểm về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao [H7.7.3.15] [H7.7.3.3] [H7.7.3.4] [H7.7.3.16] [H7.7.3.5] [H7.7.3.6] [H7.7.3.7] [H7.7.3.17] [H7.7.3.18] [H7.7.3.19] [H7.7.3.20] [H7.7.3.4].

Công tác chấn chỉnh giờ làm việc của đội ngũ NV luôn được Trường và Khoa Lịch sử quan tâm thực hiện [H7.7.3.21] [H7.7.3.22] [H7.7.3.23]. Năm 2018, để phục vụ công tác giám sát thời gian làm việc của viên chức, NV hành chính, Trường đã lắp đặt 2 máy quét vân tay tại khu nhà Hiệu bộ và khu nhà hành chính các Khoa [H7.7.3.24]. Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của đội ngũ NV [H7.7.3.16] [H7.7.3.5] [H7.7.3.3] [H7.7.3.6] [H7.7.3.7] [H7.7.3.25] [H7.7.3.26] [H7.7.3.27] [H7.7.3.28] [H7.7.3.29] [H7.7.3.4]. Ngoài ra, hàng năm Trường đều gửi công văn cử CB tham gia khóa tập huấn về cách thức giám sát và đánh giá hiệu quả làm việc của NV [H7.7.3.29] [H7.7.3.30] [H7.7.3.31].

Những đóng góp của đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa luôn được sự công nhận của Khoa và Nhà trường. Các CB của Khoa mỗi năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, trong đó có CB đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, gương mặt trẻ tiêu biểu và được nâng lương trước thời hạn. Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Khoa và Nhà trường đối với đóng góp và thành tích của đội ngũ hỗ trợ [H7.7.3.3] [H7.7.3.32] [H7.7.3.2] [H7.7.3.6] [H7.7.3.7] [H7.7.3.26] [H7.7.3.27] [H7.7.3.28] [H7.7.3.33] [H7.7.3.4] [H7.7.3.17] [H7.7.3.18] [H7.7.3.19] [H7.7.3.20] [H7.7.3.25] [H7.7.3.34] [H7.7.3.35] [H7.7.3.36] [H7.7.3.37] [H7.7.3.38] [H7.7.3.39] [H7.7.3.40] [H7.7.3.41] [H7.7.3.42] [H7.7.3.43] [H7.7.3.44] [H7.7.3.45] [H7.7.3.46].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Khoa Lịch sử và nhà trường. Khoa luôn quan tâm đến việc hỗ trợ phát triển nghề nghiệp cho CB hỗ trợ. Đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những CB trẻ, năng động, nhiệt tình.

3. Điểm tồn tại

Giờ làm việc của GV kiêm nhiệm công tác trợ lý chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy mỗi kỳ. CB của Khoa phần lớn đang trong giai đoạn học tập, nâng cao trình độ nên cũng gặp nhiều khó khăn trong các hoạt động chung của Khoa và Trường. Một số NV còn chưa nhiệt tình, làm việc còn chưa thực sự khoa học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ NV và có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho CB hỗ trợ. Lấy ý kiến đánh giá của NH về thái độ, năng lực làm việc của đội ngũ NV.	Khoa Lịch sử, Phòng TC&HC	Bắt đầu thực hiện từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hỗ trợ phát triển nghề nghiệp cho CB hỗ trợ	Khoa Lịch sử, Phòng TC&HC	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa Lịch sử thường xuyên thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc [H7.7.4.1] [H7.7.4.2] [H7.7.4.3] [H7.7.4.4] [H7.7.4.5] [H7.7.4.6] [H7.7.4.7] [H7.7.4.8].

Khoa Lịch sử có đội ngũ CB hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn để hoàn thành công việc, song để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của NH, căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV thông qua báo cáo đánh giá hàng năm và lấy ý kiến về các chính sách của nhà trường về phát triển năng lực chuyên môn của đội ngũ CB [H7.7.4.9] [H7.7.4.10] [H7.7.4.11] [H7.7.4.12] [H7.7.4.13] [H7.7.4.14] [H7.7.4.15] [H7.7.4.16], Khoa đã xây dựng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của NV [H7.7.4.17] [H7.7.4.18] [H7.7.4.19] [H7.7.4.20] [H7.7.4.21] [H7.7.4.22] [H7.7.4.23].

Trường và Khoa Lịch sử đều có kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Trường, Khoa tạo điều

kiện và khuyến khích CB, NV đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước hàng năm [H7.7.4.24] [H7.7.4.11] [H7.7.4.12] [H7.7.4.13] [H7.7.4.14] [H7.7.4.15] [H7.7.4.25] [H7.7.4.16]. Việc phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV của Trường cũng như ở Khoa thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ [H7.7.4.26] [H7.7.4.27] [H7.7.4.28] [H7.7.4.29].

Trường, Khoa luôn triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Ngoài bồi dưỡng, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ; đội ngũ NV của Trường và Khoa còn tham gia nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng ngoại ngữ và tin học [H7.7.4.20] [H7.7.4.19] [H7.7.4.30] [H7.7.4.31] [H7.7.4.32] [H7.7.4.24] [H7.7.4.33] [H7.7.4.17] [H7.7.4.22] [H7.7.4.34] [H7.7.4.35].

Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng năng lực của đội ngũ NV, Trường đã tiến hành lấy ý kiến khảo sát rộng rãi về các hoạt động hỗ trợ chuyên môn của Trường và Khoa [H7.7.4.4] [H7.7.4.7] [H7.7.4.8] [H7.7.4.1] [H7.7.4.2] [H7.7.4.5] [H7.7.4.6]. Qua khảo sát, đa số GV, SV, cựu SV đều hài lòng về sự phục vụ của đội ngũ NV của Trường và Khoa [H7.7.4.3] [H7.7.4.4] [H7.7.4.7] [H7.7.4.36] [H7.7.4.37] [H7.7.4.38] [H7.7.4.39] [H7.7.4.40] [H7.7.4.41] [H7.7.4.1] [H7.7.4.2] [H7.7.4.3] [H7.7.4.4] [H7.7.4.5] [H7.7.4.6] [H7.7.4.10] [H7.7.4.9] [H7.7.4.42].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB hỗ trợ. Mặc dù, số lượng CB hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV.

3. Điểm tồn tại

Còn ít các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các CB hỗ trợ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm	- Tiến hành khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ	Khoa Lịch sử, Phòng TC&HC	Bắt đầu thực hiện từ năm học 2022-2023

	tồn tại	chuyên môn cho đội ngũ CB hỗ trợ. - Thường xuyên quan tâm tạo điều kiện về thời gian để CB hỗ trợ có thể tham gia các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.		
2	Phát huy điểm mạnh	Đảm bảo tối ưu hoá nguồn nhân lực CB hỗ trợ	Khoa Lịch sử, Phòng TC&HC	Bắt đầu thực hiện từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa Lịch sử có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận kết quả công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai thực hiện theo Luật thi đua khen thưởng và hướng dẫn đăng ký thi đua hằng năm của Trường [H7.7.5.1] [H7.7.5.2] [H7.7.5.3] [H7.7.5.4] [H7.7.5.5] [H7.7.5.6] [H7.7.5.7] [H7.7.5.8] [H7.7.5.9] [H7.7.5.10] [H7.7.5.11] [H7.7.5.12] [H7.7.5.13] [H7.7.5.14]. Nhà trường và Khoa luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của NV hỗ trợ nhằm tạo động lực cho CB trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng theo quy định về công tác thi đua khen thưởng. Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc đội ngũ NV được thực hiện nghiêm túc thông qua BCN khoa và Tổ Thanh tra - pháp chế. Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo [H7.7.5.7] [H7.7.5.8] [H7.7.5.9] [H7.7.5.10] [H7.7.5.15] [H7.7.5.16] [H7.7.5.17].

Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

Những CB hỗ trợ hoàn thành công việc được giao luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen của Hiệu trưởng. Sự công nhận và khen thưởng hằng năm được triển khai chính là động lực cho đội ngũ NV hỗ trợ tích cực hơn trong công tác [H7.7.5.18] [H7.7.5.19] [H7.7.5.20] [H7.7.5.21] [H7.7.5.22] [H7.7.5.23] [H7.7.5.24] [H7.7.5.9] [H7.7.5.10] [H7.7.5.8].

Tất cả NV có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Ngoài danh hiệu thi đua khen thưởng thì những CB hỗ trợ có kết quả tốt đáp ứng các tiêu chuẩn của Nhà trường về năng lượng trước thời hạn đối với CB, viên chức sẽ được xét nâng bậc lương trước thời hạn [H7.7.5.25] [H7.7.5.12] [H7.7.5.26] [H7.7.5.27] [H7.7.5.28].

Tất cả NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Trường, Khoa có hệ thống văn bản quy định để theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. Khoa có biên bản các báo cáo kết quả theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV theo từng học kỳ và cả năm học căn cứ trên bản mô tả vị trí việc làm [H7.7.5.29] [H7.7.5.30] [H7.7.5.15]. NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai minh bạch, rõ ràng [H7.7.5.31] [H7.7.5.32] [H7.7.5.33] [H7.7.5.7] [H7.7.5.8] [H7.7.5.9] [H7.7.5.10].

2. Điểm mạnh

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ CB hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Chưa có tiêu chí đánh giá chất lượng công việc cụ thể cũng như chưa có chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các CB trong quá trình làm việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng	Khoa Lịch sử, Phòng	Bắt đầu thực hiện từ năm

		công việc cũng như xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các CB trong quá trình làm việc. Kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành công việc để khen thưởng kịp thời	TC&HC	học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Phân công cụ thể, đúng người, đúng việc và có cơ chế giám sát dựa trên hiệu quả công việc	Khoa Lịch sử, Phòng TC&HC	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Xác định đội ngũ CB hỗ trợ đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn sẽ góp phần giúp Khoa Lịch sử và Nhà trường hoàn thành sứ mệnh của mình. Vì vậy Trường ĐHSP, ĐHH và Khoa đã luôn quan tâm đến việc quy hoạch, tuyển dụng minh bạch và bố trí việc làm cho đội ngũ CB, NV một cách phù hợp, đảm bảo thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình. Đồng thời Nhà trường và Khoa đã luôn tạo mọi điều kiện cho CBVC và người lao động được tham gia bồi dưỡng, rèn luyện về chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, qua đó bảo đảm yêu cầu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của Khoa và Nhà trường. Công tác kiểm tra đánh giá, phân loại và xét thi đua khen thưởng chính là một trong những động lực để phát huy tốt nhất vai trò của đội ngũ NV của Khoa và Nhà trường.

Căn cứ vào các phân tích nêu trên số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu là 5/5.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Để góp phần tích cực vào việc thực hiện sứ mạng của Trường ĐHSP, ĐHH là đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, CB khoa học và QLGD có trình độ đại học, sau đại học theo chuẩn quốc gia và quốc tế, nâng cao chất lượng giáo dục khu vực miền Trung và cả nước, chính sách tuyển sinh của Khoa Lịch sử luôn được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật qua các năm dựa trên đề án tuyển sinh của ĐHH và Trường ĐHSP. SV trong Khoa được tạo điều kiện thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ

trong quá trình học tập, rèn luyện thông qua hệ thống giám sát sự tiến bộ NH một cách minh bạch; môi trường học tập và rèn luyện thân thiện, tích cực và mô phạm; CSVC của Nhà trường thường xuyên được tu bổ, hoàn thiện, góp phần nâng cao chất lượng dạy học nói riêng, chất lượng đào tạo nói chung. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa đã tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ, giúp đỡ NH trong quá trình học tập; tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa SV với các trường phổ thông, các nhà tuyển dụng, đưa SV đến kiến tập, thực tập trực tiếp tại các trường, tạo môi trường thuận lợi giúp SV tham gia các hoạt động trải nghiệm, thực tế lịch sử, từ đó nâng cao chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH, góp phần nâng cao chất lượng của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử. Năm 2020, 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nhưng hoạt động tuyển sinh, đào tạo của Nhà trường và Khoa vẫn được tiếp tục bằng nhiều hình thức, thể hiện sự thích nghi với tình hình mới của đơn vị.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Trường ĐHSP và Khoa Lịch sử đều xây dựng kế hoạch và chính sách tuyển sinh của Nhà trường và ngành đào tạo. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT [H8.8.1.1], Đề án tuyển sinh của ĐHH [H8.8.1.2] và Đề án tuyển sinh của Trường ĐHSP qua các năm [H8.8.1.3] [H8.8.1.4] [H8.8.1.5] [H8.8.1.6].

Phương thức tuyển sinh của Trường ĐHSP và ngành Sư phạm Lịch sử được áp dụng và cập nhật theo Đề án tuyển sinh của ĐHH qua các năm [H8.8.1.2]. Cụ thể:

Từ năm 2017 đến năm 2019, Trường và Khoa tuyển sinh theo ba phương án của ĐHH, gồm: *Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia; Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia kết hợp với thi tuyển các môn năng khiếu hoặc dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT (học bạ) kết hợp với thi tuyển các môn năng khiếu; Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT [H8.8.1.2].*

Năm 2020, 2021, phương thức tuyển sinh của Trường và Khoa được cập nhật theo năm phương thức tuyển sinh của ĐHH bao gồm: *Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT (điểm học bạ); Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT; Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào điểm thi tốt*

nghiệp THPT hoặc dựa vào điểm học bạ kết hợp với kết quả thi tuyển năng khiếu (đối với các ngành năng khiếu); *Phương thức 4*: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành; *Phương thức 5*: Xét tuyển theo phương thức riêng của các đơn vị đào tạo trong ĐHH [H8.8.1.2].

Năm 2022, phương pháp tuyển chọn NH của Nhà trường và Khoa được cập nhật của Đề án tuyển sinh của ĐHH. Theo đó, Trường tuyển sinh theo ba phương thức bao gồm: *Phương thức 1*: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT (điểm học bạ). *Phương thức 2*: Xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022. *Phương thức 3*: Xét tuyển dựa vào điểm thi TN THPT năm 2022 hoặc dựa vào điểm học bạ kết hợp với kết quả thi tuyển năng khiếu (đối với các ngành năng khiếu) [H8.8.1.2].

Từ năm 2017 đến nay, kết quả tuyển sinh của ngành Sư phạm Lịch sử được tổng hợp qua bảng số liệu thông kê dưới đây:

Bảng 8.1. Tình hình tuyển sinh ngành Sư phạm Lịch sử qua các năm học giai đoạn 2017-2023

Năm học	Số lượng thí sinh	
	Số lượng thí sinh trúng tuyển	Số lượng thí sinh nhập học
2017 - 2018	120	56
2018 - 2019	11	6
2019 - 2020	20	10
2020 - 2021	36	12
2021 - 2022	31	31
2022 - 2023	45	30

Chính sách và quy định tuyển sinh của Trường nêu rõ phạm vi tuyển sinh trên cả nước [H8.8.1.6]. Do vậy, Nhà trường đã công bố công khai thông tin tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau. *Thứ nhất*, công bố tuyển sinh thông qua website tuyển sinh chính thức của ĐHH [H8.8.1.7], Trường ĐHSP [H8.8.1.8], website của Khoa Lịch sử [H8.8.1.9]. *Thứ hai*, tận dụng ưu thế của mạng xã hội, Nhà trường và Khoa cũng tích cực và nhanh chóng được các thông tin tuyển sinh trên các fanpage của Trường, Khoa [H8.8.1.10] [H8.8.1.11] [H8.8.1.12]. Tổ tư vấn truyền sinh của Nhà trường đã thành lập nhóm facebook “Tuyển sinh ĐHSP Huế” bao gồm các thành viên

cấp Trường và Khoa nhằm chia sẻ kịp thời các thông tin tuyển sinh của Nhà trường, nhất là giải đáp tình hình việc làm sau khi ra trường [H8.8.1.13]. *Thứ ba*, Nhà trường đã tiến hành thành lập mạng lưới Tư vấn tuyển sinh từ cấp Trường đến cấp Khoa và tiến hành tập huấn về nghiệp vụ tuyển sinh, các thông tin trong Đề án tuyển sinh, đặc biệt Nghị định 116 cho khoá tuyển sinh 2021. *Thứ tư*, Nhà trường tổ chức các chương trình Tư vấn truyền sinh trực tiếp và trực tuyến. Năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Tổ tư vấn tuyển sinh phối hợp với Trung tâm CNTT tổ chức 2 lần Chương trình Tư vấn tuyển sinh trực tuyến vào tháng 3/2021 (để hướng dẫn thí sinh đăng ký nguyện vọng, chỉ tiêu, mã tổ hợp, Nghị định 116/2020 của Chính phủ) và tháng 8/2021 (để hướng dẫn thí sinh thay đổi nguyện vọng, nhập học trực tuyến trên hệ thống đào tạo của Nhà trường). *Thứ năm*, từ năm học 2020, Nhà trường tổ chức Ngày hội Thắp sáng ước mơ cùng HUEdu thu hút đông đảo nhiều HS từ nhiều trường THPT trên địa bàn thành phố Huế được tham quan Nhà trường, tham gia các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp. Tại ngày hội này, Khoa đã tổ chức các hoạt động giới thiệu về ngành học, CTĐT, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp ngành Sư phạm Lịch sử [H8.8.1.14] [H8.8.1.15] [H8.8.1.16]. Khoa Lịch sử cũng đã xây dựng video clip tuyển sinh, thiết kế các tờ rơi có những thông tin tuyển sinh đăng tải trên website, fanpage và gửi trực tiếp đến những người quan tâm trong các buổi Tư vấn tuyển sinh do Nhà trường tổ chức [H8.8.1.17] [H8.8.1.18].

Để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp, hằng năm Nhà trường và Khoa đều tiến hành thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và sự phản hồi từ các bên liên quan bao gồm các chuyên gia, GV, giáo viên, NV, nhà tuyển dụng lao động, CBQL và NH đã tốt nghiệp để làm căn cứ, cơ sở để xác định chỉ tiêu, điều kiện, phương án tuyển sinh phù hợp và bảo đảm chất lượng. Cụ thể, để có căn cứ xác định chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp, từ đầu tháng 12/2017 đến hết tháng 01/2018, Phòng Đào tạo Đại học (nay là Phòng ĐTĐH&CTSV), Trường ĐHSP, ĐHH đã tiến hành thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo cử nhân sư phạm, trong đó có đội ngũ giáo viên giảng dạy môn Lịch sử THPT, Lịch sử và Địa lý THCS ở 10 tỉnh (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận) [H8.8.1.19]. Thông tin khảo sát đã được xử lý và tổng hợp trong “Báo cáo tổng kết nhiệm vụ nghiên cứu” của Nhà trường. Nhu cầu về đào tạo giáo viên giảng dạy môn Lịch sử THPT, Lịch sử và Địa lý THCS từ năm 2018 đến năm 2022

được thống kê cụ thể, rõ ràng từng năm ở các văn bản mà Sở GD&ĐT của 10 tỉnh đã gửi về cho Trường ĐHSP, ĐHH [H8.8.1.20] [H8.8.1.21] [H8.8.1.22] [H8.8.1.23] [H8.8.1.24] [H8.8.1.25] [H8.8.1.26] [H8.8.1.27] [H8.8.1.28] [H8.8.1.29] [H8.8.1.30]. Chính sách tuyển sinh hằng năm của Nhà trường và Khoa không chỉ dựa trên các thông tin phản hồi về nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, mà còn được cải tiến căn cứ vào chất lượng đào tạo của Nhà trường và của ngành học. Để có căn cứ điều chỉnh, Nhà trường giao cho Phòng KT&BDCLGD tiến hành khảo sát NH theo từng học kỳ, trong đó có nội dung HP đáp ứng CDR và phiếu nhận xét khóa học có nội dung liên quan đến mục tiêu, nội dung CTDH, tổ chức đào tạo và đánh giá NH. Từ năm 2020, Nhà trường đã tiến hành xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến và thực hiện các đợt khảo sát như khảo sát về chất lượng giảng dạy của GV, khảo sát đối với SVTN. Sau khi khảo sát, phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD tiến hành xử lý dữ liệu bằng phần mềm chuyên dụng [H8.8.1.31] và xuất báo cáo số liệu khảo sát, chuyển các đơn vị liên quan và báo cáo ĐHH.

Để xác định chỉ tiêu tuyển sinh của ngành Sư phạm Lịch sử, Khoa Lịch sử được giao nhiệm vụ tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên như: khảo sát chuyên gia, khảo sát CBQL, khảo sát nhà sử dụng lao động, khảo sát GV, NV theo đúng Quy định xây dựng và phát triển CTDH theo CDR các ngành đào tạo trình độ đại học của Nhà trường đã ban hành. Những ý kiến phản hồi của các bên liên quan đều được Khoa Lịch sử xử lý, phân tích và lấy đó làm căn cứ để xây dựng chính sách tuyển sinh khoa học và hiệu quả. Căn cứ dữ liệu thống kê về ý kiến các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh, Đề án tuyển sinh của Nhà trường sẽ có đầy đủ các thông tin tuyển sinh của ngành Sư phạm Lịch sử như chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh, quy trình tuyển sinh, đối tượng ưu tiên... [H8.8.1.3] [H8.8.1.4] [H8.8.1.5] [H8.8.1.6].

2. Điểm mạnh

Chính sách và quy định tuyển sinh của Nhà trường và Khoa được xác định rõ ràng, công khai và cập nhật hàng năm theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Đề án tuyển sinh của ĐHH. Việc công khai các thông tin về chính sách tuyển sinh như phương án tuyển sinh, quy trình tuyển sinh, điểm chuẩn, đối tượng tuyển sinh, đối tượng ưu tiên, các chế độ chính sách đối với NH... giúp cho các thí sinh có đầy đủ các thông tin để cân nhắc và lựa chọn nộp hồ sơ xét tuyển vào ngành học của Khoa. Cũng nhờ đó, Khoa có thể tuyển được số lượng SV đáp ứng đúng theo yêu cầu của ngành

học và qua đó, duy trì sự ổn định về số lượng và chất lượng của NH trong suốt khoá học. Đặc biệt, chính sách tuyển sinh của Trường và Khoa luôn dựa trên các ý kiến góp ý, đánh giá và phản hồi của các bên liên quan về nhu cầu việc làm, mức độ đáp ứng của ngành học đối với nhu cầu nhân lực của xã hội và được cập nhật liên tục. Đây là cơ sở quan trọng để Khoa điều chỉnh về điều kiện, chỉ tiêu tuyển sinh nhằm đáp ứng nhu cầu việc làm của SV sau khi ra trường.

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường và Khoa luôn được công khai và cập nhật thông qua hoạt động quảng bá tuyển sinh với nhiều hình thức phong phú như tư vấn trực tiếp, tư vấn trực tuyến, thông qua các kênh cựu SV đã từng học tập tại Khoa... Các hoạt động này đã góp phần quảng bá thông tin tuyển sinh một cách rộng rãi và thường xuyên. Đặc biệt, từ năm cuối năm 2019, đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng phát đã ảnh hưởng lớn đến các hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước và tình hình tuyển sinh của Nhà trường và Khoa. Tuy nhiên, từ chính sách tuyển sinh của Nhà trường, BCN Khoa đã linh hoạt sử dụng nhiều phương án tuyển sinh và công khai các hoạt động quảng bá tuyển sinh với nhiều biện pháp linh hoạt như xây dựng website của Khoa, sử dụng các ứng dụng mạng xã hội, phát huy vai trò của GV, SV đang học tập tại Khoa, cựu SV đang công tác trên mọi miền Tổ quốc để quảng bá về Trường, về các hoạt động GD&ĐT của Khoa, cũng như cập nhật các chính sách tuyển sinh, nhu cầu xã hội về ngành nghề đào tạo, chế độ, chính sách đối với NH...

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác tuyển sinh nhưng hoạt động tuyển sinh của Khoa vẫn còn một số hạn chế như chưa tự chủ trong tuyển sinh. Việc quảng bá tuyển sinh phải theo chủ trương, kế hoạch và chương trình tuyển sinh của ĐHH và Trường ĐHSP, chưa có nhiều hoạt động quảng bá tuyển sinh trực tiếp tại các trường THPT. Mức độ đãi ngộ đối với ngành nghề đào tạo chưa đủ hấp dẫn để thu hút được nhiều thí sinh giỏi, có năng lực đăng ký dự tuyển và học tập tại Khoa. Một số năm, tỉ lệ SV nhập học thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Cập nhật hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh.	- Trung tâm Khởi nghiệp và Truyền thông. - Khoa Lịch	Từ năm học 2022 - 2023

		<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hóa hình thức quảng bá tuyển sinh đặc biệt thông qua các kênh truyền thông đại chúng. - Thường xuyên cập nhật trên website của Khoa giới thiệu đầy đủ thông tin tuyển sinh tới toàn xã hội một cách công khai, cập nhật, cụ thể, chi tiết. 	sử.	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng kết nối đối với cựu SV của Khoa, các GV và cựu SV tích cực kết nối và tư vấn cho các học sinh ở các trường THPT đặc biệt là khu vực miền Trung và Tây Nguyên; - Cung cấp đầy đủ các thông tin về ngành học, đơn vị đào tạo, chính sách đối với NH để giúp thí sinh có những thông tin hướng nghiệp chính xác và chất lượng; - BCN Khoa phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để có chiến lược, phương án tuyển sinh phù hợp, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra trong những năm học tiếp theo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Khởi nghiệp và Truyền thông. - Khoa Lịch sử. - Liên Chi đoàn Khoa. 	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Công tác tuyển sinh của Trường ĐHSP do ĐHH chủ trì, được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT [H8.8.2.1] và Đề án tuyển sinh của ĐHH qua các năm [H8.8.2.2]. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được Khoa xác định rõ ràng dựa trên Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và phương án tuyển sinh của ĐHH.

Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được thể hiện rõ trong kế hoạch tuyển sinh, chính sách tuyển sinh của Nhà trường và của ĐHH [H8.8.2.2] [H8.8.2.3] [H8.8.2.4] [H8.8.2.5] [H8.8.2.6]. Phương pháp tuyển chọn NH của Trường ĐHSP, trong đó có ngành Sư phạm Lịch sử được áp dụng và cập nhật theo phương thức tuyển sinh của ĐHH. Với phương pháp thi tuyển, tiêu chí tuyển chọn NH của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được xác định rõ ràng và có cập nhật theo từng năm. Các tổ hợp xét tuyển được công khai theo từng năm trong thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Với phương thức xét tuyển thẳng, theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và chính sách tuyển sinh của Trường, đối tượng, chỉ tiêu, quy định hồ sơ, hình thức đăng ký, nguyên tắc xét tuyển được xác định rõ ràng. Có thể thấy, tiêu chí và cách thức tuyển sinh, đặc biệt Trường chú trọng đến tính đặc thù, như tuyển sinh theo ngành, các tiêu chí xét tuyển chính, phụ.

Từ năm 2017 đến năm 2019, Nhà trường và Khoa tuyển sinh theo ba phương án của ĐHH gồm: *Phương thức 1*: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia; *Phương thức 2*: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia kết hợp với thi tuyển các môn năng khiếu hoặc dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT (học bạ) kết hợp với thi tuyển các môn năng khiếu; *Phương thức 3*: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT [H8.8.2.2] [H8.8.2.3].

Năm 2020 và năm 2021, phương pháp tuyển chọn NH của Nhà trường và Khoa được cập nhật của Đề án tuyển sinh của ĐHH. Theo đó, Trường tuyển sinh theo năm phương thức bao gồm: *Phương thức 1*: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT (điểm học bạ); *Phương thức 2*: Xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021; *Phương thức 3*: Xét tuyển dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2021 hoặc dựa vào điểm học bạ kết hợp với kết quả thi tuyển năng khiếu (đối với các

ngành năng khiếu); *Phương thức 4*: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành; *Phương thức 5*: Xét tuyển theo phương thức riêng của các đơn vị đào tạo trong ĐHH [H8.8.2.2] [H8.8.2.4] [H8.8.2.5].

Năm 2022, phương pháp tuyển chọn NH của Nhà trường và Khoa được cập nhật của Đề án tuyển sinh của ĐHH. Theo đó, Trường tuyển sinh theo ba phương thức bao gồm: *Phương thức 1*: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT (điểm học bạ). *Phương thức 2*: Xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022. *Phương thức 3*: Xét tuyển dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022 hoặc dựa vào điểm học bạ kết hợp với kết quả thi tuyển năng khiếu (đối với các ngành năng khiếu) [H8.8.2.2] [H8.8.2.6].

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của ngành học được Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường ĐHSPT, Hội đồng tuyển sinh của ĐHH đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm dựa trên Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT, ý kiến của các bên liên quan về tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, kết quả tuyển sinh của các năm học trước và nhu cầu nhân lực của xã hội trong những năm tiếp theo [H8.8.2.7] [H8.8.2.8] [H8.8.2.9] [H8.8.2.10] [H8.8.2.11]

[H8.8.2.12] [H8.8.2.13]. Căn cứ vào chỉ tiêu, số lượng thí sinh đăng ký cũng như thí sinh đăng ký tuyển thẳng, Trường thông báo điểm chuẩn, điểm xét tuyển cho các ngành, trong đó có ngành CTĐT.

Bảng 8.2. Điểm trúng tuyển ngành Sư phạm Lịch sử từ năm 2017 đến năm 2021

	Điểm trúng tuyển					
	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
C00	18.75	22	18	18.5	19.0	25.0
C19				18.5	19.0	25.0
D14	18.75	22	18	18.5	19.0	25.0
D78				18.5	19.0	25.0

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH vào hệ đào tạo chính quy phạm Lịch sử được xác định rõ ràng và được công bố công khai hàng năm trên website của ĐHH, Trường ĐHSPT [H8.8.2.14] [H8.8.2.15] [H8.8.2.16]; Fanpage facebook của Trường ĐHSPT, Khoa Lịch sử [H8.8.2.17] [H8.8.2.18].

2. Điểm mạnh

Khoa phối hợp với Nhà trường để xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông, hệ thống website của trường, tờ rơi tuyển sinh của Khoa...

Việc xây dựng đề án tuyển sinh của Trường và chỉ tiêu tuyển sinh của Khoa hàng năm đều được dựa trên các báo cáo tổng kết hoạt động tuyển sinh của năm trước, có tham khảo ý kiến của các bên liên quan, căn cứ vào số liệu thống kê về tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp và nhu cầu nhân lực của xã hội. Do đó, có thể khẳng định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được đánh giá khách quan và theo sát với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có những ưu điểm nêu trên, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh còn một số hạn chế như phương án tuyển sinh của Khoa phải áp dụng theo đề án tuyển sinh của ĐHH và Trường ĐHSP, do đó, chưa thể bổ sung các tiêu chí tuyển chọn NH sát với đặc thù của ngành học Sư phạm Lịch sử vào bộ tiêu chí tuyển chọn NH chung của Nhà trường.

Trong quá trình ra soát, đánh giá chính sách tuyển sinh, người sử dụng lao động, cựu SV chưa chủ động tham gia vào công tác phản hồi ý kiến nên lượng thông tin thu thập chưa nhiều.

Mặc dù kế hoạch tuyển sinh được xây dựng dựa trên nhiều căn cứ đã được khảo sát, định lượng và đánh giá nhất là các thông tin liên quan đến sự phản hồi về nhu cầu nhân lực của xã hội, tuy nhiên kết quả tuyển sinh một số năm vẫn chưa đạt mục tiêu đề ra. Số lượng thí sinh xét tuyển thấp hơn chỉ tiêu tuyển sinh, số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học thấp hơn thực tế, một số NH không theo đuổi mục tiêu học tập đến cùng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	BCN Khoa cần phối hợp chặt chẽ với Nhà trường để bổ sung, hoàn thiện chính sách tuyển sinh và quảng bá các hoạt động tuyển sinh; theo dõi sát sao tỉ lệ thí sinh nhập học thực tế trên số	Trường ĐHSP, Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023

		<p>lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh, can thiệp kịp thời; Có những cách thức kết nối và tương tác tích cực với thí sinh trúng tuyển như hỗ trợ thí sinh nhập học trực tuyến hoặc trực tiếp, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc của thí sinh qua fanpage quảng bá tuyển sinh của Khoa, hỗ trợ giải quyết những khó khăn trong quá trình học tập của SV ở trường đặc biệt là đối với SV năm thứ nhất bằng các biện pháp cụ thể như cung cấp thông tin chỗ ở (ký túc xá, phòng trọ...) cho thí sinh chuẩn bị nhập học; tổ chức các buổi trao đổi về phương pháp học tập hiệu quả, hỗ trợ thông tin việc làm thêm cho SV có nhu cầu; tăng cường vai trò của CVHT đặc biệt là qua các giờ sinh hoạt lớp hoặc tương tác trực tuyến thông qua các ứng dụng mạng xã hội để hỗ trợ kịp thời cho NH, tăng sự kết nối giữa SV và trường học, ngành học và GV.</p>		
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục tham khảo ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu nhân lực của xã hội để xác định chỉ tiêu và phương án tuyển sinh cho phù hợp. - Đa dạng hoá phương thức tuyển sinh, đảm bảo công bằng, 	Trường ĐHSP, Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023

		khách quan trong quá trình tuyển sinh. - Tiếp tục rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH hàng năm đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như ngành Sư phạm Lịch sử.		
--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH

1. Mô tả hiện trạng

Để theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, Trường và Khoa Lịch sử đã xây dựng và vận hành một hệ thống phòng, ban chức năng và quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận để phục vụ và hỗ trợ cho NH [H8.8.3.1] [H8.8.3.2] [H8.8.3.3] [H8.8.3.4] [H8.8.3.5] [H8.8.3.6] phân công đội ngũ CB chuyên trách và kiêm nhiệm để giám sát sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện [H8.8.3.7] [H8.8.3.8] [H8.8.3.9] [H8.8.3.10] [H8.8.3.11] [H8.8.3.12] [H8.8.3.13] [H8.8.3.14] [H8.8.3.15]. Cụ thể, phòng ĐTĐH&CTSV có nhiệm vụ xây dựng, giám sát và đánh giá khối lượng học tập, kết quả học tập và rèn luyện của NH, đưa ra hệ thống cảnh báo và phản hồi đối với NH nợ môn, thiếu tín chỉ bắt buộc hay thiếu các điều kiện để được xét tốt nghiệp hoặc SV bị buộc thôi học [H8.8.3.16] [H8.8.3.17] [H8.8.3.7] [H8.8.3.18] [H8.8.3.19] [H8.8.3.20] [H8.8.3.21] [H8.8.3.22] [H8.8.3.23] [H8.8.3.24] [H8.8.3.25] [H8.8.3.26] [H8.8.3.27] [H8.8.3.28] [H8.8.3.29] [H8.8.3.30] [H8.8.3.31] [H8.8.3.32]... Phòng KT&BĐCLGD tổ chức hoạt động kiểm tra, đánh giá học tập, tiếp nhận và xử lý các khiếu nại liên quan đến kết quả học tập của NH [H8.8.3.6] [H8.8.3.33] [H8.8.3.34] [H8.8.3.35] [H8.8.3.36]. BCN Khoa phân công các trợ lý như trợ lý đào tạo và NCKH, trợ lý CTSV và các CVHT để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH [H8.8.3.37] [H8.8.3.7] [H8.8.3.8] [H8.8.3.15] [H8.8.3.9] [H8.8.3.38] [H8.8.3.10] [H8.8.3.11] [H8.8.3.14].

Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản quy định và giám sát quá trình học tập và rèn luyện của NH như quy chế học vụ, kế hoạch năm học, quy định về bài tập

lớn, tiểu luận, khoá luận tốt nghiệp; quy định về kiến tập, thực tập sư phạm; quy định về kiểm tra, đánh giá. Các thông tin cần thiết được tập hợp trong Sổ tay SV của các năm học [H8.8.3.39] [H8.8.3.40] [H8.8.3.17] [H8.8.3.7] [H8.8.3.18] [H8.8.3.19] [H8.8.3.36] [H8.8.3.42] [H8.8.3.43] [H8.8.3.44] [H8.8.3.45] [H8.8.3.46] [H8.8.3.41] [H8.8.3.34] [H8.8.3.35] [H8.8.3.47] [H8.8.3.48]. Có hệ thống công cụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH, có cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của NH được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua các buổi họp Khoa, qua hoạt động đối thoại giữa SV và Ban Giám hiệu nhà trường, hội nghị CVHT hằng năm do phòng ĐTĐH&CTSV chủ trì, qua hoạt động đánh giá điểm rèn luyện của SV, các đợt rà soát định kỳ về tiến độ học tập của SV do phòng ĐTĐH&CTSV thực hiện [H8.8.3.49] [H8.8.3.50] [H8.8.3.51] [H8.8.3.52] [H8.8.3.53] [H8.8.3.10] [H8.8.3.54] [H8.8.3.55] [H8.8.3.26] [H8.8.3.56] [H8.8.3.57] [H8.8.3.27] [H8.8.3.28] [H8.8.3.29] [H8.8.3.30] [H8.8.3.31] [H8.8.3.58]. Nhờ có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên có liên quan trong quá trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH mà BCN Khoa và các GV nắm bắt được tình hình học tập và rèn luyện của SV để kịp thời điều chỉnh, bổ sung thời khóa biểu và các hoạt động khác cho SV. Ngoài ra, Trợ lý CTSV của Khoa và CVHT cũng dễ dàng nắm bắt tiến độ của NH thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường, tài khoản GV CVHT và các nhóm lớp được lập trên các ứng dụng mạng xã hội [H8.8.3.16] [H8.8.3.15] [H8.8.3.59].

Hệ thống giám sát được bổ sung, cập nhật thường xuyên và được công bố rộng rãi để NH, CBGV nắm bắt thông tin và thực hiện kịp thời. Khi chuẩn bị kết thúc từng học kỳ, các bộ phận có liên quan sẽ đưa ra các cảnh báo đối với NH như thời gian kết thúc môn học, thời gian dạy bù, học bù (nếu có), các nghĩa vụ của NH (nợ tiền học phí, thời gian hoàn thành việc đóng học phí đối với SV học cải thiện các môn học) [H8.8.3.16] [H8.8.3.45] [H8.8.3.46] [H8.8.3.35] [H8.8.3.60]. Phòng ĐTĐH&CTSV bố trí thời khóa biểu hợp lý theo CTĐT và khối lượng NH đã đăng kí, mỗi học kỳ gồm 15 tuần học chính thức và 1 tuần dự trữ cho phép GV, SV dạy bù, học bù nếu có buổi học rơi vào các ngày nghỉ lễ [H8.8.3.17] [H8.8.3.45] [H8.8.3.46]. Khối lượng học tập ngành Sư phạm Lịch sử gồm 132 tín chỉ, chia thành 2 khối kiến thức: kiến thức chung và khối kiến thức đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ và có bản minh hoạ chi tiết tiến trình học tập của ngành học được phổ biến cho toàn thể SV của Khoa. Số lượng môn học của SV được phân bổ cân đối trong mỗi năm học. Để đảm bảo cho NH hoàn thành đủ

số lượng tín chỉ của khoá học, Phòng ĐTDH&CTSV với BCN khoa và các CVHT đề cho SV rà soát về môn học, số lượng tín chỉ SV đã học, số môn, số tín chỉ mà SV đang còn nợ môn, tổ chức các lớp học cải thiện để bảo đảm SV hoàn thành khối lượng học tập đúng tiến độ. Tất cả các thông tin về quá trình học tập và rèn luyện của NH được tổng hợp qua hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong quá trình học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học [H8.8.3.27] [H8.8.3.28] [H8.8.3.29] [H8.8.3.30] [H8.8.3.31] [H8.8.3.58] [H8.8.3.16] [H8.8.3.32] [H8.8.3.61] [H8.8.3.36] [H8.8.3.41] [H8.8.3.55] [H8.8.3.26] [H8.8.3.56] [H8.8.3.57].

SV được cung cấp tài khoản, tất cả các thông tin được cập nhật trên tài khoản của NH. Đánh giá điểm rèn luyện của NH được thực hiện theo từng học kỳ căn cứ vào quy chế học sinh, SV. Quy trình đánh giá gồm các bước: (1) SV tự đánh giá; (2) đánh giá của ban cán sự - ban chấp hành chi đoàn; (3) đánh giá của CVHT; (4) ĐTDH&CTSV xét duyệt và công nhận kết quả [H8.8.3.17]. Đặc biệt, từ năm học 2020-2021, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, có nhiều thời điểm Nhà trường và Khoa không thể tổ chức dạy học trực tiếp nên đã linh hoạt chuyển sang dạy học trực tuyến để đảm bảo tiến độ theo đúng kế hoạch năm học đã được đề ra [H8.8.3.43] [H8.8.3.44] [H8.8.3.45]. Theo đó, nhà trường đã tăng cường hệ thống CSVC và đội ngũ hỗ trợ cho hoạt động dạy học trực tuyến [H8.8.3.62] [H8.8.3.63] [H8.8.3.64] [H8.8.3.43] [H8.8.3.65] tổ chức các hội nghị tập huấn và đánh giá về hoạt động dạy học trực tuyến của GV [H8.8.3.66] [H8.8.3.67] và các hội nghị trao đổi kinh nghiệm học tập trực tuyến cho SV [H8.8.3.52] [H8.8.3.68] [H8.8.3.69] [H8.8.3.70] [H8.8.3.63] [H8.8.3.71]. Đồng thời, Nhà trường và Khoa cũng điều chỉnh hình thức kiểm tra, đánh giá để phù hợp với hình thức học trực tuyến của SV [H8.8.3.72] [H8.8.3.36] [H8.8.3.73].

Kết quả thu thập từ hệ thống giám sát sự tiến bộ của NH trong quá trình học tập và rèn luyện được thể hiện qua bảng số liệu dưới đây:

Bảng 8.3. Số lượng SV ngành Sư phạm Lịch sử của các khoá học gần đây

Khoá học	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
	Số lượng/tỉ lệ	Số lượng/tỉ lệ	Số lượng/tỉ lệ	Số lượng/tỉ lệ
2014-2018	145/100%	130/89,6%	118/81,4%	116/80%
2015-2019	143/100%	120/83,9%	107/74,8%	105/73,4%

2016-2020	44/100%	38/86,4%	37/84%	37/84%
2017-2021	55/98,2%	50/89,3%	49/87,5%	43/76,8%
2018-2022	06/100%	06/100%	04/66,7%	04/66,7%

2. Điểm mạnh

- Có bộ phận phòng ban và CB chuyên trách có tinh thần trách nhiệm cao để theo dõi và giám sát sự tiến bộ về học tập và rèn luyện của NH, từ đó đưa ra những thông tin phản hồi kịp thời về các hoạt động học tập và rèn luyện của SV.

- Có hệ thống văn bản quy định về tiêu chuẩn, quy trình và nhân sự để giám sát sự tiến bộ của NH một cách thường xuyên và hiệu quả. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, CVHT nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH;

- Có hệ thống cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện được cập nhật thường xuyên và đưa ra các cảnh báo kịp thời để NH điều chỉnh tiến độ, khối lượng và chất lượng học tập, bảo đảm tiến độ trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động kiểm tra, đánh giá cũng như cập nhật kết quả học tập và rèn luyện của SV lên hệ thống cơ sở dữ liệu của nhà trường còn chậm. Hệ thống cảnh báo về SV chậm tiến độ (nợ môn, thiếu điểm, nợ học phí, thiếu các điều kiện để xét tốt nghiệp,..) chưa liên tục dẫn đến SV không hoàn thành khối lượng học tập đúng hạn, không đủ điều kiện xét tốt nghiệp, thậm chí là bị buộc thôi học. Từ năm học 2020-2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 buộc nhà trường phải chuyển đổi sang hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá bằng hình thức trực tuyến thông qua hệ thống E-learning để đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid-19. Việc dạy học trực tuyến đã ảnh hưởng đến sự tương tác giữa người dạy và NH, sự kết nối giữa hệ thống phòng ban có chức năng hỗ trợ, giám sát, theo dõi tiến độ học tập của SV và NH; giữa CVHT và SV lớp chủ nhiệm. Một số SV thiếu các điều kiện cần thiết để tham gia học trực tuyến một cách hiệu quả đặc biệt là SV ở các vùng núi, vùng sâu, vùng xa (chất lượng mạng internet, thiết bị công nghệ hỗ trợ học tập, môi trường học tập chuẩn mực, điều kiện tiếp cận các tài liệu tham khảo, năng lực tiếp cận và làm chủ công nghệ,...). Do đó, việc dạy học, kiểm tra đánh giá trực tuyến đã hạn chế các hoạt động học tập, rèn luyện kỹ năng của SV tại trường, giảm mức độ tương tác trực tiếp giữa người dạy và NH; gây ra một số khó khăn nhất định cho NH đặc biệt là những SV có hoàn cảnh khó khăn, thiếu các

điều kiện về công nghệ để phục vụ hoạt động học tập. Chính những hạn chế khách quan và chủ quan nêu trên đã ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng và hứng thú học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất với hệ thống phòng, ban chức năng như phòng KT&BDCLGD, phòng ĐTDH&CTSV, phòng KH&TC cập nhật số liệu để đưa ra cảnh báo kịp thời đối với NH có nguy cơ bị chậm tiến độ. Đối với những khó khăn đến từ những lý do khách quan trong quá trình dạy học trực tuyến, Nhà trường cùng BCN Khoa, các phòng ban chức năng, các trợ lý, các CVHT liên tục nắm bắt thông tin và hỗ trợ tối đa cho NH trong việc tiếp cận và khai thác các tài liệu học tập trực tuyến; động viên SV khắc phục những khó khăn về điều kiện khi học trực tuyến, hỗ trợ cho SV trong việc nâng cao kỹ năng sử dụng và khai thác hiệu quả các công cụ dạy học trực tuyến bằng cách tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm học tập trực tiếp hiệu quả; thông báo công khai và chi tiết về kế hoạch dạy học và kiểm tra đánh giá; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và tình hình thực	Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP, GV Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023 và trong các năm học tiếp theo

		tế của SV để có những điều chỉnh kịp thời nhằm bảo đảm hiệu quả học tập và rèn luyện cho SV; tăng cường kết nối với SV thông qua các ứng dụng mạng xã hội để nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng và những khó khăn của SV để có biện pháp động viên và hỗ trợ kịp thời, giúp NH duy trì và theo đuổi mục tiêu học tập đến cùng.		
--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH

1. Mô tả hiện trạng

Ban Giám hiệu nhà trường và BCN Khoa luôn xác định nhiệm vụ hỗ trợ NH trong quá trình SV học tập và rèn luyện tại trường là một hoạt động có ý nghĩa quan trọng và cần được thực hiện thường xuyên. Do đó, Nhà trường và Khoa luôn có những biện pháp để tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả trong suốt quá trình học tập và rèn luyện của SV. Các phòng ban chức năng như Phòng ĐTDH&CTSV (Trước đó là hai đơn vị: Phòng Đào tạo Đại học và Phòng CTSV. Từ năm học 2020-2021, hai đơn vị gộp thành 1 đơn vị là ĐTDH&CTSV), Phòng KT&BDCLGD có trách nhiệm hướng dẫn, tư vấn, phản hồi về khối lượng học tập, kết quả học tập và tiến độ học tập cho NH [H8.8.4.1] [H8.8.4.2] [H8.8.4.3] [H8.8.4.4] [H8.8.4.5] [H8.8.4.6] [H8.8.4.7] [H8.8.4.8] [H8.8.4.9] [H8.8.4.10] [H8.8.4.11] [H8.8.4.12] [H8.8.4.13] [H8.8.4.14] [H8.8.4.15] [H8.8.4.16] [H8.8.4.17] [H8.8.4.18] [H8.8.4.19] [H8.8.4.20] [H8.8.4.21] [H8.8.4.22]. Trung tâm thông tin - thư viện, Trung tâm tư vấn tâm lý và giáo dục đặc biệt, Văn phòng Đoàn Thanh niên, Hội SV có trách nhiệm cung cấp tài liệu học tập, trao đổi thông tin, tham vấn, tư vấn tâm lý, hỗ trợ NH, tổ chức các hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao, thiện nguyện, rèn luyện nghiệp vụ... cho NH [H8.8.4.23] [H8.8.4.24] [H8.8.4.25] [H8.8.4.26] [H8.8.4.27] [H8.8.4.28] [H8.8.4.29] [H8.8.4.30] [H8.8.4.31]

[H8.8.4.32] [H8.8.4.33]. Trên cơ sở quy định của Nhà trường, Khoa phân công một số CB, GV có kinh nghiệm kiêm nhiệm vai trò trợ lý đào tạo và NCKH, trợ lý CTSV và CVHT để giám sát, theo dõi sự tiến bộ của NH. Các trợ lý và CVHT có nhiệm vụ tư vấn, định hướng, hỗ trợ, giám sát sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện. Đặc biệt, GV CVHT của các lớp năm thứ nhất luôn là những người có kinh nghiệm, có uy tín và có khả năng kết nối thường xuyên với tân SV để kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ và giải đáp các thắc mắc cho SV về các vấn đề học tập, rèn luyện trong môi trường mới. Điều này được quy định bằng văn bản và có kế hoạch hoạt động cụ thể từng năm [H8.8.4.34] [H8.8.4.35] [H8.8.4.36] [H8.8.4.6] [H8.8.4.2] [H8.8.4.8] [H8.8.4.13].

Đối với SV năm thứ nhất, sau một tháng học tập, BCN Khoa chỉ đạo Ban Chấp hành Liên chi đoàn, Liên chi hội phối hợp với trợ lý đào tạo, trợ lý CTSV, CVHT, ban cán sự lớp tổ chức Gặp mặt tân SV và trao đổi kinh nghiệm học tập để giới thiệu cho các em SV năm thứ nhất về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ GV của Khoa, về CTĐT, phương thức đào tạo, trao đổi về phương pháp học tập hiệu quả và một số lưu ý trong quá trình học, đồng thời tăng cường giao lưu giữa tân SV với các anh chị khoá trước, đồng hành, hỗ trợ cho tân SV khi các em có nhu cầu giúp đỡ, định hướng. Đối với SV năm thứ ba và năm thứ tư, BCN Khoa tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm thực tập sư phạm nhằm tạo cơ hội cho các em được lắng nghe chia sẻ của các SV vừa đi thực tập ở trường phổ thông cũng như chia sẻ của giáo viên ở các trường phổ thông về kinh nghiệm đi kiến tập, thực tập sư phạm. Nhờ có nhiều hoạt động ngoại khoá phong phú, NH được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả trong suốt quá trình học tập, và rèn luyện ở khoa [H8.8.4.35] [H8.8.4.36] [H8.8.4.37] [H8.8.4.38] [H8.8.4.39] [H8.8.4.40] [H8.8.4.41].

Hàng năm, vào đầu năm học, Nhà trường tổ chức Ngày hội Tân SV để đón tiếp SV năm thứ nhất và Tuần sinh hoạt chính trị - công dân học sinh, SV cho 100% SV từ năm 1 đến năm thứ 4 [H8.8.4.42] [H8.8.4.43]. Đối với năm thứ nhất, Nhà trường giới thiệu với SV về lịch sử hình thành và phát triển Nhà trường, thăm phòng truyền thống của nhà trường, giới thiệu về sơ đồ phòng học, các phòng ban chức năng của nhà trường đến SV. Đối với Tuần sinh hoạt chính trị - công dân học sinh, SV cho SV năm thứ 2, 3 và năm thứ 4, Nhà trường, phòng ĐTDH&CTSV luôn lựa chọn các chủ đề mới, sát thực, phù hợp với nhu cầu của NH để trao đổi và chia sẻ với NH. Nhiều hoạt động ngoại khoá nhằm phát triển các kĩ năng như kĩ năng làm hồ sơ xin việc, kĩ năng

phỏng vấn, giúp SV chuẩn bị những kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc giảng dạy sau này [H8.8.4.13] [H8.8.4.42] [H8.8.4.32] [H8.8.4.37] [H8.8.4.40] [H8.8.4.44] [H8.8.4.45] [H8.8.4.46].

Đến giữa năm học, Nhà trường có tổ chức buổi đối thoại giữa SV và lãnh đạo nhà trường nhằm thu thập thông tin phản hồi của NH về tất cả hệ thống quản lý của Nhà trường [H8.8.4.47] [H8.8.4.35] [H8.8.4.36] [H8.8.4.39] [H8.8.4.40] [H8.8.4.38] [H8.8.4.42] [H8.8.4.48] [H8.8.4.49] [H8.8.4.50]. Trong các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, CVHT tư vấn và hướng dẫn cho những SV gặp khó khăn trong việc lựa chọn và đăng ký HP, đổi HP, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập hoặc thôi học, quá hạn thời gian đào tạo. Đối với SV năm thứ nhất, sau một học kỳ, CVHT nhận từ trợ lý đào tạo của khoa danh sách những SV có kết quả chưa đạt yêu cầu để tư vấn và hỗ trợ riêng cho những SV này trong các buổi sinh hoạt lớp.

Trong quá trình học tập, SV được Khoa cung cấp thông tin đầy đủ về các mẫu báo cáo kiến tập, thực tập, thực tế, khóa luận tốt nghiệp. Khi SV đi thực tế lịch sử, BCN Khoa phân công 2-3 CBGV phụ trách đưa đoàn SV đi thực tế tại các địa phương [H8.8.4.51]. Đối với SV đi thực tập, Trường và Khoa cử các GV đi kiểm tra thực tập sư phạm tại các trường phổ thông nhằm nắm bắt tình hình thực tập, lắng nghe những trao đổi, tâm tư, nguyện vọng của SV thực tập cũng như tình hình, đặc điểm và phản hồi của các trường đang có SV thực tập sư phạm. GV hướng dẫn SV đi thực tế lịch sử, đi kiểm tra thực tập sư phạm là những CB có kinh nghiệm giảng dạy, quản lý SV và biết xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường, khoa và đơn vị tiếp nhận SV đến thực tập, thực tế [H8.8.4.21] [H8.8.4.22] [H8.8.4.11].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức ngày hội việc làm [H8.8.4.52] [H8.8.4.53] [H8.8.4.54], mời các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội tham gia, giới thiệu về đơn vị tuyển dụng, nhu cầu việc làm, điều kiện tuyển dụng, chế độ đãi ngộ, cơ hội việc làm với SV [H8.8.4.55] [H8.8.4.56] [H8.8.4.52] [H8.8.4.53] [H8.8.4.54]. Hội SV Trường phổ biến rộng rãi đến toàn thể SV về các cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp do ĐHH tổ chức. Bên cạnh đó, trong buổi công nhận và trao bằng tốt nghiệp cho SV cuối khoá, Nhà trường mời đại diện các Sở GD&ĐT các địa phương, các trường từ mầm non, tiểu học, THCS, THPT, đặc biệt là đại diện các trường tư thục chất lượng cao, đại diện các doanh nghiệp, các cơ quan báo chí, truyền thông đến tham dự, kết nối việc làm cho các cử nhân vừa tốt nghiệp và quảng bá về các kết quả và chất lượng đào tạo của Nhà

trường [H8.8.4.57] [H8.8.4.58] [H8.8.4.59].

Ngoài các hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV học tập, NCKH, thực tập sư phạm, thực tế lịch sử, tìm kiếm việc làm, Chi bộ, BCN Khoa Lịch sử đã chỉ đạo Ban Chấp hành Liên chi đoàn Khoa, Liên chi hội, CVHT của các lớp tổ chức các hoạt động ngoại khóa với CLB Sử học hàng tháng [H8.8.4.60] [H8.8.4.61]; tham gia cuộc thi Tiếng hát SV năm 1 và năm 2 được tổ chức định kỳ 2 năm 1 lần về chủ đề tri ân nhà giáo; tham gia hội thi nghiệp vụ sư phạm, các ngày hội nghiệp vụ do Khoa, trường tổ chức; tham gia các hoạt động vì cộng đồng như hiến máu nhân đạo, chiến dịch Mùa hè xanh, các hoạt động thiện nguyện như chương trình “Áo ấm mùa đông cho em”, Ủng hộ cho đồng bào bị bão lụt ở miền Trung năm 2020; tham gia các hội trại nghiệp vụ 26/3, các giải bóng chuyền, bóng đá dành cho SV; tham gia vào các câu lạc bộ do nhà trường và Đoàn trường tổ chức [H8.8.4.62] [H8.8.4.63] [H8.8.4.64] [H8.8.4.65] [H8.8.4.66]. Các hoạt động ngoại khóa đã tập hợp được đông đảo SV tham gia, tạo ra những sân chơi bổ ích cho SV.

Đối với những SV là người đồng bào dân tộc thiểu số thuộc đối tượng gia đình chính sách, các hộ nghèo, cận nghèo, Phòng ĐTĐH&CTSV, Đoàn Thanh niên, Hội SV và BCN Khoa luôn quan tâm tìm các nguồn học bổng để hỗ trợ kinh phí học tập cho SV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, giúp các em yên tâm học tập [H8.8.4.67] [H8.8.4.32]. Nhà trường và khoa luôn quan tâm đến hoạt động hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho SV khi ra trường. Thông qua các hoạt động tư vấn, ngày hội việc làm, Khoa thường xuyên liên lạc với những thế hệ SV đã ra trường, kết nối tìm kiếm, giới thiệu thông tin việc làm tới các SV đã tốt nghiệp thông qua fanpage, các ứng dụng mạng xã hội như facebook, zalo, viber... [H8.8.4.68] [H8.8.4.69] [H8.8.4.70] [H8.8.4.71] [H8.8.4.72] [H8.8.4.73] [H8.8.4.74] [H8.8.4.75] [H8.8.4.76] [H8.8.4.77] [H8.8.4.78] [H8.8.4.79] [H8.8.4.80] [H8.8.4.81] [H8.8.4.82] [H8.8.4.83].

Với các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác đã giúp cải thiện kết quả học tập, phát triển nhiều kỹ năng mềm cho SV, giáo dục ý thức trách nhiệm cho SV đối với bản thân, gia đình và xã hội. Thông qua đó, SV không ngừng vươn lên trong học tập, có mục tiêu học tập rõ ràng, có kế hoạch học tập khoa học và tăng cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. NH sau khi hoàn thành khoá học đa số hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Hàng năm, Phòng ĐTĐH&CTSV, Phòng KT&BĐCLGD tiến

hành khảo sát, lấy ý kiến của NH về các hoạt động giảng dạy, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác... Kết quả cho thấy đa số NH hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, rèn luyện của NH [H8.8.4.75] [H8.8.4.76] [H8.8.4.77] [H8.8.4.78] [H8.8.4.79] [H8.8.4.80] [H8.8.4.81] [H8.8.4.84].

2. Điểm mạnh

Khoa Lịch sử và Trường ĐHSP, ĐHH đã có nhiều biện pháp cụ thể, thiết thực, hỗ trợ hiệu quả việc học tập và rèn luyện của NH. Thiết lập và sử dụng một cách hiệu quả vai trò của CVHT, trợ lý đào tạo và NCKH, trợ lý CTSV, GV có kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH, tính năng động, sáng tạo và sức trẻ của các đoàn viên Liên chi đoàn, Liên chi hội. Kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho NH; hỗ trợ và kết nối khá hiệu quả về mặt thông tin và dịch vụ việc làm của các đơn vị liên kết để tăng cơ hội việc làm cho SV sau khi hoàn thành khoá học.

Ngoài ra, BCN Khoa đã tăng cường kết nối với cựu SV các khoá đang công tác, giảng dạy ở các cơ quan đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập để nắm bắt các thông tin tuyển dụng, thông tin về việc làm để cung cấp thông tin, hướng dẫn, giúp đỡ cho SV sau khi đã tốt nghiệp kịp thời ứng tuyển. Hoạt động này được tiến hành thông qua các nền tảng mạng xã hội và mang lại hiệu quả tích cực, giúp cho nhiều SV có được việc làm phù hợp với ngành đào tạo ngay sau khi ra trường; những thông tin việc làm được chia sẻ thường xuyên cũng giúp các em đang học tập tại khoa có thêm động lực tích cực học tập và rèn luyện để có thể tìm kiếm được việc làm tốt ngay sau khi tốt nghiệp.

Nhờ có những hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các hoạt động hỗ trợ tích cực cho NH đã tạo ra sự gắn bó giữa NH với cơ sở đào tạo, SV với GV. Điều này được phản ánh thông qua kết quả khảo sát NH khi ra trường. Hơn 90% NH được khảo sát cho rằng hoạt động giảng dạy của khoá học gắn với định hướng nghề nghiệp; 100% NH phản hồi kế hoạch học tập luôn được thông báo kịp thời cho SV, kế hoạch dạy học tạo thuận lợi cho SV trong lựa chọn môn học, lịch học, hình thức học tập; 100% SV được khảo sát đều cho rằng hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH là khách quan, phù hợp với năng lực của NH.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của một bộ phận SV có hạn, một số SV chưa có lộ trình học tập khoa học, SV phải thi nhiều lần mới đạt yêu cầu của kỳ thi chứng chỉ tiếng Anh B1

khung châu Âu để đủ điều kiện xét tốt nghiệp đại học. Ngoài nguyên nhân chủ quan là do năng lực ngoại ngữ của NH còn hạn chế thì còn do thiếu tư vấn và cảnh báo kịp thời từ phòng ĐTĐH&CTSV, GV CVHT. Đây là nguyên nhân dẫn tới tình trạng một số SVTN không đúng hạn do thiếu điều kiện. Một bộ phận NH còn thụ động hoặc thiếu động cơ học tập tích cực, chưa tích cực tham gia các hoạt động ngoại khoá, các phong trào tập thể. Do đó, SV thiếu các kỹ năng mềm để thích ứng với các yêu cầu và điều kiện của các nhà tuyển dụng, ảnh hưởng đến cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Một số SV của khoa đến từ vùng sâu, vùng xa, có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Các em vừa đi học, vừa tranh thủ đi làm thêm để trang trải chi phí học tập, giảm gánh nặng tài chính cho gia đình. Việc đi làm thêm đã ảnh hưởng không nhỏ đến sức khoẻ và thời gian học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	(1) Rà soát những SV chưa tốt nghiệp đúng hạn, điều tra nguyên nhân và đề xuất giải pháp để hỗ trợ SV có thể tốt nghiệp ra trường; (2) Rà soát danh sách SV chưa hoàn thành các tín chỉ, HP bắt buộc để kịp thời thông báo cho SV đăng ký học bổ sung, bảo đảm cho SV đủ điều kiện xét tốt nghiệp đúng hạn; (3) GV CVHT tập cần nhắc nhở, đôn đốc, động viên SV đặc biệt là SV năm thứ 3 và năm thứ 4 thi lấy chứng chỉ ngoại ngữ B1 khung châu Âu để đảm bảo SV đủ điều kiện tốt nghiệp đúng hạn; (4) Thông qua các ứng dụng mạng xã	Khoa Lịch sử, các phòng ban chức năng, các CVHT, các trợ lý của Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP, ĐHH	Từ năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo

		<p>hội để kết nối và hỗ trợ cho những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp từ các khoá học trước về mặt thông tin, động viên SV hoàn thành hồ sơ xin xét tốt nghiệp đúng quy định. Chi uỷ, BCN Khoa chỉ đạo Liên chi đoàn, Hội SV tạo nhiều hoạt động, sân chơi bổ ích để tăng cường các kỹ năng nghiệp vụ cho SV, khuyến khích SV tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khoá. Tìm kiếm các học bổng, các nguồn hỗ trợ tài chính để giúp đỡ cho những SV có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập và rèn luyện.</p>		
2	Phát huy điểm mạnh	<p>Tiếp tục phát huy vai trò của Đoàn thanh niên, Hội SV trong việc tổ chức các phong trào rèn luyện kỹ năng cho SV, tạo các sân chơi bổ ích cho SV trong học tập và rèn luyện.</p> <p>Tăng cường hơn nữa vai trò tư vấn học tập và các hoạt động hỗ trợ NH để giúp cải thiện kết quả học tập và khả năng có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp</p>	Khoa Lịch sử, Đoàn Trường, Hội SV Trường, Trường ĐHSP, ĐHH	Từ năm học 2022 - 2023 và các năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường và Khoa Lịch sử luôn hướng tới việc tạo ra môi trường học tập lành mạnh, thoải mái, tạo sự gắn bó giữa NH với Nhà trường, NH với môi trường học tập và CBGV. Nằm bên dòng sông Hương hiền hoà và thơ mộng, Trường ĐHSP, ĐHH từ lâu đã trở thành địa chỉ được nhiều thế hệ SV trong cả nước, đặc biệt là khu vực miền Trung và Tây Nguyên lựa chọn để học tập, trau dồi kỹ năng nghề nghiệp. Với vị trí trung tâm của thành phố Huế, nơi giao thoa giữa hai bờ nam bắc của sông Hương, trường có cảnh quan hài hoà và sạch đẹp. Đây thực sự là môi trường an toàn và lý tưởng cho việc học tập và rèn luyện của SV [H8.8.5.1] [H8.8.5.2] [H8.8.5.3] [H8.8.5.4] [H8.8.5.5] [H8.8.5.6] [H8.8.5.7] [H8.8.5.8] [H8.8.5.9] [H8.8.5.10] [H8.8.5.11] [H8.8.5.12] [H8.8.5.13] [H8.8.5.14].

Nhà trường là nơi có môi trường học tập thân thiện, cởi mở, tạo không khí thoải mái, tích cực trong hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Với phương châm lấy NH làm trung tâm, nhà trường là nơi có môi trường sư phạm chuẩn mực hàng đầu của cả nước. Môi trường học tập lý tưởng, luôn tạo điều kiện cho SV chủ động, tích cực trong học tập, phát huy khả năng sáng tạo trong mọi hoạt động. CBGV, NV và SV của nhà trường luôn tôn trọng và có ý thức xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh. Đặc biệt, Nhà trường luôn chú trọng xây dựng và duy trì các chuẩn mực ứng xử giữa thầy và trò, giữa CBGV với nhau, thể hiện cả bên trong lẫn bên ngoài như văn hoá giao tiếp, ứng xử, trang phục, tác phong sư phạm chuẩn mực của cả GV và SV. Ngoài hoạt động học tập, Khoa và Nhà trường liên tục tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn hoá, văn nghệ... để rèn luyện thể lực, trí lực và nâng cao đời sống tinh thần cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết giữa SV các khoa trong trường. Ngoài các phòng làm việc, Khoa dành một phòng lớn làm phòng tư liệu cho SV đến đọc tài liệu vào các buổi trong tuần. Nhà trường có Giảng đường I rộng rãi, thoáng mát để tổ chức các ngày lễ, sinh hoạt văn hoá, tổ chức các cuộc thi, các hoạt động Đoàn, Hội cho SV. Nhà trường có các Hội trường đa năng dành tổ chức cho các sự kiện ở cấp khoa [H8.8.5.15] [H8.8.5.16] [H8.8.5.17] [H8.8.5.18] [H8.8.5.19] [H8.8.5.20] [H8.8.5.21] [H8.8.5.22] [H8.8.5.23] [H8.8.5.24] [H8.8.5.25] [H8.8.5.26] [H8.8.5.27] [H8.8.5.28] [H8.8.5.29] [H8.8.5.30] [H8.8.5.31].

Nhà trường có tổ bảo vệ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh trật tự trong trường học. Có tổ vệ sinh môi trường, giữ gìn cho quang cảnh nhà trường luôn sạch đẹp, phục vụ tốt nhất cho các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu [H8.8.5.32] [H8.8.5.33] [H8.8.5.34] [H8.8.5.35] [H8.8.5.36] [H8.8.5.37] [H8.8.5.38] [H8.8.5.39]. Tổ Y tế của Nhà trường cũng được bố trí trong khuôn viên của trường, thuận tiện cho việc hỗ trợ thăm khám sức khoẻ cho CBGV và NH. Hàng năm tổ đảm bảo về vấn đề khám và cấp thuốc cho CB, SV trong Khoa cũng như trong toàn trường [H8.8.5.40] [H8.8.5.41] [H8.8.5.42] [H8.8.5.14] [H8.8.5.43] [H8.8.5.15] [H8.8.5.16] [H8.8.5.44] [H8.8.5.45]. Để tạo không gian môi trường Giảng đường văn minh, Hội SV Trường thành lập Đội cờ đỏ để duy trì nề nếp và lối sống văn minh trong SV [H8.8.5.46]. Hàng năm, trường đều phối hợp với công an phòng cháy, chữa cháy đề tập huấn về kỹ năng phòng cháy và chữa cháy cho GV và SV của Nhà trường [H8.8.5.47] [H8.8.5.37] [H8.8.5.35] [H8.8.5.38].

Hàng năm, nhà trường đều tiến hành khảo sát hoặc lấy ý kiến của NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong CSGD. Kết quả các cuộc khảo sát và lấy ý kiến đều cho thấy, đa số SV đều hài lòng về môi trường học tập tại Trường ĐHSP và Khoa Lịch sử. Đa số NH đều ghi nhận và đánh giá cao về tinh thần, thái độ và tác phong sư phạm chuẩn mực của CBGV và NV của Nhà trường [H8.8.5.48] [H8.8.5.49] [H8.8.5.24] [H8.8.5.25] [H8.8.5.20] [H8.8.5.21] [H8.8.5.22].

2. Điểm mạnh

Đa số NH cảm thấy thoải mái, thích thú, gắn bó và hài lòng với môi trường học tập, môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của nhà trường. Với vị trí nằm bên bờ sông Hương thơ mộng, Trường ĐHSP, ĐHH luôn tạo dấu ấn và những kỷ niệm đẹp của nhiều thế hệ SV trong Trường. Đây chính là lý do năm nào Trường cũng đón nhiều đoàn thuộc các thế hệ cựu SV quay trở về thăm trường, thăm thầy cô, hội ngộ bạn bè trên những khoảng sân trường đầy nắng, hồi tưởng đầy ắp những kỷ niệm của thời SV.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống nhà xe chưa đủ đáp ứng nhu cầu bảo quản phương tiện của SV; một vài dãy phòng học được xây dựng từ lâu đã có dấu hiệu bị xuống cấp, gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động học tập của SV đặc biệt là vào mùa mưa; ký túc xá bố trí xa trường (ở Khu ký túc xá ĐHH ở Trường Bia), số giường còn hạn chế nên chưa đủ

cung cấp cho SV đăng ký chỗ ở.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đầu tư, nâng cấp CSVC, trang thiết bị dạy học để tạo môi trường học tập khang trang và đầy đủ hơn.	Trường ĐHSP, ĐHH	Từ năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng môi trường sư phạm chuẩn mực, giữ gìn mối quan hệ tốt đẹp giữa CBGV và SV trong nhà trường; Tạo bầu không khí tâm lý tích cực bằng các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khoá để "mỗi ngày đến trường là một ngày vui"	Trường ĐHSP, ĐHH, Khoa Lịch sử và CBGV, SV trong Khoa	Từ năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Với lịch sử hình thành và phát triển hơn 65 năm, Trường ĐHSP, ĐHH là ngôi trường giàu truyền thống và đạt nhiều thành tích trong GD&ĐT. Nhà trường là nơi đã đào tạo nhiều thế hệ giáo viên, GV và CB QLGD phục vụ trong hệ thống giáo dục quốc dân. Với bề dày truyền thống đó, Trường ĐHSP, ĐHH luôn có một vị thế quan trọng trong hệ thống các trường đại học nói chung, các trường đào tạo ngành sư phạm nói riêng. Để có được thành tích và vị thế đó, nhà trường luôn coi trọng NH, lấy NH làm trung tâm, từ đó, không ngừng đổi mới CTDH, phương pháp dạy học, chất lượng đội ngũ giáo viên, CSVC của Nhà trường và các công cụ hỗ trợ khác để giúp NH đạt kết quả tốt nhất. Cùng với tầm nhìn, sứ mạng và sự phát triển của nhà trường, trong quá trình hình thành và phát triển, Khoa Lịch sử luôn coi chất lượng học tập và rèn luyện của NH là ưu tiên hàng đầu trong hoạt động giáo dục, đào tạo của Khoa. Do đó, để nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân sư phạm Lịch sử, Khoa cùng với Nhà trường luôn chú trọng từ khâu tuyển sinh đến bảo đảm chất lượng đầu ra của CTĐT. Sự nỗ

lực ấy thể hiện ngay ở tinh thần luôn đổi mới, cập nhật, công khai chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn NH theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, ĐHH và Trường ĐHSP. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, NH luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn trong học tập, rèn luyện và cuộc sống. Cùng với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ CBGV của Khoa và Nhà trường, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đã được xây dựng và công bố công khai. Khối lượng học tập của NH được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp NH không bị quá tải và mang lại kết quả tốt nhất. Môi trường cảnh quan hài hoà, sạch đẹp, an toàn, gần gũi với thiên nhiên; môi trường tâm lý xã hội tích cực; môi trường sư phạm chuẩn mực, CSVC không ngừng được bổ sung, cải tiến... đã làm cho chất lượng NH không ngừng được nâng cao. Cùng với diễn biến phức tạp và kéo dài của đại dịch Covid-19, xu hướng chọn nghề của học sinh THPT và nhu cầu nhân lực của xã hội đã có nhiều thay đổi khác trước. Tất cả các yếu tố đó đã tác động không nhỏ đến hoạt động tuyển sinh và đào tạo của Nhà trường và Khoa. Bối cảnh đó buộc Nhà trường và Khoa phải tích cực hơn nữa trong việc chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý đào tạo đồng thời linh hoạt điều chỉnh về hình thức, phương tiện và phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá để vừa bảo đảm chất lượng dạy học, vừa duy trì sự gắn bó giữa NH với Khoa và Nhà trường. Trong những năm học tới, Khoa cần có những chiến lược phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được trong tiêu chuẩn 8 và thực hiện các giải pháp mang tính đồng bộ giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, nâng cao chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH, góp phần vào sự lớn mạnh của Khoa Lịch sử và của Nhà trường.

Căn cứ vào các phân tích nêu trên số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu là 5/5.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trải qua hơn 65 năm xây dựng và phát triển, hệ thống CSVC và trang thiết bị đã được Trường ĐHSP, ĐHH từng bước đầu tư, nâng cấp đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ. Bên cạnh công tác đầu tư mua mới, Nhà trường đã và đang đầu tư cải tạo lại phòng học, giảng đường, phòng thư viện và phòng làm việc cho CB và SV ngành Sư phạm Lịch sử. Thư viện của trường đã dần cải thiện, hiện đại hóa đáp ứng được nhu cầu của NH và cả người dạy. Hệ thống máy tính và mạng internet cũng đã được đầu tư nâng cấp nhằm đáp ứng tốt

nhu cầu đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó nhà Trường và khoa Lịch sử có website, các trang thông tin điện tử và phần mềm để hỗ trợ NH và người dạy.

Môi trường làm việc cho CBGV và NH luôn được đảm bảo. Nhà trường có đội ngũ bảo vệ và CB y tế luôn túc trực hỗ trợ đảm bảo an ninh và an toàn sức khỏe cho CBGV, SV và học viên. Nhà trường cũng có đội ngũ công nhân vệ sinh môi trường đảm nhận dọn vệ sinh các khu giảng đường, khu làm việc, phòng thí nghiệm và thực hành.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSP, ĐHH có trụ sở chính tại địa chỉ 34 Lê Lợi, thành phố Huế và cơ sở 2 tại khu quy hoạch Trường Bia với tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng là 99.700m² [H9.9.1.1] [H9.9.1.2]. Hiện tại Trường có 5 tòa nhà học dành cho SV, 1 cơ sở sau đại học, 3 tòa nhà với các phòng thực hành và thí nghiệm [H9.9.1.3] [H9.9.1.4]. Trường còn được sử dụng các cơ sở dùng chung của ĐHH để hỗ trợ và phục vụ các hoạt động đào tạo của Nhà trường [H9.9.1.5] [H9.9.1.6] [H9.9.1.7]. Bên cạnh đó Trường còn có Trung tâm Thư viện và Tri thức số và Trung tâm CNTT và Chuyển đổi số được đầu tư trang thiết bị hiện đại, cụ thể: Trung Thư viện và Tri thức số của Nhà trường là tòa nhà 4 tầng gồm có hệ thống các phòng tài nguyên thông tin, phòng xử lý tài nguyên thông tin, phòng thông tin điện tử, phòng đọc và kho lưu trữ sách, lưu trữ báo chí đáp ứng nhu cầu của NH về nguồn tài liệu nghiên cứu học tập của GV và SV [H9.9.1.8] [H9.9.1.9] [H9.9.1.10]; Trung tâm CNTT và Chuyển đổi số với hệ thống phòng thực hành được trang bị hiện đại [H9.9.1.11] [H9.9.1.12] [H9.9.1.13]. Ngoài ra, Trường còn có một hệ thống các giảng đường, phòng hội nghị, hội thảo, các tòa nhà làm việc dành cho khối văn phòng và các khoa, trung tâm [H9.9.1.14] [H9.9.1.15], phòng studio [H9.9.1.16], phòng họp trực tuyến [H9.9.1.17] [H9.9.1.18] [H9.9.1.19]. Với tổng diện tích mặt sàn sử dụng là 15.733,4m², 116 Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, GV cơ hữu (trong đó có 06 hội trường) 13 phòng thư viện, 44 phòng Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập, 462 danh mục trang thiết bị phục vụ thực hành - nghiên cứu. Có thể nói hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.9.1.20].

Hiện tại, đối với SV ngành Sư phạm Lịch sử, tùy theo từng học kỳ và theo thời khóa biểu của Trường, NH thể được bố trí học ở các phòng học khác nhau của Nhà

trường [H9.9.1.21] các trang thiết bị tại các phòng học, phòng thực hành được Nhà trường cung cấp đầy đủ từ hệ thống bàn ghế, quạt, điện, internet... phù hợp để phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.9.1.22] [H9.9.1.11] [H9.9.1.13]. Trường cung cấp cho Khoa hệ thống phòng làm việc với 4 phòng, bao gồm: 1 phòng Trưởng khoa, 1 Văn phòng khoa và 2 phòng làm việc chung [H9.9.1.23]. Các phòng làm việc được trang bị máy tính, máy in, tủ đựng tài liệu và các trang thiết bị đảm bảo về điều kiện ánh sáng, nhiệt độ phù hợp, bao gồm: 2 máy in, 2 máy tính để bàn, 2 bàn họp lớn và 8 ghế, 3 máy điều hòa, 1 tivi, 4 quạt treo tường, 4 bàn làm việc của GV, 15 ghế làm việc của GV có bọc đệm, 22 ghế xoay phòng hội thảo, 1 tủ giá sách để tài liệu (0,45x1,4x2,0m) 1 tủ nhôm có kính (0,5 x 3,0 x 2,0m), 1 tủ nhôm kính, kích thước (2,2x1,6x0,5)m. Mỗi năm, dựa vào tình hình CSVC và nhu cầu của các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong năm học mới, Khoa sẽ đề xuất Nhà trường mua sắm mới [H9.9.1.24] [H9.9.1.25]. Bên cạnh đó, Khoa cũng có một phòng tư liệu 27m² với các trang thiết bị bao gồm hệ thống quạt treo tường, bàn trực của CB, hai dãy tủ đựng tài liệu, 1 bàn dài và 20 ghế đầu phục vụ tốt cho hoạt động học tập và nghiên cứu của SV trong Khoa [H9.9.1.26] [H9.9.1.27] [H9.9.1.28].

Hệ thống các tòa nhà học, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành máy tính thường xuyên được bảo trì, đầu tư, nâng cấp định kỳ hàng năm [H9.9.1.29] [H9.9.1.30] [H9.9.1.31]. Hằng năm, trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của SV và các bên liên quan về hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng, nhằm có những điều chỉnh hợp lý nhất giúp quá trình nghiên cứu, giảng dạy của GV và học tập của SV được tốt nhất. Điều này thể hiện ở nội dung câu 21, 22 mục A.4 của Phiếu nhận xét khóa học và câu hỏi số 10 trong Bộ câu hỏi khảo sát HP học kỳ 2 năm học 2020-2021 [H9.9.1.32], câu hỏi số 7 (trong Bộ câu hỏi khảo sát HP học kỳ 1 năm học 2020-2021) [H9.9.1.33], câu hỏi 7 (trong Bộ câu hỏi khảo sát HP học kỳ 2 năm học 2019-2020) [H9.9.1.34], câu hỏi số 9 (trong Bộ câu hỏi khảo sát HP học kỳ 1 năm học 2019-2020) [H9.9.1.34] trên 90% SV đánh giá CSVC Nhà trường đáp ứng nhu cầu học tập. Đối với khóa học 2016-2020, có 86,58% ý kiến khảo sát là đồng ý và hoàn toàn đồng ý về quan điểm rằng trường có đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ học tập và nghiên cứu của SV, kết quả trên ở khóa học 2017-2021 đạt đến 93,62% điều đó chứng tỏ CSVC Nhà trường đang từng bước đáp ứng được nhu cầu của NH. Đối với CBGV, hoạt động khảo sát cũng thường xuyên được diễn ra thông qua các hoạt động, hội nghị, đối thoại, tổng kết [H9.9.1.35] [H9.9.1.36]...

Trên cơ sở các ý kiến phản hồi Nhà trường đã ban hành những kế hoạch chiến

lược phát triển về CSVC theo từng năm học, giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và kế hoạch định hướng quy hoạch phát triển CSVC trường ĐHSP, ĐHH đến năm 2025, tầm nhìn 2030 [H9.9.1.37] [H9.9.1.38] [H9.9.1.39].

2. Điểm mạnh

- Hệ thống các tòa nhà học, giảng đường, các phòng làm việc và phòng học được quy hoạch, xây dựng đồng bộ và thường xuyên được nâng cấp, bảo dưỡng nhằm phát huy hiệu quả trong quá trình sử dụng.

- Hệ thống trang thiết bị, CSVC của các phòng học, phòng thực hành được đầu tư theo hướng hiện đại và chuyên sâu, phù hợp với yêu cầu của việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường có nhiều nỗ lực trong việc trang bị các điều kiện CSVC cho GV và SV làm việc và học tập, tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Một số phòng học ở các dãy nhà Y đang xuống cấp cần có kế hoạch cụ thể để tu sửa và nâng cấp.

- Chưa có phòng làm việc riêng cho PGS.TS.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Khắc phục dãy nhà Y xuống cấp - Bố trí bổ sung một số phòng làm việc cho PGS, TS.	Phòng CSVC	2023	2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường công tác bảo dưỡng, bảo trì CSVC, phối hợp với phòng chức năng thực hiện tốt quản lý và khắc phục các sự cố để phát huy hết giá trị của các trang thiết bị chuyên dụng.	Khoa Lịch sử và Phòng CSVC	2023	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Xác định Thư viện và các nguồn học liệu là một trong những nhân tố quan trọng trong việc quyết định nâng cao chất lượng dạy và học, Nhà trường đã rất chú trọng trọng việc xây dựng Thư viện và các nguồn học liệu phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. SV của Ngành được hưởng thụ nguồn tài liệu từ 3 nguồn: Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Trường ĐHSP, ĐHH; Phòng Tư liệu của Khoa và nguồn tài liệu dùng chung từ Trung tâm học liệu của ĐHH [H9.9.2.1] [H9.9.2.2].

Trung tâm Thư viện và Tri thức số được thành lập từ năm 2010 [H9.9.2.1], gồm tòa nhà 4 tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng 2.706 m² [H9.9.2.3], có hệ thống phòng tài nguyên thông tin, phòng xử lý tài nguyên thông tin, phòng thông tin điện tử, phòng đọc và kho lưu trữ sách, báo chí với đầy đủ tiện nghi phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu [H9.9.2.4].

Tổng số nhan đề sách Trung tâm có là 28.398 nhan đề (128.832 bản), trong đó sách tiếng Việt gồm 27.018 nhan đề (125.119 bản); sách ngoại văn gồm 1.374 nhan đề (3.713 bản) [H9.9.2.5]. Trong đó về thể loại: tạp chí có 196 nhan đề - 16082 bản; sách chuyên khảo có 388 nhan đề - 1305 bản; sách tham khảo 14.959 nhan đề - 76.133 bản; luận văn 5.596 - 6.395 bản; công trình nghiên cứu 49 nhan đề - 50 bản; từ điển 538 nhan đề - 1294 bản; giáo trình 4.922 - 25.546 bản; đề tài khoa học 1.511 nhan đề - 1755 bản; luận án 171 nhan đề - 172 bản; bài giảng 62 nhan đề 100 bản [H9.9.2.5] [H9.9.2.6] [H9.9.2.7]. Ngoài ra để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Trung tâm còn cung cấp một số lượng các tài liệu điện tử phong phú về loại hình sách và thể loại [H9.9.2.8].

Về đội ngũ CB, hiện nay Trung tâm có 12 nhân sự. Trong đó, 100 % CB có trình độ cử nhân trở lên, có 03 thạc sĩ chiếm 25% [H9.9.2.9].

Về hệ thống CSVC, Trung tâm Thư viện và Tri thức số đã được bố trí một hệ thống phòng chuyên dụng với đầy đủ trang thiết bị bàn ghế phù hợp với hoạt động của thư viện: Phòng đọc với diện tích 130 m² gồm 120 chỗ ngồi, phòng Tài nguyên thông tin gồm 70 chỗ ngồi phục vụ tại chỗ cho CB, học viên cao học, NCS, phòng trưng bày, phòng thông tin điện tử, phòng số hóa... [H9.9.2.10] [H9.9.2.11]. Trung tâm mở cửa tiếp bạn đọc 500 buổi/năm, phục vụ bình quân 120.000 lượt bạn đọc/năm, có 140.000

lượt sách luân chuyển [H9.9.2.12] [H9.9.2.13] Thời gian mượn sách đối với SV, học viên, NCS là 7 ngày, gia hạn 2 lần; đối với GV là 30 ngày (đối với sách giáo trình), 15 ngày (đối với sách tham khảo), gia hạn 1 lần. Giờ mở của Trung tâm Thư viện và Tri thức số theo giờ hành chính của Trường. Riêng trong thời gian ôn thi, Trung tâm mở cửa thêm vào ban đêm và cả ngày thứ bảy. Hiện nay mọi hoạt động của Trung tâm Thư viện và Tri thức số đều được thực hiện trên máy tính với phần mềm Vebrary có 9 module cho phép việc quản lý và sử dụng một cách hiệu quả [H9.9.2.14] [H9.9.2.15] [H9.9.2.16]. Những năm gần đây, hoạt động của Trung tâm Thư viện và Tri thức số thường xuyên được cải tiến để nâng cao chất lượng phục vụ, các công việc đã được thư viện xây dựng thành một quy trình giải quyết cụ thể [H9.9.2.17].

Hoạt động nâng cấp về CSVC ở Trung tâm được Nhà trường hết sức quan tâm [H9.9.2.18] [H9.9.2.19]. Công tác bổ sung tài liệu được thực hiện đều đặn trong năm học nên giáo trình, sách tham khảo được bổ sung, cập nhật kịp thời phục vụ bạn đọc. Hàng năm, Trường đều đầu tư kinh phí để bổ sung tài liệu cho Trung tâm [H9.9.2.20] [H9.9.2.21], bình quân Trung tâm bổ sung trên 1.000 nhan đề sách (trên 3.000 bản), trên 80 nhan đề báo, tạp chí (gần 2.000 bản) [H9.9.2.22], các phần mềm ứng dụng của Trung tâm thường xuyên được cập nhật, nâng cấp [H9.9.2.23] [H9.9.2.14].

Để phong phú thêm nguồn tài liệu, Trung tâm Thư viện và Tri thức số còn chú trọng liên kết với một số trang tài liệu chính thống có nguồn tư liệu lớn để người đọc khai thác và tăng cường hợp tác với nhiều đơn vị trong ĐHH và cả nước [H9.9.2.8]. Bên cạnh các hoạt động chuyên môn, Trung tâm Thư viện và Tri thức số còn tích cực tổ chức các hoạt động nhằm xây dựng môi trường văn hóa đọc như: Đại sứ văn hóa đọc [H9.9.2.24], trưng bày sách [H9.9.2.25].

Bên cạnh các tài liệu từ Trung tâm Thư viện và Tri thức của Nhà trường, CB và SV, học viên của ngành sư phạm Lịch sử còn được sử dụng nguồn tài liệu từ Phòng tư liệu của Khoa. Phòng có diện tích gần 30m² tại tầng 4 dãy nhà L, được trang bị đầy đủ hệ thống bàn, ghế, kệ sách... để phục vụ người đọc [H9.9.2.26] [H9.9.2.27] với các tài liệu chuyên biệt bao gồm các tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp để cho các bạn SV, học viên tham khảo [H9.9.2.28].

Việc khảo sát ý kiến bạn đọc được Trung tâm Thư viện và Tri thức và Nhà trường tiến hành thường xuyên hàng năm giúp đánh giá được mức độ hài lòng cũng

như nhu cầu thực sự của bạn đọc đề từ đó cải tiến phương thức, thái độ phục vụ giúp hoạt động của Trung tâm ngày càng hiệu quả hơn [H9.9.2.29] [H9.9.2.30] [H9.9.2.31] [H9.9.2.32]. Trung tâm Thư viện và Tri thức còn sử dụng fanpage riêng vừa là kênh thông tin quảng bá vừa là kênh hỗ trợ trực tuyến, nhận phản hồi từ người đọc [H9.9.2.33].

2. Điểm mạnh

Những điểm mạnh về nguồn học liệu trong Khoa có thể kể đến là:

- Thư viện có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú. Hàng năm nguồn tài liệu được bổ sung đều đặn, cập nhật được những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Trường, Khoa.

- Sự đa dạng trong các tài liệu của Khoa giúp cho GV và SV có nhiều lựa chọn phù hợp với năng lực của bản thân.

- Có diện tích rộng, không gian thoáng đãng, đủ tiện ích, CSVC phù hợp với môi trường học tập, nghiên cứu.

- Ứng dụng được CNTT trong quản lý tạo sự thuận tiện cho người sử dụng.

3. Điểm tồn tại

- Chưa chủ động được trong bổ sung nguồn tài liệu để đáp ứng CTĐT. Tài nguyên điện tử, tài liệu số hóa còn tương đối ít và chưa được bổ sung đều đặn do hạn chế về nguồn kinh phí.

- Chưa có CB chuyên trách của phòng tư liệu Khoa, việc quản lý tư liệu và mở cửa phục vụ hiện nay của phòng tư liệu dựa vào đội ngũ CB trẻ của Khoa nên cũng rất khó khăn trong công tác tổ chức.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục đề xuất với Nhà trường tăng các nguồn kinh phí đầu tư cho thư viện - Tiếp tục liên hệ với các đối tác và các đơn vị cung cấp để tìm kiếm các nguồn tài liệu phù hợp 	Trung tâm Thông tin thư viện	2023	Hàng năm

2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Số hóa thêm các dạng tài liệu như tạp chí, đề tài NCKH... - Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, bảo trì để duy trì tốt CSVC phục vụ cho hoạt động của thư viện 	Trung tâm Thông tin thư viện Phòng CSVC	2023	Hàng năm
---	--------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------	------	----------

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Với việc xác định tầm nhìn là đơn vị tiên phong trong đào tạo giáo viên, NCKH sư phạm ứng dụng và chuyển giao sản phẩm nghiên cứu đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục, Nhà trường xác định CSVC đặc biệt là hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp hỗ trợ hoạt động đào tạo - nghiên cứu là một trong những vấn đề then chốt được quy trình, quy định đầu tư và phát triển, cụ thể:

Trường đã xây dựng được hệ thống nhà đa chức năng [H9.9.3.1] [H9.9.3.2] và hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành tương đối đầy đủ các trang thiết bị cần thiết, đáp ứng cơ bản công tác đào tạo đại học, sau đại học và NCKH. Trường hiện có 42 phòng thí nghiệm, thực hành phân bố ở các khoa thực nghiệm với số lượng như sau: 06 thuộc khoa Vật lý; 10 thuộc khoa Hoá học; 09 thuộc khoa Sinh học; 03 thuộc Khoa Giáo dục Tiểu học; 03 thuộc khoa Giáo dục Mầm non; 03 phòng thực hành và tư liệu thuộc khoa Địa lý, 08 phòng thực hành tin học. Các phòng thí nghiệm, thực hành đảm bảo cho SV học tập theo yêu cầu của từng môn học [H9.9.3.3] [H9.9.3.4] [H9.9.3.5] [H9.9.3.6] [H9.9.3.7] [H9.9.3.8] [H9.9.3.9].

Đối với SV ngành sư phạm Lịch sử do đặc thù của chuyên ngành nên không có phòng thí nghiệm, nhưng hoạt động thực hành của SV luôn được Nhà trường và Khoa chú trọng từ phần thực hành của các HP là môn chung đến hoạt động thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Khi học môn chung có thực hành (HP Tin học đại cương) Nhà trường đã đầu tư đầy đủ các phòng thực hành tin học tại các phòng nằm ở BII.3, BII.7, BIII.2, BIII.5, BIII.6, tầng 1 dãy nhà M... [H9.9.3.10] [H9.9.3.11] [H9.9.3.6]. Các phòng thực hành đều có trang thiết bị phù hợp như hệ thống máy tính

có kết nối internet [H9.9.3.12] [H9.9.3.13] [H9.9.3.14], máy chủ [H9.9.3.15], các phần mềm quản lý [H9.9.3.16] [H9.9.3.17] [H9.9.3.18] và được trang bị các thiết bị cơ bản phục vụ tốt hoạt động đào tạo của Nhà trường [H9.9.3.4] [H9.9.3.5]. Khi thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, SV của Khoa đã được bố trí các khu vực tập giảng - học nhóm... ở tiền sảnh các dãy nhà N... nhà đa chức năng [H9.9.3.1], được tạo điều kiện cho mượn phòng học SV tập giảng khi có nhu cầu [H9.9.3.19] và Nhà trường luôn tạo điều kiện cho các em mượn các phòng để thực hành với đầy đủ trang thiết bị cần thiết [H9.9.3.5].

Bên cạnh các trang thiết bị dùng chung với Nhà trường, Khoa cũng đã chủ động xây dựng một phòng tư liệu của Khoa nhằm làm nơi cung cấp những nguồn học liệu cơ bản, chuyên biệt của ngành Lịch sử với đa phần là các luận văn, khóa luận tốt nghiệp, bài tập lớn của chuyên ngành [H9.9.3.20] [H9.9.3.21]... Phòng tư liệu Khoa có Nội quy của phòng, phân công CB trực cụ thể, sổ theo dõi mượn trả các loại tài liệu. Thời gian mở cửa phòng Tư liệu là 3 ngày/1 tuần (vào thứ hai, thứ tư và thứ sáu), do CB trẻ của Khoa thay phiên nhau đảm nhiệm. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho GV và NH tiếp cận các nguồn học liệu [H9.9.3.22].

Nhà trường có kế hoạch hoạt động xây dựng cơ bản hàng năm và công khai dự toán kinh phí đến cấp khoa cho từng năm. Các phòng bộ môn, phòng học đa năng và các trang thiết bị được mua sắm, bổ sung hàng năm để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu [H9.9.3.23] [H9.9.3.24] [H9.9.3.25]. Thường xuyên kiểm tra, rà soát hệ thống trang thiết bị [H9.9.3.11] [H9.9.3.26] để bảo trì, bảo dưỡng.

Nhà trường luôn coi trọng các ý kiến đánh giá của NH và các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.9.3.27] [H9.9.3.28] [H9.9.3.29] [H9.9.3.30]. Theo thang đánh giá 4 bậc từ hoàn toàn không đồng ý (mức 1) đến hoàn toàn đồng ý (mức 4), trên 90% NH chọn mức 3 (đồng ý) và mức 4 (Hoàn toàn đồng ý) với đánh giá “CSVC/trang thiết bị của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học [H9.9.3.27] [H9.9.3.30]. Ngoài ra, thông qua Hội nghị CBVC, đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường và học viên, SV các nội dung về phòng thực hành, thí nghiệm, trang thiết bị cũng nhận được nhiều ý kiến đóng góp [H9.9.3.31] [H9.9.3.32] [H9.9.3.33].

Trên cơ sở kết quả khảo sát, Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh, đảm bảo phòng

thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị của Nhà trường được trang bị phù hợp. Nhiều thiết bị hiện đại, phục vụ đặc lực cho hoạt động giảng dạy và học tập của GV và SV được cập nhật thường xuyên để đáp ứng nhu cầu dạy và học. SV của ngành đã được trải nghiệm nhiều trang thiết bị máy móc phù hợp, hệ thống phòng ốc hỗ trợ thực hành, hệ thống tư liệu được trang bị đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu của người dạy và NH.

3. Điểm tồn tại

Một số trang thiết bị tại phòng tư liệu Khoa cần được quan tâm nâng cấp để đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu tài liệu của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Dành nguồn kinh phí lắp đặt thêm trang thiết bị cho Phòng tư liệu	Phòng CSVC Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và tăng cường nguồn kinh phí lắp đặt các trang thiết bị phục vụ nghiên cứu và đào tạo	Phòng CSVC Trung tâm CNTT và Chuyển đổi số Khoa Lịch sử	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính của Trường đều được nối mạng. Trường có mạng wifi miễn phí ở tất cả các giảng đường và phòng làm việc, được quản lý thông qua hệ thống đăng ký truy cập, phục vụ 24/24. Tại các khoa, giảng đường và phòng học đều được trang bị máy chiếu, tivi để phục vụ cho hoạt động dạy học và làm việc [H9.9.4.1] [H9.9.4.2] [H9.9.4.3]. Với đòi hỏi nhanh chóng thích ứng với bối cảnh

đại dịch Covid-19 và tốc độ chuyển đổi số mạnh mẽ trong ngành giáo dục, hệ thống thông tin điện tử và phần mềm của Trường hiện rất đa dạng, chất lượng, đáp ứng tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.9.4.4]. Mỗi CBGV, SV được cấp tài khoản riêng phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi tiến độ, kết quả học tập, tính toán giờ dạy, bài tập lớn, tiểu luận... Cụ thể: Trang thông tin điện tử của Trường ĐHSP, ĐHH được cập nhật thông tin một cách thường xuyên [H9.9.4.5]; Hệ thống hỗ trợ CBGV tích hợp đầy đủ các chức năng cần thiết nhằm hỗ trợ tối đa cho hoạt động dạy học như thời khóa biểu CBGV, nhập điểm quá trình, xem kết quả học tập, phân tích thống kê, khảo sát ý kiến NH... [H9.9.4.6]; Hệ thống đào tạo trực tuyến của Trường ĐHSP, ĐHH tích hợp chức năng cập nhật bài giảng, bài tập, lập kế hoạch dạy trực tuyến, dạy trực tuyến cho các môn học... [H9.9.4.7] [H9.9.4.8]; Trường cũng đã xây dựng Hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu để phục vụ hoạt động thanh toán cho CBGV [H9.9.4.8]. Phần mềm quản lý đề tài khoa học nhằm quản lý và theo dõi đề tài các cấp của CBGV [H9.9.4.8] [H9.9.4.8]; Hệ thống quản lý văn bản bằng hệ thống mạng nội bộ giúp việc quản lý và truyền đạt thông tin một cách dễ dàng, nhanh chóng và hiệu quả [H9.9.4.9]; Hệ thống hỗ trợ SV giúp SV đăng ký nhập học, nhận các thông báo, thời khóa biểu... [H9.9.4.10]; Trang thông tin thư viện và trang thư viện số Trường ĐHSP, ĐHH cung cấp thông tin, hướng dẫn hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động tra cứu và sử dụng tài liệu [H9.9.4.11] [H9.9.4.12]... Ngoài ra, trên hệ thống mạng xã hội, Trường còn có trang Facebook, Youtube nhằm kết nối và truyền tải thông tin đi khắp mọi nơi [H9.9.4.13] [H9.9.4.14]... Hiện tất cả các hoạt động liên quan đến hệ thống CNTT của Trường đều được thực hiện và quản lý bởi Trung tâm CNTT và Chuyển đổi số [H9.9.4.15] [H9.9.4.16].

Về phía Khoa Lịch sử, hiện nay, Nhà trường đã trang bị cho Khoa khá đầy đủ máy tính, máy in và hệ mạng truyền thông, trang thông tin điện tử, các phần mềm hỗ trợ cho GV, SV giảng dạy, học tập và NCKH. Hiện nay, số máy tính để phục vụ cho nhu cầu trực tiếp cũng như công tác điều hành quản lý tại Khoa Lịch sử là 02 máy tính, hệ thống wifi riêng của Khoa với đường truyền ổn định và khá mạnh [H9.9.4.17]. Khoa Lịch sử cũng có website và fanpage riêng của Khoa để cập nhật tin tức, tình hình hoạt động của Khoa, các hoạt động đào tạo, NCKH, CTSV, Đoàn - Hội,... [H9.9.4.18] [H9.9.4.19].

Tốc độ đường truyền, cấu hình phần cứng đáp ứng nhu cầu sử dụng cho người dùng [H9.9.4.1] [H9.9.4.1]. Hệ thống máy chủ được thiết kế và chủ yếu được đầu tư từ chương trình “Tăng cường năng lực đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục tại Trường Trường ĐHSP, ĐHH” [H9.9.4.20], có 13 đường truyền Internet đang được lắp đặt ở Trung tâm Dữ liệu của Nhà trường (phòng máy chủ) [H9.9.4.1], kết hợp với hệ thống cân bằng tải đường truyền Internet được đầu tư ở mục II.A.3 [H9.9.4.20] nên đảm bảo sự ổn định cho hệ thống cung cấp Internet trong Trường. Hệ thống wifi của Nhà trường là hệ thống chuyên dụng gồm có 1 bộ điều khiển trung tâm, 120 trạm phát sóng được đầu tư từ chương trình dự án [H9.9.4.20] nên đảm bảo chất lượng sóng trên toàn bộ các thiết bị phát sóng wifi có chất lượng ổn định và 4 phòng học trực tuyến; Trung tâm dữ liệu của Nhà trường đặt tại tầng 3, tòa nhà F, hệ thống học liệu và quản lý học tập của Nhà trường được triển khai trên môi trường trực tuyến [H9.9.4.21] [H9.9.4.8]. Hệ thống máy chủ, đường truyền thường xuyên được bảo dưỡng thông qua các kế hoạch năm học của Trung tâm CNTT và Chuyển đổi số [H9.9.4.22] [H9.9.4.23] [H9.9.4.24] [H9.9.4.25]. Trường đã cho cải tạo hệ thống CSVN, triển khai thi công hạ tầng CNTT nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng mạng của CBGV và NH [H9.9.4.26] [H9.9.4.7] [H9.9.4.2] [H9.9.4.27] [H9.9.4.20]. Ngày 10/7/2020, Trường ĐHSP, ĐHH quyết định thành lập Trung tâm Khởi nghiệp và Truyền thông với chức năng tổ chức các hoạt động về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và truyền thông của Trường ĐHSP, ĐHH và cung cấp các dịch vụ về khởi nghiệp và truyền thông cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu, đặc biệt, chức năng truyền thông, kết nối với hàng loạt các nhiệm vụ quan trọng [H9.9.4.28]. Năm 2021, Trường đã xây dựng phòng Studio với đầy đủ trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ tốt hơn cho việc giảng dạy trực tuyến cũng như các hoạt động truyền thông của Trường [H9.9.4.29].

Bên cạnh các phần cứng, các phần mềm của hệ thống CNTT của Nhà trường thường xuyên được sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.9.4.22]. Chẳng hạn như, trước đây, phần mềm Hệ thống hỗ trợ CBGV giúp GV có thể quản lý giờ dạy, quản lý thông tin NH, xem thời khóa biểu và cập nhật điểm quá trình cho SV [H9.9.4.6]. Năm 2020, chức năng thống kê và phân tích phổ điểm qua các kỳ thi đã được bổ sung vào Hệ thống để giúp GV có những đánh giá và đưa ra những định hướng trong việc điều chỉnh phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá [H9.9.4.30] [H9.9.4.31] [H9.9.4.22]; chức năng phản hồi kết

quả khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV đã được cập nhật và tích hợp vào phần mềm, đồng thời gửi các thông báo của Nhà trường đến GV một cách kịp thời trong quá trình đào tạo thông qua tin nhắn SMS hoặc email tự động từ hệ thống. Năm 2020, các hoạt động của CVHT như tư vấn đăng ký môn học, xét điểm rèn luyện cũng đã được xây dựng và đưa thêm vào Hệ thống [H9.9.4.6] [H9.9.4.32] [H9.9.4.31] [H9.9.4.22]. Có thể nói, phần mềm đã hỗ trợ GV một cách đặc lực và hiệu quả trong công tác quản lý cũng như giảng dạy. Ngoài ra các phần mềm Cơ sở dữ liệu của từng GV để quản lý giờ dạy, giờ NCKH, giờ phục vụ cộng đồng... làm cơ sở để quản lý giờ chuẩn, thanh toán kinh phí thừa giờ của từng GV [H9.9.4.33] [H9.9.4.22]. Năm 2020, bên cạnh yêu cầu rà soát, điều chỉnh dữ liệu giảng dạy của GV được thực hiện bằng đường công văn, thì các thông báo yêu cầu điều chỉnh, thời hạn điều chỉnh và gửi phản hồi yêu cầu điều chỉnh của GV đã được xây dựng và tích hợp vào ngay trong phần mềm đã giúp công tác quản lý thuận tiện, khoa học và hiệu quả [H9.9.4.9] [H9.9.4.34] [H9.9.4.22]. Năm 2021, hệ thống kiểm tra đánh giá của Nhà trường cập nhật các khâu kiểm tra, thi, đánh giá... trên nền tảng internet, tạo thuận lợi cho cả GV, NH thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách an toàn trong tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19... [H9.9.4.35].

Từ năm 2017, Nhà trường đã tiến hành các công tác xây dựng môi trường trực tuyến để tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến. Năm 2020, do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài, vì thế Nhà trường phải chuyển sang hình thức dạy và học trực tuyến, trong đó học kỳ 1 năm học 2020-2021 có 425 lớp [H9.9.4.36] [H9.9.4.37]. Phần mềm Hệ thống đào tạo trực tuyến của Trường đã giúp cho GV và SV thực hiện các hoạt động dạy và học trực tuyến một cách thuận lợi. Công tác quản lý dạy học trực tuyến cũng được hệ thống hỗ trợ, giúp cho việc dạy và học đi vào nề nếp và nghiêm túc [H9.9.4.8] [H9.9.4.31]. Vào ngày 23/11/2021, khi tình hình dịch Covid-19 ngày càng kéo dài, diễn biến phức tạp hơn, để đáp ứng yêu cầu công tác dạy học và đánh giá, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 2598/QĐ-ĐHSP về việc điều chỉnh, bổ sung quy định về tổ chức kỳ thi kết thúc HP hệ chính quy tại Trường, trong đó nhấn mạnh đến việc thay đổi hình thức thi, thực hiện thi trực tuyến [H9.9.4.38] [H9.9.4.39] và sử dụng hệ thống kiểm tra, đánh giá trực tuyến [H9.9.4.35].

Phần mềm Quản lý đào tạo đã được Nhà trường xây dựng và đưa vào hoạt động. Mỗi SV được cấp một tài khoản để có thể truy cập xem thông tin về thời khóa biểu,

điểm thi, lịch thi, đăng ký môn học. Năm 2020, chức năng xem các thông báo của Trường gửi đến cho từng SV đã được bổ sung vào phần mềm. Phần mềm cũng được nâng cấp và chạy trên các điện thoại thông minh đã giúp SV không có máy tính cũng có thể đăng ký môn học, xem thời khóa biểu, lịch thi... thông qua điện thoại di động. Từ đó, tạo điều kiện cho SV trong việc tra cứu, nắm bắt thông tin một cách nhanh chóng và hiệu quả, khắc phục được tình trạng SV phải chờ đợi nhau để được vào phòng máy của Trường đăng ký môn học [H9.9.4.40] [H9.9.4.41] [H9.9.4.22]. Bên cạnh đó, Trường có thể xử lý dữ liệu về NH thông qua đội ngũ GV làm CVHT [H9.9.4.42] [H9.9.4.43].

Hệ thống LMS của Nhà trường tại địa chỉ <https://taphuan.dhsphue.edu.vn> [H9.9.4.44] được xây dựng và đưa vào sử dụng nhằm đáp ứng một cách linh hoạt tính sáng tạo và đổi mới của GV và NH, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, đồng thời đảm bảo tính bền vững cho các chu kỳ, giai đoạn bồi dưỡng giáo viên và CBQL giáo dục [H9.9.4.45] [H9.9.4.54]. Do đó, việc xây dựng, triển khai hệ thống LMS tại địa chỉ <https://taphuan.dhsphue.edu.vn> của Nhà trường là một điểm sáng, điểm tích cực trong giai đoạn Bộ GD&ĐT chưa có hệ thống LMS về bồi dưỡng giáo viên dùng chung cho toàn ngành.

Vào ngày 25/11/2021, Hội nghị “Tổ chức và quản lý đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến” đã diễn ra nhằm đánh giá công tác tổ chức và quản lý đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến giai đoạn 2019-2021 [H9.9.4.46]. Tại Hội nghị, nhiều báo cáo, tham luận, ý kiến về việc giảng dạy và kiểm tra - đánh giá trực tuyến được đưa ra và thảo luận rất sôi nổi. Thông qua sự giám sát, quản lý của các phần mềm phục vụ dạy học trực tuyến, trong báo cáo tổng kết, cả 2 chỉ số đánh giá tỉ lệ GV tương tác qua hệ thống dạy học trực tuyến và tỉ lệ GV tương tác trên hệ thống trực tuyến của Khoa Lịch sử đều đạt 86,67% [H9.9.4.46].

Về công tác NCKH, Trường có hệ thống thông tin quản lý lý lịch khoa học và công trình khoa học, bài báo của CBVC toàn trường qua đó nắm được tình hình NCKH của SV cũng như GV do Phòng KHCN&HTQT quản lý [H9.9.4.11]. Hằng năm, Phòng KHCN&HTQT đều có công văn gửi đến GV để GV có thể cập nhật được dữ liệu NCKH của mình đầy đủ nhất [H9.9.4.10]. Từ năm 2020, Nhà trường đã tiến hành xây dựng Hệ thống khảo sát trực tuyến và thực hiện khảo sát như khảo sát GV về công tác giảng dạy, khảo sát đối với SV tốt nghiệp... [H9.9.4.47] [H9.9.4.48]. Sau khi

khảo sát, Phòng KT&BĐCLGD tiến hành xử lý dữ liệu bằng phần mềm chuyên dụng [H9.9.4.49]. Bộ câu hỏi khảo sát HP năm học kỳ 2 năm học 2020-2021 được bổ sung thêm 6 câu hỏi về giảng dạy trực tuyến, trong đó có 2 câu là câu 8, câu 9 đề cập trực tiếp việc dạy học trên Hệ thống E-learning [H9.9.4.50] [H9.9.4.51].

Phòng KT&BĐCLGD tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của GV, SV (thuộc các khoa các nhau, trong đó có Khoa Lịch sử) về mức độ hài lòng của GV và NH về Hệ thống CNTT, CSVC của Nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy, có 45,26% người được hỏi cho rằng Hệ thống website của Trường đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin của NH; 43,52% người đánh giá ở mức đáp ứng tốt nhu cầu; có 1,5% (25 SV) cho rằng không đáp ứng nhu cầu, trong đó tập trung vào các kiến nghị như bổ sung lịch của Trường về các ngày nghỉ lễ; bổ sung chức năng đăng ký phúc khảo... Tất cả các ý kiến này đã được Nhà trường cập nhật và nâng cấp trên Hệ thống quản lý đào tạo của Trường. Tỷ lệ hài lòng đến rất hài lòng với Hệ thống phần mềm quản lý của Nhà trường đạt 85,72% [H9.9.4.52] [H9.9.4.53]. Trung tâm CNTT và chuyển đổi số cũng đã tổng hợp ý kiến phản hồi của người sử dụng trên hệ thống, đặc biệt là những phản hồi không tích cực đã được Trung tâm CNTT và chuyển đổi số xử lý kịp thời, cụ thể: đã có 56 góp ý về soạn bài giảng; 10 góp ý về chọn bài giảng; 47 ý kiến về chức năng của phần mềm... Tất cả các ý kiến đều đã được giải đáp, phản hồi hoặc khắc phục, nâng cấp phần mềm. Năm 2020, chức năng góp ý, phản hồi từ người sử dụng đã được bổ sung vào các phần mềm là một kênh thông tin quan trọng để Nhà trường tiếp tục phát triển, nâng cấp các phần mềm của Nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người sử dụng, đồng thời giúp cho các bộ phận quản lý hệ thống xử lý kịp thời những vướng mắc, khó khăn của GV và SV trong quá trình sử dụng [H9.9.4.54]. Cuối mỗi học kỳ và cuối khóa học, Phòng KT&BĐCLGD là đơn vị chịu trách nhiệm lên kế hoạch khảo sát công tác giảng dạy của GV thông qua khảo sát NH [H9.9.4.55] [H9.9.4.53] [H9.9.4.56] [H9.9.4.57] [H9.9.4.51] [H9.9.4.58] [H9.9.4.59] [H9.9.4.60] [H9.9.4.61], qua đó nắm được tình hình giảng dạy của GV nhằm đáp ứng nhu cầu học tập cho NH [H9.9.4.62] [H9.9.4.53] [H9.9.4.56]. Chẳng hạn như, Kết quả khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV học kỳ 2 năm học 2020-2021, với 252 HP được khảo sát (trong đó có các HP thuộc ngành Sư phạm Lịch sử) và 12.029 SV trả lời, cho thấy: 92,96% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng NH dễ dàng tiếp cận bài giảng/giáo trình/hệ thống E-learning của Trường; 85,34% đồng ý và hoàn toàn đồng ý với ý kiến

Hệ thống E-learning của Trường đáp ứng tốt cho nhu cầu học trực tuyến của NH [H9.9.4.51].

Trung tâm Thư viện và Tri thức số của Trường ĐHSP, ĐHH có hỗ trợ cho GV trong việc tìm kiếm các nguồn tài liệu mà GV không truy cập được hoặc phải trả phí đối với một số tài liệu. Hoạt động của Trung tâm Thư viện và Tri thức số được quản lý trên hệ thống máy chủ riêng được kết nối internet [H9.9.4.63] [H9.9.4.64] [H9.9.4.65] [H9.9.4.66] [H9.9.4.66].

2. Điểm mạnh

Có thể nhận thấy một số điểm mạnh sau về Hệ thống CNTT:

- Hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và các hệ mạng truyền thông, trang thông tin điện tử...) được trang bị và triển khai khá đồng bộ, đầy đủ và hiện đại.

- Hệ thống thông tin của Nhà trường có đơn vị chuyên trách quản lý và điều hành, vì thế khi gặp sự cố luôn có đội ngũ NV kỹ thuật hỗ trợ kịp thời.

- Hệ thống đào tạo trực tuyến của Trường ĐHSP, ĐHH do Nhà trường tự thiết kế và phát triển nên rất thuận lợi cho việc duy trì, bảo dưỡng, nâng cấp.

- Trường có hệ thống cơ sở dữ liệu và xử lý kết quả khảo sát NH về hoạt động giảng dạy có tính đồng bộ.

- Trường có hệ thống cơ sở dữ liệu khảo sát ý kiến NH ở các hệ đào tạo chính quy, không chính quy, cao học bằng hệ thống khảo sát online được định kỳ rà soát và cập nhật.

- Khoa Lịch sử thường xuyên theo dõi, nắm bắt những cập nhật, đổi mới hệ thống CNTT của Nhà trường để phân nào hỗ trợ cho đội ngũ GV, SV thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ của mình.

3. Điểm tồn tại

- *Về phía Trường:* mạng wifi đã được Nhà trường lắp đặt phủ sóng toàn trường nhưng đôi khi còn yếu. Nhà trường chưa có chính sách cung cấp cho mỗi GV một tài khoản để được truy cập tài liệu nước ngoài, đặc biệt với tài liệu phải trả phí. Hệ thống server quản lý video conference của Trường chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng “Lớp học ảo” trong đào tạo và bồi dưỡng.

- *Về phía GV:* Một số GV chưa chủ động tìm kiếm cơ hội tận dụng nguồn lực về CNTT từ Trung tâm Thư viện và Tri thức số của Trường. Phần lớn CBGV đều tự xoay

sở tìm kiếm nguồn tài liệu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường cần nâng cấp và phủ sóng hệ thống wifi mạnh mẽ trong khắp các địa điểm của Trường nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và NCKH. - Nhà trường cần có chính sách cung cấp cho mỗi GV một tài khoản để được truy cập tài liệu nước ngoài, đặc biệt với tài liệu phải trả phí. - Đầu tư, triển khai đưa vào sử dụng hệ thống server quản lý video conference của Trường nhằm đáp ứng đầy đủ hơn nhu cầu sử dụng “Lớp học ảo” trong đào tạo và bồi dưỡng. - Khoa Lịch sử sẽ mời các CB của Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Trường ĐHSP, ĐHH về tập huấn, hướng dẫn GV, SV cách thức truy cập và sử dụng hiệu quả các nguồn cơ sở dữ liệu tại các trang cơ sở dữ liệu quan trọng. 	Trường ĐHSP (Phòng CSVC và Trung tâm CNTT và Chuyển đổi số) Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì một cách thường xuyên, liên tục, nâng cấp, cập nhật nhằm đảm bảo thông suốt và hiệu quả các hoạt động của Hệ thống thông tin. - Định kỳ rà soát nhằm đảm bảo 	Trường ĐHSP (Phòng CSVC và Trung tâm CNTT và Chuyển đổi số) Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023

		môi trường trực tuyến của Nhà trường hoạt động ổn định, hiệu quả.		
--	--	-------------------------------------------------------------------	--	--

5. *Tự đánh giá*: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Nhà Trường và Khoa luôn đảm bảo các quy định, các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn (bao gồm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội) được xác định trên cơ sở quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan (có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật) [H9.9.5.1].

Trong các phòng học của Nhà trường đều có bảng nội quy, quy chế về đảm bảo an toàn, có hệ thống chống cháy nổ và an toàn lao động cho người dạy và NH [H9.9.5.2] [H9.9.5.3].

Công tác an ninh trật tự trong Trường luôn được đảm bảo. Đội ngũ CB Tổ bảo vệ trực 24/24 bảo đảm trật tự, an ninh trong Nhà trường. Bên cạnh đó, tháng 8/2021, Trường còn ký Hợp đồng với công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bảo vệ Hùng Đạt về dịch vụ bảo vệ trực đêm bảo vệ an ninh, thiết bị, tài sản của Trường. Ngoài Tổ Bảo vệ chịu trách nhiệm về an ninh trật tự thường xuyên, Trường còn có Đội tự vệ cùng phối hợp để giải quyết những vấn đề khẩn cấp, tổ chức huấn luyện lực lượng tự vệ [H9.9.5.4] [H9.9.5.5]. Hội SV thành lập Đội Cờ đỏ với nhiệm vụ “kiểm tra nề nếp học tập, nhắc nhở SV thực hiện tốt quy định của Trường về tác phong nề nếp SV”. Đội Cờ đỏ cũng là lực lượng nòng cốt để bảo vệ an ninh trật tự trong các hoạt động lớn của Đoàn Thanh niên và Hội SV [H9.9.5.6]. Với các hoạt động lớn, tập trung đông người như hội trại, hội thi, biểu diễn văn nghệ, Nhà trường thường mời lực lượng công an tham gia bảo vệ cùng với Tổ Bảo vệ và Đội Cờ đỏ.

Về môi trường, Khoa và Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho NH. Bên cạnh đó, Nhà trường ký hợp đồng phụ trách về việc thu gom rác thải đảm bảo vệ sinh khuôn viên toàn trường, giữ gìn cảnh quan Nhà trường luôn sạch đẹp, phục vụ tốt nhất cho các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu [H9.9.5.7]. Hàng năm, để phòng chống dịch bệnh, Nhà trường đều tiến hành công tác phun thuốc phòng dịch. Trường có phòng Y tế độc lập và Tổ Y tế riêng thuộc tổ

Hành chính tổng hợp, Phòng TC&HC của Trường, đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời của CBGV và NH khi gặp vấn đề về sức khỏe [H9.9.5.8] [H9.9.5.9]. Sức khỏe của NH được Trường quan tâm thích đáng. Đầu năm học, Trường yêu cầu 100% SV tham gia đóng Bảo hiểm y tế. Hàng năm, Trường phối hợp với Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế tổ chức khám sức khỏe cho 100% SV năm thứ nhất và năm thứ 4 nhằm phát hiện ra những NH không đủ sức khỏe hoặc bị các bệnh hiểm nghèo [H9.9.5.10]. Đối với CBVC, người lao động của Trường, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm nhằm đảm bảo sức khỏe của họ trong công tác [H9.9.5.11] [H9.9.5.12]. Đặc biệt, trong thời gian 2 năm diễn ra dịch bệnh Covid - 19, Trường đã thông báo kịp thời cho GV và SV tiêm phòng vắc xin từ tháng 6/2021 [H9.9.5.13].

Công tác phòng cháy chữa cháy của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường [H9.9.5.3]. Năm 2018, Nhà trường thành lập ban chỉ huy và tổ thường trực phòng cháy và chữa cháy [H9.9.5.14]. Hàng năm, Trường đều phối hợp với công an phòng cháy, chữa cháy đề tập huấn về kỹ năng phòng cháy và chữa cháy cho GV và SV của Nhà trường [H9.9.5.15] [H9.9.5.16] [H9.9.5.14] [H9.9.5.17]. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra của cơ quan chức năng cũng như công tác tự kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy của Nhà trường được quan tâm thực hiện thường xuyên [H9.9.5.18].

Hàng năm Nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả cho thấy, tỉ lệ SV khóa học 2016-2020 được khảo sát là đồng ý và hoàn toàn đồng ý với ý kiến môi trường, cảnh quan của Trường tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của SV đạt đến 94,91%, con số này đối với SV khóa học 2017-2021 được khảo sát đạt 96,71% [H9.9.5.19] [H9.9.5.20]. Từ Báo cáo kết quả khảo sát về chất lượng phục vụ - hỗ trợ của Nhà trường năm học 2019-2020 (358 ý kiến trả lời) và năm học 2020-2021 (373 ý kiến trả lời) [H9.9.5.21], với hình thức khảo sát online, do Phòng KT&BDCLGD thực hiện, tỉ lệ lên đến 91,01% (năm học 2019-2020) và 92,72% (năm học 2020-2021) đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với câu hỏi: Anh/chị hài lòng về hoạt động chăm sóc sức khỏe y tế [H9.9.5.22] [H9.9.5.21]. Đặc biệt tỉ lệ đối với câu hỏi: Anh/chị hài lòng về môi trường học tập an toàn, thì có đến 98,58% (năm học 2019-2020) và 97,04% (năm học 2020-2021) trả lời là đồng ý và hoàn toàn đồng ý [H9.9.5.22] [H9.9.5.21].

Trường ĐHSP, ĐHH là CSGD đại học có đặc thù là không đào tạo người khuyết tật, nhưng khi có người khuyết tật đến tham quan Trường, nhiều tòa nhà, dãy nhà đã bố trí thêm lối đi riêng dành cho người khuyết tật như các dãy nhà mới P, N, nhà đa năng...[H9.9.5.23]. Trên thực tế, chưa có khách đến thăm quan Trường là người khuyết tật, vì thế chưa có khảo sát đặc thù cho người khuyết tật.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CBGV và NH.

- Có phòng y tế độc lập, có Tổ y tế trực thuộc Trường nhằm phục vụ tốt nhu cầu khám, chữa bệnh ban đầu của CBGV và SV.

3. Điểm tồn tại

- Diện tích cây xanh và thảm cỏ của Trường còn khiêm tốn.

- Trường vẫn chưa có nhà thi đấu, sân bóng đá cho SV tập luyện, rèn luyện sức khỏe.

- Với một trường có đến hơn 80% SV là nữ, việc thiết kế nhà vệ sinh hiện nay chưa thực sự hợp lý do mỗi tầng học có 2 nhà vệ sinh (1 nam - 1 nữ) với diện tích và số phòng bằng nhau.

- Chưa có hệ thống mái che giữa các dãy nhà trong Trường và nhà để xe của NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường thêm phòng vệ sinh cho SV nữ. - Xây dựng nhà để xe có mái che cho NH.	Trường ĐHSP (Phòng TC&HC, Phòng CSVC, Đoàn Thanh niên, Hội SV).	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục phát huy môi trường xanh - sạch đẹp ở trường học - Tiếp tục phát huy vai trò của tổ Y tế của Nhà trường - Tuyên truyền và phát huy ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường cho CBGV và SV.	Trường ĐHSP (Phòng TC&HC, Phòng CSVC, Đoàn Thanh niên, Hội SV). Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Trường ĐHSP, ĐHH và Khoa Lịch sử có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. CSVC, trang thiết bị thường xuyên được theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp.

Trung tâm Thư viện và Tri thức đang áp dụng các chuẩn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc gia, sử dụng phần mềm VL vebrary 5.0 trong các khâu xử lý tư liệu và quản lý bản đọc. Nguồn tài liệu đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của CB, GV, SV và học sinh trong toàn trường.

Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch, ngân sách nâng cấp cơ sở hạ tầng cho giảng đường, các phòng bộ môn, phòng tư liệu,... Do vậy, hệ thống và các trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành cử nhân Sư phạm Lịch sử hoàn toàn đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo giáo viên Lịch sử theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý đào tạo, kế hoạch tài chính, quản lý nhân sự, học sinh, SV, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Toàn thể CB, GV và NH có thể được truy cập Internet tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu và trong khu nội trú.

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Phòng Bảo vệ, Ban Quản lý Kí túc xá (sử dụng chung với ĐHH), CB Trạm Y tế được phân công nhiệm vụ cụ thể, luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe người dạy và NH được chăm lo tư vấn, môi trường làm việc xanh - sạch - sáng.

Tuy vẫn còn một số tồn tại như: một số ứng dụng của phần mềm còn phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng; thư viện điện tử chưa kết nối chia sẻ tài liệu với các thư viện khác trong toàn ĐHH và các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực - quốc tế; kinh phí đầu tư các trang thiết bị mới còn chưa đi kèm kinh phí bảo trì cho các trang thiết bị này dẫn đến kinh phí sửa chữa thường xuyên tăng cao khi các thiết bị này sử dụng lâu năm... Tuy vậy nhìn chung điều kiện về CSVC và trang thiết bị của Nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu cho hoạt động đào tạo.

Kết quả đánh giá chung tiêu chuẩn 9: 5 tiêu chí đạt điểm 5/7. Mức điểm trung bình là 5.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng trong công tác đào tạo là một trong những nhiệm vụ then chốt của CSGD ở bậc đại học. Là một đơn vị trong trường ĐHSP, ĐHH, Khoa Lịch sử luôn không ngừng đổi mới hoạt động giảng dạy và NCKH góp phần cải tiến chất lượng đào tạo thích ứng trong mọi hoàn cảnh. Trong giai đoạn 2018-2022, để có cơ sở nâng cao chất lượng theo CDR đã ban hành, Khoa Lịch sử đã tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan. Từ đây, Khoa tiến hành thiết kế, triển khai, phát triển CTDH; tiến hành rà soát và đánh giá thường xuyên đối với quá trình dạy và học; áp dụng các thành quả mới nhất trong NCKH vào trong giảng dạy và ngược lại; triển khai, nâng cao các dịch vụ hỗ trợ giúp cải tiến hoạt động giáo dục. Tất cả nhằm hướng tới đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới GD & ĐT một cách căn bản, toàn diện trên nhiều khía cạnh.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2018 đến nay, CTDH của ngành sư phạm Lịch sử đã được thiết kế, phát triển hai lần. Lần đầu tiên vào năm 2018 [H10.10.1.1], lần thứ hai vào năm 2021. Trong mỗi lần thiết kế, phát triển CTDH của ngành Sư phạm Lịch sử, Khoa Lịch sử đều có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nhân lực và sự phản hồi từ các bên liên quan gồm chuyên gia, GV, giáo viên, nhà sử dụng lao động, CBQL, NH, cựu NH. Đây là những đối tượng mà Khoa tiếp cận, thu thập thông tin để làm căn cứ xây dựng và phát triển CTDH. Việc làm này được thực hiện theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT [H10.10.1.2] và căn cứ theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định 3256/QĐ-ĐHSP ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP, ĐHH [H10.10.1.3].

Để nắm bắt thông tin về nhu cầu đào tạo cử nhân sư phạm tất cả các ngành nói chung, ngành Lịch sử ở bậc THCS và ngành Lịch sử ở bậc THPT, trong thời gian từ tháng 12/2017 đến tháng 01/2018, Phòng ĐTĐH&CTSV tiến hành điều tra, khảo sát ở 10 tỉnh duyên hải miền Trung (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận). Kết quả của việc điều tra, thu thập thông tin được đơn vị, cụ thể là Phòng ĐTĐH&CTSV công

bổ trong “Báo cáo tổng kết nhiệm vụ nghiên cứu” [H10.10.1.4]. Số liệu về nhu cầu nhân lực của môn Lịch sử ở hai bậc học nói trên trong giai đoạn 2018-2022 được đơn vị quản lý địa phương, Sở GD&ĐT các tỉnh thống kê một cách cụ thể, chi tiết trong từng năm và cung cấp cho Trường ĐHSP, ĐHH [H10.10.1.5] [H10.10.1.4].

Thực hiện Chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030 [H10.10.1.6] Phòng KT&BĐCLGD đã ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của đơn vị trong giai đoạn 2018-2022 [H10.10.1.7], đồng thời thể chế hóa thành quy định những lĩnh vực, hoạt động mà áp dụng với đối tượng được khảo sát [H10.10.1.8]. Định kỳ theo từng học kỳ trong mỗi năm học, Phòng chức năng tiến hành thu thập thông tin thông qua phiếu khảo sát tới từng NH cụ thể. Nội dung điều tra chứa đựng nội dung HP đáp ứng CĐR [H10.10.1.9] [H10.10.1.10] và Phiếu nhận xét khóa học có nội dung liên quan đến mục tiêu, nội dung CTDH, tổ chức đào tạo và đánh giá NH [H10.10.1.11]. Từ năm 2020, Nhà trường xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến [H10.10.1.12] và triển khai khảo sát như khảo sát GV về công tác giảng dạy, khảo sát đối với SVTN. Sau khi khảo sát, Phòng KT&BĐCLGD tiến hành xử lý bằng phần mềm chuyên dụng [H10.10.1.13] và trích xuất báo cáo số liệu khảo sát chuyển tới GV, đơn vị liên quan và báo cáo ĐHH [H10.10.1.10] [H10.10.1.14] [H10.10.1.15] [H10.10.1.11].

Một kênh thông tin khác thể hiện trong việc phản hồi đề làm MC xây dựng CTDH là các trường THPT, nơi mà Nhà trường cử SV tham gia thực tập sư phạm cuối khóa. Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết và triển khai thực tập sư phạm. Trong các hội nghị này, đại diện CSGD có tiếp nhận SV của Khoa Lịch sử về thực tập có trao đổi về năng lực kiến thức, kỹ năng cũng như những yêu cầu đặt ra đối với CTDH với mục đích thích ứng với chương trình GDPT [H10.10.1.16] [H10.10.1.17] [H10.10.1.18] [H10.10.1.19] [H10.10.1.20] [H10.10.1.21].

Trong quá trình xây dựng, phát triển CTDH ngành Sư phạm Lịch sử, Khoa Lịch sử được giao nhiệm vụ tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan: Khảo sát chuyên gia, khảo sát CBQL, khảo sát nhà sử dụng, khảo sát GV, NV [H10.10.1.22] căn cứ theo Quy định xây dựng và phát triển CTDH theo CĐR các ngành đào tạo đại học của Nhà trường ban hành [H10.10.1.3].

Để điều chỉnh, phát triển CTDH ngành Sư phạm Lịch sử, Khoa Lịch sử đã tổ chức cuộc tọa đàm cấp Khoa về mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương

pháp kiểm tra - đánh giá trong dạy và học ở các trường phổ thông. Thành phần tham gia là các GV trong Khoa cùng với đại diện phòng, ban chức năng [H10.10.1.23]. Ngoài ra, để bám sát với tình hình thực tiễn trong giảng dạy ở bậc phổ thông, Khoa tổ chức tọa đàm với những giáo viên Lịch sử đang trực tiếp lên lớp tại một số tỉnh như, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình [H10.10.1.24].

Trên cơ sở phản hồi của các bên liên quan, Khoa Lịch sử tổ chức các cuộc họp từ cấp tổ bộ môn cho tới Hội đồng Khoa [H10.10.1.25] để thảo luận các nội dung cần cập nhật, điều chỉnh và phát triển CTDH ngành Sư phạm Lịch sử [H10.10.1.26].

Căn cứ kết quả, đánh giá thông tin khảo sát về nhu cầu nguồn nhân lực, phản hồi từ các bên liên quan và kết luận của các phiên họp Hội đồng Khoa, Khoa Lịch sử đã xây dựng và phát triển CTDH năm 2018, năm 2021 [H10.10.1.27] [H10.10.1.28] rà soát, điều chỉnh năm CTDH 2019 [H10.10.1.29] CTDH 2020 [H10.10.1.30] CTDH năm 2022. CTDH cử nhân sư phạm Lịch sử năm 2021 được thiết kế gồm 05 khối kiến thức: Khối kiến thức chung (26 tín chỉ) trang bị cho NH những kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, lý luận chính trị, tin học, phương pháp NCKH, tâm lý học, ngoại ngữ và giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh; Khối kiến thức cơ sở ngành (10 tín chỉ) trang bị những kiến thức cơ sở cho chuyên ngành, Khối kiến thức chuyên môn ngành (66 tín chỉ) trang bị chuyên sâu cho NH về chuyên ngành lịch sử, Khối kiến thức nghiệp vụ ngành (21 tín chỉ) trang bị những kiến thức kỹ năng nghề nghiệp và Khối thực hành nghề nghiệp (9 tín chỉ) nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng thực hành nghiệp vụ sư phạm cho NH tại trường phổ thông [H10.10.1.28]. CTDH năm 2021 đã đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành; tỉ lệ giữa số giờ lý thuyết và thực hành; mỗi HP có 2-4 tín chỉ; SV tốt nghiệp phải tích lũy được 132 TC so với 135 TC trong những năm trước đó (2018, 2019 và 2020) [H10.10.1.27] [H10.10.1.29] [H10.10.1.30]. CĐR của CTDH 2018 chưa được trình bày theo quy chuẩn đo lường 6 bậc của Bloom, chưa cho thấy NH sau khi tốt nghiệp cần phải hình thành được những phẩm chất, năng lực cụ thể nào. CĐR của CTDH 2021 đã thể hiện được phương thức đào tạo theo hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực của NH, trong đó có 02 chuẩn về phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, 06 chuẩn về năng lực chung, 04 năng lực chuyên môn, 04 năng lực nghề nghiệp. So với năm 2018 thì CTDH năm 2021 đã có rà soát điều chỉnh đề cương các HP phù hợp với yêu cầu mới. Một số HP trong CTĐT được bổ sung hoặc thay thế để đảm bảo NH đạt được CĐR theo đúng chuyên

ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn dạy học và ý kiến phản hồi của các bên liên quan. CTDH năm 2022 được rà soát cập nhật phương pháp đánh giá, chỉnh sửa các mục tiêu các HP cho phù hợp với CDR của CTĐT [H10.10.1.31]. Để làm rõ hơn về quá trình cập nhật, bổ sung đó có thể tham khảo Bảng so sánh CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử năm 2015, 2018 và 2021 [H10.10.1.32].

2. Điểm mạnh

- Trường có các đơn vị (Phòng ĐTĐH & CTSV; Phòng KT & ĐBCLGD; Khoa chuyên môn) và hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CTDH tương đối đầy đủ, hiệu quả. Đối tượng khảo sát phong phú, rất nhiệt tình; phạm vi khảo sát rộng; các kênh khảo sát đa dạng (đề tài nghiên cứu; tọa đàm; hội nghị tổng kết thực tập sư phạm hợp; họp Hội đồng Khoa, họp Bộ môn).

- Thông tin khảo sát, phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường, Khoa xử lý, phân tích, đánh giá đầy đủ và được sử dụng làm cơ sở, căn cứ cho việc thiết kế, phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

- Đối tượng lấy ý kiến phản hồi đa dạng nhưng số lượng trong từng loại hình chưa cân đối.

- Hệ thống khảo sát trực tuyến chưa hỗ trợ các bên liên quan ngoài trường do hệ thống yêu cầu đăng nhập khi tham gia khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường số phiếu khảo sát trong từng loại đối tượng. - Nâng cấp hệ thống khảo sát trực tiếp cho các bên liên quan tham gia.	Phòng KT&ĐBCLGD, ĐTĐH& CTSV và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	- Vận hành hệ thống thu nhập thông tin - Thực hiện khảo sát	Phòng KT&ĐBCLGD, ĐTĐH& CTSV	Từ năm học 2022-2023

	thường xuyên, mở rộng đối tượng và phạm vi - Duy trì và hoàn thiện các kênh khảo sát; sử dụng kết quả khảo sát để điều chỉnh, phát triển CTDH	và Khoa Lịch sử	
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------	--

5. *Tự đánh giá*: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Ngày 29/12/2017, Trường ĐHSPT, ĐHH đã ban hành Quy định xây dựng và phát triển CTDH theo CĐR các ngành đào tạo trình độ đại học kèm theo Quyết định số 3256/QĐ-ĐHSPT của Hiệu trưởng Trường ĐHSPT, ĐHH [H10.10.2.1].

Văn bản trên quy định quy trình xây dựng CTDH bao gồm 9 bước: Bước 1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập nhóm chuyên gia xây dựng CTDH; Bước 2. Nhóm chuyên gia khảo sát nhu cầu đào tạo; Bước 3. Nhóm chuyên gia xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của CTDH; Bước 4. Nhóm chuyên gia xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức tối thiểu đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR; Bước 5. Nhóm chuyên gia nghiên cứu CTDH cùng trình độ hiện hành của các cơ sở đào tạo khác, đối chiếu, so sánh để hoàn thiện CTDH; Bước 6. Nhóm chuyên gia triển khai thiết kế đề cương chi tiết các HP theo CTDH đã xác định; Bước 7. Tổ chức hội thảo để lấy ý kiến và hoàn thiện CTDH; Bước 8. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường họp thông qua và trình Hiệu trưởng ban hành; công bố trên website của Trường; Bước 9. Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động [H10.10.2.1]. Quy trình rà soát, cập nhật, phát triển CTDH được quy định bao gồm 6 bước:

Bước 1. Lập kế hoạch rà soát và cập nhật CTDH; Bước 2. Thu thập thông tin, MC liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTDH; Bước 3. Đánh giá về tính hiệu quả của CTDH đang thực hiện; Bước 4. Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTDH; Bước 5. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét, thông qua nội dung

sửa đổi, cập nhật CTDH; Bước 6. Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành CTDH sửa đổi, cập nhật; công bố cho xã hội thông qua báo chí [H10.10.2.1]. Quy định xây dựng và phát triển CTDH theo CĐR các ngành đào tạo trình độ đại học năm 2017 quy định quy trình xây dựng CĐR gồm 08 bước và quy trình rà soát, cập nhật CĐR gồm 05 bước.

Sau khi ban hành quy trình, Nhà trường đã triển khai thực hiện rà soát, chỉnh sửa CTĐT năm 2015. Công việc rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT và CTDH diễn ra từ tháng 12/2017, đến ngày 31/8/2018 ban hành CTĐT [H10.10.2.2] và ngày 05/9/2018 ban hành CTDH năm 2018 [H10.10.2.3]. Trong quá trình triển khai thực hiện, Trường đã thực hiện đúng các bước trong quy trình, gồm: thành lập Ban chỉ đạo, tổ thư ký, tiểu ban xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR các CTĐT trình độ đại học [H10.10.2.4] thành lập Ban phát triển, tổ thư ký, các tiểu ban phát triển các CTDH trình độ đại học [H10.10.2.5].

Đồng thời với quá trình triển khai quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Việc đánh giá này được thực hiện trên cơ sở thu thập thông tin từ các bên tham gia. Trước hết, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi của các nhà sử dụng lao động [H10.10.2.6]. Việc đánh giá quy trình thiết kế, xây dựng CTDH còn được thể hiện từ sự phản hồi của SV, SVTN qua việc khảo sát những thành quả của các bản CTĐT, CTDH mang lại [H10.10.2.7] [H10.10.2.8] [H10.10.2.9] [H10.10.2.10]. Trường tiến hành thu thập ý kiến góp ý về quy trình xây dựng CĐR, xác định khối lượng học tập và phát triển CTĐT tiếp cận theo năng lực từ các nhà quản lý, sử dụng lao động Từ đó, Nhà trường đã họp Hội đồng Khoa học - Đào tạo để cập nhật góp ý CĐR của các ngành đào tạo trình độ đại học [H10.10.2.11].

Trên cơ sở rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường đã cải tiến, bổ sung quy trình thiết kế và phát triển CĐR, CTĐT và CTDH. Ngày 25/12/2019, Trường ban hành Quy định Xây dựng CĐR, xác định khối lượng học tập và phát triển CTĐT tiếp cận theo năng lực kèm theo Quyết định số 3224/QĐ-ĐHSP, trong đó quy định về quy trình phát triển CTĐT, CTDH và quy trình xây dựng CĐR gồm 10 bước. Những văn bản này quy định đầy đủ các bước và hướng dẫn chi tiết cách triển khai, tiến hành thực hiện ở từng bước [H10.10.2.12]. Tháng 02/2020, Trường tổ chức hội nghị tập huấn cho CB các Khoa chuyên môn về phát triển CTĐT, CTDH [H10.10.2.13].

Nhờ có quy định cụ thể về việc thiết kế, phát triển CTDH; rà soát, đánh giá, quy trình; cải tiến quy trình nên các hoạt động liên quan đến thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh CTDH của Khoa được thuận lợi. Hàng năm, Trường đều có hệ thống các văn bản, hướng dẫn, chỉ đạo các Khoa tiến hành rà soát, cập nhật CTDH nhằm gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu của Trường và với nhiệm vụ mà Nhà nước giao cũng như đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng. Năm 2021, Khoa đã áp dụng Quy trình xây dựng và phát triển CTDH theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực để phát triển CTDH ngành Sư phạm Lịch sử năm 2021 [H10.10.2.14] CTDH năm 2021 đã có nhiều bước bổ sung, phát triển so với các CTDH trước. Bảng so sánh CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử năm 2018 và 2021 đã góp phần làm rõ sự phát triển của CTĐT, CTDH năm 2021 về các khía cạnh: mục tiêu, CDR, nội dung, thời lượng đào tạo của ngành học, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra - đánh giá [H10.10.2.15].

2. Điểm mạnh

- Có quy trình thiết kế và phát triển CTDH cụ thể và được phản hồi, đánh giá để cải tiến chất lượng, hiệu quả của quy trình.

- Quá trình triển khai thiết kế, rà soát, phát triển CTDH diễn ra khoa học, đúng quy trình, thuận lợi và mang lại hiệu quả cao.

3. Điểm tồn tại

- Công tác đánh giá quy trình đã được tiến hành nhưng chưa có ý kiến phản hồi từ các bên liên quan ngoài Trường.

- Các văn bản quy định về quy trình thiết kế, phát triển CTDH chưa độc lập hoàn toàn, còn nằm chung với quy định về xây dựng CDR và CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch cụ thể trong việc lấy ý kiến phản hồi về quy trình thiết kế, phát triển CTDH, nhất là mở rộng đối với các bên liên quan ngoài Trường. - Cần xây dựng quy trình thiết kế/phát triển CTDH độc lập hoàn toàn, tách rời CDR và CTĐT. 	Phòng KT & BĐCLGD, Phòng ĐTDH & CTSV và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023

2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát, đánh giá quy trình thiết kế/phát triển CTDH. - Áp dụng hiệu quả vào công tác xây dựng, điều chỉnh CTDH.	Phòng KT & BĐCLGD, Phòng ĐTDH & CTSV và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023
---	--------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------	----------------------

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường luôn quan tâm đến công tác rà soát và đánh giá thường xuyên đối với quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành Sư phạm Lịch sử để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR nâng cao chất lượng trong quá trình dạy và học. Trên cơ sở Quy chế đào tạo trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H10.10.3.1]. Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ GD & ĐT [H10.10.3.2]. Quy chế đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ của ĐHH [H10.10.3.3], Trường ĐHSP, ĐHH đã ban hành nhiều văn bản có nội dung liên quan trực tiếp đến việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, đánh giá kết quả của SV. Nhà trường ban hành quy định về công tác học vụ [H10.10.3.4], quy định về thực tập, kiến tập sư phạm [H10.10.3.4], quy định về làm bài tập lớn, tiểu luận và khóa luận tốt nghiệp [H10.10.3.4], quy định về tổ chức thi kết thúc HP các năm 2018 và 2021 [H10.10.3.5] [H10.10.3.6]. Đến ngày 23/11/2021, để đáp ứng công tác dạy học và đánh giá trong tình hình dịch Covid-19 kéo dài, diễn biến phức tạp, Trường ban hành Quyết định số 2598/QĐ-ĐHSP về việc điều chỉnh, bổ sung quy định về tổ chức kỳ thi kết thúc HP hệ chính quy tại Trường, trong đó nhấn mạnh đến việc thay đổi hình thức thi, thực hiện thi trực tuyến [H10.10.3.7] [H10.10.3.8] và sử dụng hệ thống kiểm tra, đánh giá trực tuyến [H10.10.3.9]. Nhà trường có nhiều phần mềm phục vụ quá trình quản lý đào tạo, dạy và học, kiểm tra - đánh giá SV [H10.10.3.10] [H10.10.3.11] [H10.10.3.9].

Đối với quá trình dạy và học, Nhà trường đã triển khai thực hiện rà soát, đánh giá thường xuyên trên nhiều kênh như: Quản lý quá trình dạy của GV thông qua “Nhật ký giảng dạy HP”, trong đó hướng dẫn giám sát hoạt động giảng dạy, tiến độ lên lớp của GV [H10.10.3.12]. Trường giao cho Phòng ĐTDH & CTSV quản lý, giám sát công tác

giảng dạy của GV thông qua việc kiểm tra thường xuyên tại các phòng học theo lịch. Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, công tác này được thực hiện trên hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến [H10.10.3.13]. Khoa Lịch sử thường xuyên tổ chức các buổi dự giờ, kiểm tra, đánh giá đối với GV nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV [H10.10.3.14]. Cuối mỗi học kỳ, cuối khóa học, Nhà trường tiến hành khảo sát SV về công tác giảng dạy của GV thông qua hệ thống khảo sát trực tuyến [H10.10.3.15] [H10.10.3.16]. Sau khi khảo sát, dữ liệu sẽ được hệ thống xử lý và báo cáo kết quả khảo sát. Kết quả khảo sát sẽ được gửi đến Trưởng khoa Lịch sử và từng GV [H10.10.3.17] [H10.10.3.18] [H10.10.3.19]. Qua quá trình rà soát và cập nhật những quy định, đánh giá quá trình dạy và học cho thấy 100% GV của Khoa bảo đảm thực hiện đầy đủ thời gian giảng dạy được phân công. Theo số liệu khảo sát các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2021-2022, bình quân có đến hơn 98% ý kiến SVTN hài lòng về nội dung dạy học phù hợp với CĐR, chất lượng đào tạo và hơn 97% ý kiến SV hài lòng về quá trình giảng dạy, phương pháp dạy học và hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá của GV, của Nhà trường [H10.10.3.19].

Đối với việc rà soát, đánh giá kết quả của SV. Các quy định về việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV được trình bày chi tiết trong các quy định của Trường ĐHSP, ĐHH về công tác học vụ, tổ chức thi kết thúc HP, về quy định thực tập, kiến tập sư phạm, về làm bài tập lớn, tiểu luận, khóa luận [H10.10.3.4] [H10.10.3.7]. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương chi tiết HP, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá [H10.10.3.20] [H10.10.3.21]. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ được quy định trong Công tác học vụ [H10.10.3.4] và Đề cương chi tiết các HP [H10.10.3.20] [H10.10.3.21]. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi HP được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu HP, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, bài tập lớn, tiểu luận, bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan [H10.10.3.4] [H10.10.3.7] [H10.10.3.5] [H10.10.3.6]. Quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy định Công tác học vụ ban hành kèm theo Quyết định số 2503/QĐ-ĐHSP ngày 13/9/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP, ĐHH [H10.10.3.4]. Quy trình cụ thể gồm: (1) Thông báo cho GV và

SV trước 1 tháng về thời gian, địa điểm chấm khóa luận tốt nghiệp; (2) Phân công GV phản biện cho khóa luận của SV; (3) Trợ lý giáo vụ và thư ký Văn phòng của Khoa thu khóa luận tốt nghiệp của SV và gửi đến các GV phản biện, GV hướng dẫn để viết nhận xét về khóa luận của SV, đồng thời yêu cầu các GV hướng dẫn nộp nhận xét về SV thực hiện khóa luận; (4) Thành lập hội đồng và các tiểu ban chấm khóa luận tốt nghiệp theo các bộ môn; (5) Các tiểu ban tiến hành chấm khóa luận theo kế hoạch tổ chức chung của cả khoa; (6) Trưởng tiểu ban và thư ký các tiểu ban họp để cho ý kiến về điểm và các ý kiến phản biện khóa luận; (7) Tổ trưởng chuyên môn hội ý, tổng hợp điểm của các khóa luận gửi trợ lý giáo vụ. Ngay sau khi các tiểu ban thực hiện xong buổi chấm khóa luận, hội đồng chấm khóa luận họp lại để tổng hợp điểm khóa luận cuối cùng, xem xét toàn cục chất lượng khóa luận của SV; (8) Thông báo điểm khóa luận cho SV. Nhờ có quy trình cụ thể, rõ ràng nên việc triển khai, hướng dẫn SV thực hiện khóa luận đạt hiệu quả cao hơn [H10.10.3.22] [H10.10.3.23] [H10.10.3.24] [H10.10.3.25] [H10.10.3.26].

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình chặt chẽ của nhà trường. Đầu tiên, Phòng ĐTĐH & CTSV và Phòng KT & ĐBCLGD gửi thông báo về Khoa để GV đăng ký hình thức kiểm tra, đánh giá các HP, ban hành công văn về việc ra đề thi [H10.10.3.6] [H10.10.3.7]. Trong thời gian quy định, các GV bộ môn xây dựng đề thi, đáp án trình Trưởng Bộ môn (hoặc BCN Khoa) ký duyệt trước khi gửi về Phòng KT& ĐBCLGD để tổ chức thi HP. Lịch chấm thi được thông báo cho GV ít nhất là 2 tuần trước khi môn thi đầu tiên bắt đầu, vì vậy, theo lịch đó, GV chấm thi vào nộp điểm cho KT & ĐBCLGD hoặc bộ phận đào tạo của các khoa chậm nhất là 01 tuần sau khi nhận bài thi [H10.10.3.7] [H10.10.3.5] [H10.10.3.6] Trong quá trình tổ chức thi, ĐHH, Trường tổ chức đoàn thanh tra kiểm tra công tác tổ chức thi [H10.10.3.27] [H10.10.3.28] [H10.10.3.29]. Sau khi công bố kết quả, Trường thông báo đến SV hướng dẫn quy trình, thủ tục phúc khảo bài thi, tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả công khai, kịp thời nhằm đảm bảo quyền lợi cho SV [H10.10.3.30] [H10.10.3.31].

Nhà trường có nhiều hình thức rà soát, đánh giá kết quả SV. Qua phần mềm hệ thống hỗ trợ SV [H10.10.3.32], Nhà trường rà soát được tiến độ và kết quả học tập của SV. Trên hệ thống đã phân tích rõ kết quả học tập của SV [H10.10.3.33], giúp cho SV tự đánh giá về kết quả học tập của bản thân, giúp Nhà trường và Khoa rà soát, theo dõi

việc học của SV thuận lợi hơn.

Quy trình đảm bảo chất lượng, hiệu quả của việc kiểm tra, đánh giá, còn thể hiện qua Kỳ thi nghiêm túc, hiệu quả của Đoàn Trường ĐHSP - ĐHH. Trước mỗi kỳ thi, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường ĐHSP - ĐHH ra thông báo và chuẩn bị sổ theo dõi về kỳ thi, trong đó có các mục rất cụ thể về vi phạm trang phục, khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ thi. Đoàn Trường gửi hồ sơ này về Phòng KT & ĐBCLGD để phối hợp thực hiện. CB coi thi theo dõi, ghi chép tất cả những vi phạm của SV vào sổ [H10.10.3.29] Công tác kiểm tra, đánh giá SV còn thực hiện thông qua việc Nhà trường, Khoa tiến hành việc kiểm tra, dự giờ SV đang tham gia thực tập sư phạm tại trường phổ thông [H10.10.3.34].

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả SV còn được thực hiện thông qua cuộc họp tổng kết hằng năm của Khoa [H10.10.3.35]. Ngoài ra, Khoa Lịch sử phối hợp với Nhà trường tổ chức các cuộc đối thoại với SV để nắm bắt tình hình GD & ĐT, hoạt động dạy của GV, cũng như các hình thức kiểm tra, đánh giá của giảng viên [H10.10.3.36] [H10.10.3.37] [H10.10.3.38] [H10.10.3.39] [H10.10.3.40] [H10.10.3.38].

Thông qua kết quả đánh giá trên, trong các lần rà soát, bổ sung CĐR, phát triển CTĐT, Khoa Lịch sử cũng đã rà soát, cập nhật, cải tiến phương pháp dạy học, phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV. 100% các HP trong CTĐT đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra - đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau để đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT. So với các Đề cương chi tiết của CTĐT trước năm 2018, chưa yêu cầu thể hiện rõ về hình thức, phương pháp dạy học và hình thức, phương pháp kiểm tra - đánh giá thì Đề cương chi tiết của CTĐT năm 2018 và 2021 đã cập nhật, bổ sung đầy đủ hơn về hình thức lên lớp, phương pháp dạy học [H10.10.3.41] [H10.10.3.42], hình thức, phương pháp kiểm tra - đánh giá, được thể hiện trong một bảng bao gồm các mục: thành phần đánh giá; hình thức đánh giá; thời gian, thời điểm đánh giá; nội dung đánh giá; CĐR được đánh giá; số lần đánh giá; tiêu chí đánh giá và tỉ lệ (trọng số điểm) [H10.10.3.42]. Từ năm 2021, kiểm tra, đánh giá được bổ sung các hình thức thi trực tuyến nhằm điều chỉnh phù hợp các hình thức GD & ĐT trực tuyến.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có các quy định đầy đủ, rõ ràng, cụ thể, đảm bảo tính khách quan,

dân chủ, công bằng về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả của SV, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Nhà trường, Khoa Lịch sử thường xuyên tiến hành rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy và học; hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR.

3. Điểm tồn tại

- Việc đánh giá chất lượng giảng dạy và kiểm tra, đánh giá SV của GV từ đồng nghiệp chưa thường xuyên.

- Chưa có phần mềm chuyên dụng trong việc xử lý việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu để đảm bảo tính khách quan, khoa học và độ tin cậy các kết quả nghiên cứu của các bài tiểu luận, khóa luận.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường và đổi mới công tác dự giờ GV. - Xây dựng và triển khai phần mềm chuyên dụng trong xử lý việc sao chép, trích dẫn tài liệu.	Trường ĐHSP, ĐHH và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh các quy định và triển khai thực hiện thường xuyên về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học.	Trường ĐHSP, ĐHH và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022, GV và SV Khoa Lịch sử đã tích cực tham gia NCKH và các kết quả nghiên cứu đó đều được sử dụng để cải tiến việc dạy và học dưới những nội dung và hình thức khác nhau.

Ngày 29/12/2017, ĐHH ban hành quy định về việc quản lý đề tài KH&CN cấp

ĐHH và đến ngày 02/4/2019 thì sửa đổi, bổ sung, trong đó quy định rõ những vấn đề liên quan đến việc làm đề tài NCKH [H10.10.4.1] và tổ chức tập huấn công tác quản lý, NCKH đề tài khoa học cho nhà quản lý, GV [H10.10.4.2]. Ngày 19/03/2018, Hiệu trưởng trường ĐHSP, ĐHH ban hành Quyết định số 680/QĐ-ĐHSP về việc Ban hành Quy định về hoạt động KH&CN và Quy trình quản lý đề tài KH&CN [H10.10.4.3]. Đến ngày 06/9/2019, Nhà trường ban hành Quyết định số 2088/QĐ-ĐHSP về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về quản lý đề tài KH&CN cấp Trường ĐHSP, ĐHH ban hành theo Quyết định số 680/QĐ-ĐHSP ngày 19/3/2018 [H10.10.4.4], quy định về Nhóm nghiên cứu mạnh của GV và SV [H10.10.4.5] [H10.10.4.6]. Các văn bản trên có vai trò quan trọng trong việc định hướng, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho GV, SV Khoa Lịch sử tham gia đăng ký tuyển chọn đề tài cấp ĐHH và cấp Trường.

Nhà trường có Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ NCKH của GV và SV trong toàn Trường [H10.10.4.7]; có phần mềm quản lý NCKH [H10.10.4.8] [H10.10.4.9] và có quy trình hoạt động KH&CN được công bố công khai trên website của Nhà trường [H10.10.4.10]. Hằng năm, Nhà trường ban hành các văn bản về việc triển khai kế hoạch KHCN&HTQT, tuyển chọn đề tài các cấp, kế hoạch nghiệm thu đề tài cấp Trường [H10.10.4.11] [H10.10.4.12] [H10.10.4.13] đến tất cả viên chức, người lao động toàn Trường.

Thực hiện kế hoạch của Nhà trường, kế hoạch của Khoa và nhiệm vụ của cá nhân, GV Khoa Lịch sử đã tham gia đăng ký tuyển chọn, thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp; công bố nhiều bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, các hội thảo quốc gia, hội thảo quốc tế; xuất bản sách, giáo trình và các tài liệu tham khảo khác. Từ năm 2018 đến năm 2022, GV của Khoa đã thực hiện 1 đề tài cấp Bộ, 7 đề tài NCKH cấp ĐHH [H10.10.4.14] [H10.10.4.15] [H10.10.4.16] [H10.10.4.17] [H10.10.4.18]. Từ năm 2018 đến tháng 12-2022, GV trong Khoa thực hiện 09 đề tài NCKH cấp Trường, trong đó có 01 đề tài trọng điểm phục vụ cho Lễ kỷ niệm 65 năm thành lập Trường ĐHSP, ĐHH (1957-2022) [H10.10.4.14] [H10.10.4.15] [H10.10.4.16] [H10.10.4.17] [H10.10.4.18]. Đội ngũ GV của Khoa đã xuất bản (tác giả chính và đồng tác giả) 22 giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo và tài liệu bồi dưỡng tập trung vào việc cập nhật, phân tích sâu nội dung, phương pháp dạy học, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho giáo viên dạy môn Lịch sử ở trường phổ

thông [H10.10.4.19]; công bố 171 bài báo khoa học trên các tạp chí trong, ngoài nước và ở các Hội thảo khoa học quốc tế, quốc gia và cấp Trường [H10.10.4.19]. Trong giai đoạn 2017-2022, GV của Khoa đã tham dự và đạt được 01 giải Nhì (năm 2018) và 01 giải Nhất (năm 2021) Giải thưởng KH&CN dành cho giảng viên trẻ trong các CSGD đại học do Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam phối hợp tổ chức. Ngoài ra, GV trong Khoa đã đạt 01 giải Nhất, 01 giải Nhì trong năm 2017, 02 giải Khuyến khích trong năm 2020 và 2021, 01 giải Nhì và 01 giải Khuyến khích năm 2022 khi tham dự Cuộc thi Sáng tạo Khoa học kỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế [H10.10.4.20]. Các công trình này đã phản ánh năng lực nghiên cứu, quản lý đào tạo và bồi dưỡng giáo viên của tập thể GV Khoa Lịch sử trong giai đoạn 2017-2022.

Không dừng lại ở tham gia các hội thảo hoặc viết bài cho các tạp chí khoa học, trong 2 năm 2020 và 2021, trong điều kiện bị ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai và dịch bệnh Covid-19, Khoa Lịch sử còn làm nòng cốt về chuyên môn cho Trường, phối hợp với nhiều đơn vị trong và ngoài nước tổ chức thành công 02 hội thảo quốc tế về Văn hóa - Giáo dục (FVE 2020 và ICCE 2021). Thành công của 2 hội thảo trên đặt cơ sở cho sự ra đời của Chuỗi hội thảo quốc tế về Văn hóa - Giáo dục từ năm 2022 trở đi [H10.10.4.21] [H10.10.4.22].

Trong thời gian này, có 06 đề tài NCKH cấp Trường, 01 đề tài của nhóm nghiên cứu mạnh của SV đã nghiệm thu và 01 đề tài của nhóm nghiên cứu mạnh SV đang triển khai [H10.10.4.14] [H10.10.4.15] [H10.10.4.16] [H10.10.4.17] [H10.10.4.18]; có 06 bài báo của SV tham gia Hội nghị Khoa học trẻ và Hội nghị khoa học SV cấp trường, trong đó đặc biệt có 03 bài được công bố trong Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế [H10.10.4.23] [H10.10.4.24]; có 107 khóa luận đã triển khai và bảo vệ, đều đạt kết quả xuất sắc [H10.10.4.25] [H10.10.4.26] [H10.10.4.27]. Năm 2019, SV của Khoa được tặng giải thưởng Sử học Đinh Xuân Lâm về thành tích xuất sắc trong học tập và NCKH [H10.10.4.28]. Tất cả các đề tài NCKH và bài báo khoa học này của GV và SV đều liên quan đến việc giảng dạy và học tập.

Vào tháng 12 hằng năm, Hội đồng Khoa (trước đó là Hội đồng Khoa học - Đào tạo) đều tổ chức họp để phổ biến, thảo luận và quyết định chuyển tải kết quả đề tài NCKH các cấp; giáo trình, sách chuyên khảo và tham khảo; các bài báo đăng ở Tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc tế, quốc gia và cấp trường; khóa luận tốt nghiệp của

SV trong năm thành tài liệu tham khảo cho GV và SV trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu các HP thuộc CTĐT. Kết quả NCKH của GV và SV được tổng hợp trong bảng sau [H10.10.4.14] [H10.10.4.15] [H10.10.4.16] [H10.10.4.17] [H10.10.4.18] [H10.10.4.25] [H10.10.4.26] [H10.10.4.27]:

Bảng 10.4. Bảng thống kê số lượng công trình NCKH của GV và SV Khoa Lịch sử giai đoạn 2018-2022 được áp dụng vào giảng dạy, học tập

Năm	Đề tài các cấp	Giáo trình, sách	Tạp chí và Hội thảo	Khóa luận tốt nghiệp
2018	6	1	27	54
2019	8	4	32	22
2020	3	4	33	22
2021	3	7	56	9
2022	3	6	23	0
Tổng	23	22	171	107

Việc sử dụng/áp dụng các kết quả NCKH vào giảng dạy còn được Khoa và các Bộ môn đánh giá thông qua các buổi dự giờ GV hằng năm [H10.10.4.29]. Khoa và các Bộ môn luôn quán triệt GV cần áp dụng các kết quả NCKH bổ sung vào nội dung, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá, khuyến khích SV áp dụng vào việc học tập để cải tiến chất lượng dạy và học. Điều đó thể hiện cụ thể ở kết quả học tập của SV trong từng khóa tuyển sinh [H10.10.4.25] [H10.10.4.26] [H10.10.4.27] [H10.10.4.30].

2. Điểm mạnh

- Khoa đã có nhiều đề tài NCKH các cấp, nhiều bài báo khoa học, đặc biệt là công bố quốc tế, nhiều giải thưởng khoa học công nghệ, nhiều giáo trình, tài liệu trong phục vụ cho việc đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

- Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài đều được ứng dụng vào việc giảng dạy các HP lý thuyết cũng như các HP thực hành, thực tập thực tế của SV; góp phần cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có những đề tài lớn (đề tài cấp Nhà nước, NAFOSTED) mang tính xây

dựng hoặc tư vấn chính sách cho Nhà nước/Bộ để có thể huy động sự tham gia của tất cả GV và SV trong Khoa.

- Chưa lập được Nhóm nghiên cứu mạnh của GV.

- Các đề tài mới dừng ở việc áp dụng, chuyển tải thành một nội dung của các HP, chưa có đề tài chuyển tải thành chuyên đề sâu.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục đẩy mạnh phong trào NCKH trong GV và SV, khuyến khích GV đề xuất các hướng NCKH, hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, phấn đấu có đề tài NCKH cấp Nhà nước.	Phòng KHCN&HTQT, KH&TC và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh việc tìm các nguồn lực tài trợ để GV tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế. - Tăng cường viết bài cho các tạp chí quốc tế có uy tín.	Phòng KHCN&HTQT, KH&TC và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSP, ĐHH có nhiều văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trường ban hành Chiến lược và các kế hoạch về Đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường [H10.10.5.1] [H10.10.5.2], văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H10.10.5.3] và quy trình thực hiện công việc của các đơn vị [H10.10.5.4]. Trường đã ban hành quy tắc ứng xử trong Nhà trường vào tháng 9-2019, đáp ứng đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường [H10.10.5.5]. Các văn bản có quy định việc đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cụ thể bao

gồm: Chức năng, nhiệm vụ và quy trình thực hiện công việc của các Phòng, Trung tâm, các Trợ lý và Đoàn - Hội - Câu lạc bộ. Phòng KT&BĐCLGD [H10.10.5.3] [H10.10.5.4] [H10.10.5.6] [H10.10.5.7] có quy trình hoạt động, trong đó chỉ rõ những quy trình lấy ý kiến thăm dò SV về công tác giảng dạy của GV, SVTN, của công tác quản lý phục vụ NH, của công tác tự đánh giá [H10.10.5.8]. Phòng ĐTĐH&CTSV [H10.10.5.3] [H10.10.5.4] có quy trình lấy ý kiến về việc làm của NH đã tốt nghiệp [H10.10.5.9]. Trung tâm Thư viện và Tri thức số [H10.10.5.10] [H10.10.5.6] [H10.10.5.11] có quy trình công tác thư viện, trong đó có lấy ý kiến bạn đọc về công tác phục vụ của thư viện [H10.10.5.12]. Trung tâm Khởi nghiệp và Truyền thông ra đời vào ngày 10/7/2020 [H10.10.5.13], với chức năng nhiệm vụ về khởi nghiệp, về hỗ trợ NH có nhiều cơ hội tìm việc và xác định rõ vai trò truyền thông, kết nối, nhận phản hồi, đánh giá về các bên liên quan về một số mặt trong chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.5.13]... Trên cơ sở đó, đến ngày 01/12/2021, Nhà trường ban hành Quyết định số 2868/QĐ-ĐHSP quy định về việc thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó quy định rõ 12 lĩnh vực, hoạt động được khảo sát và xác định rõ quy trình khảo sát các lĩnh vực, hoạt động gồm 8 bước [H10.10.5.14].

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng máy, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác bao gồm: Công tác tư vấn NH (tuyển sinh, trong quá trình học tập, khởi nghiệp và tìm việc làm), công tác SV, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động trải nghiệm, thực tế - thực địa... Chủ thể đánh giá là GV, NV và NH; đối tượng được đánh giá là chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường, trong đó, chú trọng nhất đến sự đánh giá từ phía NH. Cụ thể:

Phòng KT&BĐCLGD đã khảo sát chất lượng phục vụ - hỗ trợ của Nhà trường vào năm học 2019-2020 và 2020-2021. Kết quả khảo sát năm 2019-2020 như sau: Tỷ lệ NH đồng ý và hoàn toàn đồng ý về trình độ quản lý là 95,8%; về CSVC là 81%; về dịch vụ thư viện là 91,9%; về hệ thống wifi là 48,2%; về hoạt động tư vấn việc làm là 87,8%; về hoạt động tư vấn tâm lý - sinh lý là 89,3%; về hoạt động chăm sóc sức khỏe y tế là 91%; về hoạt động thể thao, giải trí là 93,7%; về môi trường học tập an toàn là 98,6% và đánh giá chung là 96% và NH đề xuất nhiều ý kiến nhằm cải tiến một số dịch vụ, nhất là mạng wifi [H10.10.5.15]. Trên cơ sở đó, năm 2020-2021, Nhà trường đã có nhiều hoạt động tiến hành cải tiến, nhất là nâng cấp hệ thống CNTT, trong đó có

hệ thống wifi và kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ NH đồng ý và hoàn toàn đồng ý về chất lượng phục vụ - hỗ trợ tăng nhanh, cụ thể: về CSVC là 87,1%; về dịch vụ thư viện là 93%; về hệ thống wifi là 66,5%; về hoạt động tư vấn việc làm là 88,3%; về hoạt động tư vấn tâm lí - sinh lí là 92,2%; về hoạt động chăm sóc sức khỏe y tế là 92,7% [H10.10.5.16].

Hàng năm, Trung tâm Thư viện và Tri thức số tiến hành khảo sát về mức độ đáp ứng bạn đọc về sản phẩm dịch vụ thư viện, mức độ hài lòng của bạn đọc đối với thái độ phục vụ của CB thư viện, mức độ đáp ứng CSVC và mức độ đáp ứng về tài liệu. Kết quả khảo sát cụ thể đều phản ánh chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trung tâm Thư viện và Tri thức số. Cả 3 nội dung về mức độ đáp ứng người đọc về sản phẩm dịch vụ thư viện, về thái độ phục vụ của CB thư viện, về CSVC - trang thiết bị đều đạt mức độ bình quân trên 94% bạn đọc hài lòng trong 4 năm khảo sát (2018, 2019, 2020, 2021), đáp ứng tốt chất lượng đào tạo [H10.10.5.12] [H10.10.5.17] [H10.10.5.18] [H10.10.5.19] [H10.10.5.20]. Từ kết quả này, Trung tâm Thư viện và Tri thức số đã được nhà trường đầu tư nâng cấp trang thiết bị và đầu tư cải tiến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để nâng cao chất lượng phục vụ [H10.10.5.21] [H10.10.5.12] [H10.10.5.22] [H10.10.5.23] [H10.10.5.24] [H10.10.5.25]. Sự cải tiến chất lượng phục vụ của thư viện được thể hiện rõ ở kết quả khảo sát bạn đọc. Năm 2018, mức độ đáp ứng người đọc về sản phẩm dịch vụ thư viện chỉ đạt 85%, đến năm 2019 đạt 90,5%, năm 2020 đạt 92% và đến năm 2021 đạt 95%; mức độ hài lòng của bạn đọc đối với thái độ phục vụ của CB thư viện có con số tương ứng là: 89% (2018), 90% (2019), 97% (2020) và 98.5% (2021); mức độ đáp ứng về CSVC trang thiết bị có con số tương ứng là: 90% (2018), 93% (2019), 94.5% (2020) và 100% (2021) [H10.10.5.17] [H10.10.5.18] [H10.10.5.19] [H10.10.5.20]. Mức độ đáp ứng về nguồn tài liệu phù hợp, mức 75-100% tăng từ 33% (2018) lên 38% (2021); mức 25-50% giảm từ 9% (2018) xuống còn 5% (2021) [H10.10.5.17] [H10.10.5.18] [H10.10.5.19] [H10.10.5.20].

Phòng KT&BĐCLGD có kế hoạch khảo sát tình hình giảng dạy của GV bằng phiếu khảo sát cuối mỗi HP [H10.10.5.26] [H10.10.5.27]. Phiếu này gồm 3 phần, phần A gồm 23 câu hỏi, chia làm 7 nhóm, trong đó có những câu liên quan đến đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như: CSVC của Nhà trường đáp ứng yêu cầu học tập; NH dễ dàng tiếp cận bài giảng/giáo trình trên hệ thống E-learning của

Trường; Hệ thống E-learning của Trường đáp ứng tốt cho nhu cầu học trực tuyến của NH; Hệ thống kiểm tra, đánh giá của Trường đáp ứng tốt nhu cầu thi, kiểm tra HP... [H10.10.5.26] [H10.10.5.27]. Cuối mỗi khóa học, Phòng KT&BDCLGD tiến hành khảo sát SVTN nhằm cải tiến chất lượng dạy và học [H10.10.5.28]. Phiếu nhận xét khóa học gồm 2 phần, phần A gồm 37 câu với 4 phương án lựa chọn (Hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý, đồng ý và hoàn toàn đồng ý), trong đó có những câu liên quan trực tiếp đến việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như: Thư viện Trường có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các HP; phòng học có đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ rộng, phù hợp với sĩ số lớp học; Trường có đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ học tập và nghiên cứu của SV; môi trường, cảnh quan tạo điều kiện cho học tập và sinh hoạt của SV; CVHT tích cực tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập; Khoa quan tâm tư vấn và hỗ trợ SV trong quá trình học tập; CB, NV có thái độ hòa nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu chính đáng của SV; Trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của SV; các hoạt động Đoàn - Hội trong Trường thiết thực, có tác dụng tốt đối với SV; khóa học giúp anh/chị nâng cao các kỹ năng (tư duy sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu; giao tiếp; làm việc nhóm; CNTT và kỹ năng sư phạm) [H10.10.5.28]. Để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về GV và NH. Phòng KT&BDCLGD ban hành quy trình triển khai cụ thể cho từng loại phiếu khảo sát [H10.10.5.8]; đồng thời để đảm bảo số liệu chính xác trong quá trình nhập dữ liệu phiếu khảo sát đều được xử lý bằng máy quét và phần mềm chuyên dụng [H10.10.5.29]. Những thông tin phản hồi đều được Nhà trường xử lý, đánh giá. Các kết quả thu được đều rất cao, trên 95% SV đều hài lòng với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường [H10.10.5.30] [H10.10.5.31] [H10.10.5.32] [H10.10.5.33]. Từ kết quả phản hồi, Nhà trường đã cải tiến chất lượng và được thể hiện ở kết quả phản hồi hài lòng của SV ở các đợt khảo sát sau cao hơn đợt khảo sát trước đó [H10.10.5.31] [H10.10.5.33] [H10.10.5.32].

Nhà trường có phần mềm để GV, SV đăng nhập và phản hồi ý kiến, trao đổi và đều được tiếp thu, trả lời, tư vấn, hỗ trợ [H10.10.5.34] [H10.10.5.35] [H10.10.5.36] [H10.10.5.37] [H10.10.5.38]. Hằng năm, Nhà trường đều ra quyết định cử CVHT và trợ lý, tổ chức các hội nghị về đào tạo, phát huy vai trò của CVHT và trợ lý trong hỗ trợ SV [H10.10.5.39] [H10.10.5.40] [H10.10.5.41] [H10.10.5.42] [H10.10.5.43] [H10.10.5.44] [H10.10.5.45] [H10.10.5.46] [H10.10.5.47] [H10.10.5.48]

[H10.10.5.49] [H10.10.5.50].

Trước mỗi đợt thực tập, Trường đều có những hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị và SV, kết thúc đợt thực tập đều có tổ chức hội nghị tổng kết thực tập sư phạm [H10.10.5.51] [H10.10.5.52] [H10.10.5.53] [H10.10.5.54] [H10.10.5.55] [H10.10.5.56] [H10.10.5.57] [H10.10.5.58] [H10.10.5.59] [H10.10.5.60] [H10.10.5.61] [H10.10.5.62]. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên trong thời gian qua, Nhà trường chỉ tổ chức được một đợt thi Nghiệp vụ sư phạm để nhằm giúp đỡ, hỗ trợ SV và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ SV, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.5.63].

Nhà trường xây dựng kế hoạch hỗ trợ NH thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao, tham quan thực tế, thực địa [H10.10.5.64], Kế hoạch hoạt động của Đoàn Thanh niên - Hội SV [H10.10.5.65] [H10.10.5.66] [H10.10.5.67] [H10.10.5.68] [H10.10.5.69] [H10.10.5.70] [H10.10.5.71] [H10.10.5.72] [H10.10.5.73] [H10.10.5.74] [H10.10.5.75]. Dựa trên kế hoạch tổng thể của Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội SV, Liên Chi đoàn, Liên Chi hội đã thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết cho từng đơn vị [H10.10.5.76] [H10.10.5.77] [H10.10.5.78] [H10.10.5.79] [H10.10.5.80] [H10.10.5.81] [H10.10.5.82] [H10.10.5.83] [H10.10.5.84] [H10.10.5.85]. Các hoạt động phong trào của Nhà trường, Đoàn - Hội được triển khai hiệu quả, SV có cơ hội được hỗ trợ và đánh giá các hoạt động [H10.10.5.86] [H10.10.5.33]. Để góp phần nâng cao năng lực chuyên môn và rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp, CLB Sĩ học của Khoa có nhiều hoạt động bổ ích. Khoa thành lập Quỹ Ươm mầm tài năng Sĩ học để khen thưởng những SV có thành tích cao trong học tập và NCKH [H10.10.5.87].

Thông qua tuần sinh hoạt công dân, Chương trình đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường và đại diện SV. SV được hỗ trợ, tư vấn và trao đổi thông tin và đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích với Ban Giám hiệu, các Phòng, Trung tâm, bộ phận hỗ trợ, tổ chức Đoàn - Hội [H10.10.5.88] [H10.10.5.89] [H10.10.5.34] [H10.10.5.90] [H10.10.5.35] [H10.10.5.91].

Nhà trường luôn hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho SVTN thông qua việc chuyển trực tiếp các thông báo của nhà tuyển dụng đến cho SV năm cuối và đồng thời công khai các thông báo tuyển dụng trên fanpage của các Khoa và trường [H10.10.5.92] [H10.10.5.93] [H10.10.5.94] [H10.10.5.95]. Hằng năm, Phòng ĐTĐH&CTSV phối

hợp các đơn vị tổ chức tập huấn khởi nghiệp và tổ chức Ngày hội việc làm cho SVTN [H10.10.5.96] [H10.10.5.97] [H10.10.5.98] [H10.10.5.99] [H10.10.5.100] [H10.10.5.101] [H10.10.5.102] [H10.10.5.103] [H10.10.5.104] [H10.10.5.105], phối hợp với Khoa Lịch sử tiến hành khảo sát việc làm của SVTN [H10.10.5.106] [H10.10.5.107] [H10.10.5.108] [H10.10.5.109] [H10.10.5.110] [H10.10.5.111] [H10.10.5.112].

Như vậy, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường và Khoa có văn bản quy định, thường xuyên được khảo sát, đánh giá và cải tiến, góp phần vào nâng cao chất lượng đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành nhiều quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan với nhiều nội dung và hình thức đa dạng, phong phú, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV.

3. Điểm tồn tại

- Hoạt động số hóa tài liệu còn thận trọng do vấn đề bản quyền tác giả.

- Các hình thức hỗ trợ hoạt động trải nghiệm trong tình hình dịch Covid-19 còn ít, chưa tạo thành phong trào.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Đẩy nhanh công tác số hóa tài liệu để phục vụ bạn đọc hiệu quả hơn, nhất là để đáp ứng hình thức dạy học trực tuyến trong tình hình dịch bệnh Covid, học trực tuyến nhiều. - Có cơ chế, kế hoạch và các hình thức đa dạng để hỗ trợ hoạt động ngoại	Trường và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023

		khóa trong tình hình “bình thường mới” hậu dịch Covid.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, thường xuyên bổ sung nguồn tài liệu tham khảo mới nhất về lịch sử trên tất cả các lĩnh vực.	Trường và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023

5. *Tự đánh giá*: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSP, ĐHH có cơ chế phản hồi của các bên liên quan mang tính hệ thống. Trên cơ sở các văn bản quy định về Đảm bảo chất lượng giáo dục tại ĐHH [H10.10.6.1], Trường ĐHSP ban hành Chiến lược và Quy định Đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường [H10.10.6.2] [H10.10.6.3] [H10.10.6.4]. Đây là những văn bản chỉ đạo, định hướng cho quá trình hình thành cơ chế phản hồi mang tính hệ thống của các bên liên quan. Đầu mối chính để thực hiện các cơ chế phản hồi trên là Phòng KT&BDCLGD, Phòng ĐTĐH&CTSV, Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Trung tâm Khởi nghiệp và Truyền thông và đội ngũ trợ lý, CVHT của các khoa... Trường ĐHSP, ĐHH quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H10.10.6.5], quy trình công tác của các phòng chức năng [H10.10.6.6], quy định về trợ lý khoa [H10.10.6.7] [H10.10.6.8], trong đó có phản ánh rõ cơ chế phản hồi của các bên liên quan. Đến ngày 01/12/2021, Nhà trường ban hành Quyết định số 2868/QĐ-ĐHSP của Hiệu trưởng Trường ĐHSP, ĐHH quy định về việc thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó quy định rõ 12 lĩnh vực, hoạt động được khảo sát và xác định rõ quy trình khảo sát các lĩnh vực, hoạt động gồm 8 bước [H10.10.6.9].

Trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục thành lập theo quyết định số 1084/QĐ-ĐHH-TCNS ngày 27/12/2005 của Giám đốc ĐHH là tiền thân của Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục (nay là Phòng KT&BDCLGD), thành lập ngày 1/2/2010 theo Quyết định số 147/QĐ-ĐHH-TCNS ngày 25/1/2010 của Giám đốc

ĐHH [H10.10.6.10] [H10.10.6.11]. Phòng có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường; đồng thời là đơn vị nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề bảo đảm chất lượng giáo dục, trong đó có việc thiết lập, đánh giá và cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H10.10.6.2] [H10.10.6.3] [H10.10.6.5] [H10.10.6.6]. Phòng KT&BĐCLGD đã xây dựng quy trình thực hiện nhiệm vụ với nhiều nhiệm vụ khác nhau, trong đó có quy trình đảm bảo chất lượng giáo dục, phản ánh rõ nhất cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H10.10.6.12]. Ngoài đơn vị chuyên trách về đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường đã thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng cấp Trường và thành lập mạng lưới đảm bảo chất lượng đến cấp Khoa, Phòng, Trung tâm, Viện để thực hiện công tác đảm bảo chất lượng ở các đơn vị, trong đó có Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Lịch sử vào ngày 14 tháng 9 năm 2022 [H10.10.6.13] và Kế hoạch triển khai tự đánh giá CTĐT theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT [H10.10.6.14].

Phòng ĐTDH&CTSV cùng với các khoa, trong đó có Khoa Lịch sử thực hiện cơ chế phản hồi lấy ý kiến các bên liên quan trong việc thiết kế/phát triển CĐR, CTĐT và CTDH theo Quy định xây dựng và phát triển CTDH theo CĐR các ngành đào tạo trình độ đại học năm 2017 [H10.10.6.15] và Quy định Xây dựng CĐR, xác định khối lượng học tập và phát triển CTĐT tiếp cận theo năng lực năm 2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP, ĐHH [H10.10.6.16]. Phòng có quy trình về việc thực hiện lấy ý kiến phản hồi của SV đã tốt nghiệp về tình trạng việc làm [H10.10.6.17]. Hằng năm, Phòng đều triển khai khảo sát việc làm của SV đã ra trường [H10.10.6.18] [H10.10.6.19] [H10.10.6.20] [H10.10.6.21] [H10.10.6.22] [H10.10.6.23] [H10.10.6.24].

Trung tâm Thư viện và Tri thức số (nguyên là Trung tâm Thông tin - Thư viện) được thành lập vào năm 2010 [H10.10.6.25] [H10.10.6.11] [H10.10.6.26], có quy trình thực hiện công việc đầy đủ, rõ ràng [H10.10.6.27] và cơ chế phản hồi với bạn đọc thông qua việc khảo sát ý kiến bạn đọc [H10.10.6.28] [H10.10.6.29] [H10.10.6.30] [H10.10.6.31].

Hằng năm, Nhà trường còn tổ chức các hội nghị đối thoại SV để lắng nghe các ý kiến phản hồi của SV nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích dành cho SV [H10.10.6.32] [H10.10.6.33] [H10.10.6.34] [H10.10.6.35]. Ban Giám hiệu còn có lịch tiếp công dân bắt đầu từ 8h00 ngày thứ Năm tuần đầu tiên hằng tháng.

Thành phần tham gia tiếp công dân: Đại diện Ban Giám hiệu, Trưởng phòng TC&HC, chuyên viên phụ trách Thanh tra - Pháp chế [H10.10.6.36]. Ngoài ra, Nhà trường cũng có đường dây nóng bao gồm 3 số điện thoại của Lãnh đạo và NV Phòng TC&HC [H10.10.6.36] để các bên liên quan phản hồi các ý kiến trong những trường hợp khi cần thiết. GV, SV và các liên quan bên liên quan có thể phản hồi các ý kiến thông qua các các hội nghị, lịch tiếp công dân và đường dây nóng nêu trên.

Cơ chế phản hồi của các bên được thực hiện thông qua: Bảng hỏi (Khảo sát NH, phiếu nhận xét khóa học (dành cho SVTN) [H10.10.6.37] [H10.10.6.38] [H10.10.6.39], khảo sát ý kiến bạn đọc [H10.10.6.28] [H10.10.6.29] [H10.10.6.30] [H10.10.6.31], phiếu khảo sát tình hình việc làm, khảo sát nhu cầu đào tạo/tuyển dụng [H10.10.6.40], bảng hỏi lấy ý kiến chuyên gia, nhà quản lý giảng viên, SV, cựu SV; đối thoại trực tiếp; điện thoại qua đường dây nóng; trao đổi nhóm, hội nghị, hội thảo... bằng hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp (qua văn bản và online) [H10.10.6.41] [H10.10.6.42] [H10.10.6.43] [H10.10.6.44].

Hàng năm, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá. Trong quá trình thực hiện, Trường và Khoa Lịch sử đã lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về cơ chế phản hồi. Các ý kiến từ các bên liên quan về cơ chế phản hồi [H10.10.6.45] [H10.10.6.46] [H10.10.6.47] [H10.10.6.48] [H10.10.6.49] [H10.10.6.50] [H10.10.6.51] [H10.10.6.52] [H10.10.6.41] [H10.10.6.37] đều được Phòng KT&BĐCLGD, Trung tâm CNTT và Chuyển đổi Số xử lý bằng phần mềm chuyên dụng [H10.10.6.53], phân tích, đánh giá để cải tiến cơ chế phản hồi.

Trên cơ sở đánh giá ý kiến phản hồi của các bên liên quan, sự thay đổi của các văn bản quản lý, Nhà trường và Khoa đã cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm thu thập thông tin chuẩn xác nhất. Hệ thống bảng hỏi, nội dung câu hỏi được bổ sung: Bộ câu hỏi khảo sát HP năm 2019 được bổ sung thêm 6 câu về dạy học trên hệ thống E-learning [H10.10.6.39]; phiếu khảo sát, phiếu lấy ý kiến các bên liên quan được bổ sung, hoàn thiện; xây dựng cơ chế phản hồi trực tuyến từ năm 2020. Từ học kỳ II năm học 2019-2020, Nhà trường đã tiến hành xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến và thực hiện khảo sát như khảo sát GV về công tác giảng dạy, khảo sát đối với SVTN [H10.10.6.54].

Phòng KT&BĐCLGD đã xây dựng quy trình thực hiện khảo sát năm 2018 [H10.10.6.12]. Trên cơ sở kết quả đánh giá phản hồi của các bên liên quan, đến ngày 1/12/2021, Nhà trường ban hành Quyết định số 2868/QĐ-ĐHSP quy định về việc thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó quy định rõ 12 lĩnh vực, hoạt động được khảo sát và xác định rõ quy trình khảo sát các lĩnh vực, hoạt động gồm 8 bước

[H10.10.6.55].

Việc cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã giúp cho quá trình thu thập thông tin phản hồi để thiết kế, phát triển CDR, CTĐT, CTDH được dễ dàng, thuận lợi và hiệu quả hơn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường, Phòng KT&BDCLGD và Khoa Lịch sử luôn chủ động trong việc xây dựng, đánh giá và cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan cho phù hợp với yêu cầu mới của chất lượng đào tạo.

- Thực hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan mang lại hiệu quả cao cho các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

- Cơ chế đối thoại trực tiếp, nhóm diễn ra khá phổ biến nhưng chưa có biện pháp, cách thức thu thập, xử lý và đánh giá số liệu.

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đa dạng nhưng còn do nhiều đầu mối thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Có cách thức, biện pháp thu thập đầy đủ thông tin từ các cơ chế phản hồi bao gồm cả phản hồi không chính thức và không có chủ đích trước. - Thống nhất đầu mối thu thập thông tin về cơ chế phản hồi.	Phòng KT& BDCLGD, Phòng ĐTĐH& CTSV, Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	- Nhà trường và Khoa tiếp tục chủ động trong việc xây dựng, đánh giá và cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan. - Tiếp tục duy trì cơ chế phản hồi của các bên liên quan.	Phòng KT& BDCLGD, Phòng ĐTĐH& CTSV, Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học gắn liền với việc cải tiến các yếu

tố: Phát triển phẩm chất và năng lực của NH; môi trường và các cơ hội học tập và chất lượng của CTĐT. Từ năm 2018 đến năm 2022, Nhà trường và Khoa Lịch sử ban hành và hoàn thiện nhiều văn bản quy định quy trình tiến hành, quy trình áp dụng, quy trình đánh giá chất lượng; tiến hành khảo sát, đánh giá thông tin phản hồi cải tiến chất lượng phục vụ, hỗ trợ. Những hoạt động đó đã đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử. Trong thời gian tới, Nhà trường và Khoa tranh thủ những thuận lợi, thời cơ để phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm tồn tại, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về lĩnh vực GD&ĐT.

Căn cứ vào các phân tích nêu trên, số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu là 6/6.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra của NH là một trong những tiêu chuẩn phản ánh chất lượng của CTĐT. Vì vậy, tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SVTN, thời gian bình quân tốt nghiệp, khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp được Nhà trường và Khoa Lịch sử xác lập, giám sát, đối sánh thông qua các công cụ, kênh thông tin kết nối Nhà trường và cựu SV. Căn cứ trên kết quả đạt được, Nhà trường cùng với Khoa Lịch sử đưa ra các biện pháp nhằm hỗ trợ NH trong quá trình học tập, rèn luyện.

Trong CTĐT, SV không chỉ tham gia tích cực vào hoạt động học tập mà còn thực hiện việc NCKH. Nhà trường và Khoa Lịch sử luôn có những biện pháp khuyến khích SV tham gia NCKH theo các cấp độ và loại hình khác nhau để góp phần nâng cao hơn nữa kết quả đầu ra.

Kết quả đầu ra của CTĐT còn được đánh giá thông qua mức độ hài lòng của các bên liên quan. Do đó, Nhà trường, Khoa Lịch sử đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của NH, cựu NH, thị trường lao động và lấy đó làm tiêu chuẩn cho việc cải tiến CTĐT, CTDH và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Công tác theo dõi, cập nhật danh sách, đánh giá tỉ lệ SV thôi học và tốt nghiệp hằng năm được Nhà trường giao cho Phòng CTSV (từ năm học 2020-2021, là Phòng

Ghi chú:

- SL: số lượng

- TL: tỉ lệ

Kết quả thống kê cho thấy số lượng SV bị buộc thôi học trong các khóa 2014-2018 đến 2018-2022 chiếm trên 15%, mức tăng giảm có sự khác biệt theo từng năm. Nguyên nhân SV thôi học là do kết quả học tập thấp, chuyển đổi ngành học theo nguyện vọng của cá nhân, do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhu cầu tuyển dụng giáo viên của các CSGD trong giai đoạn này không nhiều [H11.11.1.25] [H11.11.1.26].

Về việc tốt nghiệp của SV: SV hoàn thành CTĐT sẽ đủ điều kiện để xét tốt nghiệp. Nhà trường thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp và ra quyết định công nhận tốt nghiệp [H11.11.1.27]. Quyết định này được công khai và gửi về Khoa Lịch sử để lưu trữ. Hàng năm, Nhà trường xét tốt nghiệp theo các đợt [H11.11.1.28] [H11.11.1.29] [H11.11.1.30] [H11.11.1.31] [H11.11.1.32].

Bảng 11.2. Thống kê tỉ lệ tốt nghiệp của SV ngành Sư phạm Lịch sử từ khóa 2014-2018 đến khóa 2018-2022

Khóa học	Tổng số SV TN	Số lượng SV tốt nghiệp					
		Trước 4 năm		4 năm		Trên 4 năm	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
2014-2018	91	0	0	81	89,01	10	10,99
2015-2019	88	0	0	79	89,77	9	10,23
2016-2020	37	0	0	35	94,59	2	5,41
2017-2021	33	0	0	27	81,82	6	18,18
2018-2022	4	0	0	4	100	0	0

Bảng 11.2. cho thấy đa số SV của Khoa hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Bộ phận SVTN trễ hạn chủ yếu là do chưa tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của CTĐT [H11.11.1.33]; một số SV muốn cải thiện số điểm của các môn học để kết quả xếp loại tốt nghiệp cao hơn nên thời gian tốt nghiệp không đúng theo thời gian quy định; do thiếu các loại chứng chỉ: Tin học; Ngoại ngữ (thiếu về chứng chỉ Ngoại ngữ chiếm số lượng phần lớn) [H11.11.1.34].

Khoa Lịch sử đã tiến hành đối sánh tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của SV ngành Sư phạm Lịch sử với một số ngành Sư phạm khác trong trường. Kết quả đối sánh được thể hiện trong bảng 11.3 và 11.4.

Bảng 11.3. Đối sánh tỉ lệ NH thôi học ngành Sư phạm Lịch sử với các CTĐT khác của Trường ĐHSP, ĐHH trong giai đoạn 2017-2022

Khóa học	Tỉ lệ % NH thôi học			
	CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử	CTĐT ngành Giáo dục Chính trị	CTĐT ngành Giáo dục Mầm non	CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học
2014-2018	20	16,32	11,3	4,9
2015-2019	26,21	9,75	12,9	10,1
2016-2020	15,91	34,38	10,9	11,1
2017-2021	25	41,33	11,6	15
2018-2022	33,33	41,94	12,58	12,58

Bảng 11.4. Đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp ngành Sư phạm Lịch sử với CTĐT ngành Giáo dục Chính trị của Trường ĐHSP, ĐHH từ khóa 2014-2018 đến khóa 2017-2021

Khóa học	Tỉ lệ % SVTN			
	CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử		CTĐT ngành Giáo dục Chính trị	
	Đúng hạn	Quá hạn	Đúng hạn	Quá hạn
2014-2018	89,01	10,99	73,68	26,32
2015-2019	89,77	10,23	93,33	6,67
2016-2020	94,59	5,41	95,24	4,76
2017-2021	81,82	18,18	100	0

Căn cứ vào các kết quả về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp và đối sánh số liệu giữa các khoa trong Trường, Khoa Lịch sử đã thảo luận tìm hiểu nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của SV trong các cuộc họp [H11.11.1.35]. Trên cơ sở đó, Khoa cũng đã đề xuất các giải pháp để giảm dần tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ SVTN đúng hạn. Cụ thể, tăng cường vai trò của CVHT trong việc tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của SV, Liên Chi đoàn tổ chức các hoạt động như Hội nghị phổ biến kinh nghiệm học tập để SV có thêm cơ hội trao đổi, học hỏi kinh nghiệm góp phần nâng cao chất lượng học tập.

2. Điểm mạnh

Số lượng SV thôi học, tốt nghiệp hàng năm được Khoa phối hợp với các phòng ban liên quan theo dõi chặt chẽ, đánh giá tác động làm cơ sở để cải tiến và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Trường có hệ thống theo dõi, giám sát SV thôi học, tốt nghiệp từ cấp trường đến

cấp khoa, trong đó có sự hỗ trợ của hệ thống CNTT.

CVHT, các trợ lí của Khoa luôn báo cáo kịp thời tình hình học tập của SV cho BCN Khoa để có kế hoạch hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

Chưa có một hệ thống điều tra nguyên nhân SV thôi học cụ thể, các yếu tố đánh giá nhu cầu NH trong quá trình đào tạo.

Một bộ phận SV chưa chủ động trong việc học tập cũng như quan tâm đến kế hoạch học tập của bản thân dẫn đến việc chậm trễ tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học. - Báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV, xây dựng kế hoạch học tập của bản thân nhằm đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. 	Phòng ĐTĐH&CTSV; Khoa Lịch sử, CVHT	Từ năm học 2022 – 2023
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Định kỳ rà soát hệ thống giám sát SVTN. - Xây dựng các giải pháp nâng cao hơn nữa tỉ lệ SVTN hàng năm. - Tăng cường vai trò của đội ngũ CVHT, trợ lí của Khoa trong việc báo cáo kịp thời tình hình học tập của SV cho BCN Khoa để có kế hoạch hỗ trợ. - Duy trì, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. 	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử, Trợ lý ĐT-KHCN, Trợ lý CTSV - Văn thể, CVHT	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Theo quy chế đào tạo, thời gian tốt nghiệp của SV ngành Sư phạm Lịch sử là 4 năm, được chia thành 8 học kỳ. Thời gian tốt nghiệp của SV ngành Lịch sử được xác lập, theo dõi, giám sát bởi Phòng ĐTDH&CTSV, Phòng KT&BĐCLGD và Khoa Lịch sử.

Phòng ĐTDH&CTSV được giao nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ NH; theo dõi, thống kê kết quả học tập, xếp loại kết quả rèn luyện, tổ chức hội đồng xét duyệt các điều kiện tốt nghiệp của NH, lập danh sách NH tốt nghiệp, danh sách cấp văn bằng [H11.11.2.1]. Sau khi hội đồng xét tốt nghiệp Nhà trường hoàn thành công tác đánh giá hồ sơ tốt nghiệp của SV, Phòng sẽ thống kê danh sách, lập số liệu đưa lên hệ thống quản lý điện tử, chuyển danh sách tốt nghiệp cho Khoa. Trên cơ sở đó, Khoa kịp thời nắm được số lượng, tỉ lệ SVTN đúng hạn và quá hạn của các khóa [H11.11.2.2] [H11.11.2.3] [H11.11.2.4] [H11.11.2.5] [H11.11.2.6].

Cuối mỗi năm học, Phòng KT&BĐCLGD tiến hành khảo sát SVTN trên các phương diện: đánh giá các nội dung CTĐT của khóa học; đội ngũ GV; CSVC và những điều kiện học tập do Nhà trường cung cấp trong khóa học. Tiến hành thống kê, phân tích số liệu điều tra được, viết báo cáo đánh giá. Từ đó, Phòng đề xuất điều chỉnh CTĐT, CDR và các điều kiện khác nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường [H11.11.2.7] [H11.11.2.8] [H11.11.2.9] [H11.11.2.10] [H11.11.2.11].

Qua mỗi khóa đào tạo, Khoa tiến hành cập nhật dữ liệu từ các đơn vị phụ trách trong Nhà trường, so sánh thời gian tốt nghiệp trung bình (của 2 năm liền kề nhau gần nhất) để có biện pháp giúp tăng số lượng SVTN và hoàn thành tốt nghiệp đúng hạn, từ đó rút ngắn thời gian tốt nghiệp chung toàn khóa. Đây là mục tiêu được Khoa triển khai trong các kế hoạch đầu năm học và tiến hành đánh giá tổng kết cuối năm học [H11.11.2.12]. Trên cơ sở quy định về CTĐT do Nhà trường ban hành, vào mỗi đầu năm học, Liên Chi đoàn, Liên Chi hội đều có kế hoạch tổ chức đại hội lớp - chi đoàn - chi hội, hội nghị phổ biến kinh nghiệm học tập, qua đó định hướng, hỗ trợ SV trong quá trình học tập, góp phần nâng cao kết quả học tập, từ đó đảm bảo kế hoạch tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.2.13][H11.11.2.14] [H11.11.2.15]. Đồng thời, trong suốt năm học, Khoa cùng đội ngũ CVHT có thể giám sát chi tiết tiến độ học tập, các HP cần cải thiện điểm của SV, hỗ trợ SV đăng ký môn học, học lại, học cải thiện và hỗ

trợ đăng ký làm hồ sơ tốt nghiệp; phổ biến rõ ràng và công khai quy định về CĐR của ngành học trong đó lưu ý những điều kiện thường mắc phải ở những khóa học trước như thiếu chứng chỉ Ngoại ngữ để SV có kế hoạch hoàn thành, đảm bảo đủ điều kiện cho việc tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.2.16][H11.11.2.17] [H11.11.2.18].

Bảng 11.5. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử giai đoạn 2017-2022

Năm nhập học	Số SV nhập học	Số SV thôi học	Tổng số SVTN		Số SVTN đúng hạn		Số SVTN sau 1 năm		Số SVTN sau 2 năm		Số SVTN sau 3 năm		Thời gian TN trung bình
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
2014	145	29	91	78,45	81	89,01	10	10,99					4,11
2015	143	38	88	83,81	79	89,77	3	3,41	5	5,68	1	1,34	4,18
2016	44	7	37	100	35	94,59	1	2,70	1	2,70			4,08
2017	56	14	33	78,58	27	81,82	6	18,18					4,18
2018	6	2	4	100	4	100							4,00
Trung bình	78,8	18	50,6	88,12	45,2	91,04	2,4	7,06	1,2	1,68	0,2	0,27	4,11

Ghi chú: SL: số lượng; TL: tỉ lệ

Ngoài ra, Khoa tiến hành các đối sánh về chỉ số SVTN, thời gian tốt nghiệp trung bình với trường có đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử [H11.11.2.19].

Bảng 11.6. Đối sánh số SVTN và thời gian tốt nghiệp trung bình của Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP, ĐHH và Trường ĐHSP Hà Nội

Khóa học	Số SVTN theo thời gian				Thời gian tốt nghiệp trung bình	
	4 năm		Trên 4 năm		Trường ĐHSP, ĐHH	Trường ĐHSP HN
	Trường ĐHSP, ĐHH	Trường ĐHSP HN	Trường ĐHSP, ĐHH	Trường ĐHSP HN		
2014-2018	81	58	10	11	4,11	4,03
2015-2019	79	40	9	36	4,18	4,12
2016-2020	35	43	2	33	4,08	4,11
2017-2021	27	41	6	17	4,18	4,07

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống hỗ trợ việc giám sát thời gian tốt nghiệp của NH từ cấp trường đến cấp khoa và có ứng dụng CNTT cho NH tự giám sát, cho GV giám sát người học.

BCN Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua các kênh thông tin từ Trợ lý ĐT-NCKH, Trợ lý CTSV - Văn thể, CVHT, GV giảng dạy các bộ môn để theo dõi tình hình học tập của SV, hỗ trợ SV, linh hoạt, chủ động triển khai các môn học chuyển đổi, học thay thế để SV được hoàn thành CTĐT (do việc bảo lưu kết quả học tập).

Đa phần SV có ý thức với tiến độ học tập của mình, quan tâm đến việc chuẩn bị đủ các điều kiện để tốt nghiệp, chủ động học tập, cải thiện kết quả học tập nhằm nâng cao chất lượng tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

SV chưa tận dụng hệ thống hỗ trợ giám sát quá trình học tập và sự trợ giúp của CVHT dẫn đến chưa tốt nghiệp đúng hạn.

Một bộ phận SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, thiếu ý thức tự giác trong học tập dẫn tới chưa đáp ứng đủ yêu cầu về số lượng tín chỉ tích lũy. Một số trường hợp khác, mặc dù SV đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CDR về chứng chỉ Ngoại ngữ theo quy định.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn hệ thống hỗ trợ giám sát quá trình học tập cho SV. - Hỗ trợ, nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp. - Nâng cao ý thức học tập SV. 	Phòng ĐTDH& CTSV và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng hiệu quả hệ thống hỗ trợ giám sát thời gian tốt nghiệp. - Nâng cao số lượng SV có ý thức với tiến độ học tập của mình, quan tâm đến việc chuẩn bị đủ các điều kiện để tốt nghiệp, chủ động học tập bổ sung, cải thiện nâng cao chất lượng tốt nghiệp. 	Phòng ĐTDH& CTSV và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023

	<p>- BCN Khoa nâng cao chất lượng quản lý, theo dõi sát sao tình hình học tập của SV thông qua các kênh thông tin từ Trợ lý ĐT-NCKH, Trợ lý CTSV - Văn thể, CVHT, GV giảng dạy các bộ môn để hỗ trợ SV nhanh chóng và hiệu quả.</p>		
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Việc làm của SV sau tốt nghiệp là vấn đề luôn được Nhà trường và Khoa quan tâm. Việc SVTN có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo và có đầy đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng các yêu cầu của nhà tuyển dụng là mục đích hướng đến của SV. Vì vậy, điều tra việc làm của SV sau tốt nghiệp đã được Nhà trường và Khoa triển khai một cách có hiệu quả. Nhà trường đã ban hành quy trình điều tra việc làm, thành lập Ban tổ chức hoạt động điều tra việc làm của SVTN. Qua đó, tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát chặt chẽ [H11.11.3.1] [H11.11.3.2] [H11.11.3.3].

Đối với SV ngành Sư phạm Lịch sử, nhà tuyển dụng chính là các Sở, Phòng GD&ĐT và các CSGD tư nhân tại các địa phương. Vì vậy, Nhà trường và Khoa đẩy mạnh công tác xây dựng, kết nối mối quan hệ chặt chẽ với các Sở GD&ĐT và các CSGD ngoài công lập trên cả nước, trong đó chú trọng khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Hàng năm, các đơn vị có nhu cầu về viên chức, người lao động đã chủ động gửi công văn tuyển dụng về Nhà trường để thông báo đến SVTN, giúp họ có cơ hội ứng tuyển vào các vị trí việc làm phù hợp [H11.11.3.4] [H11.11.3.5] [H11.11.3.6] [H11.11.3.7] [H11.11.3.8].

Bên cạnh đó, việc Nhà trường triển khai hoạt động thực tập sư phạm cho SV cuối khóa tại các trường THPT trên một địa bàn rộng lớn, từ Quảng Nam đến Quảng Bình là cơ hội để SV làm việc trực tiếp với nhà tuyển dụng cũng như thể hiện năng lực bản thân trong công tác giảng dạy, đồng thời tạo điều kiện để các CSGD đánh giá

được năng lực của SV [H11.11.3.9] [H11.11.3.10] [H11.11.3.11] [H11.11.3.12]. Hội nghị tổng kết thực tập luôn được Nhà trường duy trì hàng năm với các đại biểu đến từ các Sở, Phòng GD&ĐT; đại diện Ban Giám hiệu các trường thực tập. Tại hội nghị, các đơn vị đánh giá về năng lực của SV thực tập, giúp điều chỉnh CTĐT phù hợp, hoàn chỉnh đáp ứng đúng tiêu chuẩn của các nhà tuyển dụng đặt ra [H11.11.3.13] [H11.11.3.14].

Nhằm nâng cao hiệu quả về việc hỗ trợ cho SV sau tốt nghiệp, Nhà trường đã giao cho Phòng ĐTĐH&CTSV chủ trì trong việc tư vấn việc làm cho SVTN; cập nhật kịp thời thông báo tuyển dụng lên fanpage của Trường [H11.11.3.15], kết hợp với các đơn vị tuyển dụng tổ chức ngày hội việc làm hàng năm [H11.11.3.5] [H11.11.3.16] [H11.11.3.17] [H11.11.3.18] [H11.11.3.19]. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã phối hợp với Trung tâm hỗ trợ SV của ĐHH, Trung tâm Khởi nghiệp và Truyền thông ĐHSP, ĐHH để mở rộng địa bàn, đa dạng hóa các nhà tuyển dụng [H11.11.3.20].

Nhà trường cử thành viên Ban Giám hiệu phụ trách mảng CTSV chỉ đạo thành lập Ban điều hành kết nối với các thể hệ cựu SV. Ba đơn vị gồm: Phòng ĐTĐH&CTSV; Phòng KT&BDCLGD và Khoa Lịch sử được giao nhiệm vụ khảo sát tình hình SV sau khi tốt nghiệp. [H11.11.3.2] [H11.11.3.21] [H11.11.3.3]. Trên cơ sở đó, nhà trường và khoa tiến hành khảo sát tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp và thống kê kết quả khảo sát [H11.11.3.22] [H11.11.3.23]. Qua đó đánh giá về số lượng SV tìm được việc làm; tỉ lệ SV có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo; khoảng thời gian có việc làm của SV sau tốt nghiệp, khu vực việc làm của SV. Bên cạnh đó, Nhà trường tiến hành phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp chưa tìm được việc làm, hoặc nguyên nhân NH tìm được việc làm nhưng trái chuyên ngành đào tạo. Từ đó, xây dựng kế hoạch, tư vấn và hỗ trợ NH tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo. Số liệu về tình hình việc làm của SVTN được thống kê, lập danh sách, báo cáo công khai hàng năm cho ĐHH, Bộ GD&ĐT, đưa lên các kênh truyền thông của Nhà trường và được lưu trữ tại Phòng ĐTĐH&CTSV; Phòng KT&BDCLGD; Khoa Lịch sử [H11.11.3.24]. Theo kết quả khảo sát, tình hình việc làm của SV tốt nghiệp CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử từ khóa 2014-2018 đến 2017-2021 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 11.7. Thống kê tình hình việc làm của SV CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử sau 12 tháng tốt nghiệp

Năm tốt nghiệp	2018		2019		2020		2021		2022
	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	
SVTN (1)	98		88		45		33		Chưa khảo sát
SV phản hồi khảo sát (2)	95	96,94	83	94,32	45	100	33	100	
SV có việc làm đúng ngành ĐT (3)	17	23,94	16	23,89	22	59,46	11	44	
SV có việc làm liên quan ngành ĐT (4)	4	5,63	4	5,97	8	21,62	3	12	
SV có việc làm không liên quan ngành ĐT (5)	50	70,42	47	70,15	7	18,92	11	44	
SV tiếp tục học (6)	1	1,05	3	3,61	1	2,22	1	3,03	
SV chưa có việc làm (7)	23	24,21	13	15,66	7	15,56	7	21,21	
SV làm trong tổ chức Nhà nước (8)	22	30,99	19	28,36	22	59,46	11	44	
SV làm trong công ty/tổ chức tư nhân (9)	46	64,79	46	68,66	14	37,84	12	48	
SV tự tạo việc làm (10)	4	5,63	1	1,49	0	0	3	12	
SV làm trong công ty/tổ chức có yếu tố nước ngoài (11)	0	0	4	5,97	2	5,41	2	8	

Ghi chú: (Số liệu kê khai theo 5 năm trong chu kỳ đánh giá).

- SL: số lượng

- TL: tỉ lệ

- ĐT: đào tạo

- Số lượng SVTN bao gồm số SVTN chậm, bảo lưu của khóa trước.

- Tỉ lệ SL SV phản hồi khảo sát = SL SV phản hồi khảo sát/SL SV tốt nghiệp

x100

- Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo = SL SV có việc làm đúng ngành đào tạo/tổng số SV có việc làm ((3) + (4) + (5)) x 100

- Tỷ lệ SV có việc làm liên quan ngành đào tạo = SL SV có việc liên quan ngành đào tạo/tổng số SV có việc làm ((3) + (4) + (5)) x 100

- Tỷ lệ SV có việc làm không liên quan ngành đào tạo = SL SV có việc làm không liên quan ngành đào tạo/tổng số SV có việc làm ((3) + (4) + (5)) x 100

- Tỷ lệ SV tiếp tục học = SL SV tiếp tục học/SLSV phản hồi khảo sát x100

- Tỷ lệ SV chưa có việc làm = SL SV chưa có việc làm /SLSV phản hồi khảo sát

- Tỷ lệ SV làm trong cơ quan, tổ chức Nhà nước = SL SV làm trong cơ quan, tổ chức Nhà nước/ tổng số SV có việc làm ((3) + (4) + (5)) x 100

- Tỷ lệ SV làm trong công ty, tổ chức tư nhân = SL SV làm trong công ty, tổ chức tư nhân / tổng số SV có việc làm ((3) + (4) + (5)) x 100

- Tỷ lệ SV tự tạo việc làm = SL SV tự tạo việc làm/ tổng số SV có việc làm ((3) + (4) + (5)) x 100

- Tỷ lệ SV làm trong công ty, tổ chức có yếu tố nước ngoài = SL SV làm trong công ty, tổ chức có yếu tố nước ngoài/ tổng số SV có việc làm ((3) + (4) + (5)) x 100

Dựa trên báo cáo tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp, Khoa Lịch sử đã tiến hành đối sánh với kết quả điều tra của ngành Sư phạm Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội [H11.11.3.25].

Bảng 11.8. Đối sánh tỉ lệ SV có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp ngành Sư phạm Lịch sử, Trường ĐHSP, ĐHH và Trường ĐHSP Hà Nội giai đoạn 2017-2022

Khóa học	Tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp 12 tháng (%)	
	Trường ĐHSP, ĐHH	Trường ĐHSP Hà Nội
2014-2018	74,74	62,7
2015-2019	80,72	64,4
2016-2020	82	78,0
2017-2021	75,76	100
2021-2022	Chưa khảo sát	
Trung bình	78,31	76,28

Bảng đối sánh cho thấy tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp 12 tháng của Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP, ĐHH ở mức cao hơn so với SV cùng ngành thuộc Trường

ĐHSP Hà Nội (trừ khóa 2017-2021).

Để tạo cơ hội cho SV năm cuối tìm kiếm việc làm cũng như tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp, Nhà trường và Khoa đã tích cực, chủ động điều chỉnh kế hoạch đào tạo, quy trình thủ tục hành chính về công nhận tốt nghiệp, sắp xếp tổ chức xét tốt nghiệp, tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng tốt nghiệp sớm để kịp với thời điểm các Sở GD&ĐT tuyển dụng giáo viên. SVTN đúng thời hạn đều được vinh danh, trao bằng tốt nghiệp và bằng điểm kết quả học tập chính thức tại Lễ tốt nghiệp [H11.11.3.26].

Mặc dù Nhà trường và Khoa đã có nhiều định hướng, biện pháp và hoạt động hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp nhưng trong điều kiện việc làm và nhu cầu tuyển dụng khó khăn thì vẫn có một bộ phận SV của Khoa ra trường chưa tìm kiếm được việc làm theo đúng chuyên ngành được đào tạo. Vì vậy, Nhà trường và Khoa Lịch sử thường xuyên tổ chức khảo sát nhu cầu tuyển dụng ở các tỉnh, tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đối sánh tỉ lệ có việc làm của NH tốt nghiệp trong các CSGD, dự báo nhu cầu nhân lực tại các địa phương, trên cơ sở đó có những tham mưu, đề xuất với Nhà trường về các phương án tuyển sinh qua các năm học [H11.11.3.27] [H11.11.3.28] [H11.11.3.29]. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa đã tổ chức các buổi đối thoại SV để trình bày, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nâng cao tỉ lệ SV ra trường có việc làm với các phương án, đa dạng hóa về ngành nghề.

2. Điểm mạnh

CTĐT của Nhà trường và Khoa phù hợp với nhu cầu của nhà tuyển dụng, hỗ trợ tối đa NH môi trường học tập, rèn luyện. Tỉ lệ SVTN hằng năm của ngành Sư phạm Lịch sử của Khoa Lịch sử có việc làm phù hợp hoặc tương đối phù hợp sau khi tốt nghiệp. Nhà trường và Khoa đã tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SVTN về tình trạng việc làm theo từng năm học từ đó có những đánh giá về tình trạng tốt nghiệp và việc làm của SV hướng tới cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Sau khi tốt nghiệp, một tỉ lệ nhất định SV ngành Sư phạm Lịch sử làm trái chuyên ngành được đào tạo hoặc phải sau một thời gian dài mới tìm được việc làm. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội. Bên cạnh đó, trong hai năm 2020, 2021, đại dịch Covid cũng đã đem lại những khó khăn nhất định cho SV trong tìm kiếm việc làm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy hơn nữa việc kết nối với các nhà tuyển dụng, nghiên cứu các giải pháp hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp - Hỗ trợ SV tìm hiểu nhu cầu thị trường. 	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh CTĐT của Trường và Khoa phù hợp với nhu cầu của nhà tuyển dụng, hỗ trợ tối đa NH môi trường học tập, rèn luyện. - Khoa và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SVTN về tình trạng việc làm theo từng năm học, từ đó có những đánh giá về tình trạng tốt nghiệp và việc làm của SV hướng tới cải tiến chất lượng đào tạo. 	Phòng ĐTĐH&CTSV và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường luôn quan tâm đến chiến lược phát triển, xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ, trong đó có chú trọng đến hoạt động NCKH của SV. Loại hình, số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của Khoa thực hiện theo quy định quản lý đề tài

NCKH tại trường ĐHSP, ĐHH. Việc triển khai kế hoạch đăng ký đề tài các cấp được thực hiện hàng năm [H11.11.4.1] [H11.11.4.2] [H11.11.4.3]. Đồng thời, kinh phí của hoạt động khoa học công nghệ luôn được Nhà trường công bố công khai, cụ thể [H11.11.4.4].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị khoa học SV, Hội thảo khoa học các nhà nghiên cứu trẻ để SV công bố kết quả nghiên cứu [H11.11.4.5] [H11.11.4.6] [H11.11.4.7]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiến hành tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động NCKH để đánh giá, so sánh loại hình và số lượng sản phẩm, các công trình nghiên cứu của NH qua đó nhằm đề xuất giải pháp NCKH phù hợp với khả năng NH bắt kịp với xu thế phát triển của thời đại [H11.11.4.8] [H11.11.4.9].

Đối với các đề tài NCKH cấp Trường, cấp Khoa do SV thực hiện được quy định cụ thể trong Quyết định số 680/QĐ - ĐHSP. Trong đó, cố vấn khoa học được phân công hướng dẫn, hỗ trợ, giám sát trực tiếp hoạt động NCKH của SV. Công tác quản lý đề tài các cấp tại Trường được giao cho phòng KHCN&HTQT với trách nhiệm giám sát việc thực hiện tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh để có biện pháp khắc phục, tạo điều kiện thuận lợi cho NH hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu. Phòng KHCN&HTQT triển khai kiểm tra tiến độ thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ theo kế hoạch quy định, đánh giá đầy đủ và khách quan những nhiệm vụ đã được thực hiện so với kế hoạch, có các biên bản kiểm tra tiến độ.

Sau khi hoàn thành nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài nộp sản phẩm cho phòng KHCN&HTQT bao gồm báo cáo tổng kết; báo cáo tóm tắt và các sản phẩm liên quan để tổ chức đánh giá. Đối với đề tài cấp Khoa, Nhà trường ủy quyền cho Hội đồng Khoa đánh giá [H11.11.4.10] [H11.11.4.11].

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH ở trường đại học, SV của Khoa được khuyến khích tham gia NCKH. Đầu mỗi năm học, Khoa đều tổ chức các hội nghị phổ biến kinh nghiệm học tập, trong đó những nội dung có liên quan đến hoạt động khoa học như quy trình, cách thức thực hiện NCKH cũng đã được đề cập đến [H11.11.4.12] [H11.11.4.13]. Trong quá trình giảng dạy, các GV đều khuyến khích SV thực hiện bài tập lớn, tiểu luận, khóa luận, đề tài các cấp [H11.11.4.14] [H11.11.4.15]. Khoa cũng đã thành lập được nhóm nghiên cứu mạnh của SV và đã có đề tài cấp trường do nhóm thực hiện [H11.11.4.16]. Trong những năm qua, SV của Khoa cũng đã đạt được các thành tích trong nghiên cứu. Đây là động lực thúc đẩy hơn

nửa hoạt động NCKH trong SV [H11.11.4.17].

Bảng 11.9. Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV ngành Sư phạm Lịch sử giai đoạn 2017-2022

Năm học	Loại hình nghiên cứu			SL SV tham gia nghiên cứu
	Đề tài cấp Trường	Đề tài nhóm NCM	Bài báo	
2017-2018	1	0	1	3
2018-2019	2	0	2	3
2019-2020	0	1	1	7
2020-2021	0	1	2	10
2021-2022	0	0	3	5

Ghi chú:

- SL: số lượng

- SL SV tham gia nghiên cứu bao gồm số SV chủ trì đề tài + SV tham gia đề tài + SV là tác giả bài báo.

Khoa đã tiến hành đối sánh về loại hình và số lượng SV tham gia NCKH với ngành Giáo dục Mầm non. Kết quả được thể hiện ở bảng 11.4.2 [H11.11.4.18].

Bảng 11.10. Đối sánh loại hình và số lượng SV tham gia NCKH của ngành Sư phạm Lịch sử với ngành Giáo dục Mầm non của Trường ĐHSP, ĐHH giai đoạn 2017-2022

Năm học	Loại hình nghiên cứu				SL SV tham gia nghiên cứu	
	Đề tài		Bài báo			
	Sư phạm Lịch sử	GDMN	Sư phạm Lịch sử	GDMN	Sư phạm Lịch sử	GDMN
2017-2018	1	12	1	0	3	12
2018-2019	2	2	2	7	3	7
2019-2020	1	6	0	3	7	9
2020-2021	1	0	2	4	10	4
2021-2022	0	6	3	0	5	6
Tổng	5	26	8	14	28	38

Ghi chú:

- SL: số lượng

- SL SV tham gia nghiên cứu bao gồm số SV chủ trì đề tài + SV tham gia đề tài + SV là tác giả bài báo.

Từ bảng đối sánh cho thấy hoạt động NCKH của SV ngành Sư phạm Lịch sử so

với ngành Giáo dục Mầm non thấp hơn cả về loại hình lẫn số lượng. Điều này xuất phát bởi nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chính yếu là ngành Giáo dục Mầm non có số lượng SV nhiều hơn so với ngành Sư phạm Lịch sử.

2. Điểm mạnh

Khoa Lịch sử luôn chủ động triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ đến tận các SV, khuyến khích SV tham gia NCKH. Tiến hành tổ chức tư vấn hướng nghiên cứu cho SV. SV của Khoa đã tích cực tham gia hoạt động NCKH với các loại hình đề tài cấp Trường, đề tài của nhóm nghiên cứu mạnh, công bố bài báo trên các tạp chí chuyên ngành và hội thảo khoa học quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ SV tham gia hoạt động NCKH còn chưa cao. Đặc biệt, trong những năm 2020, 2021 ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 đã phần nào hạn chế việc SV đăng ký đề tài các cấp do khó khăn trong việc tìm kiếm tài liệu. Việc triển khai nghiên cứu thực tế của một số đề tài gặp khó khăn, kinh phí cho nghiên cứu còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV, tổ chức các buổi seminar trong SV. - Hỗ trợ SV thành lập các nhóm nghiên cứu. - Đề xuất Nhà trường tăng hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia. 	Phòng KHCN & HTQT và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ đến tận SV. - Khuyến khích SV tham gia NCKH, đẩy mạnh việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh. Tiến hành tổ chức tư vấn hướng nghiên cứu cho SV. 	Phòng KHCN&HTQT và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Ngày 25/10/2010, Giám đốc ĐHH ban hành Quyết định số 147/QĐ-ĐHH-TCNS thành lập Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục thuộc Trường ĐHSP, ĐHH [H11.11.5.1]. Phòng có nhiệm vụ:

- Tiến hành tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn hoặc các lớp đào tạo ngắn hạn về năng lực nghiệp vụ về khảo thí, kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục đại học cho đội ngũ GV và chuyên viên các phòng chức năng của Trường.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn do bộ phận khảo thí và đảm bảo chất lượng của ĐHH phân công.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ NCKH thuộc lĩnh vực đánh giá, đảm bảo chất lượng giáo dục ở quy mô cấp trường và cấp cao hơn.

- Tổ chức làm đề thi và thẩm định đề thi cho các kỳ thi tuyển sinh và tốt nghiệp do Trường tổ chức.

- Tổ chức thi HP cho các lớp đào tạo theo học chế tín chỉ. Xây dựng quỹ đề thi cho các hệ đào tạo.

- Tư vấn, xây dựng kế hoạch giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai hoạt động liên quan đến khảo thí, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; liên kết với các trường đại học, đặc biệt là các trường thuộc hệ thống ĐHSP để trao đổi thông tin, kinh nghiệm và thực hiện hợp tác trong lĩnh vực chuyên môn theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

Ngoài đơn vị chuyên trách là phòng KT&BDCLGD, Nhà trường còn cử CB tham gia mạng lưới bảo đảm chất lượng giáo dục [H11.11.5.2] [H11.11.5.3].

Để nắm bắt tình hình và chất lượng đào tạo, các quyết định liên quan đến việc khảo sát ý kiến các bên liên quan được ban hành. Đồng thời, phiếu khảo sát, website khảo sát, hệ thống khảo sát online, phần mềm xử lý khảo sát từng bước được xây dựng và hoàn thiện để làm công cụ phục vụ cho việc khảo sát [H11.11.5.4] [H11.11.5.5] [H11.11.5.6]. Trên cơ sở đó, việc khảo sát được tập trung ở các nội dung chính: ý kiến mức độ hài lòng của viên chức, người lao động Nhà trường đối với tầm nhìn, hệ thống chính sách, quy định và môi trường làm việc; ý kiến của GV về chất lượng phục vụ hỗ trợ của Nhà trường; ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV theo từng học kỳ; ý kiến đánh giá của SV cuối khóa về khóa học; ý kiến về hoạt động hỗ trợ của Nhà trường, ý kiến của GV, SV về hệ thống LMS, về hệ thống web [H11.11.5.7] [H11.11.5.8] [H11.11.5.9] [H11.11.5.10] [H11.11.5.11] [H11.11.5.12] [H11.11.5.13] [H11.11.5.14] [H11.11.5.15].

Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của SV cuối khóa Khoa Lịch sử về CTĐT, hoạt động giảng dạy của GV và CSVC được thể hiện trong bảng sau [H11.11.5.16]:

Bảng 11.11. Mức độ hài lòng của NH ngành Sư phạm Lịch sử về CTĐT, GV, CSVC

Nhóm (Câu hỏi)	Nội dung nhóm câu hỏi	Khóa 2015-2019				Khóa 2016-2020				Khóa 2017-2021				Khóa 2018-2022			
		1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4
1 (1-7)	Mục tiêu và nội dung chương trình	1,01	0,00	62,63	36,36	0,00	0,00	49,01	50,99	3,35	0,71	40,19	55,75	0,00	2,04	24,49	73,47
2 (8-12)	Hoạt động giảng dạy trong khóa học	0,20	4,27	64,11	31,42	0,00	0,00	52,73	47,23	3,33	0,00	36,00	60,67	0,00	0,00	22,86	77,14
3 (13-19)	Tổ chức đào tạo và đánh giá SV	1,59	5,66	72,30	20,45	0,00	0,00	74,39	25,61	2,40	1,44	39,44	56,72	2,04	0,00	27,21	70,75
4 (20-23)	Tài liệu và CSVC phục vụ việc học tập	1,77	9,11	71,41	17,72	0,00	2,27	71,21	26,52	1,70	2,14	38,76	57,40	3,57	3,57	25,00	67,86
5 (24-30)	Tư vấn, hỗ trợ SV	1,17	5,54	72,04	21,25	0,00	0,00	71,00	59,00	3,12	0,72	37,26	58,90	2,04	2,04	22,79	73,13
6 (31-42)	Kết quả đầu ra của khóa học	0,69	3,49	72,46	23,36	3,74	0,29	47,00	48,98	3,08	0,00	36,17	52,41	0,00	0,00	33,77	66,23

Ghi chú:

- Các số liệu trên bảng được tính theo tỉ lệ %

- (1): Hoàn toàn không đồng ý, (2): Không đồng ý, (3): Đồng ý, (4): Hoàn toàn đồng ý.

Khoa đã tiến hành đối sánh với các ngành khác trong Nhà trường về mức độ hài lòng của NH đối với CTĐT, cụ thể như sau [H11.11.5.16] [H11.11.5.17] [H11.11.5.18] [H11.11.5.19]:

Khóa học	Tỉ lệ % NH hài lòng về CTĐT															
	Hoàn toàn không đồng ý				Không đồng ý				Đồng ý				Hoàn toàn đồng ý			
	LS	GDCT	TLGD	TH	LS	GDCT	TLGD	TH	LS	GDCT	TLGD	TH	LS	GDCT	TLGD	TH
2015-2019	0,00	0,00	4,35	15,38	1,02	3,13	4,35	0,00	76,53	57,81	52,17	53,85	22,45	39,06	39,13	30,77
2016-2020	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	11,11	0,00	72,73	50,00	50,00	100,00	27,27	50,00	38,89	0,00
2017-2021	3,39	1,98	0,00	25,00	0,00	0,00	0,00	0,00	38,98	48,51	51,16	75,00	57,63	49,50	48,84	0,00
2018-2022	0,00	4,17	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	28,57	29,17	63,64	0,00	71,43	66,67	36,36	100,00

Ghi chú:

- LS: Lịch sử
- GDCT: Giáo dục Chính trị
- TLGD: Tâm lý giáo dục
- TH: Tin học

Từ bảng đối sánh có thể thấy, đa số SV của các ngành đào tạo Lịch sử, Giáo dục Chính trị, Tâm lý giáo dục và Tin học đều hài lòng về CTĐT. Trong đó, mức độ hài lòng của SV khoa Lịch sử trong các khóa học 2015-2019, 2016-2020 và 2018-2022 chiếm tỉ lệ cao nhất so với các khoa được đối sánh.

Ngoài ra, Khoa đã tiến hành khảo sát ý kiến của các GV, giáo viên THPT, cựu SV về khung CTĐT, ý kiến của đơn vị sử dụng SV sau tốt nghiệp về CDR của CTĐT [H11.11.5.20]. Trên cơ sở các kênh thông tin phản hồi từ NH và nhà tuyển dụng cùng với thực tiễn của nhu cầu xã hội, đặc biệt là yêu cầu đáp ứng Chương trình GDPT năm 2018, Nhà trường chỉ đạo Phòng ĐTDH&CTSV phối hợp với Khoa điều chỉnh, rà soát CTĐT [H11.11.5.21] [H11.11.5.22] [H11.11.5.23] [H11.11.5.24] [H11.11.5.25] [H11.11.5.26] [H11.11.5.27] [H11.11.5.28].

Cùng với việc khảo sát NH, Nhà trường đã thiết kế trang Cựu SV trên Website của Trường, giao cho Phòng ĐTDH&CTSV phối hợp với Phòng KT&BDCLGD và Khoa tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SVTN tại các địa phương bằng nhiều kênh khác nhau [H11.11.5.29] [H11.11.5.30] [H11.11.5.31]. Với ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng, đa số đều đánh giá cao năng lực SV khoa Lịch sử. Trên cơ sở đó, Khoa đã tiến hành khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H11.11.5.32].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống các đơn vị chuyên trách, có quy trình, công cụ và phương pháp tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Đồng thời, nội dung khảo sát của Nhà trường đa dạng, kịp thời. Vì vậy, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến khảo sát từ nhà tuyển dụng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục	- Liên kết chặt chẽ với các nhà tuyển dụng, cựu SV để	Phòng KT&BDCLGD	Từ năm học 2022 - 2023

	tồn tại	thu thập ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo.	và Khoa Lịch sử	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục hoàn thiện quy trình, nâng các chất lượng, hiệu quả của các công cụ để đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. - Tiếp tục hoàn thiện CTĐT, đầu tư CSVC nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. - Duy trì việc lấy ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy của GV theo từng học kỳ, khảo sát SV cuối khóa học về toàn bộ khóa học, ý kiến của nhà tuyển dụng về CTĐT. 	Phòng KT&BDCLGD và Khoa Lịch sử	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Trong quá trình học tập của SV, tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp và hoạt động NCKH được xác lập và giám sát chặt chẽ. Sau khi tốt nghiệp, Nhà trường và Khoa vẫn giữ liên lạc thường xuyên với cựu SV nhằm thu thập thông tin về tình hình việc làm. Đồng thời, việc lấy ý kiến khảo sát định kỳ của GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng được thực hiện một cách có hiệu quả.

Trong giai đoạn 2017-2022, tình trạng thôi học của SV vẫn còn diễn ra, tỉ lệ tốt nghiệp tương đối cao; hình thành được các nhóm nghiên cứu mạnh của SV tuy nhiên số lượng SV tham gia NCKH chưa được nhiều. Số liệu về tình hình việc làm cho thấy tỉ lệ SV làm đúng ngành đào tạo còn thấp; một số lượng SV không tham gia phản hồi những khảo sát. Để khắc phục những tồn tại này, Khoa cần đẩy mạnh hơn nữa việc theo dõi, giám sát NH để giảm tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn; khuyến khích SV tham gia các hoạt động NCKH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Song song với những hoạt động trên, việc duy trì mối liên hệ với cựu SV vẫn tiếp tục được chú trọng nhằm nắm bắt các thông tin về việc làm của cựu SV. Đây chính là cơ

sở quan trọng để Nhà trường và Khoa đưa ra các kế hoạch điều chỉnh nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 11: 4/5 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 5/7 và 1/5 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 4/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Trong quá trình xây dựng, thực hiện CTĐT, công tác đánh giá CTĐT là khâu hết sức quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng của CTĐT cũng như cơ sở đào tạo. Đây là quá trình CSGD dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành để tự xem xét, đánh giá, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT, làm căn cứ để CSGD tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Quá trình triển khai công tác tự đánh giá là dịp để Khoa Lịch sử nhận thức rõ ràng, đầy đủ về những mặt mạnh, những mặt tồn tại trong công tác quản lý, đào tạo và trong các hoạt động chuyên môn, làm cơ sở để Khoa đề xuất những giải pháp khắc phục những tồn tại, cải tiến chất lượng trong quá trình hoạt động của mình. Ý nghĩa đó được thể hiện cụ thể trên các phương diện sau:

1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử

1.1. CTĐT của ngành Sư phạm Lịch sử được thiết kế dựa trên các triết lý giáo dục hiện đại, có tham khảo các CTĐT về Sư phạm Lịch sử của các nước trên thế giới. Kết quả điều tra nhu cầu xã hội và các ý kiến phản hồi của SV, cựu SV, GV, chuyên gia và các nhà tuyển dụng cũng được tiếp thu, xử lý để hướng đến thiết kế một CTĐT phù hợp với thực tiễn và nhu cầu của xã hội.

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử của Khoa Lịch sử được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

CĐR của CTĐT được xác định cụ thể, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Mặt khác, CĐR của CTĐT cũng dễ dàng đo lường được về kiến thức, kỹ năng và thái độ giúp NH có định hướng phát triển năng lực học tập, có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp trong tương lai hoặc tiếp tục theo đuổi mục đích học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu của xã hội và của NH trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát điều chỉnh và công bố công khai.

1.2. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP có đầy đủ thông tin. Cấu trúc và nội

dung chi tiết của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử đã làm rõ mục tiêu đào tạo, CĐR. Các khối kiến thức, số lượng HP, lịch trình học tập, tính chất HP được phân bổ hợp lý. Chương trình chi tiết được Khoa Lịch sử xây dựng với sự cụ thể hóa số lượng các tín chỉ, nội dung cụ thể của từng môn học, phương pháp giảng dạy, học liệu và đánh giá theo hướng phát triển năng lực NH... theo quyết định ban hành của Nhà trường.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học định kỳ được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới thuộc lĩnh vực liên quan ở các trường đại học trên thế giới. Những lần điều chỉnh gần đây, Khoa chủ trương tăng thời lượng cho các môn chuyên ngành.

Khoa đã công khai CTĐT và bản mô tả CTĐT qua nhiều kênh thông tin khác nhau, tạo thuận lợi cho SV, CVHT, các nhà quản lý đào tạo trong quá trình sử dụng. Chương trình cũng đảm bảo tính liên thông cao từ cao đẳng đến đại học và sau đại học.

1.3. CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Nội dung các HP và việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH trong mỗi HP đều phù hợp và có sự đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CĐR của CTĐT theo các mức độ khác nhau. CTDH của Khoa được thiết kế có hệ thống, chú trọng tới tính logic của các HP trong CTDH, thể hiện sự gắn kết và liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ những HP thuộc lĩnh vực rộng đến các kiến thức thuộc chuyên ngành hẹp. CTDH đã được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo hướng hiện đại trên cơ sở tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế, đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

1.4. Trường ĐHSP, ĐHH có văn bản tuyên bố chính thức về TrLGD. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường trong những năm học vừa qua đều được phổ biến cho các CB, GV, NH trong Khoa hiểu rõ và thực hiện bằng cách chuyển vào nội dung và phương pháp giảng dạy của từng HP. Khoa Lịch sử chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng linh hoạt và đa dạng các phương pháp dạy học nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT là đúng đắn, đảm bảo mục tiêu đào tạo NH theo hướng phát triển năng lực, nhấn mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu

của NH, nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. SV được tiếp cận với hoạt động NCKH từ năm thứ nhất. CTĐT có nhiều hoạt động thực tập, thực hành, seminar; các hoạt động thực tế, thực tập, các hoạt động cộng đồng đa dạng. Các hoạt động dạy học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở, dân chủ. NH hài lòng với các phương pháp dạy học được sử dụng trong CTĐT.

1.5. Trường và Khoa có quy trình, kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện đồng bộ, có tính quá trình và có tính khách quan thông qua việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị và sự công bằng, góp phần đo lường được mức độ đạt được CDR. GV đánh giá NH đồng thời ở thái độ, phẩm chất, năng lực; ở sự nỗ lực cá nhân lẫn hiệu quả làm việc nhóm. Khoa Lịch sử đã phối hợp với các trường THPT trong quá trình đánh giá các HP thực hành tại cơ sở. Các quy định về đánh giá kết quả NH được trình bày rõ ràng và được thông báo công khai tới NH. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đến NH. NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1.6. Đội ngũ GV của Khoa được quy hoạch, tuyển dụng nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Khoa giàu kinh nghiệm, năng lực cao trong chuyên môn cũng như hoạt động NCKH, tâm huyết với nghề nghiệp và luôn có ý thức trau dồi, nâng cao hơn nữa trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm, phần lớn GV của Khoa đều đảm bảo số giờ giảng và vượt định mức khá lớn số giờ NCKH hàng năm do Nhà trường đề ra. Đáng chú ý là đội ngũ GV của Khoa tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp ĐHH, cấp Bộ, công bố các bài báo khoa học trong các tạp chí chuyên ngành, hội thảo trong nước và quốc tế, tạp chí quốc tế uy tín, xuất bản sách chuyên khảo. Việc tuyển dụng, đề bạt CB được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát, đánh giá hàng năm. Việc quản trị theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích đã tạo động lực cho GV hoàn thành trách

nhiệm của mình.

1.7. Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP, ĐHH có đội ngũ NV đáp ứng tốt công việc, đáp ứng nhu cầu về đào tạo và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Quá trình tuyển dụng và lựa chọn NV được xác rõ ràng và phổ biến công khai. Trường và Khoa có quy định cụ thể về khối lượng công việc đối với NV, có cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Việc quản trị theo kết quả công việc đã tạo động lực cho NV.

1.8. Chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH luôn được Khoa Lịch sử xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo của Khoa. Chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn NH được công bố công khai, cập nhật thường xuyên và thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của ĐHH và của Trường ĐHSP. CB GV và SV Khoa Lịch sử đã tích cực làm công tác truyền thông để thu hút NH. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, NH luôn được tư vấn, hỗ trợ để kịp thời giải quyết những khó khăn gặp phải. Một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đã được xây dựng và công bố công khai, khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp NH không bị quá tải ở một một kỳ. Trường và Khoa đã tổ chức các hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ khác để cải thiện chất lượng học tập của NH. Mặt khác, Khoa Lịch sử cùng với Nhà trường đã tạo ra một môi trường an toàn để SV yên tâm học tập, phấn đấu thông qua thái độ tình cảm của đội ngũ CB GV, NV; các phong trào văn hoá văn nghệ; sự chăm chú đến mỹ quan của khuôn viên Nhà trường...

1.9. Hệ thống CSVC và trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và NCKH cho NH. Các phòng học, phòng chức năng được bố trí đầy đủ. Các phòng làm việc và phòng học được trang bị các thiết bị, công cụ khá phù hợp với yêu cầu của việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Số lượng phòng học đảm bảo cho nhu cầu học tập của SV. Diện tích phòng học, ánh sáng, sự thoáng mát đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho NH. Hệ thống thư viện (bao gồm phòng tư liệu của Khoa, thư viện của Trường và trung tâm học liệu ĐHH) phần nào đáp ứng nhu cầu về tài liệu cho SV. Hệ thống CNTT của Trường khá đảm bảo cho công tác giảng dạy, hành chính và quản lý điều hành. Trường có hệ thống máy tính, máy chủ cấu hình mạnh và được kết nối internet đồng bộ, có hệ thống mạng LAN, mạng wifi miễn phí phủ sóng tất cả các giảng đường lớn. Hệ thống các thiết bị tin học đảm bảo những điều kiện cần thiết để CB GV, SV

làm việc, học tập, tra cứu thông tin, tài liệu và nghiên cứu.

1.10. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà QLGD, GV, NH, nhà tuyển dụng và cựu NH được thực hiện khoa học, có hệ thống và được sử dụng làm căn cứ để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTDH. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thực hiện theo quy trình; được định kỳ rà soát, đánh giá. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên theo quy trình chặt chẽ để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Các NCKH của GV và NH được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học thực hành, hệ thống CNTT, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho GV và NH trong dạy - học và NCKH. Việc thu thập ý kiến phản hồi từ NH của Phòng KT&ĐBCLGD của Trường được tiến hành định kỳ hàng năm và tương đối bài bản.

1.11. Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, có việc làm của SV được Trường và Khoa giám sát chặt chẽ. Các trường hợp chậm tốt nghiệp, chưa hoàn thành chương trình học luôn được Khoa tìm hiểu và hỗ trợ. Kết quả học tập của SV Khoa Lịch sử rất khả quan, chủ yếu là SV xếp loại Khá, Giỏi, Xuất sắc. Tỷ lệ SV ngành Sư phạm Lịch sử có việc làm sau khi ra trường lên đến hơn 91%. Phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động về nhân lực là những SVTN ngành Sư phạm Lịch sử của Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP, ĐHH là tích cực. Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của Khoa được xác lập và giám sát thường xuyên. Khoa có kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học công nghệ trong đó có hoạt động NCKH cho NH, đồng thời có biện pháp để khuyến khích SV tham gia hoạt động NCKH. Mức độ hài lòng của các bên liên quan, đặc biệt là đến CTĐT được Trường, Khoa xác lập, giám sát và đối sánh làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng CTĐT.

2. Những điểm tồn tại của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử

2.1. Khảo sát định kỳ các bên liên quan để xem xét rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu đào tạo chưa được thực hiện trên phạm vi rộng với đủ đại diện từ các địa phương; số lượng CBQL giáo dục ở cấp tỉnh và trung ương, cựu SV tham gia xây dựng và rà soát CDR của CTĐT chưa nhiều.

2.2. Một số nội dung trong đề cương các HP vẫn chưa đáp ứng kịp xu hướng đổi mới của ngành Sư phạm Lịch sử trên thực tiễn. Một số đề cương HP chưa kịp thời cập

nhật về giáo trình và tài liệu tham khảo mới để giúp SV tiếp cận nhanh chóng những kiến thức hiện đại liên quan đến lĩnh vực chuyên môn trên thế giới. Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương HP đã được thực hiện nhưng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng.

2.3. Do sự vận hành không ổn định của CTDH dẫn đến có những khác biệt về CTDH ở các năm, gây ra những lúng túng cho SV, CB GV và quản lý Khoa, khiến cho SV gặp khó khăn trong việc lên kế hoạch học tập cho toàn khóa học; Một số HP nặng lý luận, ít thực hành. CTDH được thiết kế chưa hoàn toàn hợp lý: các HP được giảng dạy ở năm đầu còn quá chung chung, chưa thực sự giúp SV định hướng được những HP sẽ được giảng dạy ở những năm sau. Điều này khiến cho một số SV thấy chán nản, có nguyện vọng chuyển sang học chương trình khác.

2.4. Hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Một số NH còn thiếu các kỹ năng mềm và chưa chủ động trong việc tự học và tự nghiên cứu. Chưa đa dạng hóa cách thức phổ biến triết lý giáo dục cho các bên liên quan; Chưa đa dạng hóa các hình thức hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp học tập; Các hoạt động dạy và học hướng đến rèn luyện các kỹ năng cho SV còn chưa đồng đều nên SV còn hạn chế ở kỹ năng ngoại ngữ và kỹ năng tin học.

2.5. Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương môn học, được GV phổ biến trực tiếp vào đầu kỳ học, được đăng tải trên website của Nhà trường, tuy nhiên lượng NH truy cập vào Website này còn hạn chế. Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm. Điều này ảnh hưởng đến quyết định đăng ký môn học đặc biệt đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

2.6. Xét về đội ngũ, Khoa hiện đang thiếu GV bộ môn Lịch sử Việt Nam và LL&PPDHBMLS. Hình thức tổ chức một số khóa đào tạo, các khóa học ngoại ngữ chưa đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của các GV. Sự phối hợp nghiên cứu giữa các GV chưa được thực hiện tốt. Các công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế.

2.7. Đội ngũ CB hỗ trợ SV của Khoa chủ yếu là CB kiêm nhiệm, công việc nhiều và chưa được đào tạo bài bản nên còn lúng túng trong việc giải quyết một số tình huống. Giờ làm việc của GV kiêm nhiệm công tác trợ lý chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy chính quy và liên thông. Đội ngũ NV chưa tham gia được nhiều khóa học để phát triển, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, vì vậy cách làm việc còn

chưa thực sự khoa học. Một số tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ NV còn định tính, khó định lượng. Chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các CB trong quá trình làm việc chưa được thực hiện tốt.

2.8. Hình ảnh, thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo chưa hấp dẫn. Chưa có nhiều hình thức phong phú để quảng bá, thu hút nhiều thí sinh giỏi, đam mê với ngành Sư phạm Lịch sử. Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của NH về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của CVHT, trợ lý ĐT-KHCN, GV phụ trách thực tập thực tế chưa nhiều và thiếu tính liên tục.

2.9. Từ năm 2018 đến nay, mặc dù Nhà trường đã có nhiều nỗ lực trong việc trang bị các điều kiện CSVC cho GV và SV học tập, làm việc, nghiên cứu, tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như chưa có đủ phòng làm việc cho các CBGV; số lượng trang thiết bị hạn chế. Một số hạng mục công trình phục vụ cho SV và GV còn chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới khi dịch bệnh xảy ra. Quá trình chuyển đổi số dù đã có nhiều tiên phong, đạt được nhiều thành tựu nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của Nhà trường, chưa bắt kịp với đòi hỏi của xã hội và NH. Diện tích cây xanh, vườn trường còn khiêm tốn. Với một trường có đến hơn 80% SV là nữ, việc thiết kế nhà vệ sinh hiện nay chưa thực sự hợp lý do mỗi tầng học có 2 nhà vệ sinh (1 nam - 1 nữ) với diện tích và số phòng bằng nhau. Mặt khác, Khoa chưa chủ động trong bổ sung nguồn tài liệu để đáp ứng CTĐT. Tài nguyên điện tử, tài liệu số hóa của Trường còn ít, có những lúc tra cứu chưa thuận tiện, tốc độ còn chậm.

2.10. Hệ thống khảo sát ý kiến chưa hỗ trợ thuận lợi cho các bên liên quan ngoài trường vì yêu cầu phải đăng nhập hệ thống khi thực hiện khảo sát. Việc tiếp cận với nhà tuyển dụng còn nhiều khó khăn. Chưa có những đề tài lớn (đề tài Nafosted), mang tính xây dựng hoặc tư vấn chính sách cho Nhà nước để có thể huy động sự tham gia của hầu hết GV và SV trong Khoa. CTDH đã được cải tiến và phát triển tuy nhiên đôi khi chưa bắt kịp với xu thế của thị trường lao động luôn vận động không ngừng.

2.11. Các thông tin về mức độ hài lòng từ các bên liên quan chưa được sử dụng hiệu quả để quảng bá, xây dựng “thương hiệu” cho việc tuyển sinh ngành Sư phạm Lịch sử. Có một tỉ lệ nhất định SV ngành Sư phạm Lịch sử làm trái ngành trái nghề sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, do tình hình dịch Covid trong những năm vừa qua nên SV gặp khó khăn trong quá trình tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa Lịch sử hướng đến những kế hoạch cụ thể sau:

3.1. Trong những năm tiếp theo, Khoa sẽ tăng cường hơn nữa việc tuyên truyền rộng rãi mục tiêu, CĐR của CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử để NH biết rõ và phấn đấu đạt được. Đồng thời, từ năm học 2022 - 2023, Khoa sẽ tiến hành đánh giá CĐR đạt được của SV tốt nghiệp trên diện rộng. Trên cơ sở đó, Khoa sẽ hoàn thiện CĐR theo hướng đánh giá năng lực NH nhằm đáp ứng kịp thời và có hiệu quả công tác đào tạo trong tình hình mới.

3.2. Cập nhật các CTĐT GV Lịch sử trong nước và ngoài nước, những đổi mới GDPT ở Việt Nam để điều chỉnh; tiếp tục hoàn thiện đề cương các HP, cập nhật các giáo trình và tài liệu tham khảo mới nhằm giúp SV tiếp cận với các nguồn thông tin mới, đảm bảo tính chính xác, thiết thực trong quá trình học tập và NCKH. Khoa sẽ kết hợp với Phòng KT&BDCLGD và Phòng ĐT&CTSV của Nhà trường để mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng (50 nhà tuyển dụng), GV trong và ngoài khoa (25 GV), cựu SV (100 SV) và SV năm cuối (tất cả) về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương HP nói riêng để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CĐR của ngành Sư phạm Lịch sử.

3.3. Tiếp tục có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, ưu tiên thu thập các ý kiến của cựu SV, nhà tuyển dụng trong việc rà soát và xây dựng CTDH. Khoa sẽ triển khai kiểm tra, rà soát hàng năm để đảm bảo sự đóng góp của các HP vào CĐR trong thực tiễn giảng dạy; tổ chức các lớp tập huấn về phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của CNTT, nhằm thay đổi hình thức và phương pháp giảng dạy cũ, kích thích tính chủ động của NH trong việc chiếm lĩnh kiến thức chuyên sâu. Bên cạnh đó, Khoa tích cực đề xuất Nhà trường cho phép thay đổi cấu trúc các HP ở năm thứ nhất và thứ hai theo hướng tăng cường thời lượng cho các HP chuyên ngành, giảm bớt thời lượng cho những HP khác.

3.4. Năm học 2022-2023, Khoa tiếp tục tổ chức phổ biến và triển khai mục tiêu đào tạo tới CBVC và SV của Khoa bằng nhiều phương tiện và hình thức khác nhau như cảm nang đào tạo, website của Khoa. Khoa có kế hoạch đề nghị Trường tiến hành thăm dò để thu nhận thông tin phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV và cựu SV về mục tiêu CTĐT của Khoa. Các GV của Khoa sẽ tiếp tục giảng dạy theo hướng chú trọng đến việc rèn luyện các kỹ năng, khả năng tự học, tự nghiên cứu, tiếp tục học tập suốt

đòi và học lên trình độ cao hơn của NH. Khoa cũng sẽ tổ chức các lớp học về kỹ năng cho SV, nâng cao tính tự học và tự nghiên cứu của SV.

3.5. Đề nghị Nhà trường tiếp tục đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo. Khoa đề xuất với Phòng ĐT&CTSV và Phòng KT&ĐBCLGD của Trường về việc công khai đáp án chấm thi cuối kỳ để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập; thúc đẩy việc chấm thi của GV trong Khoa và đề nghị Phòng KT&ĐBCLGD công bố điểm cuối kỳ đúng thời hạn; tiếp tục thực hiện việc phản hồi kịp thời kết quả đánh giá học tập đến SV; tăng cường sử dụng website của Khoa, đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học cho NH chủ động học tập và nghiên cứu.

3.6. Đề xuất với Nhà trường tuyển thêm GV theo đề án vị trí việc làm, trong đó quan tâm tới tuyển ứng viên có trình độ TS. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các khóa đào tạo tại ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo...). Khoa tạo điều kiện về thời gian và công việc để GV tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực. GV trong Khoa sẽ tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, thành lập các nhóm nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí quốc tế uy tín.

3.7. Trong năm học 2022 - 2023, Khoa sẽ tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ NV và đề xuất Nhà trường triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho CB hỗ trợ; đồng thời lấy ý kiến đánh giá của NH về thái độ, năng lực làm việc của đội ngũ NV. Khoa sẽ xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc cũng như xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các CB trong quá trình làm việc.

3.8. BCN Khoa sẽ chỉ đạo bộ phận truyền thông, tổ tư vấn tuyển sinh, toàn thể CBGV của Khoa thực hiện một số công việc như: thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh. Trong các giờ giảng, các buổi nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề, khóa tập huấn..., mỗi GV trong Khoa là một kênh truyền thông, có trách nhiệm giới thiệu đầy đủ, chi tiết và tích cực về những điểm mạnh từ đội ngũ GV đến CSVN, từ môi trường sống và học tập đến những hoạt động hấp dẫn để từ đó NH, người tham gia có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về Khoa. Bên cạnh đó, Lãnh đạo Khoa luôn cập nhật kịp

thời những chính sách về tuyển dụng ở các Sở GD&ĐT để phối hợp chặt chẽ với Ban tuyển sinh của Nhà trường nhằm xây dựng chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra trong năm học 2023- 2024 và những năm học tiếp theo.

3.9. Khoa sẽ đề xuất với Nhà trường tăng cường thêm phòng làm việc và các trang thiết bị máy móc cho Khoa. Khoa sẽ đề xuất ít nhất mỗi bộ môn có 1 phòng làm việc và tối ưu hóa diện tích sử dụng của các phòng làm việc hiện có. Khoa cũng sẽ kiến nghị Nhà trường cho Khoa một nguồn kinh phí đặc thù để chủ động trong công tác bổ sung nguồn học liệu đảm bảo về số lượng và chất lượng; đề nghị bổ sung và nâng cấp cơ sở dữ liệu, nâng cấp hệ thống wifi trong toàn trường; mời các CB của Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Trường ĐHSP, ĐHH về tập huấn, hướng dẫn GV, SV cách thức truy cập cơ sở dữ liệu tại Website: <http://lib.huce.vn/>; đề nghị Trường tăng cường phòng vệ sinh cho SV nữ, trồng thêm cây trong sân trường.

3.10. Khoa tiếp tục đẩy mạnh hoạt động NCKH trong GV, SV, khuyến khích đề xuất các hướng NCKH, hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, phấn đấu có đề tài NCKH Nhà nước; đẩy mạnh việc tìm các nguồn lực tài trợ để CBGV và SV tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế; cử CB chuyên trách và đôn đốc hoạt động NCKH trong SV; khuyến khích SV tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học SV cấp Trường, ĐHH và quốc gia. Về tư liệu phục vụ dạy học, Khoa sẽ đề nghị Nhà trường mua một số cơ sở dữ liệu tiên tiến tạo điều kiện cho GV và SV cập nhật các tài liệu, nghiên cứu mới trên thế giới; tạo điều kiện để CB của Khoa có cơ hội học tập, tham dự hội thảo ở nước ngoài; tổ chức tọa đàm, trao đổi nhóm giữa Khoa với nhà tuyển dụng và cựu SV để có những thay đổi hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và học tập.

3.11. Trong năm học 2022-2023, Khoa Lịch sử tiếp tục rà soát CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành, rèn luyện cho SV kỹ năng, tăng cường đào tạo định hướng nghề nghiệp cho SV.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử

Căn cứ vào bộ Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học của Bộ GD&ĐT, tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy cả 50 tiêu chí đều đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT*(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT,**Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)*Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế**


Mã: DHS

Tên CTĐT: **Ngành Sư phạm Lịch sử**Mã CTĐT: **7140218**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			5,29	7	100
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5						6				
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7						6				
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5			5	5	100
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5			4,6	5	100
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5			5	5	100
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5			5,17	6	100
Tiêu chí 10.2					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 10.3					5			4,8	5	100
Tiêu chí 10.4						6				
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			4,8	5	100
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,96	50	100

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 08 năm 2023 

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Thành Nhân

PHẦN IV. PHỤ LỤC**PHỤ LỤC 1****CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tiếng Anh: University of Education, Hue University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: DHS

Tiếng Anh: HUCE

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Huế

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Đại học Huế

5. Địa chỉ: 34 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên – Huế

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại 02343 822132

E-mail: admin@dhsphue.edu.vn

Website: <http://www.dhsphue.edu.vn/default.aspx?run=intro/gioithieu.htm>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1957

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1958

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1962

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thực

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ)

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Lịch sử

Tiếng Anh: Department of History

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt: Ban Sử - Địa

Tiếng Anh: Department of History - Geography

15. Mã CTĐT: 7140218

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 34 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

18. Số điện thoại liên hệ: 0234 3823421;

Email: khoalichsu@dhsphue.edu.vn;

Website: <http://khoalichsu.dhsphue.edu.vn>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1957

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1958

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1962

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (Khoa Lịch sử)

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Viện ĐHH được thành lập vào ngày 01/3/1957. Trong năm học 1957-1958, Chi nhánh Trường Cao đẳng Sư phạm Sài Gòn được đặt tại Viện ĐHH. Ngày 21/8/1958, Chính quyền Việt Nam Cộng hòa ra Sắc lệnh số 426-GD cải tổ Chi nhánh Trường Cao đẳng Sư phạm Sài Gòn tại Viện ĐHH thành Trường ĐHSP Huế. Từ năm học 1958-1959, Trường bắt đầu tuyển sinh chuyên ngành Sử - Địa, khóa đầu tiên có 5 SV trúng tuyển.

Năm 1977, lãnh đạo Trường ĐHSP Huế tách Ban Sử - Địa để thành lập hai Khoa: Khoa Lịch sử và Khoa Địa lý. Năm học 1977-1978 bắt đầu tuyển sinh chuyên ngành Lịch sử khóa đầu tiên với sứ mạng đào tạo giáo viên có trình độ cử nhân giáo dục lịch sử cho các trường THPT. Trong buổi đầu mới thành lập (1977), đội ngũ CB của Khoa Lịch sử còn rất mỏng, việc giảng dạy phần lớn dựa vào GV thỉnh giảng. Đến nay, Khoa Lịch sử đã xây dựng được một đội ngũ 14 CBGV, gồm có 07 PGS.TS, 05 TS, 01 NCS, 01 cử nhân là Văn thư của Khoa. Tham gia giảng dạy tại Khoa còn có GV thỉnh giảng có trình độ PGS.TS, TS, nguyên là CB của Khoa đang công tác tại ĐHH hoặc nghỉ hưu theo chế độ... Đây là nhân tố quan trọng trong việc nâng cao hiệu

quả, chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa trong những năm qua.

Từ năm 1996, Khoa Lịch sử có bước phát triển mới, là một trong ít Khoa đầu tiên của Trường mở mã ngành đào tạo Sau Đại học. Đến năm 2003, Khoa đã có ba chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ (LL&PPDHBMLS, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam) và đã đào tạo được gần 500 thạc sĩ. Từ năm 2006, Khoa mở mã ngành đào tạo TS chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, có 26 NCS theo học, trong đó có 20 NCS đã bảo vệ thành công luận án TS. Đặc biệt, với sự nỗ lực và tâm huyết của đội ngũ CBGV trong toàn Khoa, ngày 13/3/2019, ĐHH ban hành Quyết định số 279/QĐ-ĐHH cho phép Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP mở thêm mã ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử - Địa lý hệ chính quy trình độ đại học nhằm đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT năm 2018. Như vậy, tính đến hiện tại, Khoa Lịch sử đang tiến hành đào tạo 02 mã ngành Cử nhân (Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Lịch sử - Địa lý), 03 mã ngành đào tạo Thạc sĩ (LL&PPDHBMLS, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam), 01 mã ngành đào tạo TS (Lịch sử Việt Nam).

Để đáp ứng yêu cầu đào tạo những giáo viên tương lai, thực hiện thành công công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT, công tác xây dựng, phát triển CTĐT rất được Khoa coi trọng. Hàng năm, Khoa Lịch sử đều thực hiện cập nhật CTĐT, điều chỉnh, thay đổi về mục tiêu, CDR, chỉnh sửa khung CTĐT, cắt giảm nội dung nặng tính hàn lâm, lý thuyết, tăng cường thêm nhiều HP thực hành như: Hoạt động trải nghiệm, Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, Thực hành dạy học tại trường Sư phạm, Đạo đức nghề sư phạm, Khởi nghiệp, ... Những HP này, một mặt đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT năm 2018; mặt khác, giúp NH có điều kiện ứng dụng những tri thức lý thuyết vào thực tiễn, hình thành những kỹ năng quan trọng, đáp ứng những đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn giảng dạy và giáo dục học sinh cũng như một số công việc liên quan.

Với tiềm lực về đội ngũ GV và kinh nghiệm đào tạo cùng với CSVN và môi trường giáo dục lành mạnh, hiện đại, SVTN ngành Lịch sử có thể làm việc ở các vị trí như: Làm giáo viên dạy môn Lịch sử, Lịch sử và Địa lý tại các trường THPT, THCS; Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, LL&PPDHBML tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; Có thể làm chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội hoặc Khoa học giáo dục; Làm việc tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức có liên quan đến lịch

sử, văn hóa thông tin, xã hội, giáo dục, chính trị, quân sự, du lịch....

Song song với hoạt động đào tạo, hoạt động NCKH của GV Khoa Lịch sử luôn được đẩy mạnh và đạt những kết quả đáng trân trọng. Từ năm 2018 đến nay, các CBGV của Khoa đã chủ trì và tham gia thực hiện 01 đề tài NCKH cấp Bộ, 07 đề tài NCKH cấp ĐHH, 07 đề tài NCKH cấp Trường. Đã có 118 bài báo của GV trong Khoa đăng tải ở các tạp chí khoa học các cấp, trong đó có 12 bài báo nằm trong danh mục tạp chí khoa học quốc tế uy tín và 98 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành; 53 hội thảo khoa học các cấp trong đó có 31 bài báo hội thảo quốc tế. CBGV của Khoa đã tham gia chủ biên, biên soạn 4 giáo trình, 6 sách chuyên khảo, 5 sách tham khảo do các NXB có uy tín như NXB Giáo dục Việt Nam, NXB ĐHSP Hà Nội, NXB Hành chính - Chính trị quốc gia, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB ĐHH, NXB Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh, NXB Thuận Hóa... phát hành. Khoa đã hoàn thành nghiệm thu 25 bài giảng để đưa vào giảng dạy, biên soạn 11 tài liệu dùng để bồi dưỡng giáo viên cho các sở GD&ĐT...

Khoa Lịch sử chủ trì về chuyên môn trong việc tổ chức thành công Hội thảo quốc tế như Hội thảo quốc tế “Giáo dục Pháp - Việt từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX” (FVE 2020) (12/2020), do Trường ĐHSP, ĐHH phối hợp với Viện Nghiên cứu châu Á thuộc Đại học Aix Marseille, Đại Sứ quán Pháp tại Việt Nam, Viện Pháp Việt Nam tại Huế, Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế. Hội thảo quốc tế về văn hóa và giáo dục lần thứ II (ICCE 2021) với chủ đề: “Giáo dục Tân học ở Đông Á và Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX” (11/2021) (Trường ĐHSP, ĐHH phối hợp với Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh, Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên, Đại Sứ quán Pháp tại Việt Nam, Viện Pháp Việt Nam tại Huế, Viện Nghiên cứu châu Á thuộc Đại học Aix Marseille (Pháp) và Tổ chức The HEAD Foundation (Singapore), với sự tài trợ của Quỹ Đổi mới Sáng tạo của Viện Nghiên cứu Dữ liệu lớn thuộc Tập đoàn Vin Group.

Trong năm 2022, Khoa Lịch sử tiếp tục phối hợp với các đơn vị khác trong Trường tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế văn hoá, giáo dục lần thứ 3 - ICCE 2022: “Giao lưu văn hóa, giáo dục Pháp - Việt - Nhật: Lịch sử và phát triển” (Trường ĐHSP, ĐHH chủ trì, phối hợp với Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh, Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên, Đại Sứ quán Pháp tại Việt Nam, Viện Pháp Việt Nam tại Huế, Viện Nghiên cứu châu Á, Đại học Aix Marseille (Pháp) và Tổ

chức The HEAD Foundation, Singapore với sự tài trợ của Quỹ Đổi mới sáng tạo của Tập đoàn Vingroup và Trung tâm giao lưu văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam).

Khoa Lịch sử là 1 trong 3 khoa của Trường ĐHSP, ĐHH tham gia hợp tác đào tạo, NCKH với Đại học Aix Marseille (Pháp). Đây là chương trình trao đổi SV ở bậc Cử nhân, Thạc sĩ và TS.

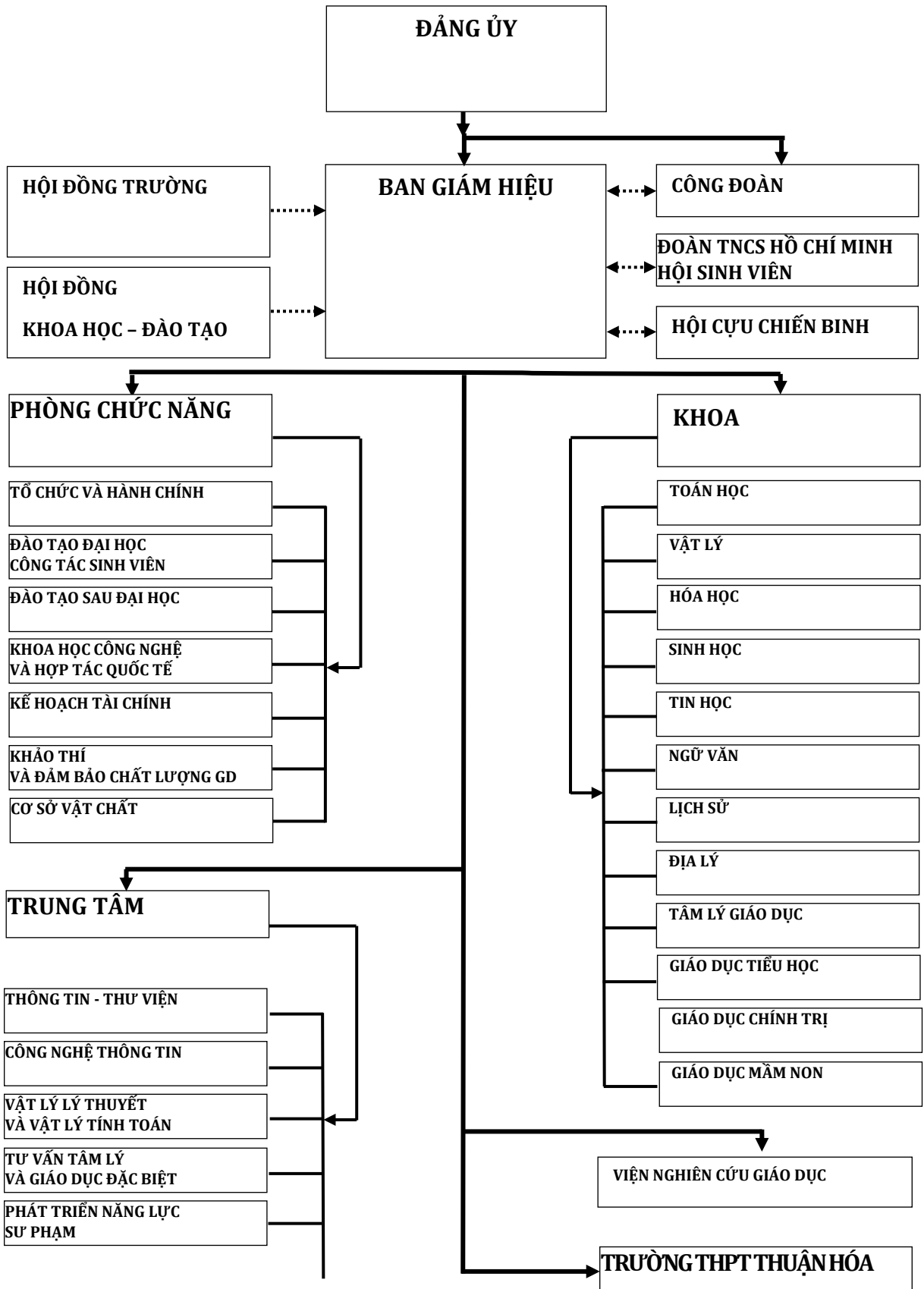
Với những thành tựu đã đạt được, Khoa Lịch sử vinh dự được Bộ GD&ĐT, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tặng Cờ Thi đua và nhiều bằng khen. Nhiều GV được tặng Huy chương “Vì sự nghiệp giáo dục”, Huân chương Lao động hạng Ba, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Công đoàn Giáo dục Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên và Thừa Thiên Huế với 3 huân chương, 52 bằng khen các cấp. Nhiều GV được công nhận là Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đại biểu Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Thừa Thiên Huế, 04 GV vinh dự được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú.

Với chặng đường 65 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP, ĐHH đã được xã hội thừa nhận là một trong những địa chỉ tin cậy trong sự nghiệp đào tạo Cử nhân, Thạc sĩ, TS sử học, phục vụ cho sự nghiệp đổi mới GD&ĐT của nước nhà.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

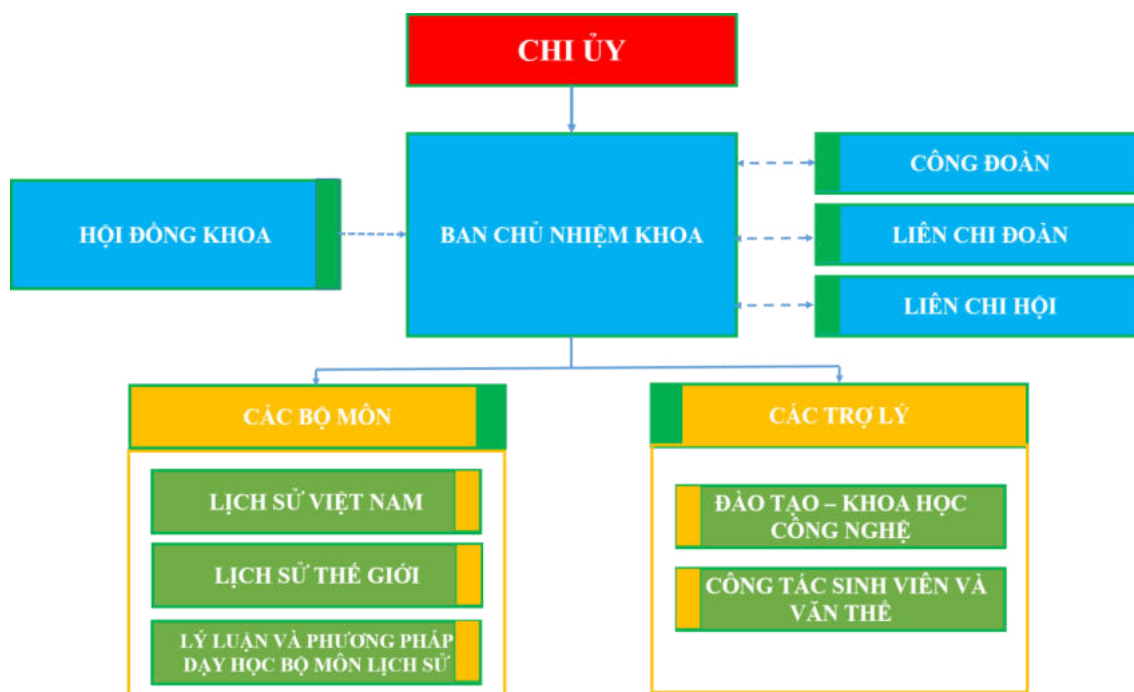
23.1. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA TRƯỜNG



23.2. Cơ cấu tổ chức đơn vị thực hiện CTĐT

Sơ đồ tổ chức của Khoa Lịch sử



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách CB lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

Ban Lãnh đạo Trường						
STT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Ban Giám hiệu	Lê Anh Phương	1974	PGS. TS, Hiệu trưởng	0903572345	leanhphuong@dhsp.hue.edu.vn
2	Ban Giám hiệu	Nguyễn Thành Nhân	1970	PGS. TS, Phó Hiệu trưởng	0914007202	nguyenthannhan@dhsphue.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I	Ban Lãnh đạo Khoa/ Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Ban Chủ nhiệm	Nguyễn Thành Nhân	1970	PGS. TS, Trưởng Khoa	0914007202	nguyenthannhan@dhsphue.edu.vn
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Hội					
1.	Chi bộ	Nguyễn Tất Thắng	1977	PGS.TS Bí thư Chi bộ	0914025002	nguyentatthang@dhsphue.edu.vn
2.	Công đoàn	Hoàng Chí Hiếu	1979	PGS.TS Chủ	091960478	hoangchihieu@dhsp.hue.edu.vn

	bộ phận			tịch công đoàn	1	hue.edu.vn
3.	Liên Chi đoàn	Dương Thị Thiên An	2001	Sinh viên, Bí thư Liên Chi đoàn	0966150556	ienphuthuy@gmail.com
III. Các phòng, ban						
IV. Các bộ môn						
1.	Lịch sử thế giới	Bùi Thị Thảo	1979	PGS.TS Trưởng bộ môn	0905971045	buihithao@dhsphue.edu.vn
2.	Lịch sử Việt Nam	Nguyễn Tất Thắng	1977	PGS.TS Trưởng bộ môn	0914025002	nguyentatthang@dhsphue.edu.vn
3.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử	Nguyễn Đức Cường	1968	TS.GVC Trưởng bộ môn	0983439750	nguyenduccuong@dhsphue.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ: 01

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ: 03

28. Số lượng ngành đào tạo Đại học: 02

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng):

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

32. Tổng số các ngành đào tạo: 06

IV. CB quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng CBQL, GV và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	8	6	14
I.1	Đội ngũ trong biên chế	8	6	14
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	5	0	5
	Tổng số			

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CBQL		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	7	6	0	1	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	5	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	1	1	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	13				0	0

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 13 người

Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu: 13/14 (93%)

1 Đội ngũ cơ hữu là CBQL, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

2. Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các HP, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

3Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 45 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 12/13 (92%)

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 1/13 (8%)

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	7,6 %	69%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	23%	7,6 %
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	31 %	7,6%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	31 %	7,6 %
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	7,6 %	7,6 %
Tổng		100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và NCS

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2017-2018		120		56	18,75/30		0
2018-2019		11		6	22/30		0
2019-2020		20		10	18/30		0
2020-2021		36		12	18,5/30		0
2021-2022		31		31	19/30 18/30		0
2022-2023		45		30	25/30		0

39. Thống kê, phân loại số lượng NH theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	3	1
2. Học viên cao học	9	4	7	17	20
3. SVđại học	352	258	157	277	300
Trong đó:					
Hệ chính quy	321	204	113	67	56
Hệ không chính quy	31	54	42	210	244
4. SVcao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...	0	0	0	0	0

40. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỉ lệ (%) trên tổng số NH	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số NH có nhu cầu:

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	40	40	40	40	40	40
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)						
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	0	0	0	0	1	2
4. Tỉ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	9	9	9	9	9	9

42. Số lượng (người) và Tỷ lệ (%) NH của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	0	1	2	8	6
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	0	0,5	1,8	12	11

43. Thống kê số lượng NH của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2017	2018	2019	2020	2021	2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	2	2	2	-	6	-
2. Học viên tốt nghiệp cao học	17	18	09	03	05	-
3. SV tốt nghiệp đại học Trong đó:						
Hệ chính quy	93	87	78	34	27	4
Hệ không chính quy						
4. SV tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:						
Hệ chính quy						
Hệ không chính quy						
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:						
Hệ chính quy						
Hệ không chính quy						
6. Khác...						

(Tính cả những NH đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2017	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng NH tốt nghiệp (người).	93	87	78	34	27	4
2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	-	60	54,5	23,7	60,7	66,7
3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. CSGD /Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. CSGD /Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này						

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2017	2018	2019	2020	2021	2022
→ điền các thông tin dưới đây:						
3.1. Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	20,44	23,36	48,98	52,41	66,23
3.2. Tỷ lệ NH trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	78,47	72,46	47,00	36,17	33,77
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	1,09	4,18	4,02	3,08	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. CSGD /Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. CSGD /Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:						
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	10,7	19,5	20,5	58,8	40,7	Chưa khảo sát
4.2. Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%).	89,3	80,5	79,5	41,2	59,3	Chưa khảo sát
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm.						
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. CSGD /Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. CSGD /Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:						
5.1. Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).						
5.2. Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu						

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2017	2018	2019	2020	2021	2022
cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).						
5.3. Tỷ lệ NH phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).						

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	2	3	2	1		8
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	1	1	2	1	3,5
	Tổng							11,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

Tổng số đề tài quy đổi: 11,5

Tỉ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 11,5/13 (0,89)

45. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỉ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỉ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2018	0	0	0
2	2019	0	0	0
3	2020	0	0	0
4	2021	0	0	0
5	2022	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng CB tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	8	7	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số CB tham gia				

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số*	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Sách chuyên khảo	2,0	1	1	0	3	2	14
2	Sách giáo trình	1,5	0	3	0	0	1	6
3	Sách tham khảo	1,0	0	4	4	4	3	15
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		1	4	4	7	6	35

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 35

Tỉ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: 35/13 (2,69)

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng CB cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	6	4	5	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	2	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số CB tham gia				

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	1	0	9	2	18
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	21	20	19	25	13	98
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1	2	5	0	0	4
	Tổng		22	23	24	34	15	120

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 120

Tỉ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: 120/13 (9,2)

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	3	6
Từ 6 đến 10 bài báo	1	4	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	3	0
Trên 15 bài báo	0	1	0
Tổng số CB tham gia	5	11	6

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	4	7	16	3	31
2	Hội thảo trong nước	0,5	4	5	2	6	5	11
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
	Tổng		5	9	9	22	8	42

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 42

Tỉ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: 42/13 (3,23)

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	11	7	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số CB tham gia	11	7	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng NH của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			17	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số NH tham gia			17	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thông kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	1	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	2	1	2	1	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của CSGD (tính bằng m²): 187.000

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 187.000

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 8.209; Nơi học: 25.345; Nơi vui chơi giải trí: 7.522

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 9.701.

- Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: $9.701/269 = 36,06$

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thư viện và Tri thức số: 2.163 nhan đề/8.483 quyển.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 643 đầu sách.

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 1

- Dùng cho NH học tập: 240

Tỷ số số máy tính dùng cho NH / NH chính quy: $240/296 = 0,81$

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số GV cơ hữu (người): 13

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu (%): 93%

Tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 92 %

Tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 8%

2. Người học:

Tổng số NH chính quy (người): 73 (thời điểm tháng 12/2022)

Tỉ số NH chính quy trên giảng viên: 73/13 (5,6)

Tỉ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 66,7 (thời điểm 6/2022)

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỉ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 66,23 (thời điểm tháng 6/2022)

Tỉ lệ NH trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 33,77 (thời điểm tháng 6/2022)

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỉ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 40,7

Tỉ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%): 59,3

Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (triệu VNĐ): 5,5

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỉ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Tỉ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỉ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,89

Tỉ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu: 0

Tỉ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: 2,69

Tỉ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: 9,2

Tỉ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: 3,23

7. Cơ sở vật chất:

Tỉ số máy tính dùng cho NH trên người học chính quy: 0,81

Tỉ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 36,06

Tỉ số diện tích ký túc xá trên NH chính quy:

PHỤ LỤC 2

**QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ, BAN THƯ KÝ,
CÁC NHÓM CÔNG TÁC VIẾT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Số: ~~498~~ /QĐ-DHSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 07 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh danh sách Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐĐH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HDT ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 - 2025 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Quyền Trưởng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục và Trường Phòng Tổ chức và Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh danh sách Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế được thành lập theo Quyết định số 1663/QĐ-DHSP ngày 14/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế: (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, Trưởng Phòng Tổ chức và Hành chính, Quyền Trưởng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục; Phó trưởng Khoa phụ trách Khoa Lịch sử; trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*LS*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TC&HC.

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Ninh

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 449/QĐ-ĐHSP ngày 03 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Ông Nguyễn Thành Nhân	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2.	Ông Hoàng Chi Hiếu	PTK PT Khoa Lịch sử	PCT Hội đồng
3.	Ông Nguyễn Hồng Quốc	Q.TP KT&BDCLGD	Ủy viên thường trực
4.	Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	TP ĐTDH&CTSV	Ủy viên
5.	Ông Lê Hồ Sơn	TP TC&HC	Ủy viên
6.	Bà Đặng Thị Thùy Vân	Kế toán trưởng	Ủy viên
7.	Ông Hà Việt Hải	TP KHCN&HTQT	Ủy viên
8.	Ông Hoàng Phi Hải	Bí thư Đoàn TNCSHCM	Ủy viên
9.	Bà Lê Thị Hồng Hạnh	Phụ trách TT TV&TTS	Ủy viên
10.	Ông Nguyễn Hà Đông	GD TT CNTT&CĐS	Ủy viên
11.	Ông Nguyễn Tất Thắng	Trưởng Bộ môn	Ủy viên
12.	Bà Bùi Thị Thảo	Trưởng Bộ môn	Ủy viên
13.	Ông Nguyễn Đức Cường	Trưởng Bộ môn	Ủy viên
14.	Bà Trần Thị Hải Lê	Đại diện Giảng viên	Ủy viên
15.	SV Huỳnh Tô Minh Châu	Đại diện SV	Ủy viên

Danh sách gồm 15 người / *U*

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1663 /QĐ-ĐHSP ngày 14 tháng 9, năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Ông Nguyễn Tất Thắng	Trưởng Bộ môn	Trưởng ban
2.	Bà Bùi Thị Thảo	Trưởng Bộ môn	Ủy viên
3.	Ông Nguyễn Đức Cường	Trưởng Bộ môn	Ủy viên
4.	Bà Lê Nguyễn Tường Tú	Trợ lý CTSV-VT	Ủy viên
5.	Ông Lê Thành Nam	Trợ lý Đào tạo – KHCN	Ủy viên
6.	Ông Phan Thanh Lâm	CV P.TC&HC	Ủy viên
7.	Bà Hoàng Thị Hồng Cảnh	CV P.ĐTĐH&CTSV	Ủy viên
8.	Ông Dương Ngọc Tường	CV P. KH&TC	Ủy viên
9.	Ông Trương Thế Quy	PTP. ĐTĐH&CTSV	Ủy viên
10.	Ông Nguyễn Trung Dũng	PTP. CSVC	Ủy viên
11.	Ông Nguyễn Việt Dũng	CV P. KHCN&HTQT	Ủy viên
12.	Bà Lê Thụy Phương Oanh	PGĐ TT. TT&TV	Ủy viên
13.	Ông Đặng Hải Pháp	CV P. KT&BĐCLGD	Ủy viên
14.	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	CV P. KT&BĐCLGD	Ủy viên

Danh sách gồm 14 người. /

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1663/QĐ-ĐHSP ngày 14 tháng 9 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

Nhóm công tác	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: TC 1: Mục tiêu và CDR của CTĐT (3) TC 10: Nâng cao chất lượng (6)	1. Bà Trần Thị Hải Lê	Giảng viên	Trưởng nhóm
	2. Ông Lê Thành Nam	Trợ lý ĐT - KHCN	Thư ký
	3. Ông Hoàng Chí Hiếu	Giảng viên	Ủy viên
	4. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	CV P. KT&BĐCLGD	Ủy viên
Nhóm 2: TC 2: Bản mô tả CTĐT (3) TC 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3)	1. Bà Bùi Thị Thảo	Trưởng bộ môn	Trưởng nhóm
	2. Bà Trần Thị Hải Lê	Giảng viên	Thư ký
	3. Bà Trần Thị Quế Châu	Giảng viên	Ủy viên
	4. Bà Hoàng Thị Hồng Cảnh	CV P.ĐTĐH&CTSV	Ủy viên
Nhóm 3: TC 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học (3) TC 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học (5)	1. Ông Nguyễn Đức Cường	Trưởng bộ môn	Trưởng nhóm
	2. Bà Trần Thị Hải Lê	Giảng viên	Thư ký
	3. Ông Nguyễn Tuấn Bình	Giảng viên	Ủy viên
	4. Ông Trương Thế Quy	PTP. ĐTĐH&CTSV	Ủy viên
Nhóm 4: TC 5: Đánh giá kết quả học tập của người học (5) TC 11: Kết quả đầu ra (5)	1. Ông Hoàng Chí Hiếu	Giảng viên	Trưởng nhóm
	2. Bà Lê Thị Hoài Thanh	Giảng viên	Thư ký
	3. Ông Nguyễn Tất Thắng	Trưởng bộ môn	Ủy viên
	4. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	CV P. KT&BĐCLGD	Ủy viên
Nhóm 5: TC 6: Đội ngũ GV, NCV (7) TC 7: Đội ngũ nhân viên (5)	1. Ông Đặng Văn Chương	Giảng viên	Trưởng nhóm
	2. Bà Lê Thị Quí Đức	Giảng viên	Thư ký
	3. Ông Nguyễn Tuấn Bình	Giảng viên	Ủy viên
	4. Ông Phan Thanh Lâm	CV P.TC&HC	Ủy viên
Nhóm 6: TC 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị (5)	1. Ông Nguyễn Tất Thắng	Trưởng bộ môn	Trưởng nhóm
	2. Bà Trần Thị Quế Châu	Giảng viên	Thư ký
	3. Bà Lê Thụy Phương Oanh	PGĐ TT. TI&TV	Ủy viên
	4. Ông Nguyễn Trung Dũng	PTP. CSVC	Ủy viên
Viết: Phần mở đầu, kết luận, Phụ lục	1. Ông Trương Công Huỳnh Kỳ	Giảng viên	Trưởng nhóm
	2. Bà Lê Thị Quí Đức	Giảng viên	Thư ký



7a; Kết nối: Biên tập phần báo cáo, phần minh chứng	3. Ông Nguyễn Đức Cường	Trưởng bộ môn	Ủy viên
	4. Bà Bùi Thị Thảo	Trưởng bộ môn	Ủy viên
Phụ lục 8: Cơ sở dữ liệu KDCL CTĐT	1. Ông Lê Thành Nam	Trợ lý ĐT-KHCN	Trưởng nhóm
	2. Bà Trần Thị Hải Lê	Giảng viên	Thư ký
	3. Bà Lê Nguyễn Tường Tú	Trợ lý CTSV-VT	Ủy viên
	4. Bà Lê Thị Hoài Thanh	Giảng viên	Ủy viên

(Danh sách có 18 người) ✓



KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1684/KH-DHSP

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

06 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: SƯ PHẠM LỊCH SỬ, SƯ PHẠM SINH HỌC, SƯ PHẠM TIN HỌC, SƯ PHẠM VẬT LÝ, TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC, GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

I. Mục đích tự đánh giá

- Tự đánh giá (TDG) theo bộ tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) tạo sẽ được thực hiện cho 06 chương trình đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Sư phạm, bao gồm: Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Tin học, Sư phạm Vật lý, Tâm lý học Giáo dục, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, được thực hiện từ tháng 08/2022 đến tháng 12/2022 nhằm chuẩn hóa chương trình, thúc đẩy hội nhập, nâng cao uy tín của Nhà trường trong hoạt động đào tạo.

- TDG CTĐT sẽ giúp các khoa nhìn nhận điểm mạnh, điểm còn hạn chế của các CTĐT, từ đó xây dựng kế hoạch phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế nhằm nâng cao chất lượng CTĐT.

- Mục tiêu đạt được đến hết tháng 01 năm 2023, 06 chương trình trên hoàn thành tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá 06 chương trình đào tạo trình độ đại học, bao gồm: Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Tin học, Sư phạm Vật lý, Tâm lý học Giáo dục, Giáo dục Quốc phòng - An ninh trong giai đoạn 2018 – 2022 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và tài liệu hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý Chất lượng - Bộ GD&ĐT.

IV. Quy trình tự đánh giá

- Bước 1: Xác định mục tiêu, phạm vi, bộ công cụ để tự đánh giá;
- Bước 2: Thành lập Hội đồng, các nhóm chuyên trách;
- Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá;
- Bước 4: Triển khai tập huấn;
- Bước 5: Thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 6: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 7: Tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 8: Thông qua báo cáo trước Hội đồng tự đánh giá và các bên liên quan;
- Bước 9: Triển khai các hoạt động cải tiến chương trình;
- Bước 10: Thẩm định báo cáo tự đánh giá;

- Bước 11: Lựa chọn đơn vị đánh giá ngoài;
- Bước 12: Triển khai đánh giá ngoài.

V. Kế hoạch thực hiện

Thời gian thực hiện tự đánh giá theo lịch trình tham khảo sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 – 2 (Từ ngày 04/09/2022 đến ngày 17/09/2022)	1. Họp Ban Giám hiệu và các lãnh đạo Khoa của 06 CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng, Thư ký Hội đồng, các thành viên nhóm Chuyên trách; - Dự thảo kế hoạch triển khai tự đánh giá chung cho 03 CTĐT.
Tuần 3 - 4 (Từ ngày 18/09/2022 đến ngày 01/10/2022)	1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan; 2. Tập huấn về quy trình tự đánh giá, cách viết báo cáo TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT cho các khoa. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> - Bản kế hoạch tự đánh giá, - Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của các Khoa thực hiện CTĐT). 4. Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành Kế hoạch tự đánh giá CTĐT;
Tuần 5 – 8 (Từ ngày 02/10/2022 đến ngày 29/10/2022)	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.



Thời gian	Các hoạt động
Tuần 9 – 15 (Từ ngày 30/10/2022 đến ngày 17/12/2022)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí, tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết) trực tiếp trên hệ thống Bảo đảm chất lượng của Trường. 2. Trưởng các nhóm chuyên trách giám sát và góp ý chỉnh sửa trực tiếp cho nội dung của từng tiêu chí, tiêu chuẩn của nhóm phụ trách.
Tuần 16 (Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 24/12/2022)	<p>Hội đồng tự đánh giá:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo. 2. Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. 3. Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được. 4. Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung, chỉnh sửa. 5. Thụ ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 17-18 (Từ ngày 25/12/2022 đến ngày 07/01/2023)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-21 (Từ ngày 08/01/2023 đến ngày 28/01/2023)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ Trường và các Khoa thực hiện TĐG CTĐT. 2. Cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học,... đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo tự đánh giá. 3. Phòng KT&BDCLGD rà soát bản báo cáo tự đánh giá, đưa ra các khuyến nghị cần thiết và hoàn chỉnh dự thảo báo cáo.
Tuần 22-23 (Từ ngày 29/01/2023 đến ngày 11/02/2023)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG. 4. Gửi báo cáo TĐG CTĐT và công văn đề nghị thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo TĐG cấp ĐHH. <ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định báo cáo tự đánh giá cấp Đại học Huế - Hoàn chỉnh và công bố báo cáo TĐG lần cuối



Thời gian	Các hoạt động
Tuần 24 (Từ ngày 12/02/2023 đến ngày 18/02/2023)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Gửi các Báo cáo TDG và công văn đăng ký đánh giá ngoài cho Cục QLCL, Bộ GD&ĐT; 2. Xây dựng hồ sơ đấu thầu đơn vị đánh giá ngoài; 3. Triển khai kế hoạch đánh giá ngoài (Kế hoạch chi tiết được xây dựng sau khi có sự phản hồi của đơn vị đánh giá ngoài)

Trên đây là kế hoạch thực hiện triển khai chung cho 06 ngành đào tạo: Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Tin học, Sư phạm Vật lý, Tâm lý học Giáo dục, Giáo dục Quốc phòng - An ninh của các khoa: Lịch sử; Sinh học; Tin học; Vật lý; Tâm lý Giáo dục, Giáo dục Chính trị. Thông qua kế hoạch này đề nghị 06 khoa xây dựng kế hoạch chi tiết và triển khai công tác tự đánh giá theo đúng thời gian quy định.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Hội đồng tự đánh giá;
- Lưu: VT, KT&BDCLGD.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lê Anh Phương

